

*Đồng Tác Giả Với Tác Phẩm Bán Chạy Nhất
Jesus Freaks*

Nữ Anh Hùng Đức Tin

*Phụ nữ luôn có ý nghĩa quan trọng
trong công việc của Đấng Christ.*

*Nữ Anh Hùng Đức Tin mô tả thật sinh động
công tác của tám phụ nữ mà sứ mạng của họ là
tiếp tục nói cho thế giới biết Chúa Jêsus đã phục
sinh và kèm với sự phục sinh ấy còn có tình
yêu, ân điển và tha thứ.
Đừng bỏ qua sách này.*

MARY GRAHAM

Chủ Tịch Hội Women Of Faith

*Nữ Anh Hùng Đức Tin sẽ mang đến cho Quý Vị
những câu chuyện thật về những phụ nữ can
dảm, những nữ anh hùng đức tin, những đại
diện cho vô số phụ nữ đang gặp những hoàn
cảnh tương tự trên khắp thế giới. Những vai trò
gương mẫu của đức tin và lòng say mê này sẽ
thúc giục bạn theo đuổi Đấng Christ bằng trái
tim bừng cháy, bất luận phải trả giá nào.*

NỮ ANH HÙNG ĐỨC TIN

NỮ ANH HÙNG Đức Tin

*Tám Phụ Nữ trong
Hội Thánh Thần Lặng
và những câu chuyện về
Đức Tin Đắt Giá của họ.*

*Lời Mở Đầu của
Gracia Burnham*

Nöõ Anh Hung

Nöõc Tin

Copyright © 2003 *All rights reserved. No portion of this book may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted in any form or by any means – electronic, mechanical, photocopy, recording, or any other – except for brief quotation in printed reviews, without the prior permission of the publisher.*

Nếu không báo trước, các câu Kinh Thánh trong sách được trích từ bản The New King James Version (NKJV) bản quyền 1979, 1980, 1982, Thomas Nelson, Inc, Publishers.

Các câu Kinh Thánh khác trích từ King James Version of the Bible (KJV).

“Vì Jêsus Sống” Lời của William J. Gaither. Nhạc bởi William J. Gaither. Bản quyền 1971 William J. Gaither, Inc. Bản quyền của Gaither Copyright Management. Đã được phép sử dụng.

1. Christian women – Developing countries – Biography.
2. Persecution – Developing countries – History.
3. Christian biography – developing countries.

Muïc Lũc

<i>Lời Mở Đầu</i> của Gracia Burnham	v
<i>Lời Tri Ân</i>	vii
GIỚI THIỆU:	viii
Những Trái Tim Bùng Cháy Với Can Đảm Và Niềm Tin Quyết	
ADEL:	11
Ở Giữa Kinh Hoàng... Hy Vọng	
PURNIMA:	44
Một Thiếu Nhi Bị Tù, Một Linh Hồn Được Tự Do	
AIDA:	70
Tiếng Nói Cho Người Bị Đàn Áp	
SABINA:	97
Nhân Chứng Về Tình Yêu Của Đấng Christ	
TARA:	140
Cuộc Đời Luôn Chạy Trốn	
LING:	170
Trong Trường Chìu Khổ	
GLADYS:	204
Dây Cứu Sinh Của Sự Tha Thứ	
MAI:	226
Về Lại Việt Nam... Để Giảng Tin Lành	
<i>Chú Thích</i>	257

Mến tặng

Sabina Wurmbrand,

tiếng nói cho những người tuận đạo

Lời Mối Nài

Tôi thật tâm thường không đáng được mời viết lời mở đầu cho một tác phẩm như thế này. Tôi sẽ không bắt đầu bằng cách đặt mình đứng vào hàng ngũ của phụ nữ trung kiên này của đức tin.

Khi đọc những mẩu chuyện phi thường của họ về sự can đảm do Chúa ban, tôi có thể hòa mình với đa số những cảm xúc của họ. Suốt một năm (tháng 5-2001 - tháng 6-2002) chồng tôi là Martin – và tôi bị lưu đày cùng với những tên khủng bố Abu Sayyaf trong rừng rậm Phi Luật Tân, tôi cũng cảm thấy tuyệt vọng, muốn chết. Tôi không có nhà và đang chết đói, nhưng về phần tôi, tôi biết ngay khi được phóng thích, tôi sẽ trở về với cuộc sống tương đối dễ chịu của mình. Giờ đây tôi ngồi tại Mỹ trong căn nhà đẹp, thức ăn dư dật, và một nhóm người nâng đỡ – trong khi những phụ nữ này tiếp tục chịu gian khổ như những người lính giỏi của Đảng Christ.

Vì vậy khi đang tắm dưới làn nước nóng tuyệt vời, tôi cầu nguyện. Khi trang điểm và sửa tóc để chuẩn bị thuyết trình, tôi cầu nguyện. Khi đang chạy việc vặt cho con tôi, tôi cầu nguyện. Khi đi ngang bằng hiệu đầy khích lệ bên ngoài một nhà thờ, tôi cầu thay cho mọi người nào không có được “cơ sở hạ tầng” như tôi có. Cho những người đang chịu khổ vì tin Chúa Jêsus. Cho những người nghĩ họ hoàn toàn cô đơn một mình, thế nhưng vẫn trung tín với đức tin của họ.

Tôi cầu nguyện cho họ như những điều tôi đã cầu xin cho mình trong rừng sâu: “Lạy Chúa, xin cho họ cảm thấy Ngài gần gũi họ. Xin giúp họ vẫn trung tín khi hoàn cảnh cứ ngày càng trở nên xấu hơn. Xin cho họ nhìn thoáng thấy đức nhân lành của Ngài để họ biết họ không cô đơn. Và cuối cùng, con biết Ngài có mặt tại đó.”

Ồ, để mỗi người đọc sách này sẽ sẵn sàng phó thác mình cách mới mẻ để Chúa sử dụng chúng ta bất kể cách nào Ngài thấy thích hợp – dù điều đó đồng nghĩa với từ bỏ tự do và thoải mái. Có lẽ sẽ đến ngày chúng ta bị đánh đập và thậm chí bị giết chết vì làm môn đồ Đấng Christ. Nguyên chúng ta tiếp lấy sự can đảm từ những người nữ đơn sơ này.

Chúa sẽ không thử thách chúng ta vượt quá khả năng của chúng ta đâu. Kèm với việc thử thách, Ngài cũng mở một lối thoát (chu cấp mọi điều chúng ta cần) để chúng ta có thể chịu được. Tôi chọn tin Đức Chúa Trời, Đấng làm mọi việc tốt lành. Con người không làm được. Chúng ta đã làm rối tung thế giới xinh đẹp này. Nếu có điều gì tốt trong đời sống này, điều đó phải ra từ Chúa. Ngài có kế hoạch, và Ngài tể trị tối thượng. Chúng ta kiên nhẫn đợi thời điểm của Ngài, là lúc Ngài sẽ khiến mọi sự trở nên mới.

Trong khi chờ đến lúc đó, nguyện Ngài ban cho chúng ta ân điển để sống cho Ngài, như những người nữ này đang sống. Ngài xứng đáng được điều ấy.

- Gracia Burnham

New Tribes Mission

Tác giả của *In The Presence of My Enemies*

Khi chúng tôi lần đầu đảm nhiệm dự án này cho TNNTĐ, chúng tôi biết cần phải có một đội ngũ. Trước hết, chúng tôi cần những phụ nữ Cơ Đốc sẵn lòng chia sẻ những lời chứng của họ. Không có họ, sẽ không có quyển sách nào cả, và chúng tôi tỏ lòng tri ân chân tình đến với họ.

Mỗi chương (ngoại trừ chương về Sabina Wurmbrand) cũng đòi hỏi rất đông nhân sự có mặt tại hiện trường, và một số chương cần dịch giả. Hơn nửa số câu chuyện, phải sắp xếp những địa điểm bí mật và thực hiện những nghi thức an toàn. Khỏi cần nói, chúng tôi không thể nào thực hiện đề án này nếu không được trợ giúp của các nhân viên và nhân sự tại tận hiện trường. Vì bao nguy hiểm hiện nay, không thể nêu tên hầu hết những nhân sự này. Nhưng chúng tôi ước ao gởi lời cảm ơn hết thảy những người đã giúp đỡ tại mỗi quốc gia chúng tôi đến.

Chúng tôi cũng đặc biệt cảm ơn giám đốc của TNNTĐ, người đã giúp hướng dẫn tiến trình sáng tạo này và dự phần thu thập những câu chuyện về Aida và Mai. Sự lãnh đạo và khái tượng của ông trong việc lên tiếng bình vực Hội Thánh bị bắt bớ ngày nay vẫn tiếp tục tỏ ra vô giá khi thực hiện những nguồn cung ứng như thế.

Để giúp trước tác và biên tập, có Todd Nettleton và Sue Ann Jones. Hai bạn đã giúp đỡ thật nhiều. Chân thành cảm ơn các bạn.

Không phải luôn luôn dễ đi vào đằng sau những dự án đối đầu với sự bắt bớ và một số thực tại khắc nghiệt hơn của đức tin chúng ta. Nhưng Greg Daniel và đội ngũ ở W Publishing Group một lần nữa chứng tỏ lòng tận tụy của họ để đưa những câu chuyện phi thường về tính can đảm và kiên cường này lên tuyến đầu. Cảm ơn các bạn đã khiến cho tác phẩm *Nữ Anh Hùng Đức Tin* trở nên sống động.

Và đặc biệt cảm ơn hai con của chúng tôi, là Jordan và Elena, những người đã hào hiệp “từ bỏ” Ba Mẹ biết bao đêm và ngày nghỉ cuối tuần, và trong những chuyến đi ra hải ngoại của chúng tôi. Chúng tôi cầu nguyện để những câu chuyện sẽ tiếp tục trở thành một phần trong nền tảng đức tin của chính bạn.

- STEVE & GINNY CLEARY

Những Tấm Lòng Bùng Cháy Với Can Đảm Và Niềm Tin Quyết

Bị Bắt Cóc. Bị Đánh Đập. Bị Bỏ Tù. Tại nhiều nơi trên thế giới ngày nay, những từ ngữ này đồng nghĩa với việc làm Cơ Đốc nhân. Và đối với những phụ nữ Cơ Đốc tại những vùng này lại còn thêm một thách thức khác nữa: vết ô nhơ xã hội của việc bị xem như tầng lớp hạ đẳng, không xứng đáng làm lãnh đạo, dưới quyền kiểm soát và dẫn dắt của người nam.

Nữ Anh Hùng Đức Tin là câu chuyện về tám người nữ đầu ở trong những hoàn cảnh như thế, họ vẫn tỏ ra can đảm, tin quyết và yêu mến Chúa Jêsus Christ và Hội Thánh Ngài cách phi thường. Trong những khung cảnh hà khắc nhất, họ đã trở thành lãnh đạo với sự dạn dĩ và kiên cường phi thường, không chịu rút lui khỏi những nhu cầu và cơ hội đã thách thức họ. Mía mai thay, chỉ trong hoạn nạn họ mới có quyền bình đẳng với những người nam tương ứng với họ; trong một số trường hợp, họ chịu khổ còn thậm tệ hơn.

Khi lần đầu tiên nghĩ đến quyển sách làm chứng về những phụ nữ Cơ Đốc chịu bắt bớ vì đức tin của họ, chúng tôi gặp vô số thách thức. Trước hết, chúng tôi muốn có những lời chứng càng đương đại càng tốt. Điều này đòi hỏi phải đi đến mỗi quốc gia nơi những người nữ này hiện đang cư trú, và đa số trường hợp, họ vẫn đang gặp nguy hiểm khinh khiếp. Chúng tôi cũng muốn nêu tấm gương của những người nữ không chỉ đối diện với những lúc đang chịu khổ riêng cá nhân mình, nhưng cũng là người bày tỏ những phẩm chất lãnh đạo trong chức vụ. Cuối cùng, ngoài những câu chuyện đầy kịch tính về đau thương và tra tấn. Chúng tôi muốn phác họa những tấm gương đầy cảm hứng về những hy vọng vững vàng và về phương cách mà những người nữ này – ngay cả trong những nơi tối tăm nhất – đã tìm nhiều cách để tình yêu của Đấng Christ chiếu sáng qua họ.

Điều quan trọng cần thấy là những người nữ được nêu bật trong *Nữ Anh Hùng Đức Tin* chỉ là tấm gương nhỏ bé về vô số phụ nữ trên thế giới đang gặp những tình huống tương tự. Chúng tôi đã chọn những người nữ đại diện cho rất nhiều vùng khác nhau, nơi đó Cơ Đốc nhân đang bị bắt bớ, và chúng tôi chọn những người mà mình có thể thu xếp để gặp riêng họ. Những người được chúng tôi phỏng vấn thường bảo chúng tôi rằng người khác sẽ là ứng viên tốt hơn với những câu chuyện phi thường hơn. Không ai muốn mình được chú ý như tấm gương độc nhất vô nhị về chủ nghĩa anh hùng Cơ Đốc.

Những câu chuyện này hợp thành tính đa dạng phi thường. Tuy vài người phải ở nhiều năm trong cảnh tù, những người khác không hề bị phụ tù lưu đày gì cả, nhưng chịu bao gian khổ khác. Tuổi của họ rất khác nhau, và rất nhiều bối cảnh khác nhau, từ Cơ Đốc đến Hồi Giáo, Hindu giáo hoặc vô thần. Những điểm tương đồng lại càng lạ lùng hơn nữa: sự thôi thúc sâu kín và niềm tin quyết mạnh mẽ đã thúc đẩy mỗi người nữ vượt ra khỏi những kỳ vọng của con người và những yếu đuối của con người.

Chúng tôi cầu nguyện để bạn đọc xong *Nữ Anh Hùng Đức Tin* sẽ buông sách xuống với niềm tin quyết sâu nhiệm hơn và có phương hướng vững vàng hơn để giải quyết những khó khăn trong đời sống. Nếu bạn chỉ sửng sốt trước những lời chứng không tưởng nổi này, chúng tôi đã thất bại. Nếu bạn có thể tìm thấy trong chính đời sống mình những điểm tương tự với một hoặc nhiều lời chứng ở đây, và nếu bạn có thể nhận được sức mạnh từ những tấm gương can đảm phi thường ấy, chúng tôi đã thành công, và những phụ nữ rất rộng lượng chia sẻ câu chuyện của họ với bạn cũng thành công như vậy.

Khi mới đảm nhận dự án này, chúng tôi dự định đưa vào phần suy gẫm tĩnh nguyện ngắn ở cuối mỗi chương. Tuy nhiên, sau khi biên tập các câu chuyện, chúng tôi nhận thấy không cần như thế. Gói ghém trong mỗi lời chứng là những viên ngọc quý của đức tin và lòng dũng cảm. Chúng tôi tin những phẩm chất này sẽ thấp sáng tia lửa trong đời sống của quý vị khi quý vị kinh nghiệm *Nữ Anh Hùng Đức Tin*.

TNNTĐ

ADEL:

Ôi Giöa Kinh Hoang... Hy Vöng

Indonesia

Năm giờ chiều, thứ Hai, ngày 10 tháng Giêng, 2000

Dưới bóng cây cọ đứng đờ, Adel tập trung các em thiếu nhi lại, khoảng chừng năm mươi em. Nàng cất giọng hát “Tinh Bình Jêsus Tiến Lên.” Nàng có thể thấy nỗi sợ trong mắt các em khi các em cùng hát.

Một em la lên: “Con không muốn chết!” Đứa bé chưa đầy mười tuổi.

“Chúng ta sẽ không chết đâu. Đến đây, cùng vỗ tay với chúng ta.” Adel rướn người tới phía cậu bé, nói thẳng vào tai cậu để át tiếng của cả bọn trẻ con.

Đứa bé sợ sệt kia miễn cưỡng gia nhập. Chúng hát một bài khác, một lần nữa vỗ tay đôi tay run rẩy của chúng. Adel cố gắng át tiếng la – những tiếng hét và kinh hoàng – đang lan lên sườn đồi từ một đám bên dưới.

Nàng biết mình phải giữ cho đám trẻ đừng khóc, đặc biệt những đứa lớn tuổi hơn. Nếu một đứa bắt đầu hét lên, thì cả đám sẽ la hoảng lên. Adel khâm phục lòng can đảm của chúng. Ngay cả những cha mẹ đang ngồi túm tụm thành nhóm nhỏ quanh các em dường như cũng được tiếp thêm sức mạnh từ những đứa con can đảm của họ.

Khi bài hát vang lên tiếp tục, Adel nhìn chăm đám trẻ đang tụ tập rồi nhìn chăm vào hai đứa con của nàng. Christina lên chín, và Christiano lên bảy. Adel có thể dũng cảm, nàng tự trấn an; nàng có thể dũng cảm vì những đứa trẻ của nàng – tất cả bọn trẻ này. Lòng tin của nàng đậm rể vững vàng nơi Đấng Christ. Dầu vậy, nàng lo lắng về chúng – đặc biệt Christiano, “Anto” bé nhỏ của nàng. Nó còn quá nhỏ, và quá nhỏ so với tuổi của nó nữa.

Adel thầm cầu nguyện Chúa bảo vệ và lần nữa cảm ơn Ngài vì đã túm được quyển Kinh Thánh trước khi chạy khỏi nhà. Giờ đây nàng mở Kinh Thánh ra, cẩn thận lật từng trang mòn vẹt đến phân đoạn quen thuộc, rồi đọc lớn: “Tôi làm được mọi sự nhờ Đấng ban thêm sức cho

tôi.”¹ Rồi Adel lật nhanh đến cuối Kinh Thánh, nơi in rất nhiều bài hát, rồi hướng dẫn bọn trẻ hợp ca một bài nữa.

Đang khi hát, một số em bắt đầu rên đói và khát. Chúng đã ở trên đồi từ hồi giữa trưa, và giờ đây mặt trời hoàng hôn chiếu rắng vàng sinh động trên nền trời. Những buổi hoàng hôn rất đẹp ở đây trên hòn đảo nhỏ Dodi của Indonesia. Nhưng hôm nay ánh hoàng hôn là khúc dạo đầu báo điềm gở cho bóng tối sắp ập xuống làng của họ.

Thình lình, tiếng la của Methu xé toang tiếng hát của đám trẻ. “Adel! chạy đi! Chạy đi!” Adel chạy ủa ra mép đồi, cố căng mắt nhìn trong ánh chiều tàn. Nàng hầu như không nhìn rõ bóng những người đàn ông đang trèo lên chân dốc. Tiếng của Methu lại vang lên. “Adel, đưa bọn trẻ đi! Em phải chạy vào rừng ngay.” Thay vì vậy, Adel lại đứng bất động, chờ người ra trước tiếng lửa kêu lộp bộp đang lan từ sườn đồi lên đang khi lửa bốc cao lên nền trời đang tối dần. *Họ đã đốt cả làng.* Mọi ngôi nhà sẽ cháy trụi, nàng biết chắc như vậy, kể cả nhà mình.

Nàng đau đớn về điều phải chọn. Nàng nên giúp Methu khi anh chạy lên trên bờ đá, hay nên chạy đến với bọn trẻ của nàng? Mọi chuyện diễn ra rất nhanh. Cũng giống y như cả đời người có thể trôi qua trong ký ức nàng chỉ trong một khoảnh khắc, cả quá khứ lẫn tương lai của Adel giờ đây cùng giao nhau trong trí nàng. Hai đứa con tuyệt vời... người chồng yêu dấu... cuộc đời tuyệt đẹp.

Nàng quay sang bọn trẻ, rồi liếc nhìn Methu lần cuối. Và chính trong khoảnh khắc đó, nàng nhớ lại chàng trai mười bảy tuổi táo bạo, không mời mà đến, người đã ngoan cố ngồi tại ghế đi vắng của nhà mẹ nàng...

“GIỜ ĐÂY, CHỈ CÓ CHÚA MỚI PHÂN RẼ ĐƯỢC HAI CON”

Tháng Bảy 1989

“Mẹ ơi, trông anh chàng như con khỉ!” Adel rít lên, từ sau cửa phòng ăn nhìn trộm chàng trai đang ngồi chờ trong phòng khách.

Mẹ nàng chẳng có chút ấn tượng nào. Có lẽ Adel còn quá nhỏ chưa lấy chồng được, nhưng nàng vẫn có thể tỏ ra chút tôn trọng lòng cương quyết không ngơi của chàng trai.

Mỗi ngày chàng đều đến nhà họ vào cùng khoảng thời gian đó. Adel không biết nàng cảm thấy vinh dự hay bực bội khi mỗi ngày, Methu rất

tự tin ngồi trên đi văng lập lại cùng một yêu cầu. Thật sự, Adel đã trả lời rất nhiều lần, nhưng Methu hoặc không chịu chấp nhận câu trả lời của nàng, hoặc chỉ giả vờ như không nghe.

“Em chưa muốn cưới chồng. Em còn nhỏ lắm. Và nếu có muốn cưới chồng, em không muốn cưới *anh!*” Adel khẳng khái. Nàng cũng mười bảy tuổi, và vẻ đẹp vừa mới nảy nở. Nhưng nàng không thích bắt đầu quan hệ – dẫu nàng đương nhiên có rất nhiều cơ hội.

Methu chẳng tranh cãi cũng chẳng mích lòng trước những nhận định nông nổi của nàng. Anh chỉ ngồi đó kiên nhẫn giải thích lại cho Adel rằng nàng sẽ là vợ anh. “Đấy là kế hoạch của Chúa. Cho dù em nghĩ tôi trông giống con khỉ.”

Adel cười khúc khích khi hiểu lời gợi ý trong nụ cười của mẹ. Không chút nao núng, Methu hỏi lần nữa: “VẬY, em chịu cưới tôi không?” Biết rằng trả lời cũng chẳng đúng lý, nên Adel cứ ngồi đó, tự hỏi sao anh chàng không chịu đi cho rồi. Cuối cùng, Methu đứng dậy ra về, nhưng trước khi đi, cởi chiếc áo sơ mi ngoài, xếp ngay ngắn, rồi đặt trên đùi nàng. Anh nói: “Này, em không trả lời tôi, nên chiếc áo sơ mi của tôi sẽ chờ câu trả lời trong khi tôi vắng mặt.”

Adel không khỏi hãnh diện trước cử chỉ trẻ trung nhưng thật lòng của chàng trai. Có lẽ anh cũng không tệ lắm...

Ba tháng sau, Adel và Methu cưới nhau.

Đấy là đám cưới truyền thống theo phong tục địa phương. Đám cưới bắt đầu sớm vào một buổi trưa tháng Mười tươi sáng, kéo dài đến tận khuya. Hai bữa ăn đầy đủ được đãi cả làng khi họ đến chứng kiến biến cố vui mừng. Mọi chuyện thoáng qua như chớp khi Adel chống chọi với những đợt lo sợ, một lần nữa sợ mình quá nhỏ và cưới chồng là một sai lầm khủng khiếp. Nàng là người đầu tiên trong bảy chị em kết hôn; làm sao nàng hiểu hết những bốn phận mới của một người vợ? Chỉ có lời nói của vị mục sư sau hôn lễ mới làm cho cô dâu được yên ủi. Ông bảo nàng: “Adel, giờ đây chỉ có Đức Chúa Trời mới phân rẽ được con và Methu.”

Tháng sau Adel có thai, và dù mang thai đủ ngày đủ tháng, đứa trẻ vẫn chết yếu sau cơn trở dạ thật lâu và kinh khiếp. Adel và Methu buồn khôn xiết.

Nhưng năm tháng sau, Adel có thai lần nữa. Lần này đứa trẻ sanh non ba tháng, và không mong gì sống sót. Bạn bè đến thăm đã an ủi Adel và khích lệ nàng cứ “vững vàng khi đứa trẻ chết nghe.”

Adel bướng bỉnh trả lời: “Con tôi sẽ không chết đâu!” Lòng nàng hoàn toàn tin quyết, và nàng không chịu nao núng trước ý kiến của gia đình hay hàng xóm. Nàng *sẽ không* mất thêm một đứa con nữa đâu.

Adel nhẹ nhàng đặt bé gái mới sanh trên chiếc gối và dịu dàng nói với con gái bé bỏng, đồng thời vừa cầu nguyện với Chúa. Nàng thầm thì: “Vì sao con có mặt ở đây, Christian?” Con vẫn ở chưa đủ thời gian trong bụng mẹ, thế mà đã chào đời rồi. Nhưng đầu con rất bé, Methu và mẹ rất yêu con. Và mẹ biết Chúa sẽ bảo vệ con.”

Trước sự kinh ngạc của gia đình và dân làng, Christian lớn lên thành cô bé chập chững khỏe mạnh rồi hai năm rưỡi sau có thêm em trai là Christiano.

Adel và Methu còn gì sung sướng hơn. Chẳng bao lâu sau khi Christiano chào đời, họ dời về nhà mới. Đó là ngôi nhà có ba phòng đơn sơ, phân lớn làm bằng tre, với nền nhà dơ bẩn. Ngôi nhà thật thấp hèn, nhưng là của họ. Có lẽ khi con lớn lên, họ có thể tậu được ngôi nhà tốt hơn, rộng hơn. Đó là chuyện trong mong ước. Còn giờ đây, họ sung sướng vì được ra khỏi mái nhà của cha mẹ Methu.

Hầu như mọi gia đình trong làng của Adel đều là Cơ Đốc nhân, và nàng nhiệt tình phụ giúp các chương trình thanh niên của Hội Thánh. Có hơn 50 em thiếu nhi suýt soát tuổi của Christian và Christiano, và Adel rất thích đọc cho chúng nghe chính những câu chuyện Kinh Thánh mà ông nội đã từng đọc cho nàng. Dường như thật phù hợp để nàng hiện cũng đang làm chính công việc ông nội đã làm – giảng Tin Lành – dù là giảng cho đám trẻ con hàng xóm.

CUỘC THÁNH CHIẾN SẮP ĐẾN

Cuộc đời trôi qua chẳng mấy rắc rối cho Adel và những người ở trong làng, cho đến khi những người Hồi Giáo ở làng lân cận đến viếng thăm “chính thức” chuyến đầu tiên.

Đầu lúc đó nàng chưa nhận ra, nhưng cơn ác mộng thật sự bắt đầu vào lúc ba giờ chiều ngày 9 tháng 1999 – một ngày mà khi nhớ lại, Adel sẽ không hề quên. Nghe tiếng ồn của chấn động lần đó, nàng vội vã ra

ngoài và lập tức nhìn thấy một biểu ngữ. Trên đó chỉ in hai chữ thật lớn: “*Cinti Damai*,” nghĩa là “yêu hòa bình.” Đứng quanh biểu ngữ có 30 người nam nữ, và trẻ con từ ngôi làng Hồi Giáo gọi là làng Dahma.

Một ông trạc tuổi trung niên, nước da sạm tuyên bố: “Này dân Dodi, chúng ta là láng giềng của các ngươi, và chúng ta nên cam kết với nhau sống hòa bình.” Chẳng có hệ thống khuếch âm, nhưng giọng nói oang oang của ông dễ dàng vang khắp đám đông. Ông đứng cao và tựa vào bực gỗ cũ của nhà hội. Ông bảo sẽ không hề có hiểu lầm hay đánh nhau giữa các làng Hồi Giáo và làng Cơ Đốc giáo. Họ nên sống hòa bình với nhau.

Adel và những người khác tụ tập quanh bực nghi đây là chuyện kỳ lạ vì trước đó chưa hề có cuộc đụng độ nào, nhưng họ vẫn giang rộng tay bạn bè tiếp đón những người khách của mình, và những vị khách kia ở lại cả buổi chiều hôm đó.

Tối hôm đó, sau khi Methu làm việc từ mỏ địa phương trở về, Adel thuật lại chuyện hồi chiều. Methu hỏi: “Nhưng còn tin đồn thì sao?”

Có tin đồn kỳ lạ đang lan khắp làng rằng ngày 9 tháng 9 năm 1999 sẽ là ngày tăm tối cho Cơ Đốc nhân trên đảo Dodi. Tuy nhiên, Methu và Adel chỉ xem là tin đồn thế thôi. Giờ đây họ nghĩ lại chuyến viếng thăm của những người Hồi Giáo và đồng ý dường như chẳng hề có mối đe dọa nào. Thực ra còn có bầu không khí rất vui vẻ khi đám trẻ của họ chơi chung với nhau.

Gần bốn tháng trôi qua không có biến cố hay cơ gì để nghi ngờ, và cư dân Dodi cho tin đồn kia là thất thiệt – mãi đến sau Giáng Sinh, khi Yulpius, một thương gia trẻ, trở về làng sau nỗ lực rời đảo không thành. Thấy anh trở về ngay sau khi ra đi, dân làng hỏi tại sao quay về sớm thế.

Yulpius tuyên bố: “Họ không cho tôi đi.”

“Ai? Vì sao không cho?” Một ông hỏi đang khi những người khác lần tới trước với vẻ lo lắng ngày càng dâng cao.

Yulpius nói tiếp: “Rất đông người Hồi Giáo chặn tôi lại, và tôi không biết tại sao. Mới đầu, họ chỉ bảo tôi đừng đi ngay bây giờ, vì rất nguy hiểm. Tôi phản kháng và nói tôi cần phải rời đảo để kiếm thêm hàng, nhưng dường như họ chẳng quan tâm. Họ thật sự bực tức và dường như khó chịu vì tôi là Cơ Đốc nhân. Tôi thấy một số người trong đó là người

có mặt trong nhóm đến thăm chúng ta để tuyên bố cái gọi là hòa bình kia. Tôi chẳng muốn chúc thêm rắc rối, nên quay về nhà.”

Adel, Methu và nhiều người khác bắt đầu ngẫm nghĩ chuyện của Yulpius, nghĩ lại những biến cố ngày 9 tháng 9. Nhưng chẳng có bằng chứng nào về nguy hiểm sắp đến, họ cũng chẳng làm được gì. Sau đó, ngày 10 tháng Giêng, những nỗi lo sợ tột hại nhất của họ càn quét khu làng như một trận bão hoành hành.

Adel đang nghỉ trưa với Christiano đang ốm, thì bị đánh thức bởi âm thanh khủng khiếp nơi nhà những người hàng xóm. Adel chạy ra cửa trước thì thấy ngay một cột khói bốc lên từ đằng xa. Ngôi làng gần đó – một làng Cơ Đốc – đang bốc cháy. Tiếp đó âm thanh hỗn loạn ngày càng to. Họ phải chạy ra khỏi nhà. Ba ngàn người Hồi Giáo vũ trang đang tiến đến, và chẳng hy vọng chặn đứng cuộc Jihad.²

Adel chạy lui về nhà, hét lên gọi Christina và Anto. Nhưng chẳng đứa nào trả lời. Tim đập thịch thịch ngày càng lớn trong lồng ngực Adel khi nàng hoảng loạn tìm con, chạy ngược ra ngoài réo tên chúng. Cuối cùng có người cho biết thấy chúng đang chạy lên ngọn đồi đằng sau làng. Adel chạy lại về nhà một lần nữa vội vã túm lấy vài thứ. Khi lao ra cửa, nàng thấy quyển Kinh Thánh trên bàn. Nàng tóm luôn... rồi bỏ chạy.

“MẸ, MÌNH SẮP CHẾT PHẢI KHÔNG?”

6:00 chiều, thứ Hai, ngày 10 tháng Giêng năm 2000

Methu và những ông khác trong làng chống lại những người Hồi Giáo đang đến tấn công trong khoảng gần bốn giờ, nhưng đơn giản là họ quá đông, và vũ trang đầy đủ cùng với dao rựa, đuốc và súng.

Giờ đây cả làng bốc cháy, tiếng la “*Allah Akbar! Allah Akbar!*”³ của đám đông vang trời. Methu và những đàn ông khác hoảng loạn bỏ chạy lên bờ dốc, hy vọng những chiến binh Jihad thỏa mãn với chuyện phá làng thôi. Trái lại, cơn tức giận hung bạo dường như lan tràn giữa họ, và chẳng mấy chốc họ cũng trèo lên đồi, bắn bừa bãi vào hướng những Cơ Đốc nhân đang túm tụm lại.

Methu và Adel nhanh chóng gom đám thiếu nhi và mẹ của chúng khi mọi người bắt đầu chạy tản ra nhiều hướng khác nhau. Mong tránh được tầm đạn đang bắn loạn xạ, họ nằm bẹp xuống đám cỏ vào đất sâu

và bắt đầu bò càng nhanh càng tốt vào rừng. Nhưng chuyến đi vất vả bằng tay và đầu gối tỏ ra càng khó khăn hơn khi mưa lớn bắt đầu trút xuống, biến đám đất trở thành một ao bùn liên tục.

Sau khi trườn khoảng gần hai giờ qua rừng sâu dày đặc, họ đến một căn nhà bỏ hoang ở bìa đồn điền dừa. Với ba vách gỗ và một mái, các nông gia trước kia dùng nó làm nơi nghỉ tránh cơn nóng gay gắt giữa trưa của mùa gặt. Họ mong đó sẽ là nơi trú ẩn đêm đó cho gia đình mệt mỏi này. Họ kiệt sức không thể đi xa hơn nữa.

Christina và Christiano ngủ ngay khi Adel đặt chúng xuống trên tấm đệm tre họ tìm được trong ngôi nhà hoang này. Cũng giống như cả nhà, đám trẻ ướt đẫm và phủ đầy bùn. Và tuy ngôi nhà sắp sập cho họ nơi trú ẩn, mái lại đầy những lỗ hổng cho mưa dột thành dòng xối xả trên đám trẻ.

Adel không chịu nổi thêm nữa. Cũng giống như mưa, nước mắt tuôn dài trên mặt khi nàng khóc lớn lên.

Khi đã kiểm lại được, nàng và Methu ôm lấy nhau cầu nguyện ngắn, sau đó mỗi người cùng ngồi với mẹ của họ trong suốt đêm kinh hoàng ấy. Bình minh ló dạng, Christian và em trai thức giấc, dần dần hiểu ra cơn ác mộng kinh hoàng mà chúng ngỡ gặp trong mơ hóa ra là thật. Chúng ngồi yên lặng một lúc lâu, nhìn chằm chằm người lớn. Đôi mắt mở lớn của chúng nài xin vài lời yên ủi, nhưng vẻ yên ắng chết người bao trùm trên gia đình kinh hoàng này và không ai biết phải nói gì.

Cuối cùng, Christiano thâm thì: “Mẹ ơi, con đói quá.”

Cặp mắt sưng búp của Adel nhắm lại lần nữa khi cố kiềm những giọt nước mắt, nhưng khi kéo thẳng bé vào lòng rồi, nàng khóc không kiềm chế nổi.

Methu nài nỉ: “Adel, em đừng khóc như thế nữa. Anh sẽ đi tìm thức ăn.” Anh cố trấn an vợ, nhưng biết nàng đã hết chịu nổi rồi. Trái tim Adel đang bị xé toang khi nàng bất lực chứng kiến nỗi khốn khổ của những đứa con cưng.

Methu đang quay về ngôi làng bị phá hủy để tìm thức ăn. Adel nài nỉ chàng đừng đi, nhưng nàng biết họ phải làm một việc gì đó. Họ không thể cứ ở trong ngôi nhà này không nước không thức ăn.

Thời gian trôi chậm chạp sau khi Methu ra đi. Nỗi sợ hãi sâu kín tím chặt lấy Adel. Không thể chống lại sự lo sợ, nàng dẫn gia đình đi lại

vào rừng. Cuối cùng họ gặp những người khác cùng làng đang trốn dọc bờ ruộng ngô. Adel dẫn Christian và Anto cùng mẹ ruột và mẹ chồng băng qua những luống ngô, và họ bắt đầu nhặt những ngọn cờ ngô khô. Ít ra cũng có thứ để ăn.

Vài giờ sau, Methu gặp lại gia đình, cầm theo mười hai lon Coca-Cola. Anh chỉ tìm được có thế. Nhưng khi lũ trẻ vừa mới cầm đến khay để mở nắp, tiếng súng vang lên khắp nơi, giống như sấm rền vang cánh đồng. Không ai biết súng bắn từ hướng nào, nên họ nằm ép sát xuống đất, chẳng biết phải chạy đi đâu. Cuối cùng, Christina ngó lên Adel và hỏi: “Mẹ ơi, mình sắp chết hả?”

Đúng, mình sắp chết, là ý nghĩ ập qua đầu của Adel, nhưng nàng biết phải dũng cảm để bảo vệ con. Nàng kéo cả hai đứa lại bảo chúng rằng mọi sự đều ổn. Nhưng Adel biết những lời an ủi của nàng không thể thay thế thực trạng kinh khiếp của hoàn cảnh họ. Nàng biết phải làm gì. Đây sẽ là cuộc nói chuyện khó khăn nhất xưa nay với các con, nhưng Adel không còn quyền chọn lựa. Nàng phải nói cho chúng...

“Christian và Anto, các con nhìn mẹ và lắng nghe kỹ đây. Nếu chúng ta bị những chiến binh Jihad này bắt, họ sẽ hỏi con xem con có muốn trở thành người Hồi Giáo không? Nếu con nói không, có lẽ họ giết con.” Adel nhìn thẳng vào mắt lũ trẻ. Nàng biết chỉ có duy nhất câu trả lời đúng, nhưng làm sao đòi hỏi những đứa trẻ quá nhỏ thế này phải can đảm như thế được?

Cả hai đứa trả lời thật đơn sơ: “Chúng con muốn theo Chúa Jêsus.”

Không hề nghĩ lại, Adel mở Kinh Thánh đã mang theo và lật đến một phân đoạn duy nhất đã ở mãi trong trí nàng kể từ khi chạy khỏi nhà. Ông nội của Adel đã đọc đoạn đó cho nàng rất nhiều lần khi còn bé đến nỗi nó đã thực sự khắc sâu vào tim nàng: Thithiên 23. Nàng bảo các con lặp lại theo nàng và bắt đầu đọc lại từng chữ: “Đức Giêhôva là Đấng chặn giữ tôi; tôi sẽ chẳng thiếu thốn gì.... dẫu khi tôi đi trong trùng bóng chết, tôi sẽ chẳng sợ tai họa nào; vì Chúa ở cùng tôi...” Nàng đọc tiếp cho đến khi cả hai đứa đều đã thuộc lòng Thithiên này. Cả hai đều có vẻ rất can đảm, nhưng Adel không biết chúng có thực sự hiểu hết tính nghiêm trọng của hoàn cảnh bấy giờ không.

Cảm thấy nước mắt lại dâng đầy khóe mắt, nàng vội vã lấy mu bàn tay lau nước mắt rồi hỏi: “Christian con không sợ họ giết con nếu con nói con là Cơ Đốc nhân sao?”

Christian chìa mặt lại sát mặt mẹ, nhìn thẳng vào mắt mẹ, trả lời nhỏ nhẹ: “Mẹ ơi đừng lo. Con không sợ chết đâu.”

Sau khi im tiếng súng, người trong các ruộng ngô dần dần tản ra. Adel, Methu và gia đình của họ đi trở lại vào rừng âm u, mệt nhoài lê bước trong đó thêm hai ngày nữa. Họ đã đi trong đêm và chỉ ngủ vài giờ trước khi thức dậy vào rạng đông. Có chỗ Methu gặp những người khác cùng làng và được họ cho biết một vài Cơ Đốc nhân đã bị giết rồi. Lo lắng cho người thân, anh chỉ còn biết hối thúc họ đi sâu hơn nữa vào rừng.

Mọi người đều kiệt sức, cuối cùng Methu và Adel thấy không thể ép con đi thêm nữa. Dẫu còn chút nước dừa tươi nhưng những đau đớn của cơn đói ngày càng hành hạ dữ hơn, và Adel bật khóc mỗi lần con xin ăn. Họ cũng đã gặp cha và em trai của Methu.

Họ đi đến nơi mà Methu tin sẽ là nơi nghỉ an toàn, rồi anh gom vài chiếc lá khô cho bọn trẻ ngồi lên trên. Nghe tiếng suối róc rách bên dưới khe núi, anh và người em trai quyết định liều xuống xem có tìm được thứ gì để ăn không.

Vì quá nhỏ, Anto không hiểu vì sao mấy ngày qua chúng không có gì ăn nên hỏi thẳng xin cơm với cá. Adel bảo con: “Ba sắp về rồi và chắc ba sẽ có cá. Lúc đó mình có thể ăn,” muốn khích lệ đôi chút. Nhưng nàng biết không chắc Methu tìm được thức ăn, nên nàng kéo Anto sát lại, nhẹ nhàng ngâm một điệp khúc và dịu dàng đu đưa con.

HUYẾT TOÀN NĂNG CỦA CHÚA JÊSUS

Chưa đầy mười phút trôi qua nàng đã nghe Methu hét lên. Thoạt đầu Adel nghĩ chắc anh điên mới la lên như thế vì biết các chiến binh Jihad rất gân. Rồi nàng nhận ra Methu bị bao vây rồi, và anh đang hét lên báo cho Adel và cả gia đình chạy trốn. Một lần nữa nàng nghe những tiếng xé nát cõi lòng vài ngày trước. “Adel, chạy đi! Chạy đi!”

Methu có thể kêu lên lần nữa, Adel nghe tiếng lách cách rất nhanh của một khẩu súng tự động. Nàng lập tức chồm dậy nhưng cánh tay của Anto vẫn quấn quanh cổ, nên nàng ngã xuống.

Vừa đúng lúc nàng quay sang thoáng thấy Christian chạy theo hướng tiếng kêu của Methu. Adel hít hơi để thét lên kêu cô bé đứng lại, nhưng quá trễ. Họ đã bị vây giữa những gã đàn ông mặc áo choàng dài trắng.

Anto đang nằm trên mặt đất nơi Adel thả cậu xuống. Khi cậu cố ngồi dậy, một ông vung mã tấu chém bản mã tấu vào lưng cậu. Adel hét ré lên gieo mình trên người con để che tấm thân bé nhỏ của nó khỏi bị lãn quả đấm tiếp theo. Nàng có thể thấy mặt con trắng bệch ra vì sợ vì nó sáng sốt, nhưng những nỗ lực của nàng để giúp Anto vô hiệu khi một gã Hồi Giáo túm mái tóc đen dài của nàng và nhắc bổng nàng lên.

Lưỡi mã tấu đâm máu dí vào cổ Adel khi những gã đàn ông ép nàng đến bụi tre. Nàng biết ý đồ của chúng khi chúng bắt đầu xé áo quần nàng. Nàng vẫn nắm chặt quyển Kinh Thánh, nhưng nó rơi xuống đất cũng dễ dàng như áo quần nàng vậy. Adel nhắm mắt, thầm cầu nguyện cho gia đình và nài xin Chúa cứu nàng khỏi bị hãm hiếp.

Rồi Adel nghe tiếng thét của mẹ nàng, mẹ chồng, và Anto yêu quý của nàng, và nàng biết họ đang bị tàn sát bởi những tên ác ôn hung bạo đã đuổi họ chạy khỏi nhà. Thật quá sức chịu đựng rồi. Suýt ngất đi, nàng khụy gối xuống khi thấy những kẻ tấn công gia đình nàng quay tiến lại phía nàng. Huyết nhỏ giọt trên lưỡi mã tấu của chúng. Huyết của Anto.

Adel kêu lên: “Chúa ôi!” Nàng không biết làm sao sống nổi. Một tên tháo khăn trùm đầu đâm mồ hôi của hắn cột quanh đầu Adel. Trên khăn đó viết: “Allah Akbar.” Với chút sức tàn, Adel kêu lên: “Huyết Chúa Jêsus thật toàn năng!”

“Một tên Cơ Đốc nhân! Một con heo! Một con heo khốn khiếp! Cứ hiếp nó là xong,” có tiếng nói khinh bỉ. Giờ đây đám người Hồi Giáo giận dữ vây quanh Adel, bàn xem nên xử nàng thế nào. Họ đang nói bằng thổ ngữ địa phương của họ, không nghĩ Adel hiểu hết mọi điều họ đang nói.

Cố giấu những giọt nước mắt, Adel thầm cầu nguyện trong lòng: *Lạy Chúa, xin giúp họ nhận thấy việc họ đang làm. Quá xấu xa đi... xin khiến họ hiểu ra. Họ không biết được họ đang làm gì. Chuyện đó không thể có được đối với con người.* Khi nàng tiếp tục cầu nguyện, từ giữa đám đông lộn xộn trước mặt nàng, một tiếng nói nhỏ nhẹ thầm thì cất

lên: “Adel phải không?” Nàng nhìn lên thì thấy một anh đã bị họ bắt đi từ làng của nàng. Anh tên là Hans.

Hans cũng bị lột trần truồng và đang chảy máu khủng khiếp. Lòng nàng lại càng thất vọng hơn; nàng biết chắc anh sẽ không sống sót nổi qua ngày hôm nay. Nàng hỏi anh có thấy Methu hay Christina không? Anh lắc đầu nói không.

Một gã cuộn áo quần của Adel lại, quăng vào tay nàng. Chúng không cho nàng mặc vào. Nàng nhìn xuống quyển Kinh Thánh của mình, lúc đó đã bị xé vụn.

Hai tù nhân bị giải đi lên đường dốc, những lưỡi mã tấu thúc vào những chỗ dễ bị thương nhất trên thân thể bị đánh bầm dập của họ. Vì đường đi rất hẹp, Adel nhìn xuống bờ vách, thấy mình đang ở độ cao bao nhiêu và có dễ nhảy xuống không. Nàng biết chắc sẽ chết nếu nhảy, nhưng thế cũng tốt. Nàng liên tục cầu nguyện: “*Chúa ôi, cứu con! Chúa cứu con.*” Cứ chống lại cảm dỗ nhảy xuống, cuối cùng nàng lên đến đỉnh núi, có hơn một ngàn chiến binh Jihad tụ tập tại đó. Đủ mọi lứa tuổi, có đứa chỉ là thiếu niên, nhưng mỗi người đều ăn mặc y như nhau trong áo choàng trắng dài với khăn quấn chặt trên đầu.

Một tên lính chìa súng bắt Adel và Hans đứng người trước người sau. Tên lính này cỡ tuổi trung niên với đôi vai rộng. Hắn buông súng cạnh sườn và chậm chậm rút mã tấu ra khỏi vỏ. Adel nhìn quanh, thấy nàng và Hans là hai Cơ Đốc nhân duy nhất giữa một biển áo choàng trắng. Nàng nhắm mắt, tin – thậm chí còn hy vọng – rốt cuộc cũng sắp chấm dứt rồi.

Trong vài giây, nàng cảm thấy dòng máu nóng chảy xuống mắt và thân thể mình. Nàng cứ thét liên tục “Huyết Chúa Jêsus thật toàn năng!” Hans cũng hét lên. Và nàng có thể nghe tiếng nói giận dữ của những gã khác thét và hò hét từ đằng xa. Nàng không dám mở mắt. Nàng nghĩ nếu nàng cứ nhắm mắt đủ lâu, nàng có thể mở mắt ở bờ bên kia, tức trên Thiên đàng. Nhưng sau khi chờ đợi có vẻ như dài đằng đẵng hàng giờ, nàng không thể mở mắt. Trước mặt nàng là thi thể bị chém cụt của Hans.

NHỮNG LỜI ĐƠN SƠ

Adel ngập trong huyết nhưng không thể nói đó là máu của mình hay của Hans. Nàng đau kinh khiếp vì những cú đâm liên tiếp của những gã Hồi Giáo, nhưng dường như không bị vết thương chảy máu nào trên thân thể. Giờ đây tiếng nói nàng thật yếu ớt, nhưng cố lập lại những lời: “Huyết Jêsus thật quỳn năng.” Bằng cách nào đó, nàng biết Chúa đang bảo vệ mình. Đáng ra nàng đã chết biết bao lần rồi. Năm giờ đồng hồ trôi qua từ khi họ lột hết áo quần nàng và bắt đầu đánh nàng. Nàng biết Anto, mẹ nàng, mẹ của Methu và Hans đã chết, và nghi những người còn lại cũng chết nữa. Nhưng nàng vẫn sống, và phải có nguyên nhân. Giữa những trận tấn công kinh khiếp ấy, bằng cách nào đó Adel cảm thấy một thoáng hy vọng lạ lùng.

Đám chiến binh Jihad gom vũ khí rồi bảo Adel đã đến lúc ra về. Họ bảo nàng làm người dẫn đường. Họ đẩy nàng lên hàng trước đoàn binh, và nàng dẫn họ xuống con đường ngoằn ngoèo ở mạng núi bên kia. Adel chẳng nghĩ xem họ đang đi đâu. Nàng chỉ bước đi trong trạng thái nửa ngất nửa tỉnh, cố xua đuổi những âm thanh từ cuộc hành hình Hans thật tàn bạo và cảnh tượng thi thể bị chém cụt của anh. Chém ra thành từng mảnh vẫn chưa đã, bọn họ còn chất lá từ dưới những gốc cây dừa quanh đó, đổ dầu lửa lên trên rồi thiêu xác anh.

Khi đến chân núi, họ chẳng cần Adel làm người dẫn đường nữa. Bọn họ đẩy nàng đi về hướng Dahma, là làng của họ, liên tục giật mái tóc dài của nàng, chế nhạo nàng, lấy bản mã tấu đánh vào thân thể trần truồng của nàng. Cứ mỗi lần bị đánh, Adel tiếp tục kêu to: “Huyết Chúa Jêsus thật toàn năng! Huyết Chúa Jêsus toàn năng!” Đôi khi một gã trong đám đông từ hàng sau chạy lên đánh bản mã tấu như điên như dại vào sau gáy nàng. Nàng cứ ngã xuống đất giống như con búp bê bằng vải rách và khum bàn tay che đầu. Cứ như có hàng ngàn cây kim đâm vào sọ. Ngay khi kéo bàn tay về, nàng sửng sốt khi thấy không chảy máu.

CHỐNG CHỊ LÒNG THÙ GHÉT TỪ BÊN TRONG

Adel càng can đảm hơn khi một lần nữa nhận thấy Chúa đã cứu mạng nàng cách kỳ diệu. Nhưng vì sao? Nàng không hiểu hết vì sao vẫn còn thở sau khi biết bao người bị giết cách tàn bạo. Ngay cả những kẻ

bắt nàng cũng lộ vẻ khó hiểu ra mặt, và nàng tự hỏi không biết bọn chúng liệu có đang thắc mắc làm sao một phụ nữ vô phương tự vệ như nàng lại có thể sống sót sau bao trận đòn liên tiếp như thế của chúng. Chúng càng tức giận hơn khi nàng cứ kêu lớn lên về huyết của Chúa Jêsus.

Cuối cùng, một tên chặn nàng lại, đốt một nắm lá cây thuốc lá, rồi nhét vào miệng nàng. Mắt Adel dại đi khi thấy những chiếc lá cháy đỏ tiến về phía mình. Nàng cố chống cự, nhưng không tài nào thắng được bàn tay mạnh mẽ của hắn. Tin chắc cuối cùng cũng đã bịt miệng được “kẻ vô tín,” hắn mỉm cười thỏa mãn với người khác. Nhưng sau khi hắn rút tay khỏi miệng Adel, nàng phun đám lá đang cháy ngùn ra và nói cách tin quyết: “Huyết Chúa Jêsus thật toàn năng.” Những lời đơn sơ này càng trở nên hiện thực khi cơn ác mộng địa ngục của Adel tiếp tục.

Mặt trời lặn, ánh sáng vằng trảng gần tròn soi sáng lối đi khi họ tiếp tục tiến về Dahma. Adel có thể thấy ánh đèn từ các ngôi nhà và bóng trẻ con chạy chơi. Nàng hình dung làng của nàng và buồn bã nhớ lại bọn trẻ đã chơi trong đêm tối giống như bọn trẻ này đang chơi.

Đoàn người dừng lại và Adel được lệnh mặc quần áo lại. Hai chàng trai – hắn chưa đầy hai mươi tuổi – được giao súng lục để canh Adel đang khi bọn người còn lại tiến vào làng. Adel hỏi hai chàng trai có biết chuyện gì đã xảy ra cho con gái của nàng không.

Một tên chế giễu: “Biết, bọn ta đã giết nó rồi.”

Adel cảm thấy họ đang nói dối, nhưng có thể nhìn thấy lòng thù ghét trong mắt chúng. Nàng cũng cảm thấy lòng thù ghét đang dâng lên trong nàng, và nàng xin Chúa cất nó đi.

Chập sau, Adel bị dẫn vào làng, và lại bị chế giễu và tra tấn. Những tên chiến binh thật tàn bạo, nhưng nàng mạnh mẽ. Nếu đã đến lúc phải chết – thậm chí chết trong tay những chiến binh Jihad – nàng đã sẵn sàng. Một lần nữa Adel thấy nàng là con tin duy nhất. Nàng không dám hình dung bao nhiêu người khác đã bị giết. Lúc đó, nàng không biết điều gì tệ hại hơn – chết hay bị bọn đàn ông điên hung ác này bắt làm tù binh. Dầu bị tra tấn, nàng vẫn tiếp tục tuyên bố lớn: “Huyết Chúa Jêsus thật toàn năng” mỗi khi một tên lính trút cơn hung tàn của hắn trên thân thể yếu ớt của nàng.

Tại sở chỉ huy Jihad, Adel lại bị lột đồ lần nữa. Ba người nữ dẫn nàng vào phòng đằng sau, tại đó nàng được tắm nước lạnh trong một bồn sắt rỉ sét. Adel nài nỉ: “Để tôi tự tắm.” Nhưng họ không cho, và sau khi Adel xin lần nữa, mấy bà này dùng những chiếc muống gỗ lớn đánh nàng. Sau khi tắm nước lạnh, nàng được nhận chiếc áo thun cũ và một cặp quần đùi thủng lỗ chỗ. Mấy bà này bảo rằng quần áo cũ của nàng thuộc về “con heo bẩn thỉu,” nên sẽ bị đốt.

“BỌN CƠ ĐỐC NHÂN ĐANG TRỐN Ở ĐÂU?”

Mười một gã được giao thẩm vấn Adel trong khi ba mươi hoặc bốn mươi tên khác vây quanh. Nàng nhận ra nhiều tên cầm đầu chính là những người đã đem biểu ngữ đến làng của nàng reo hò hôm mừng 9 tháng 9: “Bình an cho đảo Dodi.” Gã cầm đầu cuộc thẩm vấn chính là người đã nói rất tự tin từ trên bục ngày hôm ấy. Một lần nữa, Adel có thể cảm thấy lòng thù ghét dâng lên khi thấy chính những người đã đến lập giao ước “hòa bình” nay trở lại tấn công làng nàng, giết chết bạn bè và gia đình nàng, kể cả Anto quý báu của nàng. Giờ đây, khi họ đặt nàng ngồi chắc chắn trên ghế gỗ giữa phòng, nàng tự hỏi thực ra định nghĩa *hòa bình* của họ là gì đây.

Tên cao to khỏe kia bình tĩnh hỏi: “Những tên Cơ Đốc khác đang trốn ở đâu?”

“Tôi không nói được. Dù có giết tôi, tôi cũng không trả lời đâu.” Adel biết chỗ rất nhiều người có lẽ đang trốn – và cũng biết chuyện gì xảy ra cho họ nếu nàng nói ra.

“Thôi mà. Bọn ta không làm hại chúng đâu. Bọn ta chỉ muốn biết chúng ở đâu thôi. Mi không muốn về nhà sao?” Adel ngồi đó im lặng, không chịu trả lời. Cuộc tra hỏi kéo dài thêm ba mươi phút nữa, kết thúc với việc Adel bị vả vào mặt. Đĩa thức ăn đặt trước mặt, nhưng nàng không chịu ăn. Chẳng chút nao núng, hai gã trong bọn cạy miệng nàng, bắt đầu nhét thức ăn vào. Adel nhổ ra, dù ba ngày nay chưa ăn chút gì.

Tin đồn Adel không chịu ăn không chịu nói lan nhanh khắp Dahma, và rất nhiều người tụ tập bên ngoài sở chỉ huy la lớn tiếng: “Giao nó ra đây! Bọn ta sẽ chém vụn nó ra trộn chung với bụi đất!”

Nghe tiếng nói giận dữ ấy, Adel tràn ngập cả thù ghét lẫn sợ hãi. Cuối cùng một ông cụ tên là Saboom Sabar bước vào phòng. Có vẻ như ông không nổi thịnh nộ như những người kia. Quỳ gối kế bên chỗ Adel ngồi, ông hỏi nàng có thể cho biết các Cơ Đốc nhân khác đang ở đâu không.

“Không, tôi không nói được,” nàng trả lời như sợ bị thua và nước mắt lại bắt đầu tuôn trào. Sabar đứng dậy nói với tên chỉ huy. “Tốt hơn nên để con bé này đến với ta. Nếu ở đây lâu hơn nữa, nó sẽ bị giết.”

Đám đàn ông tiếp tục la hét với Adel và dọa giết nàng khi nàng bị giải đến nhà Sabar. Họ hứa đứng bên ngoài chờ cơ hội tấn công nàng. Nhưng Sabar bảo nàng: “Ở đây con sẽ an toàn. Con có thể ngủ trong căn phòng dư ở nhà ta.”

Bước vào phòng ngủ chỉ có vài món đồ, Adel nhanh chóng đóng cửa lại sau lưng. Rồi ngồi xuống giường – một tấm nệm rơm – nàng để mặc cho nước mắt tuôn trào khi nghĩ đến Anto yêu quý của mình.

“MÀY NGHĨ JÊSUS CỨU ĐƯỢC MÀY KHỎI ĐÂY SAO?”

Hôm sau, một toán lính mặc đồng phục vào làng; lập tức họ được đưa đến nhà Sabar để gặp Adel. Họ cũng hỏi y như bọn kia: “Các Cơ Đốc nhân khác đang trốn ở đâu?”

Adel lại không chịu trả lời. Nàng được cho trở về phòng, nhưng có thể nghe cuộc đối thoại của những gã này qua vách tường mỏng. Đám lính cương quyết này chỉ có một mục tiêu duy nhất – tìm những Cơ Đốc nhân khác – và họ quyết định Adel phải đi chung với họ làm “người dẫn đường.” Adel hoảng kinh. Nàng hứa trong lòng rằng sẽ chết trước hết.

Chiều hôm đó, ba bà vợ trong làng đem ít thức ăn đến cho Adel, nhưng nàng lại không chịu ăn. Khi mấy bà bắt đầu nói chuyện với nhau, Adel nhận ra đã biết họ trước đây. Họ đến từ một làng khác và là Cơ Đốc nhân từ khi sinh ra. Tuy nhiên, họ cưới chồng Hồi Giáo và bị thuyết phục cải đạo. Một người trong số các bà vợ này, là Umi, ban đầu chỉ trích Adel thật ác ý. Chị ta chế giễu: “Tại mà con và mẹ mà mới chết. Mà không chịu theo Hồi Giáo, nhưng giờ đây mà đang biết tay đấy. Mà muốn tin Jê-sus, nhưng mà tưởng Jê-sus cứu mà khỏi đây sao?”

Một bà khác ra lệnh: “Câm đi, Umi! Đừng nói như thế nữa. Màynghĩ sao? Màynghĩ Mohammed sẽ cứu *chúng ta* sao?” Adel có thể nhìn thấy nét dịu dàng trong ánh mắt của bà này, và trước khi bà ra đi, Adel vươn tới ôm bà. Bà ta bắt đầu khóc và thấm thì trong nước mắt: “Có lẽ ngày nào đó tôi có thể trở về với Đấng Christ.”

Adel không thể biết bà ta đang tuyên bố hay đang hỏi xem có thể như vậy được không. Nàng nhìn vào khuôn mặt buồn bã của bà rồi nhẹ nhàng trả lời: “Nếu bà thật sự muốn trở về với Chúa, Chúa sẽ mở đường.”

Tối đến, bọn lính quay lại. Người ta đã quyết định phải gom toàn bộ Cơ Đốc nhân trên đảo này lại, và Adel sẽ là người tốt nhất để giúp truy tìm họ. Khi bị gom lại xong, họ sẽ bị thiêu hết, mọi người trong bọn họ. Không còn tên nào sống sót. Adel biết mình không làm được gì để chặn đứng kế hoạch xấu xa của chúng, vì vậy nàng cứ nhốt mình trong phòng và cầu nguyện xin Chúa ban thêm sức. Nếu bị bắt dẫn đường, nàng biết lời từ chối hợp tác cũng đồng nghĩa với cái chết chắc chắn.

Vài gã đàn ông bắt đầu reo hò bên ngoài nhà Sabar, và Adel bò đến vách tường bên ngoài lén nhìn qua khe để có thể xem chuyện gì âm ỉ như thế. Đám chiến binh bắt được thêm một gia đình Cơ Đốc nhân nữa. Người chồng bị giết, vợ và ba đứa con đang bị giải đến Dahma. Nàng nghe họ nói tên của cô kia là Rose. Lòng Adel chùn xuống khi trở về gieo mình xuống chỗ nằm. Nàng biết gia đình này rất rõ. Một đứa con của họ cùng tuổi với Anto và đã chơi trong nhà họ gần như mỗi ngày.

Gần nửa đêm, Sabar trở về phòng. Mặt ông dài thườn ra. “Adel, chúng ta làm gì đây? Quân đội đã ra lệnh con phải đi với họ.” Adel sửng sốt khi nghe ông nói *chúng ta*. Sabar hầu như hòa mình với nỗi thương khó của nàng. Lòng nhân hậu của ông đã đem lại một hòn đảo nhỏ của niềm an ủi giữa một đại dương thù ghét vây quanh. Nhưng Adel biết mình không có quyền chọn lựa. “Bảo họ bắn con ngay tại đây đi. Con sẽ không đi với họ đâu.”

Sabar hỏi: “Sao con khiếp sợ chúng dữ vậy?”

Nàng trả lời: “Vì con biết kế hoạch của chúng. Con đã thoáng nghe chúng nói chuyện, và con sẽ không dự phần giúp chúng giết bất kỳ ai.”

Sabar ra khỏi phòng. Thêm một đêm mất ngủ, và Adel vẫn không chịu ăn. Những giờ trước lúc hoàng hôn, nàng nghe thêm nhiều tin mới. Một gia đình nữa bị giết... thêm những phụ nữ và trẻ em bị bắt... tìm được một cô gái. Adel cứ tự hỏi liệu nàng có nghe được tin của Christian không, liệu con có ở trong số tù binh mới không. Adel nghĩ giá chúng giết Christian chắc còn tốt hơn. Thật là ý nghĩ kinh khiếp, nhưng nàng sợ chuyện bọn lính gian ác này sẽ làm với cô con gái cứng vô tội của mình.

CHRISTINA

Lúc bốn giờ sáng, Adel đang kêu cầu cùng Chúa. “Sao Ngài không cho con chết đi?” Nước mắt cứ tuôn dài, hết giọt này đến giọt khác liên tục lăn trên má khi nàng lập đi lập lại câu hỏi đau đớn “Tại sao?”

Mối đe dọa không dứt cứ tiếp tục đến bên ngoài phòng nàng. Một gã nọ suýt đâm được nàng bằng cách đâm mã tấu xuyên qua vách tường bên ngoài vào thẳng phòng nàng. Hai trong số những bà vợ đã đến với Adel ngày hôm trước cũng quay lại, nài nỉ nàng ăn. Nhưng nàng từ chối. Nàng cứ ở trong phòng, cố ngủ một chốc trong lúc yên tĩnh của buổi sáng, nhưng phần lớn thời gian nàng nằm cuộn tròn dựa vào vách và khóc. Nàng tiếp tục cầu nguyện cho Methu và những người bên nhà chồng – nhưng phần lớn nàng cầu nguyện cho Christian.

Và rồi có tin mới.

“Adel! Adel!” Sabar vừa kêu vừa ào vào phòng. “Có mấy ông ở bên ngoài. Họ nói họ đã bắt con gái của con là Christian.”

Thật là liều lĩnh... liều lĩnh vô cùng, nhưng Adel phải biết. Có thật Christian còn sống không? Hay đó chỉ là trò lừa gạt tàn ác để nhử nàng ra khỏi nhà Sabar? Chỉ có một cách duy nhất để biết.

Họ đi thuyền đến làng Salubi: sáu chiến binh Jihad, Adel, Sabar (theo lời cầu xin của Adel, ông đã đồng ý đi theo), và một tù binh trẻ tên Maksi. Là bạn của Anto, Maksi chỉ mới bảy tuổi. Adel túm lấy cô bé và ôm chặt. Nàng khóc khi vén mái tóc rối bù của Maksi ra khỏi khuôn mặt. Một khuôn mặt thân quen, một người bạn của gia đình.

Adel ngồi kế bên Maksi, giữ chặt cô bé và xoa đầu cô bé trong chuyến đi ngắn ngủi đến Salubi. Maksi làm Adel rất nhớ Anto. Nhưng khoảnh khắc yên bình chóng tan khi Adel thấy những chiến binh vũ

trang chờ trên bờ. Họ lôi Adel ra khỏi thuyền, và kiểu đối đãi hung bạo của họ, nàng vẫn còn nhớ như in, lại quay về.

Maksi hoảng sợ khi thấy Adel bị tấn công hung bạo. Cô bé thét lớn, toàn thân co rúm lại không kiểm soát được nữa. Nghe tiếng thét của cô bạn nhỏ, Adel tuyên bố: “Huyết Chúa Jêsus thật toàn năng!” Giờ đây, nàng sợ chuyện đi đến Salubi chẳng liên quan gì với Christian. Niềm hy vọng nhanh chóng lụi tàn khi những trận đòn tiếp tục. Sabar bắt đầu thét lên với những gã này, nài nỉ họ dừng lại. Cố lôi Adel ra khỏi tay họ, ông giúp nàng vào một căn nhà lớn gần bờ, nơi đang giam giữ những tù binh khác. Rồi ông, ông phải ra về. “Ta chẳng làm thêm được gì nữa cho con. Nếu ta can thiệp, chúng cũng giết ta luôn. Ta xin lỗi.”

Trong nhà còn nhiều người nữ khác, run rẩy khi tiếng reo hò khủng khiếp của bọn đàn ông bên ngoài cứ tiếp tục. Adel vùi mặt vào lòng bàn tay để khóc khi nghe tiếng chân bước đến phía nàng. Nhìn lên, Adel nhìn thấy cô bé. Chính là Christian!

Christian gieo mình vào tay mẹ và khóc: “Mẹ ơi, mẹ ơi!” Họ ôm chặt nhau, và Christian tiếp tục cố thốt lên thành lời. “Con xin lỗi, mẹ ơi... con xin lỗi. Họ giết bà nội rồi. Mẹ ơi con còn thấy xác Anto nữa... họ giết Anto luôn. Mẹ ơi!”

“Mẹ biết rồi Christian... mẹ biết chúng đã giết họ rồi.” Ký ức lại dồn dập đến, và Adel bắt đầu khóc òa. Christian không biết nói gì, vì thế cô bé cứ hôn mẹ... hôn hoài, cô cứ hôn mẹ hoài.

TÌM MỘT CÂU TRẢ LỜI SẼ KHÔNG HỀ ĐẾN

Vào tối ngày thứ sáu từ khi bắt, Adel và sáu mươi tù binh nữa bị gom lại và cho biết sáng hôm sau họ phải theo Hồi Giáo.

Adel trả lời: “Tôi không bao giờ theo Hồi Giáo.”

“Được rồi. Không ép buộc đâu. Nhưng nếu mày không theo, nếu bất kỳ ai trong số bọn này không theo, bọn tao sẽ giết hết,” tên chỉ huy trả lời. “Và huyết của họ sẽ đổ trên đầu ngươi.”

Tối hôm đó, có cuộc họp giữa những tù binh Cơ Đốc. Đây là lần đầu tiên họ được phép họp thành nhóm từ sau trận tấn công. Họ ôm nhau, và nước mắt ràn rụa. Những Cơ Đốc nhân này biết họ phải quyết định việc cần làm: họ sẽ đồng ý cải đạo, hay sẽ gia nhập hàng ngũ những người tuận đạo Cơ Đốc? Cuối cùng một ông đề nghị: “Chúng ta có thể

lập lại những lời này; chúng ta có thể nói lên lời cầu nguyện của họ. Chúa biết lòng chúng ta; Ngài không đoán xét chúng ta đâu.”

“Làm vậy sao được? Chúng ta đã chống cự chuyện này từ lâu rồi. Vậy vô ích hết sao?”

“Vậy còn con cái chúng ta thì sao? Chúng ta có chịu nổi cảnh thấy chúng bị hành hình trước mắt mình không?”

“Chúa có muốn chúng ta chết hết ở đây trong làng Hồi Giáo này không?”

Cuộc tranh cãi cứ tiếp tục, dường như mờ nhạt tận đâu xa khi Adel nghĩ đến tình huống ngặt nghèo của họ. Về phần nàng, nàng có thể dễ dàng không chịu bỏ đạo; nàng biết đức tin nàng sẽ đưa nàng đi đến cuối cùng. Nhưng có công bằng khi hành động của nàng quyết định số phận của những người khác, kể cả Christian? Tình trạng nan giải này hành hạ Adel khi nàng cầu xin Chúa trả lời. Chẳng có câu trả lời nào cả.

Sáng hôm sau, các Cơ Đốc nhân bị dồn ra sân. Một chiến binh Jihad hỏi: “Các người đã quyết định chưa? Chịu cải đạo – hay chịu chết?”

Không ai dám làm người đầu tiên trả lời. Ngay cả những em thiếu nhi nhỏ hơn cũng không chịu nói, cứ đứng lặng trong sợ hãi và giằng xé trong lòng để vẫn cứ trung tín với đức tin của chúng. Viên chỉ huy ngày càng tức trước sự im lặng ngoan cố của họ nên gầm lên ra lệnh cho thuộc cấp bằng tiếng mẹ đẻ của hắn. Bọn lính quay lại cầm theo cả tá muống, và bằng thứ nghi thức kỳ quặc, chúng bắt đầu trộn bùn và bắt Cơ Đốc nhân ăn. Viên chỉ huy tát vào mặt Adel khi nàng nhổ ra. Hắn hét vào mặt nàng: “Ăn đi! Ăn ngay đi!”

Adel không chịu ăn.

Lúc đó người ta đem đến một vò nước, và mỗi tù binh được rưới nước theo kiểu “báp têm Hồi Giáo, khi những người Hồi Giáo bắt đầu ngân nga tụng nhiều câu kinh Koran. Tụng xong, họ nhẩy múa như những người say và bắt súng lên trời, ăn mừng điều được xem như là chiến thắng của họ: đã cải đạo cho những Cơ Đốc nhân sang Hồi Giáo. Những Cơ Đốc nhân yên lặng đứng với nhau, nhìn lên tưng lúng khi thấy những tên lính tiếp tục lễ ăn mừng vô tích sự của chúng.

Nhưng tim họ thót lại khi thấy bọn lính đem những thùng xăng tiến về phía đoàn người. Một sĩ quan phong cách đỉnh đạc ăn mặc đàng hoàng bước trước bọn chúng. Aded nhận ra đây là một lãnh đạo đến từ

đảo Java. Không chút nghi hoặc, hần bình tĩnh ra lệnh cho các sĩ quan nhất Cơ Đốc nhân vào một ngôi nhà rồi tưới xăng lên.

Bị xô vào một túp lều gần đó, những Cơ Đốc nhân bị khủng bố bắt đầu thét lên khi túm tụm quanh mấy đứa bé. Họ không sợ phải chết cho Đấng Christ. Mỗi người trước đó đã chứng minh liên tục điều ấy trong suốt lúc bị bắt làm tù binh. Nhưng ý nghĩ bị thiêu sống và chứng kiến những đứa con bé bỏng của họ bị thiêu trong lửa thì thật quá sức chịu đựng. Họ cùng quỳ xuống, lớn tiếng kêu cầu Chúa cứu họ khỏi sự chết khủng khiếp như thế.

Đương khi họ cầu nguyện, bọn lính bên ngoài lại cãi nhau. Chúng cãi nhau xem nên thiêu sống những Cơ Đốc nhân này không. Một người thỏa lòng cho rằng bọn tù binh giờ đây đã theo Hồi Giáo nên có thể hữu dụng cho cuộc thánh chiến. Ý kiến được tán đồng nhanh chóng. Nếu những tên tù binh chịu tham dự thánh chiến, điều đó sẽ khẳng định lòng tận hiến của chúng với thánh Allah và chúng sẽ được tha mạng.

GIÁ PHẢI TRẢ CỦA NỔ LOẠN

Nghe cãi nhau ở bên ngoài, Adel và những người khác vẫn còn sốc. Đây không phải là câu trả lời họ đang tìm. Nhưng là điều sẽ phải quyết định. Nếu những tù binh cao tuổi hơn đồng ý ra đi với bọn lính trong Jihad, thì mọi người sẽ được tha mạng. Nếu không, xăng sẽ đổ trên lều, và Cơ Đốc nhân sẽ bị thiêu sống. Những tù binh run rẩy quỳ lạng, một lần nữa nhìn nhau tìm can đảm và thắc mắc xem ai dám lên tiếng trước. Viên sĩ quan ào vào lều, công bố tin vui của chúng: “Nếu các người đủ lớn để cầm mã tấu, hãy theo chúng ta gia nhập thánh chiến. Sẽ vui lắm!”

Cơn giận trong Adel bùng lên khi nghe kiểu nhạo báng những tù binh thật đáng tởm. Cảm thấy đầy lòng can đảm, nàng đứng thẳng dậy. Viên sĩ quan mỉm cười, nghĩ mình đã có người tình nguyện đầu tiên. Trái lại, nàng nói với họ: “Đừng ai đi với họ. Nếu họ giết chúng ta, thì để họ giết chúng ta ở đây. Ít ra mình cũng ở chung hết với nhau.”

Viên chỉ huy tức giận trước sự ngoan cố của nàng, túm lấy tay nàng. “Mày nói gì?”

Adel lập lại: “Bọn ta sẽ không gia nhập thánh chiến. Bây giờ xin mời ra ngoài đi.”

Viên chỉ huy xiết chặt tay Adel, nhìn thẳng vào mắt nàng. Hấn không cần nói; đôi mắt hấn nói hết được cơn tức giận của hấn rồi. Nhưng Adel tin Chúa sẽ tha mạng sống họ. Nàng cũng tin sự nổi loạn thẳng thừng của nàng sẽ phải trả giá. Khi viên chỉ huy quay lưng đi ra khỏi phòng, những người khác tuy khâm phục tính kiên cường của Adel, nhưng tự hỏi có phải nàng vừa mới đóng ấn toàn bộ số phận của họ không.

Lạ kỳ thay, những tên lính cũng bỏ đi, và tù binh được đưa ra khỏi lều.

Hai tuần trôi qua, và Adel bị đe dọa liên tục. Những người Hồi Giáo biết nàng có ảnh hưởng trên các người khác và nghĩ phải khử nàng. Sức khỏe của nàng giờ đây đã phục hồi khi nàng dần dần bắt đầu ăn theo lời khẩn khoản của Christian. Những chỉ huy quân sự cứ lui tới ngôi làng nhỏ này hầu như mỗi ngày để bàn xem phải làm gì với tù binh. Họ nghi ngờ sự cải đạo sang Hồi Giáo của Cơ Đốc nhân này là không thật, và cho rằng đáng ra nên thiêu sống những Cơ Đốc nhân trong lều như đã dự định trước kia, để giữ cho làng họ khỏi bị ô uế thêm. Nhiều nỗ lực cuối cùng để khẳng định sự cải đạo của những con tin. Họ quyết định tất cả những người nữ này phải chịu cắt bì.

Một số phụ nữ kinh hoàng và bắt đầu kêu la cuồng loạn. Sự chống đối của họ đã khẳng định những nghi ngờ của viên chỉ huy tại làng này, và một lần nữa hấn khăng khăng đem xử tử những Cơ Đốc nhân. Những người khác vẫn nghĩ Cơ Đốc nhân này sẽ có ích nếu để cho sống sót, vì vậy những người Hồi Giáo đồng ý với nhau rằng hiện giờ sẽ để cho Cơ Đốc nhân sống. Tuy nhiên, họ bắt mọi cô gái chưa đến tuổi thành niên, có cả Christian, rồi tàn bạo cắt bì cho chúng. Đau đớn nhức nhối, và Christian kêu khóc không ngừng. Cơn giận của Adel bùng lên, và nàng lại cố khống chế cơn giận quen thuộc đang sôi sục trong lồng ngực. Thử thách của chính nàng đã khó khăn quá sức tưởng tượng rồi, nhưng chứng kiến nỗi thống khổ của con gái lại tội tệ vô cùng hơn. Adel cảm thấy thù ghét mỗi một người Hồi Giáo ngoại trừ Sabar. Nàng biết thù ghét là căn bệnh ung thư của linh hồn và tha thứ là phương

thuốc giải duy nhất. Nhưng sự tha thứ dường như quá xa vời, một điều không thể xảy ra được. Tất cả những gì nàng có thể làm là cầu nguyện.

Sáu tuần trôi qua không có thêm lời đe dọa trực tiếp hành hình nào nữa, nhưng Adel vẫn khốn khổ vô cùng. Nàng có thể nhìn thấy cách bọn đàn ông Hồi Giáo nhìn nàng, và có một nhóm đã cố hãm hiếp nàng rồi. Nàng có thể cảm thấy nỗi thèm khát của chúng càng tăng theo từng ngày, và tự hỏi còn né tránh chúng được bao lâu nữa đây. Ngay cả tên chỉ huy trong làng cũng có những kiểu tán tỉnh thô bỉ. Nàng khao khát sự an ủi của Methu, tự hỏi không biết anh còn sống không.

METHU

Đột nhiên, một buổi sáng nọ có cuộc họp nhỏ của những quan chức chính quyền đi thuyền đến Salubi. Các quan chức đang điều tra những dư luận cho rằng Cơ Đốc nhân bị bắt làm con tin trong làng này, lời buộc tội mà binh lính Hồi Giáo kịch liệt phủ nhận. Tuy nhiên, Nahor, người chủ thuyền, là một Cơ Đốc nhân và anh đã nghe đồn một người nữ tên Adel đang bị bắt làm tù binh. Sau khi cho hành khách của mình xuống thuyền, anh lập tức đi tìm nàng.

“Cô là Adel phải không?” Nahor thì thầm hỏi sau khi có người đã chịu chỉ nàng cho anh.

“Anh là ai?” Adel trả lời đầy vẻ nghi ngờ. Hầu như nàng mới vừa nói mấy lời này ra thì Nahor đã ào đến ôm chầm lấy nàng và bắt đầu khóc. Anh nói: “Tôi đã nghe hết chuyện về cô và hoàn cảnh của cô ở đây.”

“Sao? Làm sao anh biết tôi?”

“Methu kể cho tôi nghe.”

Adel không tin nổi tai mình. Methu vẫn còn sống! Lần đầu tiên trong hơn sáu tuần, nàng cảm thấy bùng lên niềm vui sướng và thật sự mỉm cười. Nàng hỏi: “Methu còn sống à?” Để bảo đảm rằng mình không nghe nhầm lời anh nói.

“Ừ đương nhiên anh còn sống. Chị có muốn viết thư cho anh không?” Nahor hỏi.

Ý nghĩ viết thư cho Methu lướt nhanh qua trí Adel. Nàng mong liên lạc với anh biết bao! Nhưng nàng biết còn có nhiều vấn đề cấp bách hơn. “Ừ, tôi rất muốn viết tên cho Methu. Nhưng còn việc tôi phải làm trước đã. Mau lên! Cho tôi xin cây viết và tờ giấy.”

Adel ngồi xuống và bắt đầu viết ào ào tên của mọi tù binh. Đang chăm chú ghi danh sách thì nàng thấy viên chỉ huy đến gần. “Lẹ lên, mang cái này theo nhé anh Nahor. Và xin cẩn thận nhé!” Adel ôm vội lấy Nahor rồi chuẩn bị, tiếc rằng nàng chưa thể viết thư cho Methu. Nàng muốn kể cho chàng nghe mọi chuyện biết bao... Nàng yêu và nhớ chàng biết bao... Christian can đảm biết bao. Nhưng chỉ vì không đủ thời gian, và nàng buộc phải nhắc tin về những tù binh khác. Rõ ràng, gia đình họ cũng lo lắng lắm. Giờ đây, nàng chỉ mong chưa ai thấy nàng nói chuyện với Nahor.

“Người đang viết gì vậy?” Viên chỉ huy giận dữ khi biết Adel không những nói chuyện với chủ thuyền mà còn đưa cho anh ta một mảnh giấy. “Người gửi thư đi à?”

Adel trả lời: “Không, tôi không viết thư.” “Vậy chứ mi viết gì?” Hấn dần từng tiếng thật giận dữ, vừa dí dao vào cổ Adel.

Adel bình tĩnh bảo: “Tôi chỉ viết tên của những người mà anh đang nhốt làm tù binh ở đây.”

“Mày dám làm vậy à?!” Viên chỉ huy dùng dùi đâm. Adel nghĩ chắc chắn hấn sẽ nhấn con dao vào cổ nàng, nhưng lần đầu tiên, nàng không sợ. Nàng đã làm xong việc nàng tin là phải làm, và nàng đã biết Methu còn sống. Hôm nay là ngày tốt lành. Một ngày mà ngay cả tên chỉ huy nhẩn tâm kia cũng không phá nổi.

“Ta vừa mới bảo đảm với các quan chức chính quyền rằng không ai bị giữ ở đây trái với ý nguyện của họ. Ta đã ký một thỏa thuận. Giờ đây mày lại đưa cho họ danh sách ‘tù nhân’! Mày là đồ con heo! Mày sẽ trả giá chuyện này.”

Viên chỉ huy giữ đúng lời. Adel bị đánh tàn nhẫn trưa đó và nhiều buổi trưa tiếp theo.

Chưa đầy hai tháng, làng Salubi lại bị điều tra lần nữa. Danh sách của Adel đã lưu hành khắp các văn phòng chính quyền và trong gia đình của các tù binh, kể cả Methu. Adel nghe đồn “Methu sắp đi cùng với các quan chức chính quyền đến đây đón cô và Christian.”

Adel sung sướng ngây ngất. Nàng và con gái đã sống sót qua cơn ác mộng như ở trong địa ngục vượt quá sức tưởng tượng, và giờ đây họ sắp được về nhà. Tinh thần nàng bay bổng, thậm chí còn thấy mình mỉm cười lần nữa. Nhưng Christian dường như không tin như thế. Cô bé hỏi

đầy hoài nghi: “Mình sắp trở về nhà sao?” Mình sẽ ra đi với ba à? Lỡ họ không cho mình đi thì sao?”

Adel có thể nghe được nỗi lo sợ trong tiếng nói của Christian và biết câu hỏi của con có lý. Nàng ôm chặt con gái can đảm của mình và tự hỏi bọn bắt cóc còn có thể giở mảnh khoe gì ngăn họ được tự do. Ngày hôm sau nàng đã biết ra.

“EM KHÔNG ĐI VỚI ANH ĐƯỢC”

Adel và Christian bị bắt đứng trước cả đám tù binh. Viên chỉ huy nói với các Cơ Đốc nhân: “Chúng ta sắp đem Christian và Adel đến Dahma để gặp ông chồng Cơ Đốc nhân của nàng.” Với sự háo hức đoán trước, tin Methu sắp đến đã lan khắp đám tù binh này rồi. Họ biết Adel. Nếu được phép đi, nàng sẽ không nghỉ ngơi giây phút nào đến khi mọi tù binh kia cũng được thả ra. Adel sẽ là phao cứu sinh dẫn họ đến tự do.

Rồi viên chỉ huy tiếp tục lời đe dọa giờ đây rất quen thuộc: “Adel và Christian được hỏi xem muốn cứ ở lại đây với các người hay sẽ ra đi với Methu. Nếu bất kỳ ai trong hai mẹ con chọn đi với Methu, bọn ta sẽ giết hết lũ bay.” Khi viên chỉ huy bỏ đi, hắn khom xuống trước mặt một cô bé chưa đầy năm tuổi. Rút lưỡi lê khỏi bao, hắn dí lê vào cổ cô bé đang run rẩy và nói thêm, giọng thật hiểm ác: “Kể cả mày.”

Các Cơ Đốc nhân đứng nhìn chăm chăm vào Adel. Họ tự hỏi: “Nàng làm sao quyết định như thế được? Và họ cũng tự hỏi sẽ làm gì nếu họ là nàng. Adel biết không ai trách nàng hay Christina nếu họ chọn đi theo Methu. Nhưng nàng chưa kịp trả lời được câu nào, viên chỉ huy đã ra lệnh: “Đi thôi.”

Ngay bây giờ sao? Adel không hề nghĩ Methu đang chờ họ sẵn rồi. Mọi chuyện diễn ra quá nhanh. Nàng cần thì giờ cầu nguyện và xem thử viên chỉ huy có thật sự giết hết nhóm hay chỉ dọa nạt thôi. Làm sao nàng có thể quay lưng lại với Methu? Nhưng làm sao nàng chọn được một hành động đồng nghĩa với kết án tử hình các tù binh còn lại?

Chưa kịp biết chuyện, nàng đã bị dẫn vào phòng có Methu ngồi chung với các sĩ quan. Khi bước vào, viên chỉ huy thì thầm vào tai Adel: “Nhớ đấy: nếu một trong hai mẹ con trở về với hắn, ta sẽ giết hết tù nhân. Không những họ thôi, ta cũng giết luôn Methu nữa. Ta thề đấy! Ta cũng giết luôn Methu nữa.” Những lời nói lạnh như băng của hắn

khiến Adel lạnh hết sống lưng, xua tan hết mọi ý nghĩ rằng hắn đang dọa nạt.

Adel có thể thấy nổi thống khổ trong mắt Methu. Chàng mong mỗi được quay về cùng với vợ và con gái biết bao! Ba tháng qua chắc dài như cả đời người, và giờ đây anh lại tràn trề hy vọng. Anh cũng rất quyết tâm, và Adel biết anh hẳn đã hứa trong lòng sẽ không rời phòng này nếu không có hai mẹ con. Nàng chỉ còn biết cầu nguyện xin thêm sức mạnh.

Một sĩ quan tự giới thiệu là ông Said và không chút lưỡng lự hỏi ngay: “Adel, cô muốn rời đây để đi cùng với Methu hay vẫn cứ ở Salubi?” Adel biết sẽ có câu hỏi này, biết rõ từng lời một. Nàng đã được dạy chính xác phải trả lời thế nào. Nàng cố nói, nhưng đôi môi mấp máy không nên lời. Ông Said lập lại câu hỏi lớn hơn: “Adel, cô muốn đi với Methu hay ở lại Salubi?”

Adel nhìn thẳng vào Methu, người giờ đây đang ngạc nhiên không biết sao nàng lại mất nhiều thì giờ đến thế để trả lời. “Methu...” Nước mắt chảy ràn rụa trên khuôn mặt khi nàng nghẹn ngào không nên lời. “Em không đi với anh được.” Methu như muốn nhảy khỏi ghế, chạy ào đến Adel hỏi tại sao, nhưng Said giữ anh lại, không chịu để cho anh đáp ứng. Lập tức, Said hỏi Christian y câu này. Adel vẫn đang khóc khi nhìn đứa con gái, không biết nó sẽ trả lời thế nào. Nàng không có thì giờ để hội ý với Christian và giờ đây tin chắc bọn họ sẽ giết hết tù binh và Methu, nếu một trong hai người đồng ý ra đi với Methu. Nhưng làm sao đứa con gái chín tuổi của nàng có thể hiểu được tính nghiêm trọng của việc đồng ý ra đi với cha nó?

“Con không đi với ba được, ba ơi. Con xin lỗi...,” Christian thốn thức, hết sức muốn xin lỗi ba và giải thích tình huống.

Ông Said thô bạo ngắt lời: “Thấy chưa! Chúng tôi hết chuyện rồi. Chúng tôi không còn lời nào về chuyện này nữa. Hiểu chứ?”

Adel và Christian được cho năm phút ở với Methu dưới sự giám sát nghiêm ngặt và có lệnh không cho nói thầm với nhau. Không thèm đếm xỉa lệnh của họ, Adel nói thật nhỏ, cầu nguyện xin Chúa cho họ không nghe lóm được. “Methu, em phải trả lời như vậy. Họ dọa giết hết những người kia nếu mẹ con em đi với anh. Xin anh đừng ghét em.

Chừng nào còn sống, em sẽ không hề từ bỏ hy vọng. Em biết, một ngày kia chúng ta lại ở bên nhau.”

Methu nhìn người vợ xinh đẹp của mình, thấy nỗi đau đớn trong mắt nàng và thậm chí còn khâm phục lòng can đảm của nàng nữa. Nhưng chẳng còn gì để nói. Anh chỉ còn cách nhìn gia đình và trả lời đơn giản: “Anh hiểu.”

BÁM VÍU HY VỌNG

Buổi gặp mặt chấm dứt cũng nhanh y như cách khởi sự, rồi Adel với Christina bị dẫn lại về phòng. Adel mới quay lại nhìn Methu lần cuối, viên chỉ huy đã tóm lấy nàng trước rồi, dí nắm đấm vào hông. Hắn rít lên: “Đừng có mà nhìn lại chồng. Hắn chỉ là đứa con của Jêsus. Hắn là con heo!” Bao hy vọng tan biến, Adel chỉ còn nước tự hỏi giờ đây tương lai ra sao thôi. Nàng chỉ còn biết khóc.

Vài tuần tiếp theo, Adel bám víu vào hy vọng có ngày được đoàn tụ với Methu. Nó giúp làm dịu nỗi đau vô hạn khi bị bắt làm tù binh, và đem cho nàng một điều gì đó để bám víu vào, dù chỉ là một giấc mơ xa vời.

Rồi vào ngày 10 tháng 4, giấc mơ của nàng đã biến thành ác mộng...

Tên chỉ huy mở lời: “Adel, ta đã quyết định phải xử mi ra sao. Mi gây cho ta quá nhiều buồn phiền và rõ ràng là tên gây rối. Ta quyết định sẽ để cho một ông chồng cưới ngươi. Có lẽ ông ta sẽ không chế được ngươi.”

Adel không tin nổi. “Tôi không thể cưới ai hết. Tôi đã cưới Methu rồi!”

“Ta biểu ngươi cưới. Methu không phải là người. Hắn là con heo, và ta không công nhận hôn nhân của hắn với ngươi. Nếu ngươi không chịu cưới người mà ta chọn cho, ta sẽ cho *hết thấy* đàn ông có ngươi.” Tên chỉ huy không thèm nghe nói thêm gì cả, và qua ánh mắt kiên quyết trên mặt hắn, Adel biết hắn nói rất nghiêm túc. Chẳng còn lối thoát nào nữa.

Adel đến với những nữ tù binh khác và xin họ giúp mình. Nàng biết họ chẳng thể giúp được gì nhưng hy vọng cuối cùng họ có thể cùng đứng lên với nàng phản kháng cuộc hôn nhân cưỡng ép này. Nhưng những người kia cứ im lặng, sợ mất mạng. Cuối cùng một người trong

bọn bảo nàng: “Nếu cô không cưới một gã trong số họ, có lẽ họ sẽ cưỡng hiếp và giết hết tất cả chúng ta.”

Adel tan nát cõi lòng. Nàng đã cố gắng hết sức gay go để cùng đứng chung với những chị này, giờ đây nàng lại thấy mình bị phản bội. Nàng bắt đầu khóc thốn thức: “Làm sao mấy chị lại biến tôi thành thứ hàng hóa rồi bán tôi để cứu lấy mạng?”

Những người kia chỉ còn nước xin lỗi khi họ bám vào nhau rồi khóc. Họ biết đây không phải lần cuối có người trong số họ bị ép phải cưới chồng.

Khi nàng và Christian bị ép phải về với Almin, người chồng mới của nàng, Adel nghĩ chẳng còn gì tệ hơn hoàn cảnh này nữa. Nhưng hoàn cảnh *thật sự* còn tồi tệ hơn. Vài tháng sau, Adel có thai.

MỘT MẠNG SỐNG MỚI

Đến tháng Mười, tình cảm của Adel suy sụp. Nàng cảm thấy như thể đang bị cuốn xoáy xuống vực sâu vô tận không tìm được. Những con quái vật này đã giết chết con trai và mẹ nàng, rồi đánh đập nàng không chút thương xót, đếm không xuể bao nhiêu lần đánh. Giờ đây nàng tin chúng còn cướp mất của nàng hy vọng đoàn tụ với Methu. Lòng thù ghét dấy lên vào ngày khủng khiếp mà nàng bị bắt nay đã lớn nhanh còn hơn mầm sống mới trong nàng. Nàng khóc khi tìm hy vọng nhưng không thấy. Thậm chí nàng không yêu nổi đứa bé vô tội trong bụng. Đối với Adel, đấy chỉ là dấu nhắc nhở mọi điều chúng đã cướp mất của nàng.

Nàng quyết định: “Ta không để cho bây lấy thêm gì nữa đâu.”

Nàng chờ đến khi ở nhà một mình. Rồi nàng lấy con dao khỏi tủ bếp. Hầu như không tin nổi chuyện đã tiến xa đến mức này. Adel tự hỏi vì sao nàng được tha mạng để rồi chỉ ném mùi tuyệt vọng đến đường này. Nàng biết Chúa đã cứu nàng, nhưng không còn cảm thấy mình có thể sống được. Từ từ đưa dao lên bụng, nàng nhắm mắt và cầu nguyện xin Chúa tha cho mình.

“Mẹ ơi, dừng tay!” Christian hét lên, chạy ào vào phòng lấy dao khỏi tay mẹ. Adel òa lên khóc và sụp xuống sàn. Giờ đây Christian cùng khóc bên cạnh mẹ. “Mẹ ơi, mẹ làm gì vậy? Mẹ không được làm chuyện này cho mẹ. Và em bé đâu có lỗi gì. Nó vô tội mà.”

Adel suy sụp. Nàng khóc hàng giờ khi lời của Christian cứ văng vẳng trong tim và tâm hồn nàng. Nàng xin Chúa tha thứ khi xưng ra lòng thù ghét những người đã bắt nàng làm con tin. Nàng bắt đầu nhận ra cơn giận dữ của nàng suýt chút nữa diệt một mạng sống vô tội như thế nào, cũng y như cách chiến binh jihad đã làm cho nàng vậy. Đây là một thực tại cảnh tỉnh, và đầu nàng không cảm thấy tha thứ tức khắc cho những người đã làm tổn thương mình, nhưng biết nàng phải sẵn lòng để ân điển của Chúa hành động. Lòng thù ghét của nàng đã chặn đứng quyền năng chữa lành từ nơi tình yêu của Chúa mà nàng giờ đây bắt đầu kinh nghiệm.

Adel bắt đầu xoa bụng và nói chuyện với mầm sống non nớt trong mình. Tin đây là con gái, nàng gọi con là Sara. “Sara, tha lỗi cho mẹ. Con tha tội cho mẹ con nha. Con đâu có lỗi gì. Con là điều tốt lành có thể ra từ một tình huống xấu đến thế này. Mẹ yêu con.”

Đám mây u tối dường như cất lên khi nàng tiếp tục cầu nguyện và trò chuyện với Sara. Trước đây, Adel xem đứa trẻ chưa chào đời này là một kẻ thù nữa, con của kẻ đã giết chết chính con trai của nàng. Giờ đây nàng xem nó là con *của nàng* và là một trong những tạo vật của Đức Chúa Trời. Mỗi ràng buộc tức khắc đã hình thành khi nàng ôm cả hai con gái của mình.

Hôm sau, Adel lấy một tờ giấy, biết mình phải liên lạc với Methu. Nàng phải kể cho anh nghe mọi chuyện xảy ra và xin anh tha thứ. Dầu anh không kể nàng là vợ anh nữa, nàng vẫn hiểu, và sẽ không phản đối anh bất cứ điều gì. Nàng yêu anh và khao khát được đoàn tụ. Khi viết thư, nước mắt nàng hòa với mực, làm nhòe cả lá thư. Nàng tự hỏi không biết liệu anh còn đọc được không. Khi viết xong, lá thư dài sáu trang. Đối với Adel, đây là bức thư tình đau đớn nhất và quan trọng nhất nàng từng viết. Nàng cẩn thận gấp lại giấu đi, cầu nguyện xin Chúa cho cơ hội gửi đến tay Methu.

Ngày 24 tháng Mười Hai, toàn bộ tù binh bị bắt phải làm việc trong đồn điền dứa. Đó là công việc rất khó khăn, đặc biệt đối với Adel, vì giờ đây nàng đã mang thai sáu tháng. Nhưng tù nhân còn nhận ra tối nay là đêm Giáng sinh, và mỗi người đều thưởng thức những ký ức ngày lễ trong quá khứ. Tối hôm đó, khi Adel khởi sự ngâm thật nhỏ âm điệu bài “Đêm Yên Lặng,” những người khác cùng hòa theo. Chẳng mấy

chốc, hết thảy đã bắt đầu hát lời bài ca trong khi những lính gác mặt lạnh lùng lắng nghe cách nghi ngờ. Mỗi người đều biết những nguy hiểm khi hát bài ca Giáng Sinh truyền thống về Đấng Christ. Chắc chắn sẽ bị đánh đập, nhưng dường như chẳng ai quan tâm. Niềm vui được hát thì dầu bị phạt cũng đáng.

Khuya hôm đó, họ hát và nhớ về gia đình. Thế xác họ vẫn bị cầm tù, nhưng tâm hồn được tự do khi tiếp tục hát vang lên đến Thiên đàng. Sáng hôm sau, họ khóc lên những giọt nước mắt đau buồn và vui mừng, than khóc vì cảnh tù đầy nhưng nhìn hướng tới thời kỳ hạnh phúc hơn. Họ sẽ không bao giờ quên Giáng Sinh đã cùng ở chung với nhau trên những cánh đồng này.

Ngày 18 tháng Ba, Sara chào đời.

Giờ đây khi đứa bé chào đời, Christian cảm thấy đã đến lúc nói với mẹ: “Mẹ phải cố trốn thoát, chỉ mẹ với Sara thôi. Mẹ phải trốn đi. Nếu mẹ không đi, chúng ta sẽ chết hết ở đây.”

“Mẹ không bỏ con lại được, Christian ạ. Mẹ sẽ không bao giờ bỏ con,” Adel bảo đảm với cô con gái.

“Mẹ ơi, mẹ nghe con nói đã. Mẹ *phải* trốn,” đứa bé mười tuổi đầy cương quyết nài nỉ. “Almin sẽ không bao giờ để ba mẹ con ta ra đi chung với nhau. Nhưng nếu mẹ và Sara đi, ông sẽ nghĩ mẹ chắc chắn sẽ quay lại. Nhưng mẹ không được quay lại. Mẹ phải đến với ba. Ba chắc chắn quay lại đón con. Đó là hy vọng duy nhất của mình.”

Adel biết con gái nói đúng, nhưng không biết làm sao thực hiện được một ý kiến như thế. Nàng không biết liệu Methu có còn đến đón nàng về không. Và bây giờ còn có Sara nữa. Đơn giản là Adel không có can đảm hoạch định chuyển trốn thoát với quá nhiều câu hỏi vẫn lớn vờn trong đầu.

Rồi đến tháng Tư, nàng đã có câu trả lời. Nàng vẫn mang theo thư gửi cho Methu suốt hơn sáu tháng, hy vọng và cầu nguyện xin Chúa cho có dịp gửi nó đi. Một buổi chiều nọ, khi mấy đứa bé đang đến thăm làng của họ, cơ hội đã tới. Adel biết một đứa trong đám trẻ đó và âm thầm chạy đến nơi chúng đang chơi. Nàng gửi vội thư cho đứa bé mà nàng biết và bảo cô bé nhớ đưa thư cho Methu chồng nàng. Đứa bé chỉ cầm bức thư và gật đầu đồng ý.

Adel bước về nhà, cầu nguyện để bức thư sẽ đến tay Methu... cầu nguyện để chàng chịu tha thứ cho nàng... cầu nguyện để chàng vẫn yêu nàng. Và mỗi ngày Adel lên ngó băng qua làng, lo lắng nôn nóng chờ đứa trẻ kia trở lại chơi. Vài ngày sau, nàng hết phải thấp thỏm chờ đợi.

“Con có gặp Methu không? Con có đưa cho chú bức thư của cô không?” Nàng lập tức hỏi đứa bé mà nàng đã giao thư.

“Có, con đã tận tay đưa cho Methu. Và ngay khi con đưa thư cho chú. Chú đưa cho con cái này.”

Adel thật sửng sốt khi đứa bé trao thư. Methu đã viết thư cho nàng còn trước cả khi nhận được thư nàng nữa. Nàng có thể nói như vậy vì phong bì đã ố màu, những mép đã sờn vì chàng đã mang theo bên mình rất lâu, cũng giống như nàng đã mang theo bức thư viết sẵn cho chàng.

Nàng tính đọc thư ngay, nhưng vội đổi ý. Lỡ Methu ghét nàng thì sao? Lỡ chàng đã cưới vợ khác thì sao? Những cảm xúc của Adel như đang lộn vèo như trên chiếc xe xiếc lộn vòng khi nàng chạy về nhà, xé để mở thư. Tim nàng muốn ngưng đập trong khi mắt dán vào dòng chữ.

Adel, có lẽ em đã có mười đứa con với mười gã đàn ông, thế nhưng em vẫn sẽ là vợ anh. Em không nhớ mục sư đã nói với em sao? Giờ đây chỉ có Chúa mới phân rẽ được chúng ta. Anh yêu em.

Methu

Adel đã có câu trả lời. Nàng sẽ tính chuyện trốn thoát.

TRỐN THOÁT VÀ ĐƯỢC CỨU

Chỉ hai tháng sau, vào ngày 18 tháng Sáu, Almin cho phép Adel thăm một số bà con ở đảo lân cận. Bế chặt Sara, Adel vươn tới kéo Christian khi nàng bước lên chiếc phà nhỏ. Nhưng Almin kéo Christina lại. “Con bé phải ở lại.”

Adel nài nỉ Almin cho Christian đi, nhưng ông ta không chịu. “Không có Christian, em sẽ không đi,” nàng khẳng khẳng. Nhưng Almin không chịu đổi ý. Ông biết “vợ” ông sẽ chạy trốn nếu có Christian cùng đi.

Nhưng chuyện đó đúng như y Christian đã định. Cô bé ôm chặt mẹ và thì thầm vào tai mẹ: “Mẹ ơi, con xin mẹ đi đi! Xin mẹ hứa với con là mẹ và Sara sẽ đến với ba. Mẹ ơi, con xin mẹ đấy. Con sẽ ổn thôi.” Adel ôm Christian chặt hơn, tự hỏi làm sao nàng bỏ con bé ở lại một mình

được. Nhưng lời nài nỉ của Christian dường như đâm thấu tim nàng. Vừa tự hỏi làm sao con bé can đảm đến thế, Adel vừa hôn con, chào tạm biệt. Nàng biết có lẽ đây là lần cuối được nhìn thấy con trong suốt thời gian dài. Hoặc có lẽ mãi mãi.

Adel đứng dựa vào thành thuyền, nhìn Christian mờ dần nơi xa. Nàng ôm chặt Sara và bắt đầu khóc một lần nữa, vừa tự hỏi liệu nàng có quyết định đúng đắn không. Nàng không hề định thăm những bà con xa. Nàng sẽ nhanh chóng đến với Methu trước khi Almin nhận ra nàng đã bỏ trốn. Rồi bằng cách nào đó, họ phải đưa Christian về.

Adel phải mất một tuần mới đến nơi Methu đang ở. Chuyến đi dài và gian truân, còn Adel phải tránh liên lạc với Methu mãi đến nay, vì sợ Almin phát hiện nàng đang ở đâu. Nàng ngồi trên giường, im lặng ôm chặt Sara ở phòng sau của một nhà khách, lo sợ chờ đợi. *Liệu Methu có thật sự muốn mình không?* Nàng cứ tự hỏi mãi. *Còn về Sara thì sao?*

Dẫu Adel giờ đây được tự do, nàng vẫn cảm thấy bị tù. Tệ hơn nữa, nàng cảm thấy giống kẻ phản bội. Nàng đã cưới một người đàn ông khác và bỏ con gái Christian của mình lại. Làm sao Methu tha thứ cho nàng được? Nàng cứ hỏi mãi hỏi mãi về những quyết định của nàng đang khi nàng cứ khóc cho đến khi ngủ thiếp đi.

Adel đột ngột thức dậy khi nghe tiếng Methu bước vào nhà. Nàng ngồi dậy trên giường run rẩy; sau đó chộp lấy Sara, lúc đó vẫn đang ngủ, và đứng dậy. Đột nhiên, nàng tin mình đã phạm một sai lầm kinh khiếp, Adel tự chịu thua trước sức thôi thúc nàng chạy trốn khỏi nhà. Nàng không nghĩ ra mình sẽ đi đâu; nàng chỉ cứ muốn chạy. Nàng không thể đối mặt với Methu.

Nhưng chạy chưa đến cửa, Methu đã bước vào. Không chân chừ chút nào, anh lao băng qua căn phòng ào đến bên vợ sung sướng ôm chặt lấy nàng. Rồi anh nhìn xuống bé gái Adel rồi mỉm cười. Anh nói: “VẬY đây là đứa con gái mới của chúng ta.” Adel khóc – giờ đây là những giọt nước mắt hạnh phúc – sung sướng nghĩ đến cuộc đoàn tụ đã chờ từ lâu. Adel muốn ôm chặt Methu mãi mãi, thưởng thức sự an toàn trong cánh tay rắn chắc của chàng đang ôm quanh nàng. Nhưng nàng biết Methu phải ra về. Nàng biết chàng sẽ không nghỉ ngơi đến khi cứu xong Christian.

Adel bồn chồn chờ hết ngày này đến ngày kia, không nghe được tin tức gì về Methu hay Christian. *Lỡ họ giết Christian rồi thì sao? Nếu Methu chết rồi thì sao? Có phải do lỗi của mình không?* Nàng cố chống lại những câu hỏi giày vò đau đớn không ngớt đập vào trí nàng bằng cách kêu cầu Chúa cho nàng an tâm.

Adel được an ủi qua những phân đoạn Kinh Thánh quen thuộc mà nàng hết sức nhớ chúng trong suốt mười tám tháng bị bắt làm tù binh. Nàng nhớ những tên lính jihad đã chém Kinh Thánh của nàng nát tan tàn thè nào trong rừng sâu. Adel lại mở đến Philíp 4:13 lần nữa, và theo thói quen, nàng đọc lớn: “Tôi làm được mọi sự nhờ Đấng ban thêm sức cho tôi.” Nàng nhớ lại lần cuối nàng đọc những lời này. Đó là lúc ở bên đồi đằng sau làng của nàng vào chính ngày tấn công. Cả một đời người đã trôi qua kể từ lúc đó, và nàng đã đến địa ngục rồi trở về. Nàng biết cơn ác mộng vẫn chưa hề hết, và nàng không thể thôi nghĩ đến Christian, cứ tự hỏi liệu có phải mình đã phản bội con hay không.

Methu đi hơn hai tuần rồi Adel mới nghe tin anh đã ở bên Christian và con sẽ trở về với họ ngay. Cuối cùng họ sẽ được đoàn tụ, lại là một gia đình. Những giọt nước mắt sung sướng lăn dài trên khuôn mặt khi nàng cảm tạ Đức Chúa Trời vì Methu đã cứu được Christian. Nhưng giờ đây nàng tự hỏi... Almin sẽ đi bao xa để bắt họ trở lại?

ĐOẠN KẾT

Khi chúng tôi phỏng vấn Adel, cô và Methu đang học tại một trường Kinh Thánh bí mật, học để làm những nhà truyền giảng. Dầu đã nhiều tháng trôi qua từ khi trốn thoát, Adel và gia đình vẫn không ngừng chạy trốn để tránh Almin, là người được sự trợ giúp của rất nhiều người Hồi Giáo mà anh ta chiêu mộ, vẫn tiếp tục săn đuổi họ. Không ít hơn hai lần, Adel suýt bị tóm.

Adel đã phải giải quyết hai vấn đề rất quan trọng về chuyện nàng được giải thoát. Vấn đề thứ nhất là điều mà thoát tiên nàng nghĩ nàng không hề làm được. Là Cơ Đốc nhân, cô biết mình phải tha thứ cho những chiến binh jihad. Tiến trình khó khăn này đã thật sự bắt đầu từ lúc cô mang thai, nhưng Christian nhắc cô nhớ rằng em bé đang lớn lên trong bụng cô không có lỗi gì, em bé Sara vô tội. Adel biết cô nói được những chữ “tôi tha thứ” nhưng chúng cần phải thấm vào tim nàng, là

nơi diễn ra sự tha thứ thật. Trong những tháng sau khi trốn thoát, Adel dành rất nhiều thì giờ cầu nguyện. Cô cầu nguyện xin Chúa cứu những kẻ làm hại cô và gia đình cô. Cô tin lời cầu nguyện này là bí quyết để có thể tha thứ họ từ tận đáy lòng.

Vấn đề thứ hai cũng thách thức không kém. Adel phải tha thứ cho chính mình. Vì cuộc hôn nhân cưỡng bức của cô với Almin, cô thường nghĩ mình là kẻ phản bội. Bất hạnh thay, nhiều Cơ Đốc nhân khác đã khẳng định lời tự cáo buộc này, và ý nghĩ này không ngừng giày vò tâm hồn cô, gây cho cô bao lo lắng, đặc biệt đang lúc bỏ trốn. Nhiều khi cô tin Methu và những người bạn Cơ Đốc khác sẽ “đuổi cô đi” bởi cơ cuộc hôn nhân cưỡng bức của cô. Nhiều lúc những rối loạn từ trong lòng này còn khó giải quyết hơn cả sự hành hạ thân xác mà cô đã chịu.

Khi Adel thoát khỏi cảnh tù, cô được hai vợ chồng giáo sĩ Cơ Đốc phỏng vấn, là người đã kết bạn với Methu và đã vận động cả trong nước lẫn ngoài nước để giúp cho trường hợp của cô. Khi Adel đến gần người chồng, Chúa đã cảm động lòng ông, và chính những lời đầu tiên ra từ môi miệng ông là: “Adel, cô *không phải* là kẻ phản bội.”

Nghe những lời ông nói, Adel sụp xuống khóc, và kể từ ngày đó, cô bắt đầu tha thứ cho chính mình.

Adel và Methu vẫn tiếp tục hoạt động để tìm cách giải thoát những người cùng bị bắt làm tù binh với cô. Cô vẫn mãi nặng lòng vì một số người được nhắc đến qua những trang giấy này. Ngày nay họ vẫn còn bị bắt làm tù binh.

Cô muốn chúng ta cầu thay.

PURNIMA:

Một Thiếu Nhi Bò Tu

Một Linh Hoàn Nữ Giới Tội Do

Bhutan

Ngày 1 tháng Ba năm 1993

Tối ấy đặc biệt lạnh và đã khuya khi cảnh sát một lần nữa dồn nhóm tín hữu lại và lừa họ vào văn phòng hành chánh quận. Cô bé Purnima mười ba tuổi rùng mình khi em cùng nhiều người khác bị bắt đứng ngoài sân lộ thiên đang khi cuộc hỏi cung cứ ê a kéo dài. Các sĩ quan cứ nhai đi nhai lại những câu hỏi muôn thuở: “Vì sao người trở thành Cơ Đốc nhân?” “Tại bây nhận tiếp tế từ đâu?” “Đây là quốc gia Phật giáo, bây hạ nhục tội tao bằng cách tiếp nhận đạo ngoại quốc này. Vì sao muốn dân mình chống mình?”

Từng người một của ba mươi lăm tín hữu đã bị chất vấn suốt cả đêm dài lạnh lẽo. Có khoảng hai mươi sĩ quan, hầu hết đều to lớn và trông phát khiếp. Purnima co rúm người lại khi một sĩ quan tát vào mặt anh tín đồ đứng gần cô. Có người trong nhóm khóc lên; người khác cố gắng giảng đạo. Cô bé Purnima đứng trước mặt mấy ông cao như núi, cầu nguyện xin Chúa cho đủ can đảm để đối diện với những câu hỏi sắp đến.

“Ai cho phép mi ăn mừng Giáng sinh trong làng Purtah? Đây là Bhutan. Mi đâu được phép tổ chức Giáng sinh tại Bhutan! Đây là chọn lựa cuối cùng của mi: một là trở về với Phật giáo, hai là ra khỏi Bhutan.” Giờ đây, viên sĩ quan nói với Purnima, và cô cảm nhận được ảnh hưởng từ tối hậu thư của ông. “Mi hiểu không? Mi không được phép ở đây để đi theo thứ đạo ngoại quốc ấy. Rồi sẽ ra sao?”

Purnima không chút nghi ngờ viên sĩ quan này đang nói nghiêm túc. Cả một vấn đề danh dự để bắt Cơ Đốc nhân bỏ đạo hoặc công khai lên án họ là kẻ phản quốc rồi đuổi họ ra khỏi đất nước. Cô đã bị đuổi khỏi nhà và làng rồi. Cô không biết sẽ đi đâu, nhưng biết mình phải làm gì.

“Tôi sẽ không chối Đấng Christ đâu! Tôi không muốn bỏ quê hương ra đi, và cũng sẽ không bỏ Đấng Christ. Ngài là Đấng duy nhất có thể

cứu tôi – hay cứu ông.” Purnima thấy người run lên khi nói ngang bướng với viên sĩ quan đang nổi giận, nhưng lòng đã quyết, và trong giây phút đó, cô biết số phận của mình đã được định đoạt. Cô và những người kia được ra lệnh chính thức phải lìa khỏi Bhutan trong năm ngày. Họ được lệnh đi đến Nepal.

Năm ngày.

Purnima còn chưa đầy một tuần với cuộc sống cô bé đã quen xưa nay. Những lời đe dọa của viên sĩ quan trước đó đã lan nhanh khắp vùng, chị và anh rể của cô đã bỏ đi trước rồi, và lo sợ giùm cho mạng sống của họ. Giờ đây khi Cơ Đốc nhân chính thức bị gọi là kẻ phản quốc, một số dân làng trực tính hơn xem đây là giấy phép để tấn công họ.

Trước khi Purnima có thể ra đi, em còn phải làm một việc nữa. Em cần thăm mẹ. Cha mẹ đuổi em ra khỏi nhà gần cả năm rồi. Giờ đây em thấy mình đang lên về nhà. Tin chắc ba mẹ đã nghe đồn về chuyến đi sắp tới của mình, em thầm cầu nguyện xin Chúa cho ba mẹ sẽ chịu gặp mặt đứa con gái bé bỏng của họ lần cuối. Chờ lúc sẫm tối, Purnima quay về dưới mái nhà cô đã lớn lên tại đó, mái nhà mà em đã bị đuổi ra khỏi khi mới mười hai tuổi đầu...

SỰ HỒI PHỤC KỲ DIỆU

Purnima đã lớn lên trong một làng Phật giáo nhỏ ở những ngọn đồi xanh bóng cây miền đông Bhutan. Cha em là một phù thủy địa phương và thường hướng dẫn những lễ nghi và dâng những sinh tế để đuổi quỷ dữ đang đe dọa làm hại cộng đồng của họ. Gia đình họ có tám người, không giàu cũng không nghèo theo tiêu chuẩn của địa phương, nhưng họ có một căn nhà lớn và mối quan hệ gần gũi với nhau. Sival người cưới chị Maya của Purnima, cũng sống chung với nhà em. Chắc Purnima đã lớn lên giống bao đứa trẻ khác trong làng nếu như chị Maya ốm yếu không hồi phục hết sức kỳ diệu.

Suốt ba năm, Purnima liên tục đứng nhìn xem cha dâng những con gà trên bàn thờ tạm thời của ông, đánh chiếc trống tự làm và kêu cầu các thần linh chữa lành bệnh cho con gái ông. Về sau, Purnima cứ ngồi bên giường Maya, cầu mong cho chị khỏe hơn, nhưng Maya chẳng khá hơn lên tí nào. Có ngày khỏe có ngày đau, nhưng cơn đau đón không

dứt trong bụng và những cơn nhức đầu kinh khiếp thường bắt chị nằm mọp mỗi trận suốt mấy ngày. Nhìn chị đau đớn, Purnima thường hỏi mẹ: “Vì sao các thần linh điên như vậy? Sao các sinh tế không công hiệu?” nhưng chẳng hề nghe câu trả lời.

Rồi sau bao năm bệnh tật đau đớn, Maya đứng dậy đi lại loanh quanh. Chẳng còn đau đớn nữa... chẳng còn nhức đầu như búa bổ nữa. Mẹ và ba Purnima sung sướng vì con gái họ đang cảm thấy khá lên nhiều, nhưng chẳng hài lòng về lời tuyên bố mới của Maya rằng Jêsus đã chữa lành cho cô.

“Làm sao con lại nói thế? Làm sao con lại sỉ nhục gia đình và cộng đồng mình như vậy?” Ba thốt lên. “Chúng ta là Phật tử, ba sẽ không nghe theo lời nào nữa về vị thần ngoại quốc này. Con hiểu không? Không nói thêm một lời nữa!” Ba rất tức giận. Còn tệ hơn nữa, ba sợ dân làng biết ra họ còn nghĩ đến đâu nữa. Thực ra, ông sợ cho chính mạng sống mình.

Nhưng Maya và Sival không thể chối đức tin họ mới tìm được. Khi một người bạn của Sival biết về bệnh của Maya, anh xưng mình là một Cơ Đốc nhân thâm lặng và cho Sival quyển Kinh Thánh. Anh cũng kể cho Sival nghe anh tin Chúa Jêsus có thể chữa bệnh cho Maya. Và Ngài đã chữa lành. Sau đó, đức tin họ lớn lên nhanh chóng khi họ cùng đọc quyển Kinh Thánh mới của mình.

“Nếu cứ khăng khăng làm Cơ Đốc nhân, con không được ở đây nữa!” Ba Purnima tuyên bố với Sival và Maya buổi tối cuối cùng đó. “Dân làng không bao giờ cho phép chuyện này. Họ sẽ đuổi chúng ta đi nữa, và đạo mới của tụi con sẽ gieo sỉ nhục và tai ương trên cả nhà.” Purnima hết sức đau lòng khi thấy chị và anh rể bị đuổi khỏi mái ấm gia đình. Tuy nhiên, dầu chỉ mới mười tuổi, cô cũng hiểu rất rõ cha đang nói đúng. Cô biết dân làng sẽ không bao giờ chấp nhận đạo mới này, thế nhưng cô không khỏi thâm kinh sợ sức khỏe mới hồi phục của Maya và ánh mắt mới mẻ làm sáng bừng cả khuôn mặt, ngay cả khi Maya gói ghém cửa cải ít ỏi của chị để ra khỏi mái nhà duy nhất chị từng biết. Ngoài nỗi đau ấy còn có chuyện Maya đã có thai sáu tháng.

Sau khi anh chị đi, trong nhà như có tang vậy. Mẹ của Purnima đau buồn, còn ba có vẻ hoang mang về chuyện đã ập đến trên gia đình. Purnima muốn nói chuyện với mẹ về chị Maya, nhưng chẳng ai được

phép nhắc ngay cả tên chị. Không ai được phép đến thăm anh chị trong nơi họ bị đày ra, túp lều tre nhỏ xíu ngoài làng bên cạnh vại dậm.

Nhưng khi Purnima nghe chị Maya sinh một bé trai, cô bé chẳng chịu thua nữa. Em sưng sốt khi thấy chị sanh đứa con khỏe mạnh, và không tài nào hết tò mò, nổi tò mò đã khiến em luôn luôn nghĩ đến sự lành bệnh lạ lùng của chị mình. Em tưởng tượng trông thằng bé phải ra sao đây.

Cô bé không ngừng thắc mắc: Thượng Đế nào chịu chữa lành mà chẳng hề đòi hỏi đền đáp gì cả? Maya và Sival tìm được gì trong đạo này mà giúp họ can đảm chống lại cả gia đình và xã hội như vậy – thậm chí đến độ bị đuổi ra khỏi nhà?

Những thắc mắc này khiến Purnima đánh bạo lẻn đến nhà chị thăm trong chuyến đầu hết sức cảnh giác. Băng ngang những cánh đồng và đi khuất dưới các gốc cây, cô bé nhanh chóng lội hết đoạn đường xa đã ngăn cách cô và chị suốt bao nhiêu tuần. Khi Maya mở cửa căn chòi bé nhỏ tội nghiệp của mình thấy Purnima run rẩy đứng ngoài cửa, chị thảng thốt khóc òa lên rồi giang tay ôm chầm đứa em gái bé bỏng.

Purnima bắt đầu lẻn đến thăm Maya thường xuyên. Cô bé không bao giờ ở lâu, nhiều khi chỉ ở mười lăm phút là đi ngay. Nhưng mỗi lần đến, Maya sẽ đọc cho Purnima nghe một câu chuyện từ Kinh Thánh, cô bé lắng nghe chăm chú, nuốt lấy từng lời. Cô rất thích câu chuyện Môise. Không phải vì những quyền năng kỳ diệu Thượng Đế đã hành động qua ông, nhưng bởi sự kiện ông bị ép phải rời quê hương rồi cuối cùng trở thành phát ngôn nhân của Đức Chúa Trời, cho dù ông nói năng rất khó khăn. Cô bé tưởng tượng, nếu là Cơ Đốc nhân, mình sẽ giống Môise.

Năm sau Maya sinh thêm một em bé nữa, là Esther và Purnima đến thăm thường xuyên hơn. Đối với bé Purnima đến thăm chị trở thành chuyến phiêu lưu để lén lủi qua những con đường trong làng đến thăm người chị bị đày của mình và đứa cháu trai cháu gái của mình. Cô lý luận: dù có bị bắt thì cũng không phiền phức nhiều lắm đâu. Dẫu sao mình cũng chỉ là con nít.

Nhưng mẹ Purnima không nghĩ như vậy. Một ngày kia mẹ bảo cô: “Purnima, ba mẹ đều biết con đang làm chuyện gì. Mẹ đã mất một đứa con gái rồi; mẹ không muốn mất luôn đứa kia. Hiểu chưa?” Purnima gật

đầu đồng ý với mẹ khi mẹ tiếp tục giải thích rằng Cơ Đốc giáo là đạo ngoại quốc và dành cho tầng lớp hạ lưu. Mẹ kết luận: “Đạo đó không dành cho làng chúng ta hay đất nước chúng ta. Maya đã bị Sival và bạn của nó lừa bịp.”

ĐƯỢC KÉO ĐẾN VỚI THƯỢNG ĐẾ MỘT CÁCH KHÔNG SAO GIẢI THÍCH ĐƯỢC

Nhưng Purnima rất thích những lúc ở với chị, và những chuyến lên đi thăm vẫn tiếp tục. Hôm Giáng Sinh, Maya và Sival cho Purniam cùng đi với họ đến một hội nhỏ được thành lập hơn mười tám tháng qua. Nhiều chuyến đến thăm chị như vậy đã gieo vũng vàng hạt giống đức tin trong lòng Purnima, và khi em nghe bài giảng về sự giáng sinh của Đấng Christ - Ngài đã sanh bởi nữ đồng trinh như thế nào, và đã đem sự cứu rỗi đến như thế nào - cô bé thấy mình bị hấp dẫn cách không sao giải thích được để kêu cầu Chúa từ tận đáy lòng.

Suốt nhiều ngày, cô chẳng kể cho ai biết mình đã tiếp nhận Đấng Christ, cho đến khi lên đến thăm chị Maya lần nữa và kể cho chị biết cô muốn chịu báp têm. Biết em quyết định như vậy, Maya hết sức vui mừng, nhưng trong lòng lo lắng không biết Purnima sẽ báo cho ba mẹ biết bằng cách nào đây. Khoảng ba tuần sau, và buổi sáng Chúa Nhật đẹp trời, Purnima chịu báp têm. Cô bé ra khỏi nước với lòng đầy tin quyết. “Chị Maya, em biết bây giờ mình phải làm gì rồi. Em phải kể cho ba mẹ nghe chuyện này. Em không thể giấu thêm nữa. Em muốn mọi người biết giờ đây em sống cho Đấng Christ – và em chẳng cần biết họ sẽ nói hay làm gì!”

“Nhưng Purnima ơi, mình còn nhỏ lắm; mới mười hai tuổi thôi, và em biết ba mẹ sẽ làm gì rồi đó. Em có thật sự sẵn sàng làm chuyện đó chưa? Chị còn có Sival, nên chị ra khỏi nhà thì cũng dễ hơn chút đỉnh. Có lẽ nên khoan nói cho ba mẹ – và cứ cầu nguyện tiếp đi.”

Purnima không chút nào nao núng. “Em không làm vậy được đâu chị Maya. Bây giờ em hiểu mọi chuyện lâu nay được nghe, mọi chuyện chị kể cho em nghe từ Kinh Thánh. Trước đây em không hề cảm thấy như vậy, và em biết chuyện đó có thật, giống như chị kể vậy. Làm sao em giấu luôn trong lòng để khỏi kể cho ba mẹ nghe được? Hơn nữa, em còn có chị...”

Nghe vậy, Maya xúc động ôm lấy em. “Dĩ nhiên em luôn có chị. Muốn chị đi chung với em không?”

Purnima trả lời: “Dạ khỏi. Chị về gần làng nguy lắm. Đừng lo. Không sao đâu.”

Maya nhìn theo buồn vui lẫn lộn khi đưa em nhỏ chạy về nhà. Chị không ngờ nổi tính cương quyết của đứa em, và dấu sợ phản ứng của cha mẹ, chị vẫn cảm thấy hết sức tự hào về Purnima bởi sự dạn dĩ của em. Chị trầm ngâm *Có lẽ Chúa có những kế hoạch đặc biệt cho em.*

Với vẻ ngây thơ của đứa bé mười hai tuổi, Purnima đơn sơ về nhà báo tin ngay. “Mẹ ơi, con là Cơ Đốc nhân.” Mẹ cô bé nghe điếng cả người.

Bà nói trong lo sợ: “Chắc con nói giỡn. Con nhỏ quá sao làm Cơ Đốc nhân được. Với lại mẹ đã bảo con mẹ không chịu mất thêm đứa con gái nữa đâu.

Nhưng Purnima tự tin xác nhận quyết định của mình. “Mẹ ơi, con không muốn phải bỏ nhà đi như chị Maya đâu. Con muốn ở nhà. Nhưng con đã quyết định trở thành Cơ Đốc nhân, và không gì làm con đổi ý được đâu.

Ngay tối hôm đó em bị đuổi khỏi nhà. Khi men theo con đường gờ đây đã quen thuộc đến nhà Maya cùng với mớ tài sản ít ỏi của mình, em còn nghe tiếng khóc của mẹ sau lưng. Cô biết mẹ yêu cả hai đứa con gái, nhưng cha mẹ sợ cách dân làng sẽ đối xử với họ. Mới đầu, Purnima cũng sợ nữa. Nhưng khi bước đi trong bóng đêm, em quyết định mình sẽ không sợ nữa.

Em sống với Maya và Sival kể từ đó, và tuy rất vui được ở với gia đình của chị, nhưng điều kiện ở đó rất eo hẹp, và họ phải vất vả mưu sinh. Rồi những đợt bắt giam khởi sự vào Lễ Giáng Sinh 1992, chính xác một năm sau khi Purnima theo Cơ Đốc giáo.

Cảnh sát trong lòng ngày càng sợ vì số Cơ Đốc nhân trong vùng ngày càng tăng nên bắt đầu tăng sức ép trên các tín hữu. Các Cơ Đốc nhân bị hỏi cung suốt nhiều tuần, và mỗi lần chính quyền địa phương đều thuyết phục hoặc ép họ chối Đấng Christ để trở về với cội nguồn Phật giáo. Đàn ông bị tát vào mặt và đánh đòn; một số còn bị nhốt cả tuần hoặc lâu hơn nữa trong trại tập trung lớn, và bị đánh đập tàn khốc ở đó. Những phụ nữ bị nhốt thì bị khinh miệt và bị kết tội là gái mãi dâm.

Đáp lại, một số tín đồ trong nhóm của em đã đồng ý chối Đấng Christ, nhưng cô bé Purnima chỉ càng thêm cương quyết hơn.

Giờ đây, đối với Purnima, chị em là Maya, anh rể là Sival, và những người bạn từ các làng lân cận thường xuyên thông công với họ, mệnh lệnh lớn nhất của nhà cầm quyền thật đơn giản nhưng hết sức đau lòng: “Ra khỏi Bhutan.”

“CON LÀM SAO CAN ĐẢM NHƯ VẬY?”

Tiếp tục băng qua những cánh đồng, Purnima thấy ánh đèn vẫn còn sáng ở khung cửa sổ nhà mẹ – nơi trước kia thường là nhà *cửa mẹ*. Em không biết mình sẽ nói gì với mẹ. Em không biết liệu mẹ có cho vào nhà không nữa. Họ chẳng nói chuyện thậm chí cũng chẳng thấy nhau kể từ đêm Purnima bị đuổi đi. Giờ đây bị bắt phải ra khỏi Bhutan, em cũng tự hỏi liệu mình còn bao giờ thấy mẹ lần nữa không?

Khi lặng lẽ đến cửa trước, em quyết định cứ lên tiếng. “Mẹ ơi? Mẹ ơi, con đây.”

“Purnima!” mẹ em vỗ chặt lấy đứa con gái. “Làm ơn nói với mẹ là con về nhà để ở lại đây. Nói với mẹ rằng con không phải là Cơ Đốc nhân nữa đi.” Purnima vẫn im lặng luôn mấy phút nữa. Em thấy được mẹ buồn biết bao; nước mắt tuôn ra rồi. Em không muốn làm mẹ khổ thêm nữa, nhưng phải nói với mẹ thôi. “Mẹ ơi, con phải đi khỏi Bhutan. Cảnh sát không cho con sống ở đây. Xin lỗi mẹ.”

Mẹ ngó cô con gái và thấy ghen với can đảm của con. Nhưng nó còn quá nhỏ, ngây thơ quá. “Purnima, con chưa đầy mười bốn tuổi mà. Con làm sao can đảm như vậy? Làm sao con bỏ quê hương được?”

Giờ đây, Purnima cùng khóc với mẹ. Em thổn thức: “Mẹ ơi con đâu có bỏ quê hương. Quê hương bỏ con đó chứ.” Em biết mẹ yêu em biết bao, và biết mẹ không muốn ép em ra khỏi nhà. Nhưng ai cũng sợ cả. Sợ những Cơ Đốc nhân, sợ Giáng Sinh, sợ Đấng Christ. Purnima không khỏi thắc mắc điều gì khiến họ sợ đến như vậy.

“Nè, con cầm lấy.” Bố của Purnima dúm cho em ít tiền. “Và nhớ cẩn thận.” Ông nhìn vào đôi mắt đẫm lệ của cô gái, ôm vội lấy con, rồi ra khỏi phòng.

Purnima còn lại với mẹ thêm vài phút nữa, cố ghi nhớ mọi nét trên khuôn mặt yêu quý của mẹ, giọng nói của mẹ, nhớ ánh mắt mẹ sáng

lên khi mỉm cười. Mẹ em rất đẹp, và em không biết khi nào mới có thể được gặp lại mẹ. Ôm chằm mẹ thêm lần cuối, rồi Purnima biến mất trên những cánh đồng lần chót.

Sáng hôm sau, cô bé đi cùng tám Cơ Đốc nhân khác từ hội của cô, họ cũng bị bắt phải rời khỏi Bhutan. Chính quyền cho một chiếc xe để đưa họ ra khỏi làng Purnima đến biên giới Ấn Độ. Từ đó, phải tự lo lấy thân.

“Ai sẽ làm người dẫn đường cho chúng ta?” Họ đùa với nhau, cố làm dịu bớt nỗi lo. Chưa ai trong số họ từng ra khỏi khu vực lân cận, và cũng không ai biết gì về nơi họ sẽ đến.

Qua khỏi biên giới một chút, xe dừng lại, và chín người tị nạn xuống xe. Họ nhìn xuyên qua đám khói xe dày đặc khi xe trở đầu và quay về. Đó là mối tiếp xúc cuối cùng của họ với Bhutan, và giờ đây nó cũng đi mất. Người ta bảo họ cứ việc đi “theo đường đó” vượt qua những ngọn đồi của Ấn Độ để vào Nepal.

BỊ ÁM ẢNH BỞI NHỮNG GIẤC MƠ

Nhóm tị nạn này đi bộ ba ngày không gặp trục trặc nào, nhưng ngày càng kiệt sức khi vượt núi. Khi đến một gốc cây to lạ thường trên đường, John – người đã trở thành người dẫn đường không chính thức của họ – đề nghị họ nghỉ tạm dưới gốc cây một hai ngày để lấy lại sức. Chẳng có gì phải vội, nhưng họ bắt đầu rơi vào hoàn cảnh khó khăn, và Purnima ngày càng sợ hãi. Em không muốn người khác biết, nhưng cứ khóc mãi cho đến khi ngủ vùi, và kể từ khi ra khỏi làng, những giấc chiêm bao sống động về mẹ cứ ám ảnh khi em ngủ. Đêm nay cũng chắc khác...

Ngày 8 tháng Ba, sinh nhật của Purnima.

Purnima nằm sát lại bên mẹ, nhìn bầu trời đêm. Hai mẹ con cùng thức xem các vì sao, chỉ ra những hình dạng trong trí tưởng tượng. Là con gái nhỏ, Purnima có nhiều giờ ở với mẹ hơn, và chưa bao giờ cảm thấy an toàn cho bằng khi chỉ có hai mẹ con ở với nhau một mình.

“Này, cô gái trong ngày sinh nhật, giờ đây lớn rồi, con sẽ làm gì?” mẹ hỏi đùa.

“Lớn rồi à? Mẹ nói gì vậy, lớn rồi là sao? Con mới mười bốn tuổi mà,” Purnima vừa nói vừa cười khúc khích. Em thường cảm thấy mình bị

vướng giữa tính trẻ con với những trách nhiệm đang lù lù đến của một người lớn, nhưng tối nay em vẫn cứ là con gái bé bỏng của mẹ.

Niềm vui của Purnima thật ngắn ngủi, kết thúc đột ngột khi em nhìn thấy bốn viên sĩ quan từ phía cánh đồng đi về chỗ họ. Em bắt đầu kinh hoảng, biết ra những người này đang đến vì cô. Có vẻ tò mò, nhưng dường như mẹ chẳng hề để ý.

Purnima chưa kịp trốn, bốn viên sĩ quan đã vây cô lại. Một người nắm chặt em, ấn những ngón tay dài ngoằng của ông vào tay em đau đến nỗi tay em tê nhói vì máu không chảy được. Em nài nỉ: “Thả con ra! Ông làm đau con!”

Chẳng ai trả lời. Purnima từ từ bị kéo ra khỏi mẹ rồi kéo ra khỏi nhà. Cả hai dường như biến mất từ xa.

“Mẹ! Mẹ ơi!” Tiếng Purnima vang trở về ngôi nhà “Mẹ ơi cứu con! Kêu họ dừng lại đi!” Nhưng chẳng ích gì. Mẹ em ngồi yên lặng trên ghế dường như chẳng chuyện gì xảy ra...

Purnima giật nảy mình thức dậy, hít một hơi sâu khi đầu óc em bắt đầu tỉnh dần. Em có thể ném được vị mặn từ giọt nước mắt khô quánh quanh miệng. Không biết bao giờ mới quen được với cảm giác hết sức cô đơn này.

Trời tối như mực, chỉ thấy được một mảnh trăng, chiếu yếu ớt trên những nhánh cây lớn phía trên em. Bắt đầu run, nên em kéo chiếc áo khoác mỏng chặt hơn quanh vai. Cuộn chiếc áo len làm gối, mắt Purnima nhìn thẳng vào màn đêm. Thật lạ, vẻ yên lặng của ban đêm sao mà kinh khiếp thế.

Có thực là ngày sinh nhật của mình không? em tự nhủ. Purnima cố tình xem hôm nay ngày mấy tháng mấy, nhưng chẳng ích gì. Những biến cố mấy tuần qua diễn ra nhanh đến nỗi em không còn tính ra được ngày nữa. Nhưng giờ đây chuyện đó có quan trọng gì.

Em tự hỏi là sẽ làm sao sống qua những ngày, tuần, thậm chí những năm sắp tới. Mọi điều em biết chắc chắn là đang nhớ nhà kinh khiếp. Khi trôi dần vào giấc ngủ, Purnima lại nghĩ về khuôn mặt ngọt ngào của mẹ và hơi ấm vì được mẹ vuốt ve.

BẦM DẬP, CHẢY MÁU, ... VÀ GÃY XƯƠNG

“Dậy đi! Dậy đưa tiền đây, bọn ta sẽ cho mày sống!”

Purnima bị đánh thức thô bạo bởi những tiếng nói ồn ào và đau nhói bởi một chiếc giầy đá mạnh vào hông.

“Tao nói có nghe không, ngồi dậy!” Đau đớn như xé toạc cả người em khi kẻ tấn công vô danh kia lại đá em lần nữa. Em không nhớ được bao nhiêu ông đang tấn công họ, có rất nhiều tên cướp. Nhóm của em chẳng có gì để tự vệ.

Tiếng kêu la của những bạn đồng hành nói cho em biết họ cũng đang bị những tên cướp đánh thê thảm. Purnima cố che thân khi bị đánh đá liên tục. Nỗi sợ tê điếng xông hăm em, nhưng đột nhiên một câu Kinh Thánh ủa đến trong trí – em nghĩ câu này từ sách Tin Lành Mathiơ – “đừng sợ kẻ giết thân thể.”¹

Giết thân thể, em tự nhắc lại cho mình, cầu nguyện xin Chúa cho đây không phải là số phận trước mắt của mình. Tâm trí em chạy nhanh hết sức khi nhớ lại năm tiền ba đã cho. Khi bọn cướp tiếp tục lục soát chiếc lều tạm bợ và cướp bóc của cải nghèo nàn của họ, Purnima cố túm lấy tiền đang nằm trong đồng đồ trước khi bọn cướp khám phá. Tay em nắm được thứ đang tìm thì liền lãnh thêm một cú đấm đau điếng ngay lưng, làm em nghệt thở. Em kêu cầu Chúa khi thu tay về để tự bảo vệ và cố lăn ra khỏi chiếc giầy đang đá mãi vào người em.

Sau khi bọn cướp lưu manh khùng bố đám dân tị nạn mệt đừ này và tịch thu hết của cải, bọn chúng bắt bốn Cơ Đốc nhân xếp hàng, có cả Purnima. Không một người tị nạn nào dám lên tiếng khi đứng đối diện với những kẻ tấn công. Có khoảng mười hai người, tên nào cũng quần khăn trùm mặt. Purnima nhìn những người đang đứng bên cạnh. Ai cũng đang sợ chết điếng. Em biết bọn cướp có bắn họ tại chỗ thì chúng cũng chẳng coi chuyện đó ra gì.

“Bọn bây chớ mà báo cho cảnh sát.” Một tên vừa cảnh cáo vừa vung súng lục vô tội vạ trước mặt họ. “Bọn bây mà báo, bọn tao trở lại giết ngay.” Ngón tay hắn vẫn cứ giữ trên cò, và cứ tiếp tục chĩa súng vào mặt mỗi người để tăng thêm sức mạnh cho lời nói. Purnima nhắm mắt lại vừa nghĩ không biết mình có nghe tiếng súng nổ không. Đến khi mở mắt ra, bọn cướp đã đi mất.

Những nạn nhân thương tích đầy mình cố hết sức tùm lại và bắt đầu xem thương tích. Dầu họ cảm ơn Chúa đã cứu sống họ, nhưng hết thấy đều bị bầm dập và chảy máu, và mọi người biết ra họ chẳng còn lại gì.

Bọn cướp lấy đi hết, ngay cả áo ngoài cũng không còn. Họ chưa hề hình dung chuyện đi đến Nepal lại đầy đầy hiểm nguy như thế.

Sáng hôm sau, John đón được chiếc xe tải lớn, sau cabin rỉ sét và chiếc thùng gỗ tự đóng. Biết chiếc xe đi đến Nepal, anh nài nỉ tài xế đang khi mọi người xúm lại thật nhanh. “Anh làm ơn chở chúng tôi đi được không? Chúng tôi không thể ở đây. Nguy hiểm quá.”

“Mấy anh có tiền không?” Người tài xế lớn tuổi vừa bước xuống xe vừa hỏi, nghĩ đã gặp dịp kiếm thêm vài dollar.

John giải thích đêm hôm trước họ đã bị cướp như thế nào và thực sự mất hết mọi thứ. Anh nói tiếp: “Xin làm ơn giúp cho, vài người trong nhóm không đi nổi nữa sau khi bị đánh.” Nhưng thậm chí sau khi thấy vết thương của họ, tài xế xe tải cũng không chịu cho đi quá giang. Anh vẫn đang chăm chú kiếm tiền.

John và những người khác quay đi, ngã lòng vì cơ may đi quá giang không còn, thì Purnima lên tiếng “Con có tiền.” Mấy người kia nhìn em sửng sốt, không biết làm sao em còn tiền sau khi họ đã mất sạch. Bọn cướp đã lục lọi rất kỹ.

“Hãy cứ coi như con giấu kỹ đi,” Purnima nói, vừa cười vừa đưa tiền cho tài xế. Người nhỏ tuổi nhất trong chín người tị nạn lại trở thành anh hùng của họ khi hết thấy họ ôm em và dón lên đàng sau xe tải. Đây không phải là lần chót bản tính thông minh và hào phóng của Purnima trở nên hữu ích.

Mặt trời chiều đang lặn giúp nhóm Cơ Đốc nhân này hồi sức và giúp họ chống lại cái giá lạnh vô tận vì ngủ trên đất ẩm ướt. Trong khi hầu hết mọi người tranh thủ ngủ, Purnima lại nghĩ về mẹ, và lần đầu tiên, em bắt đầu thắc mắc liệu mình có quyết định đúng không. Có lẽ đáng ra em nên giữ kín đức tin của mình, như Maya đã có lần gợi ý. Em mở quyển Kinh Thánh Sival cho mình sau khi chịu báp-têm và đã nhớ cảm ơn Chúa vì bọn cướp không thấy quyển Kinh Thánh có ích gì cho chúng.

Lật ra, Purnima nhanh chóng tìm được những đoạn ưa thích nhất của mình. Em đã đọc chúng hàng trăm lần và đánh dấu để dễ tìm thấy. Kể từ những lần đầu đến thăm Maya, em đã bị cuốn hút bởi những câu chuyện phiêu lưu trong Kinh Thánh. Em nghĩ đến Mari và Giô-sép chạy trốn đến Aicập, Đavít phải chạy trốn thế nào khỏi tay của vua Saul, và

nhớ đến nhân vật ưa thích của mình trong Kinh Thánh, là Môise, người đã trốn khỏi Ai Cập. Những câu chuyện này tiếp thêm cho Purnima lòng can đảm đối diện thêm một ngày mới. Nắm chặt Kinh Thánh, em biết mình đã có bạn đồng hành tốt.

NHỮNG NGƯỜI TỊ NẠN ĐƯỢC ĐOÀN TỤ

Đến tối, cuối cùng tài xế cũng dừng lại tại thành phố Ấn Độ Ason, cho các hành khách biết ông cần đổ thêm nhiên liệu và lấy một số hàng. Ông nói họ có vài giờ trước khi lên đường trở lại. Tận dụng cơ hội hết sức cần thiết để vươn duỗi đôi chân, Purnima và những người kia bắt đầu đi dạo phố, cuối cùng gặp được vị mục sư tại địa phương. Vị mục sư này cũng đến từ Bhutan, và ông kinh ngạc trước câu chuyện của họ và tinh thần sẵn sàng bỏ mọi sự để đi theo Đấng Christ. Ông đặc biệt kinh ngạc bởi em Purnima. Ông kéo John ra một bên và hỏi em bao nhiêu tuổi.

“Tôi không rõ, mười ba mười bốn gì đó,” John trả lời.

“Em có đi với ai trong gia đình không?” Vị mục sư hỏi thăm.

“Không. Gia đình chị cháu cũng đi đến Nepal, nhưng họ đi trước chúng tôi. Chúng tôi không biết giờ họ ở đâu.”

Vị mục sư không khỏi cảm thương cô bé Purnima. Ông hỏi John xem có thể mời Purnima đến sống với gia đình mình không. John đồng ý đấy là ý hay. John cũng lo lắng cho em nữa. Anh khích lệ mục sư mời thẳng với Purnima.

Purnima đồng ý đến ở với vị mục sư và vợ ông. Thật dễ chịu khi lại được sống trong một gia đình. Nhưng đây không phải là gia đình *của em*, nên em tiếp tục cầu nguyện để được đoàn tụ với chị Maya. Em không biết làm sao đoàn tụ được; em chỉ cầu nguyện mong ngày ấy đến.

Ba tháng trôi qua, mục sư mời Purnima cùng đi với họ đến dự một hội đồng của Cơ Đốc nhân mà ông bà chuẩn bị đến dự ở ngoại ô Ason. Em sung sướng nhận lời, không biết rằng anh rể của mình, là Sival, cũng sẽ đến dự.

Em thật xúc động khi thấy Sival và nhanh chóng quyết định trở về Nepal với anh, một quyết định khiến ông bà mục sư rất buồn. Ông mục sư hỏi: “Con có chắc là con muốn đi không, Purnima? Con có biết ở

Nepal sẽ khó cho con đến mức nào không? Con sẽ bị bắt vào sống trong trại tị nạn.”

Purnima nghe ông nói, biết ông nói đúng. Ông bà mục sư đối đãi với em giống như con gái của họ, và *thật khó* lia họ. Nhưng chí em đã quyết. Em trả lời: “Dạ, con biết rõ. Con muốn được ở với gia đình của mình. Con rất biết ơn lòng tử tế của ông bà, nhưng con tin đây là ý muốn của Chúa cho con.”

Purnima và Sival đến trại tị nạn ở biên giới phía bắc Nepal vào lúc đêm tối đầy mây, nên em không thấy liền căn nhà mới của mình. Điều quan trọng lúc đó là được gặp lại Maya. Hai chị em ôm lấy nhau sung sướng vô ngần. Sau đó, Purnima ngủ liền trên tấm chiếu tre mỏng.

“Purnima, dậy đi!” Bé Esther đang chạy quanh đầu Purnima, vừa vỗ tay vừa cười trong túp lều đầy nhóc người. Khi mở mắt, điều đầu tiên Purnima nhìn thấy là một khung tre ọp ẹp trên có phủ tấm nhựa dày – là “mái” lều của họ. Ngồi dậy, em nghe âm thanh như hàng trăm người ồn ào ngay bên ngoài cửa lều. Purnima nhanh chóng thấy rõ tình trạng đông chật cứng và nghèo khổ tột cùng của hàng ngàn gia đình đang sống ở đó. Càng xem trại, em càng tuyệt vọng.

Maya, sung sướng vì lại được ở cùng em gái, cố động viên tinh thần Purnima. “Purnima nghe này,” cô nói với đứa em bé bỏng. “Chị biết chỗ này tồi tệ, nhưng cánh tay của Chúa vẫn luôn ở trên chúng ta, bất kể chúng ta đang ở đâu. Chắc chắn Ngài có việc cho mình làm ở đây. Cứ nghĩ đến bao nhiêu người ở đây chưa hề được nghe về Đấng Christ. Em cũng biết người ta luôn luôn được kéo đến với em. Họ nghe em khi em kể cho họ biết về Chúa – có lẽ vì họ chưa quen nhìn thấy một vị truyền đạo nhỏ tuổi và xinh đẹp đến thế.”

Purnima đỏ mặt mỉm cười. Em nói: “Em nghĩ vậy. Nhưng chị nghĩ mình sẽ phải ở đây bao lâu? Có thật kế hoạch của Chúa là mình sẽ không bao giờ trở về quê hương không?”

Maya không biết trả lời ra sao, nhưng kéo Purnima sát lại ôm ghì lấy em. Chị muốn mình thật mạnh mẽ cho đứa em gái bé bỏng, nhưng sự thực là chị cũng thường tự hỏi y như vậy.

Nhiều tuần trôi qua, Purnima dần dần khám phá ra những gì được làm và không được làm trong nếp sống trại tị nạn. *Nên* thử và kiếm “giấy phép rời trại” khi tính ra khỏi trại tị nạn để đi vào các làng xung

quanh. *Đừng* kể cho nhà cầm quyền biết mình đi ra để giảng Tin Lành và phát truyền đạo đơn. *Đừng* tổ chức những buổi nhóm đông người với các Cơ Đốc nhân khác trong trại; gắn bó với các nhóm nhỏ và các buổi nhóm “Hội Thánh trong nhà.” *Nên* tận dụng các buổi học tiếng mà trại cho, và vân vân. Trại tị nạn có một nền văn hóa và nếp sống của riêng nó, không hề giống với những gì Purnima đã chờ đợi.

ĐAM MÊ CHIA SẺ TIN LÀNH

Đỉnh cao trong nếp sống tại trại tị nạn cho Purnima chính là sự phát triển sốt sắng của Hội Thánh đang diễn ra giữa vòng hàng ngàn người tị nạn. Em được hưởng sự ăn năn của gia đình Đấng Christ và tình bạn gần gũi mà em đã có được. Nhiều khi em và các bạn phải lén vào trong các nhóm nhỏ, tránh bị phát hiện, để thăm các Cơ Đốc nhân khác ở các trại và các làng lân cận; họ tận dụng những cơ hội này để tập thứ ngôn ngữ mới đang khi giảng đạo. Purnima cảm thấy hài lòng trong những chuyến phiêu lưu ấy khi em tiếp tục khám phá ra những ân tứ âm nhạc và lòng thương mến say mê ngày càng lớn mạnh đối với người bị hư mất. Với niềm đam mê chia sẻ Tin Lành, em hầu như quên mất nỗi vất vả khổ cực của nếp sống tại trại tị nạn.

Purnima và những người bạn tiếp tục những chuyến truyền giảng Tin Lành ở bên ngoài trại cho đến năm sau, khi họ bị bắt gặp. Nhóm này lên đường vào rạng sáng ngày Chúa nhật mát mẻ của tháng tám, đi hai giờ đồng hồ, để đến chỗ của Hona. Hona đã nghe về những Cơ Đốc nhân hăng hái trong các trại tị nạn và mời một nhóm người của họ đến thông công trong nhà ông và truyền giảng tại chợ địa phương. Purnima và nhiều người nữa vui vẻ nhận lời.

Lặng lẽ đi từng nhóm hai hoặc ba người, mười một người trong nhóm lẳng lặng ra khỏi trại tị nạn rồi gặp nhau sau khi đi khoảng một dặm. Mang theo Kinh Thánh, vài tờ truyền đạo đơn, đàn ghi ta, những Cơ Đốc nhân này rất hào hứng trước viễn cảnh được giảng Tin Lành tại một làng mới cho những người chưa hề nghe Tin Lành. Nhưng họ biết sẽ phải đi thật nhanh để trở về trại trước lúc trời tối. Họ đến nhà của Hona vào giữa trưa, và sau khi thông công khoảng ba giờ, họ đi ra chợ. Chỉ mới vừa hát được vài bài thì có năm sĩ quan cảnh sát đến. Họ ra lệnh “đi với chúng tôi.”

Nhóm người sùng sờ này không còn cách nào khác hơn đi theo các sĩ quan, và chẳng mấy chốc đã ngồi trước mặt viên đại úy trông rất lạnh lùng. Ông ta hỏi: “Mấy người từ đâu tới? Ai cho phép mấy người ra khỏi trại? Ai cho phép truyền đạo của mấy người tại Nepal?”

“BẠN NGƯỜI KHÔNG CÓ QUYỀN LỢI GÌ Ở ĐÂY CẢ!”

Cả ngày chờ trong ngục ẩm thấp tối tăm trong khi viên đại úy hỏi cung riêng từng người, nam trước rồi nữ sau. Purnima càng lúc càng mệt, nghĩ đây chỉ là hiểu lầm, nên quyết định thách thức viên sĩ quan. “Chúng tôi chẳng làm gì sai cả. Sao ông giữ chúng tôi ở đây? Xin cho chúng tôi về. Chúng tôi phải trở về trại trước khi trời tối. Viên đại úy quát lên “Không được! Tối nay mấy người phải ở lại đây, ngày mai sẽ đến viên chỉ huy quận.” Purnima sợ hãi rụt người lại trước vẻ hài lòng của viên đại úy khi bắt và nhốt họ. Cô và ba chị khác bị nhốt trong một xà lim nhỏ xíu, dơ dáy, họ ngồi tùm tùm lại với nhau trong đó và sốt sắng kêu cầu Chúa suốt đêm, xin Ngài bảo vệ. Trước đó họ đã biết sẽ rất nguy hiểm khi giảng đạo ở Nepal, nhưng còn quá nhiều người chưa từng nghe Tin Lành đang sốt sắng tiếp nhận đạo đến nỗi phần thưởng dường như rất xứng để chịu lấy nguy cơ liều lĩnh này.

Sáng hôm sau, cảnh sát gom mười một Cơ Đốc nhân lại với nhau. “Nếu có tiền, các người có thể mua thứ gì đó để ăn trưa,” một sĩ quan ra lệnh. “Giờ đây, chúng ta sắp đi bộ xa lắm đó.”

Purnima đưa mắt thăm dò các bạn của mình, nhưng quyết định không lo lắng nhiều. Chắc chắn hôm nay đến văn phòng chỉ huy quận sẽ loại bỏ được hết mọi rắc rối này.

Lê bước cả ngày băng qua rừng già, mười một Cơ Đốc nhân và chín cảnh sát đầy đủ súng ống. *Mình đoán bọn mình trông có vẻ nguy hiểm lắm*, Purnima suy nghĩ, mắt nhìn vào mấy cây súng. Các bắp thịt tê cứng, nổi loạn không muốn vượt qua đường đi khó khăn này. Vì cô bé và những người kia không có tiền, nên họ chẳng có thức ăn nước uống gì ngoại trừ khi vượt qua dòng suối.

Cuối cùng đến tối họ cũng đến văn phòng quận. Purnima kiệt sức, lạnh, đói, nhưng vẫn cảm thấy được khích lệ rằng Chúa ở với họ và vững tin họ sẽ sớm trở về nhà. Nhưng những hy vọng của cô bé tan biến ngay khi cuộc hỏi cung bắt đầu. Năm sĩ quan ngồi đằng sau cái bàn

gỗ dày, trong ánh đèn leo lét của phòng hỏi cung, và họ hỏi dồn dập các Cơ Đốc nhân trong cơn tức giận: “Ai cho phép các người giảng ở chợ Jhapa? Ai đang hậu thuẫn trả lương cho tụi bây? Tụi bây lấy tài liệu ở đâu ra? Lũ tị nạn bần thiếu! Bọn người không có quyền lợi gì ở đây cả.”

Ai cố trả lời cuộc tấn công quát tháo ồn ào này đều bị vả vào mặt hoặc bị đá. Nhưng tù nhân cũng bị vả và đá khi họ *không* trả lời. Cuộc hỏi cung – và đánh đập – cứ tiếp diễn suốt mấy tiếng, cho đến khi một sĩ quan khác bước vào nói: “Đủ rồi. Tối nay tới đó thôi. Cho chúng ít thức ăn, rồi ngày mai tiếp tục.”

Hoàn cảnh trong xà lim này còn tệ hơn cả ở trong ngục đầu tiên. Purnima kiểm lại mật đang ulla lên cổ họng khi cảm thấy muốn nôn ọe. Nền xi măng lạnh ngắt, thậm chí không có lấy cái xô để đi vệ sinh.

Buổi sáng, Purnima và các chị kia chờ đợi trong xà lim thấp thỏm sợ hãi. Các sĩ quan bắt đầu đưa tù nhân ra từng người một để hỏi cung. Viên chỉ huy quận nói với Purnima rằng họ có bằng chứng cho thấy cô và các bạn đã phá hủy một ngôi chùa Phật giáo và xúc phạm các thần linh của họ.

“Không, không đúng đâu!” Purnima kêu lên không tin. Viên sĩ quan này vả ngay vào mặt cô.

“Con bé dối trá trơ tráo này!”

Ông thét lên. “Liệu mà nói thật, may ra còn được lãnh bản án nhẹ nhàng. Nếu tiếp tục nói láo, mày sẽ lên nhà tù liên bang ở lâu lắm đó.” Purnima bắt đầu kinh hoảng, nhưng vẫn giữ vững lập trường. Cô bé cứ bị vả vào mặt và bị đá liên tục, một lúc sau rơi vào trạng thái kỳ quặc khi thói tàn bạo của con người đổ dồn trên cô. Ngoại trừ trận trấn lột trong đêm tối đầu tiên tại Ấn Độ, cô thực sự chưa từng biết con người có thể gian ác đến như thế. Nhưng trong suốt hai mươi tám ngày tiếp theo, cô đã được học một bài thật khắc nghiệt. Một bài rất khó cho cô bé mười lăm tuổi.

Những ngày hỏi cung dài đằng đặc, kéo dài lê thê khi các sĩ quan tiếp tục sử mạng làm xuống tinh thần của Purnima và các bạn cô. Thông lệ này luôn luôn như nhau, ngoại trừ chuyện họ không biết ai sẽ được kêu đầu tiên được kêu đi hỏi cung và đánh đập cho mỗi ngày. *Hỏi*

cung, trả lời sai, tát vào mặt. Câu hỏi nữa, một câu trả lời sai nữa, một cái tát nữa. Và cứ thế tiếp tục.

Trong xà lim, Purnima và các cô gái khác hát nhỏ và cầu nguyện đến khuya, cố gắng nói những lời đầy hy vọng để khích lệ nhau. “Cứ chờ ở đó. Sẽ chóng qua thôi, rồi chúng ta lại về nhà,” họ thầm thì trong bóng tối.

Nhà, Purnima nghĩ cách mỉa mai, giờ đây nó là một từ ngữ tương đối.

THỎA MÃN VỚI SỰ BÌNH AN CỦA CHÚA

Ở trại, Purnima không ngừng nghĩ đến cha mẹ, và cô bé nhớ nhà mình tại Bhutan biết bao. Nhưng giờ đây, cô nhớ chị và chiếc lều nhỏ bần thủ trong khu tị nạn đông nghẹt người hơn bao giờ hết. Cô không biết đứa cháu gái và trai đang làm gì, và không biết Maya làm sao lo liệu. Chị có nhận được tin gì về tung tích của Purnima chưa?

Ồ, Maya, em rất tiếc đã gây cho chị quá nhiều rắc rối. Chắc chị phải nổi điên lên mất, Purnima nghĩ.

Thực ra, một vài Cơ Đốc nhân trong trại tị nạn, kể cả vị mục sư của hội này, đã nghe nhiều tin đồn về việc bắt nhóm này. Thậm chí họ còn đến trại tập trung nơi nhốt Purnima và những người khác, rồi cuộc bị các sĩ quan đánh đập tàn nhẫn rồi đuổi về. Mười một Cơ Đốc nhân bị bỏ tù được biết chuyện đang diễn ra, và họ bàng hoàng bởi những trận tấn công vô cơ vào các bạn của họ.

Sau hai mươi lăm ngày bị giam, một lính gác đến sớm đưa Purnima đi. Viên chỉ huy quận đang chờ cô trong phòng hỏi cung quen thuộc, sẵn sàng giáng hết cơn tàn bạo. Một lần nữa các câu hỏi bắt đầu: “Ai bảo mi giảng đạo? Mi còn nhỏ quá mà. Có lẽ không phải lỗi của mi. Chắc hẳn có ai đã ép mi đến vùng này và hứa cho mi tiền. Ai gửi tiền cho mi? Nếu cho ta biết là ai, mi khỏi bị đôn nữa. Không chừng còn được trở về trại nữa.”

Đối với Purnima, vài phút tiếp theo dường như dài vô tận. Mệt mỏi và kiệt sức vì thiếu thức ăn – những người tù này được ăn cơm mỗi ngày hai lần – và dơ bẩn vì không thể tắm, đầu vậy cô bé vẫn cảm thấy sự bình an của Chúa đang bùng lên trong cô qua những buổi này. Hoàn toàn chìm đắm vào hiện diện của Đấng Christ đã giúp cô rất nhiều khi

cô bé cầu nguyện xin Chúa tha thứ cho những người tra tấn mình và ban cho mình sức mạnh để chịu đựng bất kỳ điều gì sắp đến.

“Trả lời những câu hỏi của tao đi!” Viên chỉ huy hét lên.

Purnima lấy hết can đảm để chuẩn bị nhận cái tát. Cô biết ông ta không thích câu trả lời của mình. “Tôi tiếp nhận Đấng Christ không vì tiền hay để được trả lương vì bất cứ thứ gì khác! Tôi đã tiếp nhận Đấng Christ vì chị tôi bị bệnh suốt ba năm, rồi khi chị tiếp nhận Đấng Christ thì được chữa lành cách diệu kỳ. Tôi đã chứng kiến rất nhiều phép lạ, và tôi có bình an vui mừng. Chẳng còn lý do nào khác nữa.”

Bực tức, viên chỉ huy tiến đến sát mặt cô bé chùng vài phân. Người thấy hơi thở và nhìn ánh mắt hung dữ u tối của ông ta khiến cô bé sợ hãi, nhưng cô bé cố gắng để không rùng mình rụt lại. “Mày nói láo!” Hắn hét vào mặt cô bé. “Tao biết mày đang giấu điều gì đó. Mày đâu có nói thật. Giờ đây mày sẽ phải đi tù rất lâu đấy. Đã sẵn sàng đi tù chưa?” Purnima chưa kịp trả lời, hắn đã vả cô thật mạnh, đánh văng cô bé ra khỏi ghế. “Đưa nó về xà lim,” hắn ra lệnh.

Các bạn cùng xà lim của Purnima há hốc khi thấy khuôn mặt yếu ớt bầm dập của cô bé, đã bị sưng vù lên vì cái tát hung ác. “Đừng sợ,” Purnima nói dối, mắt ứa lệ. “Không đau như mới thoát thấy đâu.”

Mấy chị biết không phải vậy đâu, vì họ cũng bị đau đớn và sỉ nhục từ các viên sĩ quan nhẫn tâm kia. Họ an ủi Purnima hết khả năng của mình, thấy thương hại các sĩ quan không chịu tin câu chuyện của họ. Cảnh sát dường như không tin nổi Purnima và các bạn cô không hề nhận tài trợ tiền bạc nào bên ngoài từ người ngoại quốc. Họ tin Kinh Thánh và truyền đạo đơn đến từ bên ngoài Nepal, vì Cơ Đốc giáo là đạo ngoại quốc. Họ không chịu chấp nhận rằng đạo được truyền bá từ bản xứ và không hề bị thúc ép hay được hứa hẹn gì về tư lợi.

Mấy ngày tiếp theo trôi qua yên ắng trong khi Purnima và những người khác tự hỏi về số phận họ. Cầu nguyện và hát thầm giúp làm dịu tâm trí họ và giết thì giờ, nhưng Purnima có cảm giác không dễ chịu về tình trạng đột nhiên thiếu liên lạc với những kẻ đã bắt họ. *Liệu họ đang làm gì thế? Vì sao họ không thả chúng ta ra?* Cô bé tự hỏi.

“PHƯỚC CHO TÔI”

Cuối cùng, sáng sớm thứ ba, ngày 20 tháng Chín, nhóm người này một lần nữa bị tập trung lên văn phòng viên chỉ huy quận. Purnima biết có chuyện gì đó đang xảy ra, vì mãi đến lúc đó, tù nhân nữ vẫn bị tách riêng khỏi tù nhân nam. Gần như chẳng ai nói gì khi những kẻ tị nạn bị bắt xếp hàng cách thô bạo và bị còng tay, sau đó đi băng qua quảng trường trong làng đến văn phòng hành chánh lợp mái tôn. Purnima rất phấn chấn vì được đi ra ngoài ánh mặt trời, cho dù chỉ trong một thoáng ngắn ngủi, đến nỗi cô bé quên khuấy không còn lo nghĩ chuyện gì đang chờ họ.

Căn phòng đầy nghẹt người khi nhóm này được đưa lên phía trước và ngồi kế bên luật sư đã được tòa chỉ định cho họ. Ở mé kia căn phòng, luật sư của chính quyền đang đưa ra những lời buộc tội chính thức lên án mười một người này. Mía mai thay, khi đọc những lời buộc tội đã bịa ra, danh sách gồm những lời nói dối về việc phá những đền thờ Phật giáo và giết những con bò thiêng – Purnima thực sự bắt đầu cảm thấy có hy vọng. Có lẽ đây là ngày minh oan cho họ, và họ sẽ được thả tự do. Chắc chắn quan tòa có thể thấy họ vô tội.

Luật sư của họ cũng tranh luận thuyết phục lắm, nhưng luật sư tố tụng hiển nhiên đã có kịch bản để đi theo, và chuyện phạt những Cơ Đốc nhân này dường như là mục tiêu chính của ông ta khi ngày hôm ấy kéo lê mãi đến tối. Gần mười giờ đêm ấy, quan tòa cuối cùng mới ra phán quyết và bản án đã được tuyên đọc cho nhóm người mệt mỏi này. Purnima đứng lên khi nghe kêu tên cùng với tên của những tù nhân khác. Cô bé giật nảy người khi quan tòa nghiêm khắc tuyên án họ sẽ bị giam ở nhà tù liên bang trong ba năm.

Ba năm. Những chữ này cứ réo lên trong trí Purnima. Purnima hứa với Chúa rằng cô bé sẽ trung tín bất luận Ngài sai cô đến đâu: trốn khỏi nhà... ra khỏi Bhutan... vào trại tị nạn. Nhưng *vào nhà tù?* Thật quá sức chịu đựng của một cô bé mười lăm tuổi. Cô bé nhắm nghiền mắt và một lần nữa tìm sự an ủi nơi những câu chuyện Kinh Thánh mà cô bé nhớ thuộc lòng. Cô bé hình dung Chúa Jêsus đang ngồi trên đỉnh núi, dạy các môn đồ Ngài, rồi cô bé cảm thấy lấy dần được can đảm khi những lời quen thuộc tràn qua trí cô: *Phước cho những kẻ chịu bắt bớ... vì nước Thiên đàng là của những kẻ ấy. Phước cho những kẻ chịu bắt*

bớ... Phước cho những kẻ... cô bé dừng lại khi nhận ra được chân lý. Phước cho tôi...”²

Thật khó mà nghĩ bản án tù là một phước hạnh; tâm linh và tâm hồn của Purnima chấp nhận sự kiện này trước khi lý trí của cô chịu chấp nhận. Nhưng trong những ngày sắp đến, lời hứa này sẽ trở thành nguồn sức mạnh của những người tù khi họ thường xuyên cùng nhau lập lại những lời này.

Giờ đây họ bị xiềng từng đôi một và được dẫn ra khỏi phòng xét xử để bắt đầu một hành trình gian khổ nữa xuyên qua rừng rậm. Nhà tù ở trên đỉnh núi cách đó nhiều dặm. Khi tâm trí Purnima diễn lại buổi xét xử tại tòa, cô càng tin quyết về vai trò của Chúa trong những điều đang xảy ra cho họ. Họ đã bị vu cáo và bị bỏ tù vì cố Đấng Christ. Chính hiểu biết này an ủi Purnima, và cô bé cảm thấy mình được hưởng đặc ân để được kêu gọi chịu khổ vì Đấng Christ. Nhìn mười người bạn của cô bé đang lê bước qua rừng rậm, một lần nữa cô bé biết mình đã có những bạn đồng hành tốt.

“CHÀO MỪNG ĐÃ ĐẾN ĐỊA NGỤC”

Họ đến cổng tù vào lúc ba giờ sáng. Dưới ánh trăng, Purnima có thể thấy những vách tường cao bao quanh khu nhà và những cánh cổng lớn ở bên ngoài vang lên những tiếng cọt két báo điềm chẳng lành khi mở ra đón họ. Nơi này có bầu không khí ẩm đạm, oi vè, trông có vẻ như đã một thời là đồn lớn, nhưng giờ đây hư nát trầm trọng. Họ đi băng qua sân lộ thiên tiến vào những tòa nhà bên trong, Purnima lén liếc nhìn lần cuối qua sau vai khi những cánh cửa lớn đóng lại sau họ. Tiếng đập sầm thật lớn dội lại qua nhà tù, ngôi nhà mới của cô bé.

Purnima và các chị khác được nhận tấm chiếu rơm mỏng rồi được dẫn vào xà lim của mình. Hầu như tối đen, nhưng dần dần mắt họ có thể nhận ra bóng của nhiều người khác đang ngủ trên sàn. Tiếng nói đáng sợ vang lên dưới mặt đất: “Xin chào. Chào mừng đã đến địa ngục.”

Purnima lo sợ tự hỏi những bạn tù của cô là ai. Họ đã phạm những tội nào? Họ có hung dữ không? Họ có thích cô không? Những câu hỏi không ai giải đáp lại càng dọa làm cô bé nản chí đang khi tìm chỗ trống

đọc vách tường ngoài rồi ngồi bó gối sát vào người. Cô bé đang kiệt sức nhưng cảm thấy sợ quá không ngủ nổi.

Chỉ vài giờ sau những tia sáng mặt trời lờ mờ len qua những khe ở tận mái đầu trên các vách, cho Purnima và các bạn quan sát chung quanh. Căn phòng không rộng, nhưng không quá đông. Có năm tù nhân khác trong xà lim của họ, và mỗi chị dường như đã dành chỗ riêng cho mình, gom đồ đạc ít ỏi trên sàn nhà quanh họ. Phòng tắm, nếu gọi được như thế, là cái bệ xi măng cao ở kế vách tường ngoài. Có một bồn rửa sét nhưng không có xà bông, không nước nóng, không có cửa. Một cái lỗ trên bệ xi măng thông ra cái hố đào bên ngoài mà Purnima vì thấy mùi nên nghi nó chưa bao giờ được dọn rửa. Mùi hôi thối dưới hố bốc lên khắp xà lim.

Những vách bê tông của nhà tù ố những lớp sơn bao năm ố bần. Sàn nhà lạnh lẽo, ẩm ướt, dơ dáy. Một cánh cửa sổ nhỏ, khoảng ngang tầm mắt, để cho tù nhân nhìn ra ngoài sân và nhìn sang xà lim rộng hơn nhiều của tù nhân nam ở mé bên kia. Tuốt trên cao của sân là một lối đi men có rào, lính gác ngục có thể từ đó đứng canh, dầu vậy Purnima vẫn chưa thấy có lính canh nào ở đó cả.

Tulasa là xếp tự phong của xà lim này. “Tại sao mà vào đây?” Cô ta hỏi thẳng thừng, nhìn thẳng vào mặt Purnima. “Mày không nghĩ là còn quá nhỏ không để bị nhốt vào đây sao?”

“Em không biết mình có nhỏ quá không,” Purnima đáp lời, “Nhưng chúng em ở đây vì là Cơ Đốc nhân.”

“Cơ Đốc nhân hả?” Tulasa gần như nói toạc ra chữ này. “Vì sao họ lại nhốt các người vì làm Cơ Đốc nhân? Góc ghéch đâu phải là phạm luật pháp.” Những người khác hòa cười theo cô ta. Cô ta tự giới thiệu, nhưng lời nói chẳng chút ấm áp. “Họ bảo ta giết mẹ chồng,” cô ta càu nhàu. “Vì vậy ta sẽ ở đây một lúc, và ta rất biết ơn nếu mày biết giữ kín!”

Purnima không khỏi nhìn trừng trừng người đàn bà này, dầu vậy cô bé cảm thấy mình bị những lời gay gắt của Tulasa hăm dọa. Bằng cách nào đó, Purnima nghi có một tâm hồn dịu dàng đầy quan tâm ẩn đằng sau bộ mặt lạnh lùng ấy, và từ lúc đó trở đi, cô bé cầu nguyện xin Chúa cho mình cơ hội để khám phá tâm hồn ấy.

Tulasa trở về góc cửa chị ta ở trong xà lim, vừa đi vừa tuôn một tràng chửi thề. Purnima thấy cô ta có dư mên và nhiều của cải cá nhân khác, dấu hiệu cho thấy Tulasa đã ở đây lâu và đã nhận một số vật dụng từ bạn bè hoặc gia đình ở bên ngoài. Mặt khác, những người mới đến thì đến chẳng có thứ gì khác hơn bộ đồ đang bận. Sáng đầu tiên hôm ấy, họ ngồi co ro với nhau và cầu nguyện, cam kết với nhau sẽ khởi sự mỗi ngày bằng lời cầu nguyện, và kiêng ăn mỗi ngày thứ sáu. Những bạn tù mới này được giao những đồ dùng nấu ăn cơ bản, và mỗi ngày được nhận hai khẩu phần, thường là gạo và khoai tây. Thỉnh thoảng, họ được phát một khoảng tiền nhỏ để có thể mua các vật dụng cá nhân.

Những Cơ Đốc nhân nhanh chóng khám phá và điều chỉnh cho thích nghi với đời sống trong tù trên một số phương diện cũng giống như điều chỉnh theo cuộc sống trong trại tị nạn: Học các luật, cố tránh những rắc rối, và phải canh chừng sau lưng mình. Dĩ nhiên điểm khác biệt rõ ràng là họ hoàn toàn thiếu tự do và lính gác không chịu can thiệp khi có rắc rối xảy ra không tránh được.

Purnima nghĩ, nhưng ít nhất ở đây họ không phải đối diện với những cuộc hỏi cung và đánh đập hàng ngày, có thể hưởng thì giờ thông công tĩnh nguyện, bất chấp sự chế giễu không ngớt của các bạn tù khác trợn nói tục tĩu không ngớt. Nỗi lo lớn nhất của Purnima ra từ những lời nói dâm dục bóng gió của lính gác, bắt đầu ít lâu sau khi cô bé đến.

Vài tháng đầu kéo dài lê thê, và Purnima đã ngủ được đôi chút. Cô bé nhanh chóng biết được vì sao các bạn tù kia không làm “nhà” của họ dọc theo vách tường ngoài: ở đó lạnh lắm. Đến đầu mùa đông sức khỏe cô bé suy sụp, cô chẳng có áo ấm thậm chí một cái mền cũng không. Dần dần, quan điểm lạc quan của cô bé bị thay thế bởi cảm giác tuyệt vọng trong lòng. Biết chuyện đang xảy ra, Purnima lo lắng về thể yếu của mình và đức tin đang sa sút của mình. Một lần nữa, cô lại tự hỏi liệu có phạm sai lầm khủng khiếp không. Những giấc mơ về gia đình, về mẹ, cũng trở lại, khiến ban đêm lại càng không chịu nổi. Cô bé đã sẵn sàng đầu hàng.

Một trưa nọ, Purnima nghe những tiếng thét từ bên khu tù nhân nam, tiếp đó là những tiếng hét giận dữ vang lên: “Bắt lấy hắn! Bắt lấy hắn! Khử hắn đi!” Những trận đánh nhau bùng ra trong xà lim nam

không phải là chuyện bất thường, nhưng lần này cô bé lạnh sống lưng khi nghe tiếng thét lên: “Cứ khủ hẩn đi. Một tên Cơ Đốc nhân chết thì không thể cầu nguyện hay hát!”

Purnima biết những mối đe dọa này rất thực. Tulasa đã kể cho cô nghe có người bị giết trong xà lim nam ít lâu sau khi nhóm của họ vừa tới. Biết rằng một trong những bạn Cơ Đốc của mình sắp chết trong tay các bạn tù khác, Purnima hoảng loạn kêu cứu lính gác, nhưng không ai đến. Khóc thốn thức, cô ụp xuống nệm rơm và cầu nguyện. Và chính trong giây phút đó cô thấy cảnh giam cầm đối với những anh em bị nhét vào một xà lim với hơn hai trăm người đàn ông khác, đa số là những tên tội phạm hung bạo, thì còn gian khổ khó khăn hơn cảnh tù đầy đối với cô. Cô bé thấy mình đã trở nên ám ảnh với lòng thương hại chính mình – trong khi ở bên kia sông, một người bạn của cô đang bị đánh, thậm chí có lẽ còn bị giết chết nữa.

Cô cầu nguyện: “Lạy Chúa yêu dấu, xin đừng để họ giết chết anh ấy; xin đừng để anh chết.”

Rồi cô khóc, lần này không phải chỉ khóc cho mình, cho hết thầy họ.

Một anh tên Ashok là nạn nhân của trận tấn công ở xà lim nam; anh sống sót, nhưng thập tử nhất sinh. Cảm ơn Chúa vì anh được khỏe lại và quyết tâm thôi không tập trung chú ý đến chính mình nữa, Purnima tìm nhiều cách để làm chứng cho phụ nữ khác trong xà lim của mình. Cô bé biết mình phải bằng cách nào đó vẫn cứ hoạt động, nếu hy vọng sống sót qua án tù ba năm. Mấy tuần qua, cô bé không những để cho thân thể mình bị cầm tù, mà cả linh hồn và tâm linh nữa, và hoàn cảnh này phải thay đổi thôi. Cô bé cầu nguyện: “Lạy Chúa, xin chỉ cho biết mình có thể làm gì. Con được tự do để phục vụ Chúa, cho dù hoàn cảnh có ra sao đi nữa.”

Chuyện đó xảy ra cho cô bé lúc gần Giáng sinh...

MÓN QUÀ GIÁNG SINH

Người được gọi chỉ là “bác” đã trở thành người ở li một chỗ vĩnh viễn trong nhà tù liên bang. Ông ở đó lâu lắm rồi, và đi lang thang khắp nhà tù rất tự do. Người mới tới thường nghĩ ông là nhân viên nhà tù,

nhưng không phải. Mỗi tuần, ông cứ đi vòng quanh các xà lim, hỏi các tù nhân xem họ có nhờ ông mua thứ gì đó ngoài chợ không.

“Chào Purnima,” sáng hôm nay ông gọi cô. “Hôm nay bác làm gì được cho cháu đây, hay cháu cứ muốn giữ hết tiền của mình lại cho đến khi được thả ra? Mà cháu để dành tiền làm gì kia chứ? Nếu cháu không tiêu tiền đó thì có ích gì?”

Ngay khi nói những lời này, một ý tưởng nảy ra trong đầu cô bé.
Đúng rồi! Đây là việc mình sẽ làm. Cảm ơn Bác!

Cô vội giúi hết số tiền mình dành dụm được vào bàn tay đang chờ của Bác và thì thầm dặn dò qua song cửa xà lim. Nhìn Bác thong thả đi xa xà lim nữ, cô bé cầu nguyện để Bác mua đích xác những thứ mình đã nhờ. Bác nghĩ chắc cô bé này điên khi nghe cô bé nhờ, nhưng ông trả lời thật ngọt ngào: “Làm sao Bác từ chối khuôn mặt ngây thơ đến như thế?”

Khi Bác quay lại cũng cùng ngày đó, Bác trao một gói vào bàn tay háo hức của Purnima. “Tất cả đều ở đây,” Bác bảo đảm với cô bé. “Nhưng Bác vẫn nghĩ chắc cháu điên rồi. Nhà tù sẽ làm cho người ta điên như thế đấy, cháu biết không.”

Purnima mỉm cười nói lên những lời cảm ơn của mình rồi chìa tay qua các song sắt để bắt tay Bác. Rồi cô bắt đầu chuẩn bị trong khi những người khác nhìn cô. Cuối cùng, không giấu nổi vẻ tò mò, họ đến sát bên hỏi cô bé đang làm cái quái gì thế, nhưng Purnima không để ý đến họ và cứ tiếp tục làm và cứ tiếp tục làm. Cô mất hết cả buổi chiều còn lại, nhưng cương quyết làm cho xong. Cuối cùng khi xong, cô quay sang những người kia và tuyên bố: “Từ khi em vào ở đây, Chúa đã cảm động lòng em để dành dụm khoản trợ cấp trong tù của mình. Mãi cho đến hôm nay em vẫn không biết tại sao, nhưng giờ đây em biết mình phải làm gì. Em nhờ Bác dùng tiền này mua những con gà và rau quả ngon nhất mà Bác có thể tìm được. Và bây giờ, em đã nấu nó lên hết rồi - cho tất cả các chị đây.”

Sửng sốt đến không nói nên lời, mọi người nhìn cô đầy vẻ ngạc nhiên. Tusala nhìn cô bé đầy vẻ nghi ngờ, chờ đợi “cái bẫy,” và tự hỏi vì sao Purnima, cô bé mà mình chưa hề nói ra lời nào tử tế với nó, lại làm chuyện như thế. “Mi đang nói gì thế? Có mưu kế gì đây?” Cô ta hỏi mỉa mai.

“Tusala ơi, tôi chỉ muốn chia sẻ với chị – với tất cả các chị. Chẳng có mưu kế gì cả. Đây là món quà của tôi tặng các chị. Chúng ta cùng ăn đi!”

Tối hôm ấy, các bạn tù trong xà lim nữ có bữa ăn ngon nhất mà họ có thể nhớ đến. Ngay cả lính gác đi ngang qua cũng ghé mắt vào nhìn. Tin đồn nhanh chóng lan khắp tù: Purnima đã đãi một bữa tiệc!

Tối hôm sau, Tulasara rời góc của cô ta để đến ngồi bên cạnh Purnima. “Vì sao mi làm điều này cho bọn tao?” Cô ta hỏi, thành thực và lịch sự lần đầu tiên trước mặt Purnima. “Bọn tao chẳng làm điều gì hơn là chế giễu mi và bao nhiêu người kia kể từ khi các người vào đây. Nhưng đây là tiền *của mi*, tất cả tiền. Đương nhiên mi có thể dùng nó cho mình, cứ sao lại chi ra đãi bọn tao?” Tulasara hoàn toàn không hiểu nổi lòng tử tế ấy. Cô nghĩ Purnima một là rất đại, hai là rất khôn, và cô muốn tìm xem thử cô bé đại hay khôn.

“Tusala ơi,” Purnima mở lời, nụ cười nở trên khuôn mặt, “chị có bao giờ nghe về *Lễ Giáng Sinh* chưa?...”

Thế đấy, tình bạn không tưởng có nổi lại nảy nở giữa một tên sát nhân đã lãnh án với cô truyền đạo tuổi thiếu niên. Purnima kể cho Tusala nghe câu chuyện mình đã tiếp nhận Đấng Christ thế nào trong buổi nhóm Giáng Sinh gần ba năm trước. Với phong thái dịu dàng nhưng nhiệt tình của cô bé, trong mấy tháng tiếp theo Purnima thường nói cho Tulasara nghe về Đấng Christ, và lạ lùng thay, cả hai lại trở thành bạn thân. Trên một phương diện nhỏ bé nào đó, Tusala gọi cho Purnima nhớ về mẹ cô, và cô gái cảm thấy được yên ủi bởi tình bạn của phụ nữ lớn tuổi hơn. Dầu không biết tương lai sẽ ra sao, Purnima vẫn quyết tâm đối mặt thật can đảm. Cô nhận ra những yếu đuối của mình nhưng không chịu để cho chúng cầm tù cô. Cô sẽ vươn lên đến những thách thức đó và giao phó phần còn lại cho Chúa, như Môise đã làm.

ĐOẠN KẾT

Purnima, cùng với các Cơ Đốc nhân khác, đã được thả khỏi tù sau mười bốn tháng và sáu ngày. Tin đồn họ bị bắt giam đã lan về đến trại tị nạn và cuối cùng lan khắp thế giới. Một nhóm lãnh đạo Cơ Đốc quốc tế bắt đầu thỉnh cầu chính quyền Nepal phóng thích họ. Họ kêu nài đến

vua Nepal: “Chúng tôi biết bệ hạ đang giữ mười một Cơ Đốc nhân trong nhà tù liên bang. Và một trong đó chỉ là một đứa trẻ!”

Purnima và những người kia về sau được biết rằng sự phóng thích sớm cho họ là ơn phước còn lớn hơn cả mức họ nhận thấy nữa. Các quan chức cai tù đã định nhốt họ bảy năm (án tù đã được sửa đổi dành cho tội đưa người sang đi theo Cơ Đốc giáo).

Ngay sau khi họ được phóng thích, trước sự ngạc nhiên của các quan chức, họ xin được gặp các bạn tù ngày trước. Sau khi bị nhốt ba tháng, các Cơ Đốc nhân đã bắt đầu được người trong gia đình trợ giúp. Giờ đây, họ đưa cho các bạn tù của cải họ đã gom góp được, cũng như khoản tiền phụ trội mà Purnima đã dành dụm cho một dịp đặc biệt nữa. Và họ nhắc cho người khác nhớ rằng họ đã bị bắt bớ vì cơ đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ. Một số tù nhân khác đã trở thành Cơ Đốc nhân và được khích lệ “giữ vững đức tin.” Mười một người này hứa nhớ đến họ, và toàn bộ những tù nhân khác, trong những lời cầu nguyện của họ.

Đáng lưu ý là một trong những người đàn ông đã dự phần đánh đập Ashok đã tiến lên nói: “Một luồng ánh sáng rực rỡ đã chiếu vào nhà tù của chúng tôi. Nhưng giờ đây nó đang ra đi.”

Ngay trước khi ra đi, Purnima ôm chầm Tulasa, giờ đây đã là Cơ Đốc nhân, lần cuối cùng. (Về sau, Tulasa đã được phóng thích khi bản án của chị chính thức được tuyên bố hủy bỏ. Chị giờ đây là một lãnh đạo tích cực trong Hội Thánh.)

Từ lần đầu tiên Maya đọc cho cô nghe câu chuyện Kinh Thánh, Purnima đã khâm phục Môise. Ông đã bị trục xuất khỏi xứ, và dầu không nói giỏi, Chúa vẫn dùng ông cách đây quyền năng. Tương tự như vậy, Purnima, người thường cảm thấy không đủ tư cách vì cơ tuổi nhỏ của mình, giờ đây đã trở thành người phân nào nổi tiếng quanh Nepal. Cô thường được mời đi chia sẻ lời làm chứng của mình tại nhiều Hội Thánh chung quanh trại tị nạn nơi cô vẫn sống với Maya, Sival và cháu trai với cháu gái.

Cô cầu nguyện để một ngày nào đó sẽ trở về Bhutan, quê hương của mình, để thăm mẹ và giảng Tin Lành.

AIDA:

Tiếng Nói Cho Những Ngồi Bò Nạn Áp

Nước Nga

Tháng 7 năm 1968

Cô không muốn có một luật sư. Aida Mikhailovna Skripnikova không cần một phát ngôn nhân, đặc biệt không cần người được chính quyền XôViết chỉ định. Cô muốn tự lên tiếng bào chữa cho mình, trình bày vụ kiện của mình trước quan tòa. Ngồi tại bàn bị cáo trong tòa án XôViết vách gỗ, cô nhìn chăm chăm xuyên qua quan tòa vào bức chân dung nghiêm khắc của Lenin, “cha đẻ” của hệ thống hiện nay đang bắt giam cô.

Luật sư tố tụng phản đối ý kiến này. Ông không muốn bị cáo tự biện hộ; điều đó có nghĩa cho cô ta quá nhiều tự do. Ông nói rõ bị cáo đã có lúc ở trong bệnh viện tâm thần. Làm sao cô ta có thể lo biện hộ cho tội đã phạm?

Chánh án cuối cùng đứng về phía Aida, và luật sư biện hộ cho cô rời khỏi tòa án, phó mặc cho Aida chịu trách nhiệm về vụ xét xử mình – và án phạt cho cô nữa. Đây không phải lần đầu Aida ra tòa hay lần đầu bị truy tố vì sống theo đức tin Cơ Đốc của cô. Nếu chánh án xét cô có tội và đưa cô vào trại lao động cải tạo, đây cũng không phải là lần đầu tiên của cô ở đó nữa. Không, mọi chuyện này cô đã chịu qua hết rồi. Chỉ có khác là lần này cô sẽ không có một người bình vực thụ động do chính quyền chỉ định. Đây sẽ lần đầu tiên cô tự lên tiếng bênh vực mình, phát biểu rõ ràng trường hợp của cô thay mặt cho những người có đức tin trên quê hương cô.

Có rất nhiều lời buộc tội, và chánh án đọc từng tội một với giọng lên án thật to có thể làm người ta hết hồn. Aida bị kết tội sống tại Leningrad mà không có giấy phép tạm trú chính đảng (giấy phép của cô đã bị hủy bỏ). Cô cũng bị kết tội là làm thành viên của một nhóm Hội Thánh chưa đăng ký và phân phát các tài liệu Cơ Đốc in trái luật pháp.

VU CÁO SO VỚI SỰ THẬT

Trọng tâm những lời buộc tội quan trọng nhất cho cô chỉ là một chữ: *vu cáo*. Bên tố tụng cho rằng Aida đã thu thập và tung thông tin “giả” để báo cáo thể nào Cơ Đốc nhân đã bị bắt, xét xử và bỏ tù tại đất nước Liên Xô. Còn tàn ác hơn nữa – trong mắt của chính quyền – là lời buộc tội cô đã truyền thông tin cho người ngoại quốc, để thông tin bất lợi cho Liên Xô lọt tới các quốc gia khác.

Bên tố tụng muốn tập trung chỉ vào một từ ngữ thế nào, thì lời biện hộ của Aida cũng tập trung một lời thế ấy. Lời biện hộ của cô căn cứ vào chữ *sự thật*. Cô lý luận: nếu thông tin mà cô đã truyền đi là đúng, thì không thể là vu cáo được. Cô dự định chứng tỏ cho tòa thấy thông tin này là đúng rất chắc chắn.

Khi đọc danh sách những lời buộc tội, lần đầu tiên Aida biết công an theo dõi cô kỹ biết bao. Họ đã biết về cô Jursmar, người Thụy Điển xinh đẹp đã đến đất nước này để nhận thông tin của Aida. Họ biết hai người đã gặp nhau khi nào và ở đâu. Họ tịch thu sổ tay của cô Jursmar, có chứa những ghi chú về việc gặp Aida. Thậm chí chánh án còn liệt kê mỗi vật dụng và ấn phẩm mà Aida đã chuyển cho cô Jursmar, giọng nói đầy vẻ khinh miệt.

“Jursmar đã cố đem văn phẩm mà bà ta nhận được ra khỏi đất nước,” chánh án nói giọng trang nghiêm, “Nhưng đang lúc xét tại hải quan, văn phẩm nói trên đã bị phát hiện và tịch thu tức khắc.” Ông rời mắt khỏi bản cáo trạng để nhìn trừng trừng vào bị cáo, nụ cười đắc thắng nở trên khuôn mặt.

Họ đã biết về David, một bạn Cơ Đốc ngoại quốc khác nữa, và bản sao tạp chí Cơ Đốc, *Herald of Salvation*, mà Aida đã gửi cho anh. Họ biết cô đã đến một khu vực khác để gặp chị cô, và cô giao cho chị những tờ tạp chí mà về sau được chuyển tới cho các Cơ Đốc nhân tại Hội Thánh thăm lạng. Công an dường như biết mọi người mà cô đã gặp, từng tờ giấy cô đã phát ra.

Aida bình tĩnh tự hỏi họ còn chặn được thông tin nào khác nữa, và dẫn đến hậu quả là còn những tù nhân Cơ Đốc nào vẫn chưa được người ta biết đến, vì những thông điệp của cô đã bị chặn trước khi ra được bên ngoài.

Cứ mỗi lần đọc, viên chánh án lại uốn lưỡi tuôn ra một tràng. Theo bản cáo trạng này, Aida đã phân phát “Những tuyên bố giả có chủ tâm để vu cáo Nhà Nước SôViết và trật tự xã hội.”

TỰ TIN TRÂM TĨNH

Aida ngồi yên lặng và một mình ở bàn bị cáo, không thấy thoải mái trong chiếc ghế gỗ cứng ngắt. Cô cứ tưởng có lẽ mình sẽ cảm thấy lúng túng hoặc bối rối. Thay vào đó, cô cảm thấy tự tin trầm tĩnh, cảm thấy ý thức được hiện diện của Đấng Christ trong phòng này. Chúa Jêsus bảo các môn đồ đừng lo sẽ nói gì khi đối diện trước mặt các vua và các quan án, nên cô không lo lắng.

Viên chánh án nói, vừa tiếp tục đọc bản cáo trạng: Khi công an hỏi cung cô, cô không chịu nhận tội, dầu vậy cô có thừa nhận đã gửi và phân phát các tài liệu Cơ Đốc. Các bản sao của rất nhiều tài liệu do cô gửi đi đã được tìm thấy trong căn hộ của cô – theo lời của công an, rõ ràng họ muốn buộc cô vào vụ án này. Cô nói với công an rằng các tài liệu này không chứa lời vu khống mà chỉ đơn thuần là “phản ánh chính xác hoàn cảnh của Hội Thánh tại đất nước chúng ta.”

Cuối cùng, chánh án cũng đọc xong bản cáo trạng. Nghiêm khắc nhìn Aida, ông hỏi: “Bị cáo, cô có hiểu lời buộc tội cô không?”

Cô nhìn lại ông, tự tin nhìn thẳng vào đôi mắt đen của ông. “Có.”

“Cô có nhận mình có tội không?”

“Không.” Giọng cô thật bình tĩnh và cương quyết.

Chánh án nhìn xuống sổ tay rồi tuyên bố cuộc xét xử sẽ bắt đầu tức khắc. Ông tuyên bố, nhân chứng đầu tiên sẽ là chính Aida.

MỘT GIA ĐÌNH BỊ ĐAU KHỔ GIÀY VÒ

Khi bắt đầu theo Chúa Jêsus Christ vào tuổi hai mươi mốt, Aida không hề biết con đường Chúa đưa cô đi sẽ dẫn đến tòa án. Cô sinh ra trong gia đình Cơ Đốc và từ lúc còn bé đã biết Chúa Jêsus là Đấng nào. Nhưng gia đình cô bị đau khổ giày vò khi năm 1942, cha cô bị bắt vì không chịu đi nghĩa vụ quân sự. Người ta hứa cấp cho ông giấy chứng nhận miễn nghĩa vụ quân sự, nhưng giấy chứng nhận không hề đến. Thay vào đó, ông bị xử tử, để lại cô bé Aida hai tuổi thậm chí chưa hề có chút ký ức nào về ông.

Mẹ cô phải một mình nuôi gia đình ở một công xã nhỏ bé vùng Siberia, và bà nuôi gia đình bởi công việc làm siêng năng và sự cầu nguyện. Bà thường xuyên đọc Kinh Thánh cho con nghe. Và đầu có nguy cơ bị bắt và truy tố, bà vẫn đưa con đi đến nhóm với các Cơ Đốc nhân lên nhóm trong nhà của nhau. Đôi khi chú của cô bé ở bên ngoài phòng nhóm để canh chừng liệu có công an hay bộ đội đến không. Aida còn nhớ rõ ngày Chúa nhật mà công an đến bố ráp buổi nhóm tại nhà họ. Khi công an ra về, họ bắt chú của cô và hai ông tìn đồ nữa, cùng tay dẫn đi rồi lập hồ sơ truy tố hình sự cho họ.

Buồn thay, năm Aida lên mười một, mẹ cô qua đời. Một trong những ký ức rõ ràng nhất của Aida về mẹ chính là mẹ lo sợ các con lớn lên rồi bỏ đức tin nơi Chúa. Nhưng dầu mẹ dốc hết nỗ lực, Aida vẫn bỏ đức tin. Đây không phải là thói lui cố ý mà là sự trôi dạt đơn sơ, mất hứng thú. Aida đang được nuôi dưỡng bởi người chị, và khi đi đây đó, gia đình này không còn đi đến nhóm tại nhà thờ nữa. Tại trường, họ được dạy rằng không có Đức Chúa Trời nào cả, và dần dần ngay cả việc nhắc đến Chúa cũng biến mất khỏi nhà họ.

ĐỨC TIN HỒI SINH

Năm lên mười chín tuổi, Aida dời đến Leningrad (giờ đây là St. Petersburg). Anh trai Victor của nàng, lớn hơn nàng năm tuổi, đã xuất ngũ khỏi lực lượng hải quân và định cư tại đó, nên Aida đến đó để ở gần anh. Một ngày kia, đề tài tôn giáo xuất hiện trong cuộc trò chuyện của họ.

Aida nói: “Em không biết liệu có một Đức Chúa Trời, hay không có.”

Cô hết sức ngạc nhiên trước câu trả lời quyết liệt của người anh: “Có chuyện gì với em thế?” Anh hỏi: “Anh thậm chí chưa hề nghi ngờ chuyện đó! Anh biết có một Đức Chúa Trời.”

Aida ước gì cũng có thể chia sẻ sự biết chắc của anh mình. Nhưng cô cần bằng chứng.

Ít lâu sau lần nói chuyện với anh, Aida đi ngang cửa hàng bán sách cổ, và cô nhớ mang máng có ai đó nói cửa hiệu này đôi khi bán Kinh Thánh. Gần như bất chợt, cô bước vào hỏi mua một quyển. Thư ký bảo cô rằng Kinh Thánh rất hiếm và cửa hiệu không có. Aida quay ra thì

một nhân viên bán hàng khác đi theo ra ngoài và chào bán quyển Tân Ước với giá mười lăm rúp.

Gần như là toàn bộ số tiền cô có, nhưng cô đã trả tiền để mua quyển Sách cổ này. Anh của Aida rất sung sướng khi cô mua như vậy, đặc biệt vì đã đến lúc anh rất cần nó. Người ta chẩn đoán anh mắc bệnh ung thư, và các bác sĩ của anh cho biết vô phương cứu chữa. Victor nhờ Aida đi đến nhà nguyện để cho các bạn tại đó biết về tình trạng của anh.

Aida làm theo lời anh nhờ, và các bạn thường xuyên đến thăm khích lệ Victor. Cô thấy tinh thần của anh mình ngày càng sống động trong khi bệnh tật đang lôi tẩm thân anh đến gần cái chết. Cô sửng sốt khi thấy đức tin của anh nơi Đấng Christ càng lớn lên mạnh mẽ trong khi thân thể anh ngày càng tàn tạ. Cô khao khát có đức tin và sự biết chắc như anh đã có. Anh gần chết mà không lo lắng sợ hãi, nhưng có sự biết chắc sâu nhiệm về nhà đời đời của anh.

Bốn tháng sau khi chẩn đoán, Victor qua đời. Đứng bên cạnh anh đang khi anh trút dần hơi sống, Aida cảm thấy anh đang khao khát cô biết là không phải anh đang nói: “Tạm biệt,” nhưng đang nói: “Sớm gặp lại.”

Aida muốn có chính sự tin quyết ấy, chính sự biết chắc ấy. Đời sống của Victor – cũng như sự qua đời của anh – đã giải đáp rất nhiều thắc mắc của cô. Cô thảo luận những thắc mắc còn lại với vài người bạn của Victor đến từ nhà nguyện. Cuối cùng, cô có quyết định rõ ràng: Cô sẽ lấy đức tin đi theo Đấng Christ.

Đây là quyết định rất đắt giá cho cô gái, nhưng là quyết định mà cô không bao giờ hối tiếc.

CUỘC TRAO ĐỔI VĂN PHẨM – VÀ LỜI CHÚA

“Cô có muốn giải thích trước tòa về những lời buộc tội cô không?” chánh án hỏi.

“Có, tôi muốn,” Aida trả lời, biết rằng chánh viên chánh án sẽ hỏi trước. Đối với phiên tòa này, ông sẽ giữ vai trò người buộc tội, chánh án và bồi thẩm đoàn. “Tôi thừa nhận sự kiện đã phân phát văn phẩm như đã nêu trong bản cáo trạng, và thừa nhận đã tiếp nhận các văn phẩm như đã nói.”

Cô ta đã thừa nhận những sự kiện. Vụ án này sẽ tiến hành còn nhanh hơn cả ta mong đợi. Đáng ra cô ta phải giữ lại luật sư bình vực cho cô, công tố viên chắc tự nghĩ như thế.

Theo lời thúc giục của chánh án, Aida kể lại về từng người mà cô đã giao tài liệu như được nêu trong bản cáo trạng. Cô phản đối bản cáo trạng gọi một tài liệu đó là một tập san trong khi thực ra chỉ dài độ hai ba trang, nhưng cô thừa nhận đã trao tài liệu đó đi, và thậm chí còn đưa chúng cho người ngoại quốc.

“Mọi mục khác trong bản cáo trạng đều chính xác chứ?” Chánh án hỏi khi cô nói xong.

“Đúng vậy,” cô trả lời. “Mọi sự kiện về việc tôi phân phát văn phẩm đều chính xác. Nhưng văn phẩm này không chứa đựng ‘những tuyên bố cố ý sai trật để vu cáo Liên Bang XôViết và trật tự xã hội.’ Tức là nó không lập thành tội danh theo điều khoản 190/1, và chính việc phân phát văn phẩm này không phải là một tội phạm hình sự. Do đó, tôi tuyên bố mình không có tội.”

Thay vì trực tiếp giải quyết lời khẳng định của cô, chánh án lại hỏi về người Thụy Điển, là cô Jursmar, người được Aida đã trao các tài liệu này, kể cả những biên bản các phiên tòa xét xử hai Cơ Đốc nhân trong tòa án XôViết. Aida không chịu nói đã gặp cô Jursmar ở đâu, gọi đó là “chuyện riêng.”

Khi nghe Aida khiêu nại, luật sư tố tụng thấy phấn khởi hơn, tự nghĩ chắc Cơ Đốc nhân trẻ tuổi này sẽ gây chiến còn hơn cả mức anh đã khen cô.

Aida miễn cưỡng cung cấp chi tiết. Cô và cô Jursmar có một người bạn chung tại Thụy Điển, và người bạn này đã thu xếp cuộc gặp gỡ của họ. Cô Jursmar đem đến năm mươi quyển Tân Ước, và Aida tính chuyển số sách đó cho tín hữu của Hội Thánh thâm lặng – cho đến khi công an tịch thu chúng. Đổi lại, Aida trao cho cô Jursmar văn phẩm này, trong đó có một số bức thư và các biên bản xét xử tại tòa, để cô Jursmar đem trở về cho cấp trên của cô, là hội truyền giáo Slavie Mission. Từ đó, nó sẽ được xuất bản và phân phối khắp thế giới.

“Vì sao cô đưa cho Jursmar những quyển *Sứ Giá Của Sự Cứu Rỗi* và quyển sách nhỏ *Huynh Đệ*,¹ cũng như các biên bản chép tay những vụ

xét xử tại Moscow và Ryazan, các bức thư của Khorev và Makhovitsky?” Chánh án hỏi thật gay gắt.

“Để cô ấy đọc được chúng và biết về cuộc sống của Hội Thánh chúng tôi,” Aida trả lời hết sức thản nhiên. “*Sứ Giả Của Sự Cứu Rỗi* là tập san yêu thích nhất của tôi, và *Huynh Đệ* nói về đời sống của Hội Thánh chúng tôi. Những vụ xét xử đã trở thành một phần trong sinh hoạt Hội Thánh chúng tôi đến nỗi muốn biết về các Hội Thánh tại Nga thì phải biết về những vụ xét xử.”

Thực ra, đối với những người quyết định đi theo Đấng Christ trọn lòng, những vụ xét xử là một phần đã được chấp nhận của đời sống tại Liên Xô. Bắt giữ, đánh đập, bỏ tù là một phần giá phải trả để đi theo Đấng Christ tại đây, và các tạp chí của Hội Thánh thâm lặng đã tiếp nhận và thông tin công khai sự kiện đó.

Chánh án không tin nổi Aida giao phó cho một người mà cô chỉ mới gặp những thông tin bí mật và quan trọng đến thế.

“Với các tín hữu, tình bạn phát triển đơn giản hơn,” Aida cố gắng giải thích. “Tôi có thể có đến một thành phố gặp gỡ những tín hữu mà tôi chưa từng biết, rồi sau vài phút chúng tôi có thể trở thành bạn rất thân. Các tín hữu là một đại gia đình, và chúng tôi quan tâm mọi chuyện về nhau.”

Công tố viên bắt đầu nêu thêm những câu hỏi của mình kèm với câu hỏi của chánh án, hỏi Aida về mọi địa chỉ ở nước ngoài trong sổ địa chỉ của cô. Ông muốn biết cô có viết thư cho tất cả họ không.

“Một vài người trong đó,” Aida trả lời. Rồi cô nói thêm với vẻ hơi chua cay: “Tôi không biết có luật nào cấm công dân XôViết viết thư cho bạn bè ở ngoại quốc không.”

Một số tín hữu đã đến xem vụ xử án cố giấu nụ cười khi công tố viên ngược lên nhìn thật gay gắt trước lời nhận xét của Aida. Rồi ông bắt đầu đọc từng tên trong sổ địa chỉ của cô.

DẠY DẶM ĐẶC BIỆT VÌ CỐ TIN LÀNH

Aida không có ý định làm phóng viên hoạt động trên những tiên tuyến của Hội Thánh XôViết. Khi tiếp nhận Đấng Christ, cô là cô gái hai mươi mốt tuổi xinh đẹp, đầy hào hứng về Người Bạn mới tốt nhất của mình, và gặp ai cô cũng muốn kể cho họ biết về Ngài.

Quyết định của cô đã đến khi cơn phục hưng lan ra trong Giáo Hội Báp-tít tại Liên Xô. “Suốt một thời gian, đức tin đang yếu đuối,” về sau cô nói: “Rồi đột nhiên có cơn thức tỉnh. Điều tôi thấy thật là phép lạ diệu kỳ. Tôi đã thấy người chết – người chết phần thuộc linh – được sống lại, người yếu đuối đã tỏ ra có năng lực thực hiện những kỳ công vĩ đại. Tôi cũng biết sự vĩ đại của lòng khiêm nhường và kiên nhẫn, tính vĩ đại của cuộc đấu tranh của Hội Thánh. Cơn phục hưng cũng làm sống lại tâm linh của tôi nữa, và từ đó trở đi, tôi không thể nào cứ ngồi yên bàng quan.”

Những người bạn mới của cô từ nhà nguyện của Victor khích lệ cô làm chứng. Cô đã canh chừng khi họ in các tấm thiệp có những câu Kinh Thánh và sứ điệp Phúc Âm khuyên giục người đọc “Ăn năn và tin Tin Lành.” Họ đặt các tấm thiệp này vào các hộp thư, và chuyện này đã gây ra xáo trộn ở Leningrad, thậm chí còn được tường trình trên báo chí địa phương.

Từ ngày đầu bước đi theo Chúa, Aida đã có sự dạn dĩ sốt sắng đặc biệt để chia sẻ đức tin của mình với người khác. Chỉ vài tháng sau khi tin Chúa, Aida nghĩ ra cách đặc biệt để chào đón ngày đầu năm 1962. Cô mua các tấm bưu thiếp có bức họa của Claude Lorrain vẽ ánh bình minh trên cảng. Suốt nhiều ngày, cô tận dụng mọi giây phút rảnh, viết một sứ điệp đơn sơ trên mỗi tấm bưu thiếp:

CHÚC MỪNG NĂM MỚI 1962!

Lời Ước Đầu Năm

Năm tháng qua mau
Năm lại năm, không hề báo trước
Đau buồn tan biến;
Chúng được cuộc sống đưa đi mau.
Thế gian này, trái đất này, thoáng qua rất mau,
Mọi vật trên đất đang tiến đến kết thúc.
Sự sống là quan trọng. Đừng để đến đâu hay đến đó!
Bạn sẽ trả lời thế nào với Đấng Tạo Hóa bạn?
Bạn ơi, điều gì chờ đợi bạn bên kia phần mộ?
Hãy giải đáp câu hỏi này đương khi còn ánh sáng.
Có lẽ ngày mai, bạn sẽ ứng hầu trước mặt Chúa để trả lời mọi sự.

Hãy suy nghĩ kỹ điều này,
 Vì bạn không ở trên đất này đến đời đời.
 Có lẽ ngày mai,
 Bạn sẽ dứt bỏ mãi mãi mọi liên kết của mình với thế gian!
 Hãy tìm kiếm Chúa đương khi còn gặp được!

Những bài thơ trên bưu thiếp kết luận với lời kêu gọi đơn sơ, lời kêu gọi mà cô đã nhìn thấy trước kia trên những tấm thiếp do các bạn cô đã in: “Hãy ăn năn và tin Tin Lành.”

Sau khi điền hết mọi tấm bưu thiếp, Aida mặc thật ấm để chống lại bầu không khí giá băng rồi ra ngoài. Tại quảng trường rộng lớn ngay trước Viện Bảo Tàng Lịch Sử Tôn Giáo Và Vô Thần, một cô gái tóc đen bắt đầu đứng phát các bức bưu thiếp. Cô phát nhanh chóng, đưa bưu thiếp cho những khách qua đường đang khi nói lên những lời chúc năm mới.

Đồng thiếp sắp hết thì một bàn tay mạnh mẽ túm cánh tay cô. “Cái gì đây?” Một người đàn ông vẻ mặt giận dữ đến hỏi, vẫy vẫy tấm thiếp trước mặt cô.

“Thiếp chúc mừng năm mới,” cô trả lời, cố rút tay ra. Cô dường như thật bé nhỏ bên cạnh người đàn ông đang đứng trừng trừng, và cô căng thẳng khi nắm tay ông ta càng siết chặt hơn. Ông ta nhìn quanh rồi bắt đầu gọi viên công an đang đứng đằng góc phố.

“Chúng ta không cần thứ này ở đây,” ông vừa nghiêng chặt răng vừa nói với cô. Ông không buông cô cho đến khi viên công an tóm lấy cánh tay kia của cô và bắt đầu đưa vào xe của ông ta.

NÉM THỦ ĐIỀU SẮP ĐẾN

Đây là chuyến thăm cưỡng bức đầu tiên của Aida đến đồn công an địa phương. Cô bị giữ mấy giờ liền rồi được thả ra, nhưng phải sau khi công an đã lập hồ sơ về phần cô và viết mọi thông tin về “cuộc truyền giảng Tin Lành trên bưu thiếp của cô. Aida ngồi đó bình tĩnh, trả lời những câu hỏi, thậm chí ngạc nhiên trước sự tự tin mà cô đang cảm nhận được. Chúa ở với cô, cô biết rõ vậy; cô không cần sợ nhà cầm quyền. Cô không biết có ai đã nói cho viên sĩ quan này biết về tình yêu của Đấng Christ dành cho ông ta chưa.

Công an báo trường hợp này cho cả chủ của cô lẫn ký túc xá nơi cô đang ở. Cuộc chạm trán đầu tiên của cô với hệ thống pháp luật xảy ra vào tháng tư, khi cái gọi là “Tòa Án Đồng Chí” nghe xử bằng chứng chống lại cô. Aida ngồi trên băng ghế trước mặt ba “đồng chí,” những người sẽ phán quyết số phận của cô. “Những nguyên cáo,” dân địa phương từ công xã này, được đưa đến để làm chứng chống cô. Một ông cụ run lên có vẻ tức giận khi thét lên: “Tao không muốn thờ chung bầu không khí với nó. Ta không muốn bước đi trên cùng mặt đất với cô ta.”

Các nhân chứng khác tuyên bố Victor đã chết vì người Báp-tít không để cho anh được chữa trị y khoa (Aida nghĩ, nói gì mà kỳ thế, vì Victor đã chết trong bệnh viện mà). Những câu nói của người buộc tội cô cũng làm Aida ngạc nhiên qua nhiều cách khác nữa. Chẳng phải những lời buộc tội này là lên án cô phát một tấm thiệp Cơ Đốc sao? Chuyện đó liên quan gì với anh cô? Aida cố gắng nói lớn tiếng để bình vực mình, và thậm chí vợ góa của anh Victor cũng muốn nói, nhưng đám đông trong tòa án giận dữ la hét phản đối họ. Cuối buổi xét xử, những người đến xem đòi phải đưa vụ của Aida lên tòa án pháp quyền cao hơn để có thể phán quyết hình phạt mạnh hơn. “Đưa đến Tòa Án Nhân Dân! Đưa đến Tòa Án Nhân Dân!” Họ reo hò như vậy.

Aida tự hỏi làm sao chỉ vài tấm bưu thiếp đơn sơ lại khơi dậy lòng thù ghét đến thế giữa đám đông này.

Ba quan chức của Tòa Án Đồng Chí hủy bỏ giấy phép thường trú tại Leningrad của Aida và bắt cô phải bỏ việc. Sau lời khai của các nhân chứng, đám đông đến xem cho rằng bản án chưa nghiêm khắc đủ. Họ đứng dậy, giẫm chân la hét cô gái nhỏ bé đang đứng trước mặt họ, đòi phải có hình phạt cứng rắn hơn. Để bảo vệ an toàn cho cô, lính canh phải hộ tống cô theo cửa sau ra khỏi tòa nhà.

Quyết định của tòa án này vẫn chưa được thực thi trong rất nhiều tháng, để công an có thêm thì giờ theo dõi và thu thập chứng cứ chống lại Cơ Đốc nhân non trẻ này – không phải bằng chứng về hoạt động tội phạm, nhưng bằng chứng về công việc Cơ Đốc của cô. Aida tiếp tục sống tại Leningrad, tìm việc làm nơi nào có thể tìm được. Đời sống cô càng khó khăn hơn, nhưng những gian khổ thời đầu ấy chỉ là tiên vị của điều sắp xảy đến.

“CÔ KHÔNG THÊM ĐỀM XỈA LUẬT PHÁP CỦA CHÚNG TA”

Giờ đây, trong cuộc xét xử hiện tại, cuộc hỏi cung vẫn tiếp tục, chánh án và công tố viên liên tục chất vấn Aida về mọi tiếp xúc với người ngoại quốc, mọi thông tin đã từng trao qua lại.

Tiếp theo, họ lục lợi những ấn phẩm Cơ Đốc mà Aida đã phát. Chánh án cầm một tạp chí từ trong đống bằng chứng ấy, từ từ lật qua các trang, tìm những đoạn văn ông đã đánh dấu trước. Tìm được điều mà ông nghĩ là những phần đáng buộc tội nhất, ông bắt đầu đọc lớn lên, từng hàng một. Cuối mỗi câu, ông lại nhìn trừng trừng vào Aida, thách thức cô giải thích hoặc chứng minh câu nói đó.

Chánh án hỏi về các giáo phái Cơ Đốc khác, nêu ra một số giáo phái đang nhóm lại mà không bị bắt bớ.

“Tôi không biết về việc bắt bớ tín hữu của các giáo phái khác,” Aida mệt mỏi trả lời. “Chúng tôi chỉ viết về việc bắt bớ tín hữu của giáo hội Cơ Đốc Tin Lành và giáo hội Báp-tít.”

Công tố viên tuyên bố rằng bất kỳ ai ở nước ngoài đọc văn phẩm này cũng nghĩ mọi Cơ Đốc nhân ở Liên Xô đều bị bắt bớ. Ông tiếp tục ngay chỗ viên chánh án vừa dừng, đọc các tạp chí và liên tục hỏi Aida bất cứ câu nào ông cảm thấy là có thể phản bác được. Ông nêu những tuyên bố trong một tạp chí rằng những em thiếu nhi tin Đấng Christ đã bị bắt bớ trong hệ thống trường học XôViết. Ông ta gợi ý rằng các trường học chỉ đang cố hóa giải những hư hỏng do các bậc cha mẹ sốt sắng đã đầu độc con cái họ bằng những thói mê tín vớ vẩn.

“Luật pháp cấm áp đặt niềm tin cho những người chưa đến tuổi thành niên,” ông vừa nói vừa nhìn lên để bảo đảm chánh án đang theo dõi kỹ lời mình nói.

“Nhưng luật pháp không cấm áp đặt chủ nghĩa vô thần,” Aida phản công.

“Vô thần không phải là một tôn giáo. Thiếu nhi lớn lên, rồi đến lúc các em phải tự quyết định thái độ đối với niềm tin. Chẳng ai áp đặt chủ nghĩa vô thần cả.”

“Vậy thì người ta dạy gì cho một đứa trẻ?” Aida hỏi, nhìn từ công tố viên sang chánh án. “Người này thì bị luật pháp cấm không cho nói rằng Đức Chúa Trời thực hữu, nhưng người kia lại được phép nói rằng không có Đức Chúa Trời?”

Chẳng ai nói gì cả, và chánh án đổi đề tài, biết rằng ông không có câu trả lời. Ông yêu cầu “Bị cáo không đi lạc khỏi ý chính.”

Công tố viên tiếp tục, đọc theo những nhận định từ một tạp chí khác. “Cô có biết rằng cộng đồng tôn giáo phải đăng ký không?” Ông hỏi bị cáo.

“Có.” Aida cũng biết rằng khi đăng ký, Hội Thánh phải đặt mình dưới quyền kiểm soát của chính quyền Cộng Sản – một chính quyền phủ nhận chính sự thực hữu của Đức Chúa Trời mà Hội Thánh đang phục vụ.

“Cộng đồng của cô đã không đăng ký; do đó cô bị ngăn cấm không được tổ chức các buổi nhóm họp, nhưng không phải vì có sự bất bớ tín hữu tại đất nước chúng ta,” ông nói, giống như người thầy mất kiên nhẫn đang thuyết giảng cho một đứa trẻ học mẫu giáo.

“Cộng đồng của chúng tôi đã yêu cầu được đăng ký.” Aida trả lời bình tĩnh. “Chúng tôi đã nộp đơn, nhưng bị khước từ.”

“Các cô bị khước từ vì các cô không chịu tuân thủ luật pháp.”

“Chúng tôi không tuân luật nào?” Cô hỏi.

“Các cô đang đòi lập ra Trường Chúa Nhật, và muốn tổ chức các sinh hoạt tôn giáo cho các em thiếu nhi chưa đến tuổi.”

“Tôi không nhớ cộng đồng của mình đòi phải có Trường Chúa Nhật,” Aida phản công. “Và theo luật pháp, cha mẹ có thể nuôi dạy con cái theo cách họ muốn.”

“*Không, họ không được phép!*” Công tố viên quát nạt. “Luật pháp cấm đưa thiếu nhi chưa đến tuổi vào các hiệp hội tôn giáo. Nhưng cô *không thêm* đếm xỉa luật pháp của chúng ta.”

“Theo hiến chương, chúng ta có quyền tự do tín ngưỡng. Từ ngữ này ám chỉ lời tuyên xưng đức tin,” Aida trả lời. “Điều này có nghĩa có thể nói cho bất cứ ai về Đức Chúa Trời – tức là tuyên xưng niềm tin của mình cách tự do. Đúng vậy không?”

Ở đây, Aida đang trình bày cốt lõi vụ kiện của mình. Hiến chương SôViết nói dân chúng được tự do tin theo ý họ chọn và tự do thực hành những niềm tin đó. Thế nhưng các lãnh đạo SôViết sợ niềm tin của Cơ Đốc nhân; họ muốn toàn bộ lòng tự tin và nương cậy phải được đặt vào Đảng Cộng Sản. Họ lý luận: quét sạch niềm tin tôn giáo sẽ khiến dân chúng tin mãnh liệt hơn vào Đảng.

Nhưng một lần nữa, chánh án không trả lời được các thắc mắc của Aida. Vì vậy một lần nữa ông đổi đề tài, nói rằng nếu tài liệu trong toàn bộ văn phẩm này là đúng, vì sao Aida bí mật chuyển giao nó?

“Vì những người bắt bớ không thích sự thật họ đang bắt bớ lộ ra cho ai biết,” Aida trả lời, nói ngày càng đồng dục như một luật sư đã qua trường lớp và ngày càng không giống một công nhân đơn sơ. “Tôi biết rằng trong văn phẩm mà tôi đưa cho cô Jursmar không hề có những tuyên bố giả mạo cố ý. Trong *Sứ Giả Của Sự Cứu Rỗi* và trong *Huynh Đệ*, nơi nào mô tả hoàn cảnh của các tín hữu, thì mô tả đúng như thực trạng. Tôi đồng ý với ông rằng thực trạng không hấp dẫn, nhưng đó là đời sống thật, và *phải* nói đến nó. Khi trao văn phẩm này cho cô Jursmar, tôi biết những tài liệu ấy có thể làm cho tôi bị bắt nhốt. Tôi đã hiểu chuyện đó. Nhưng nó không thay đổi sự thật của những điều mà văn phẩm đã nói.”

Công tố viên rà soát sổ tay của ông rồi ngồi xuống. Cuối cùng, cuộc hỏi cung trực tiếp Aida chấm dứt. Nhưng phiên tòa xét xử thì chưa. Giờ đây đến các nhân chứng. Trước hết là những người láng giềng của cô, là Anatoli và Alla Lavrenteva. Cả chánh án lẫn công tố viên đều dồn dập hỏi: “Cô ta có nói với hai vị về đức tin của cô ta không?” “Cô ta có đưa cho hai vị sách vở gì không?” “Cô ta có ti vi hay radio không?” “Cô ta có sống phù hợp với thu nhập kiếm được không?” “Cô ta ăn mặc thế nào?” “Cô ta nấu món gì?”

Cả Anatoli lẫn Alla đều không nói Aida là tội phạm hình sự.

“Aida sống rất hòa thuận với mọi người,” Anatoli nói: “Chỉ có thể nói tốt về cô ta thôi.”

Một láng giềng khác được gọi lên để làm chứng và bị hỏi dồn nhiều hơn nữa về cách ăn mặc, thái độ, và công ăn việc làm của Aida.

Cuối cùng, một người cùng niềm tin, là Marja Akimovna Skurlova, được gọi lên ghé nhân chứng. Cô ta biết Aida năm năm rồi. Hai người đã thờ phượng và cầu nguyện chung với nhau, và khi Aida ra khỏi tù sau khi thi hành bản án một năm, Marja đã cho cô ở nhờ.

Giờ đây Marja thừa nhận đã giúp bị cáo.

“Chị nói rằng Aida bị sa thải khỏi sở làm vì là người có đạo,” chánh án hỏi. “Vì sao chị không bị sa thải? Chắc chắn chị cũng có làm việc.”

“Tại chưa đến phiên tôi,” Marja trả lời đơn giản.

Marja tiếp tục thừa nhận người ngoại quốc đã đến căn hộ mà chị cùng ở chung với Aida, nhưng chị không biết Aida đưa cho họ điều gì, nếu như có đưa.

Khi Aida đứng lên hỏi bạn của mình, cô hỏi Marja về sự bắt bớ các tín hữu Cơ Đốc. Marja kể lại tên những Cơ Đốc nhân đã bị công an hỏi cung hay bị lục soát nhà, và nhiều người nữ đã bị bắt.

“Tôi biết những tín đồ này đã bị phạt,” Marja làm chứng. Sukovitsyn bị phạt...

“Vì sao anh ta bị phạt?” Công tố viên xen vào hỏi cung Aida:

“Vì anh cầu nguyện.”

“Anh ta cầu nguyện ở đâu?”

“Anh đã hướng dẫn những người cầu nguyện tại căn hộ của Lukas. Có buổi nhóm ở đó.”

“Đúng rồi!” Công tố viên nói, hầu như reo lớn tiếng đắc thắng. “Một buổi nhóm được tổ chức tại một nơi trái phép. Các cô có nhà nguyện; hãy đến đó cầu nguyện!”

Về sau, công tố viên lại xen vào nữa khi Marja làm chứng rằng mình đã bị phạt vì đến dự buổi nhóm của tín đồ Cơ Đốc. “Buổi nhóm đó được tổ chức ở đâu?” Ông hỏi.

“Trong rừng.”

“Đã có lệnh cấm tổ chức một buổi nhóm trong nơi công cộng. Đó là lý do chị bị phạt.” Ông gật đầu với chánh án, nụ cười tự mãn nở trên khuôn mặt.

“Nhưng trong rừng chẳng có ai cả; chỉ một mình chúng tôi. Chúng tôi nhóm rồi ra về, nhưng sau đó vài người bị bắt trên sân ga khi mà chúng tôi đang đi về rồi.” Marja kể ra nhiều trường hợp nữa mà Cơ Đốc nhân bị công an quấy rối và ngăn chặn, sau đó cô được cho về chỗ.

Nhân chứng cuối cùng trong vụ kiện này là Yekaterina Andreyevna, bạn của Aida và là bạn cùng niềm tin. Cô nhận Aida là bạn mình và làm chứng rằng Aida “tốt và nhân hậu.”

Yekaterina kể lại thế nào công an đã đến căn hộ của cô, đòi bắt Aida. Các sĩ quan đã ám chỉ cương quyết Aida là gián điệp, và họ thúc Yekaterina và những láng giềng khác báo cho họ biết có thấy Aida ở trong tòa nhà này không.

Rõ ràng Yekaterina là nhân chứng nghịch với bên công tố. Nhiều lúc, những câu trả lời của cô chỉ là một âm tiết. Có khi cô ngồi im lặng sau khi bị hỏi.

“Chị biết gì về chuyến viếng thăm của một du khách Thụy Điển đến Skripnikova?” Công tố viên hỏi.

“Tôi chẳng biết gì cả. Hôm sau tôi mới biết chuyện. Công an ghé đến Aida tại căn hộ đương lúc tôi ở đó. Một công an nói văn phẩm đó được tịch thu từ người ngoại quốc và Aida đã đưa nó cho họ.”

Công tố viên hỏi về học vấn của cô, và cô chỉ học đến hết lớp mười.” “Vì sao cô không học lên thêm?”

“Tôi muốn đến trường y,” Yekaterina trả lời, nhưng trong hồ sơ cá nhân của tôi, người ta ghi tôi là tín đồ và là thành viên của những người Báp-tít ly giáo. Vì vậy tôi đã không vào trường y. Chắc chắn tôi sẽ bị đuổi.”

“Cô đã thử bao giờ chưa?” Giọng nói của luật sư có ý chế giễu.

“Tôi đã biết từ gương của nhiều người khác rằng có gì đi nữa người ta cũng sẽ không cho tôi vào học ở đó.”

Khi đến lượt Aida hỏi nhân chứng, cô nhìn vào bạn mình. Cô bắt đầu từ những câu hỏi chung chung rồi nhắm thẳng vào cách chính quyền XôViết đối đãi với tín đồ Đấng Christ. Aida hỏi về những tín hữu cụ thể đã bị công an phạt, và Yekaterina liệt kê tên họ, nêu những chi tiết của một số trường hợp.

“Vì sao các cô tổ chức những buổi nhóm cầu nguyện trong rừng?” chánh án ngắt lời. “Các cô có nhà nguyện tại Đồi Poklonnaya Hill. Tại sao các cô không đến đó? Cộng đồng của các cô vẫn chưa đăng ký. Cô tổ chức những buổi nhóm cầu nguyện tại nơi không được phép, và cô quấy rối trật tự công cộng. Đó là lý do các cô bị phạt.”

“Chúng tôi đã nộp đơn đăng ký. Buổi nhóm của chúng tôi ở trong rừng chẳng quấy rối ai ở Lavriki cả.”

Công tố viên hỏi chị có tin mình là công dân trung thành không, có bốn phạm tuân thủ luật pháp của đất nước không.

“Tôi thực sự tuân thủ luật pháp,” Yekaterina quả quyết.

“Cô nhóm lại trong rừng và trong nhà của Lucas, và cộng đồng của cô chưa đăng ký,” công tố viên vặn lại “Do đó, cô thực sự *không* tuân giữ luật pháp.”

“Những buổi nhóm cầu nguyện tại nhà Lucas không phạm luật pháp.” Cô còn dám trích cả lời Lenin, người đã gọi các luật lệ chống lại niềm tin là “đáng hổ thẹn.”

Không muốn tranh luận với một trong những nhà sáng lập chủ nghĩa Cộng Sản, công tố viên đột ngột cho nhân chứng về chỗ.

BƯỚC NGOẶT

Aida đã cố gắng thực hành đức tin Cơ Đốc của mình bên trong ranh giới của luật pháp XôViết. Trong những tháng đầu mới tin Đấng Christ, cô đã đều đặn đến nhà nguyện đã đăng ký nọ và được chính quyền XôViết chấp thuận. Cô sung sướng và hài lòng được thờ phượng với các bạn cùng niềm tin – thế nhưng không biết những chính sách ở bên trong nhà thờ được đăng ký đó.

Khi cô tiếp tục thờ phượng và phục vụ Chúa, những điều cấm đoán bắt đầu siết chặt cô. Cô tham dự nhóm học Kinh Thánh với những thanh niên từ buổi nhóm, nhưng được cảnh cáo đừng để cho những lãnh đạo Hội Thánh biết. Luật pháp Cộng Sản cấm chia sẻ “những mê tín tôn giáo” với bất kỳ ai dưới mười tám tuổi, và những lãnh đạo của Hội Thánh đã đăng ký này dường như quan tâm đến luật pháp Cộng Sản hơn là quan tâm đến linh hồn hư mất.

Aida nhớ lại nhà nguyện cô đã đi cùng với mẹ. Cô nhớ lại cảm nhận về sự hiện diện của Chúa tại đó, nhớ sự kiện thiếu nhi cùng thanh niên được nghênh đón và huấn luyện. Đối với Aida, có vẻ việc ngăn giới trẻ nghe Tin Lành dường như không phải lẽ, không hợp với lời dạy của Kinh Thánh.

Bước ngoặt đã đến khi Aida bắt đầu làm việc cho những Cơ Đốc nhân đang ở tù vì đức tin của họ. Từ sớm, khả năng của cô là chia sẻ thông tin của họ và phát triển mạng lưới cầu nguyện và hậu thuẫn cho họ. Lãnh đạo các Hội Thánh được đăng ký đã liệt kê những người ở tù, và danh sách này được xem như bí mật quốc gia, không phải như thông tin mà các Cơ Đốc nhân khác cần biết.

Đối với Aida đây *chính xác* là thông tin mà những người khác *đã thật sự* cần biết. Làm sao những Cơ Đốc nhân – trong Liên Xô và trên khắp thế giới – có thể dâng lên lời cầu nguyện và giúp đỡ hậu thuẫn

cho những anh chị em trong Christ bị cầm tù này nếu họ thậm chí còn không biết đến sự chịu khổ của họ?

Aida đã hoạt động để đưa tin ra ngoài, một nỗ lực khiến cô mâu thuẫn trực tiếp với lãnh đạo của các Hội Thánh đăng ký.

“Nói ngắn gọn, vấn đề là nhà cầm quyền cố hoạt động trong Hội Thánh ngay từ bên trong, thông qua những người phục vụ Hội Thánh,” về sau Aida nói như vậy. “Họ muốn đưa vào những lệnh cấm mà nó sẽ đè nén đời sống thuộc linh của Hội Thánh. Và thật sự, vào thập niên 1960, họ đã khá thành công trong lãnh vực này.”

Quan điểm của những nhà lãnh đạo trái ngược với những nỗ lực của Aida nhằm loan tin về những tín hữu bị cầm tù. Vì vậy cô phải chọn lựa: cứ ở trong Hội Thánh được đăng ký và làm việc để bảo vệ chính mình, hoặc gia nhập Hội Thánh thâm lặng và làm việc để bảo vệ các anh chị em ở trong tù. Sức lôi kéo của Hội Thánh đăng ký này là rất thật. Suy cho cùng, đây là nhóm người mà anh cô đã thuộc về trước khi anh qua đời, và cô có rất nhiều bạn hữu tại đó.

Nhưng Aida đã khước từ kiểu chọn lựa thụ động và dễ dãi. Cô không chịu đi theo lãnh đạo nào rõ ràng lo kiếm cho được sự chấp thuận của nhà nước hơn là lo lắng cho những Cơ Đốc nhân đồng bạn trong tù. Cô dốc hết cá tánh và công việc siêng năng của mình vào Hội Thánh thâm lặng, biết rằng sẽ trả giá cho quyết định của mình.

Ngày 4 tháng Sáu năm 1962, một bài viết xuất hiện trên tờ *Smena*, một tờ báo với tư cách phát ngôn nhân cho chính quyền XôViết. Bài viết này có nhan đề “Đừng làm xác chết giữa vòng người sống,” tìm cách làm mất thể diện của tín hữu nói chung và Hội Thánh thâm lặng nói riêng. Chính sách nhà nước nói rằng không có Đức Chúa Trời nào cả, và bài viết này chế giễu nhạo báng những người nào chọn đi theo một đấng Mêsia tưởng tượng nào đó.

Khi Aida thấy bài báo, cô bắt đầu viết bài đáp lại, bình vực đức tin của mình và những người theo đức tin ấy. Cô gửi bài đến *Smena*, nhưng đương nhiên không được đăng. Có lẽ vấn đề đã kết thúc ở đó, nhưng Aida đem bài báo trên *Smena* và bài viết đáp lại của cô cho các tín hữu khác xem. Thấy thật ấn tượng, họ xin một bản sao. Rồi có vài tín hữu từ Ukraine tới thăm; họ cũng xin bản sao rồi đem về quê hương. Chẳng mấy chốc, hàng trăm bản sao truyền tay các tín hữu, trên khắp Liên Xô.

Thành viên của Hội Thánh trầm lặng đã lo lắng khi đọc bài viết tấn công đức tin của họ – rồi sau đó được khích lệ để đọc một bài hồi đáp dạn dĩ và lập luận chặt chẽ của người đồng đức tin. Aida đứng trên tiền tuyến của *Zamizdat*, một nề nếp mới của sự thông tin liên lạc tự xuất bản. Đơn giản là các quan chức chính quyền không thể theo dõi mọi máy roneo, máy photocopy, hay nhà in trên khắp đất nước.

Qua việc viết sách, tên của Aida Skripnikova đã được hàng ngàn tín hữu cô chưa từng gặp mặt biết đến. Và tên cô cũng được biết đến rất rõ trong một phạm vi khác nữa: các quan chức của công an mật.

NHỮNG YẾU TỐ CỐT LÕI

Người ta đã lên thời khóa biểu cho các nhân chứng khác ra làm chứng trước tòa xét xử Aida, nhưng họ không đến. Chánh án ra lệnh vẫn cứ tiếp tục phiên tòa.

Bực mình, Aida than phiền tòa án đã dành nhiều thì giờ để xen vào chuyện gia đình, cách ăn mặc và thậm chí chuyện nấu nướng của cô hơn là dành thời gian xem xét những vấn đề quan trọng trong vụ xét xử cô.

“Tôi yêu cầu tòa chú ý thêm chút nữa đến các yếu tố cốt lõi của vụ xét xử,” cô kháng án. Chẳng hạn, tôi muốn giải thích vì sao cộng đồng của chúng tôi không được cho đăng ký. Để bắt đầu, làm ơn cho tôi biết chúng tôi đã phạm vào luật nào để khiến chúng tôi bị khước từ đơn đăng ký?”

“Bị cáo,” chánh án trả lời gắt gỏng, “Tòa hỏi *cô*, chứ không phải *cô* hỏi Tòa.”

Thấy cơn tức giận của chánh án, công tố viên họa theo: “Thậm chí tôi còn không hiểu bị cáo đang hỏi gì nữa.”

Aida lấy hơi thật sâu, tập trung tư tưởng. “Tôi đang yêu cầu tòa chú ý thêm những câu hỏi thiết yếu của bản cáo trạng, và đang yêu cầu quý tòa suy xét dừng để những vấn đề phụ che khuất phương diện thiết yếu của vụ án. Đó là lời thỉnh cầu đầu tiên của tôi. Và thỉnh cầu thứ hai là yêu cầu quý tòa xác minh ngày tháng chính xác mà giấy phép thường trú của tôi bị tịch thu.”

Chánh án hỏi vì sao thông tin đó lại quan trọng.

Aida giải thích rằng vụ xét xử cho thấy công an thu thập bằng chứng chống lại cô từ rất lâu trước khi giấy phép thường trú của cô hết hạn. “Nếu tôi đang bị xử vì giấy phép thường trú hết hạn, chứ không vì các hoạt động Cơ Đốc của tôi, thì vì sao tôi bị điều tra *ngay cả trước khi giấy phép thường trú hết hạn?*” Cô hỏi vặn lại.

Cô nói tiếp: “Tôi có thể nói cho quý vị vì sao đã có những vụ xét xử mở ra chống tôi. Hai lần tại nhà nguyện của chúng tôi, tôi đã đến với những người ngoại quốc để xin họ Kinh Thánh. Hai lần yêu cầu này đều bị nhà cầm quyền biết được.”

Chánh án nói: “Vấn đề giấy phép thường trú không liên quan đến vụ này. Cô bị kết tội cố tình tung những tuyên bố sai lầm để vu cáo Liên Bang XôViết và trật tự xã hội.”

Aida vặn lại: “Nhưng thắc mắc về công việc làm và giấy phép tạm trú lại được chú ý rất nhiều trong những vụ xét xử pháp lý.”

“Những nghi vấn này làm tòa chú ý không phải vì cô đang bị tố cáo về điều này, nhưng vì tòa phải đánh giá nhân cách của cô. Có lẽ cô thấy kỳ lạ vì phiên tòa này thậm chí còn hỏi về tính cách của cô nữa. Tòa phải biết cô thuộc hạng người nào. Để thông qua bản án, tòa phải tính đến nhân cách của bị cáo.”

Aida nói nếu tòa thật sự muốn biết về tính cách của cô, thì điều quan trọng hơn là phải biết những sự kiện thật về câu chuyện cô. Yêu cầu cuối cùng của cô với chánh án là mời một nhân chứng cuối cùng: Cô Jursmar, người Thụy Điển đã nhận văn phẩm cô trao. Aida lập luận: “Sổ tay của người phụ nữ này đã được dùng làm bằng chứng chống tôi, nhưng muốn hiểu chính xác quyển sổ ấy, chúng ta phải mời cô ta đến đây để giải thích những ghi chú của cô.”

Chánh án làm ra vẻ xem xét những yêu cầu của cô, hỏi ý kiến của các công tố viên, rồi phán quyết: “Sau khi hội ý, tòa nhất trí quyết định bác bỏ những thỉnh cầu của bị cáo.”

Thêm vài câu hỏi cuối cùng, rồi tòa tạm ngưng ngày hôm ấy. Chỉ còn lại những bàn cãi cuối. Đối với công tố viên, đây sẽ là cơ hội để bình vực hệ thống XôViết, để giải thích rằng Cơ Đốc nhân thực sự có tự do tín ngưỡng, *nếu* họ chịu thực hiện đúng theo luật pháp.

Về phần Aida, đây sẽ là cơ hội chót của cô, cơ hội cuối cùng để lên tiếng bình vực chính mình và thay mặt cho những anh chị em trong Hội

Thánh. Cô cảm thấy gánh nặng lớn lao của nhiệm vụ, biết mình có nguy cơ bị nhốt trở lại, nhưng cô được khích lệ bởi niềm an ủi của Cha thiên thượng.

NỖ LỰC ĐỂ “CẢI TẠO”

Bị giam không phải là mối đe dọa vu vơ cho Aida. Trước đó cô đã bị giam rồi. Sau khi Tòa Án Đồng Chí hủy giấy phép thường trú tại Leningrad của cô vào năm 1963, cô đã để thì giờ đi thăm chị tại Ukraine, nơi đó, Aida chịu ấn tượng rất mạnh bởi tính cương quyết và lòng dạn dĩ của các tín hữu. Cô quay về Leningrad với quyết tâm mới. Công an đang theo dõi cô, nhưng Aida vào thành phố và xoay xở để tránh bị bắt. Không có giấy phép thường trú, cô có thể bị bắt bất cứ lúc nào, thế nhưng vẫn tiếp tục công tác Cơ Đốc của mình.

Aida và các bạn cô tiếp tục nhóm trong rừng bên ngoài thành phố để tránh bị phát hiện, và lần bị bắt chính thức đầu tiên của cô đã xảy ra trong chính khu rừng này vào năm 1965. Lúc đó Aida hai mươi lăm tuổi.

Về sau một nhân chứng kể lại: “Công an đến và bắt đầu rượt đuổi chúng tôi. Họ xô đẩy chúng tôi, túm tóc chúng tôi. Họ bắt đi rất nhiều người; một số bị phạt tiền, một số bị nhốt tù trong hai tuần.”

Aida là một trong số người bị bắt, và công an đã xét xử cô. Trên giấy tờ, lời buộc tội không liên quan gì đến tôn giáo. Dầu bị bắt ở ngoài ranh giới thành phố, Aida lại bị buộc tội không có giấy phép thường trú chính đáng cho phép ở Leningrad.

Tại cuộc xét xử đó, trong một phòng nhỏ tại tòa án Rayon, Aida thậm chí không được phép lên tiếng nói. Phiên tòa này hiển nhiên là trò hề, một nỗ lực để triển lãm công lý tại nơi mà thật sự không hề có chút công lý nào. Tòa xử xong, bản án của Aida được công bố: một năm tù.

Cô không cảm thấy bị ngập trong đau buồn bởi phán quyết này. Cô thông công đều đặn với các tín hữu đã bị tù trước đó cùng với nhiều người mà họ sẵn sàng ra đi nếu đó là nơi Đấng Christ dẫn đến. Giờ đây đến lượt cô.

Đối với lãnh đạo SôViết, mục tiêu của nhà tù là để giáo huấn lại những tù nhân. Các quan chức giải thích: “Những người tội nghiệp này

đã bị dẫn đi lạc đường, và giờ đây phải cho họ thấy và thuyết phục họ về chân lý và quyền lực của hệ thống SôViết: vinh quang của tổ quốc.”

Ngoài những buổi giáo dục lại thật đơn điệu, Aida còn bị bắt phải ngủ nhiều đêm lạnh trên nền nhà xi măng cứng ngắt. Không hề có đủ thức ăn, và thức ăn có ở đó nhiều khi thậm chí còn không đáng cho súc vật ăn. Lúc trong tù, Aida bị bắt ép phải vào khoa tâm thần. Sau ba mươi ngày “đánh giá,” các bác sĩ bảo cô bình thường và trả về xà lim. Những tháng ngày trong hệ thống nhà tù Cộng Sản tàn bạo làm tăng thêm bao thương đau và rùng rợn cho cô gái sốt sáng trẻ tuổi thẳng thừng này.

Aida không nhiễm “công tác cải tạo” của SôViết. Thay vì làm suy yếu đức tin của cô, từng trải này lại khiến đức tin của cô nơi Đấng Christ càng mạnh mẽ hơn. Thay vì ngăn chặn cô truyền bá Đạo Chúa, cô ra khỏi tù thậm chí còn say mê chia sẻ chân lý của Chúa Jêsus hơn trước. Giờ đây cô biết rất rõ trọn vẹn giá phải trả để làm việc đó, thế nhưng không chút nao núng quyết tâm của mình.

“NHÀ NƯỚC KHÔNG CAN THIỆP”

Giờ đây đã đến lúc cho những tranh luận cuối cùng trong phiên xét xử Aida lần thứ nhì. Trước hết là phần tóm tắt của công tố viên, và ông quyết định mở đầu bằng cách thuật lại một số điều trong lịch sử của giáo hội tại nước Nga.

Ông hãnh diện tuyên bố: “Sau Cách Mạng Xã Hội Chủ Nghĩa Tháng Mười vĩ đại tại đất nước chúng ta, giáo hội đã được tách khỏi chính quyền, và tín hữu của mọi đạo đều được quyền tự do tín ngưỡng.” Nhưng rồi công tố viên tiếp tục tố cáo các Cơ Đốc nhân Tin Lành và tín đồ Báp-tít cùng Hội Đồng Các Giáo Hội tội khuyến khích tín hữu không vâng phục luật pháp của quốc gia.

Công tố viên buộc tội: “Những cộng đồng hậu thuẫn cho Hội Đồng Các Giáo Hội chưa được phép đăng ký. Những buổi nhóm họp trái luật pháp của họ diễn ra tại các nhà riêng và những nơi công cộng. Một số tín hữu đã bị kết án vì vi phạm việc lập pháp về các tôn giáo. Hội Đồng Các Giáo Hội trình bày việc này như sự bắt bớ vì đạo. Suốt bảy năm, Hội Đồng Các Giáo Hội vẫn luôn tiến hành cuộc đấu tranh khổng lồ này với nhà cầm quyền.”

Từ lịch sử giáo hội và tình huống chung giữa các tín hữu, cuối cùng công tố viên chuyển sang những chi tiết cụ thể trong vụ án của Aida. Ông ta nói thêm đầy ác ý: “Skipnikova liên kết nhiều mối liên lạc khắp đất nước, nhưng công tác chính của cô là tổ chức mối liên lạc ở hải ngoại. Phải nói rằng cô đã thu vén công tác này rất khéo.”

Rồi giọng nói của ông ta trở nên kẻ cả hơn. “Cuộc đời của Aida đã khởi đầu thật bất hạnh, vì cô sinh ra trong một gia đình của người Báp-tít. Đương nhiên thật đáng thương vì chúng ta đã để một người trượt ngã, nhưng chúng ta đã nói chuyện rất nhiều với Aida và làm sáng tỏ tính cách chống lại xã hội trong những hành động của cô ta.”

Giọng nói của ông ta cất cao đến đỉnh điểm khi nói ra những nhận định cuối cùng, trước hết trích một số câu trong văn phẩm tìm được tại nhà Aida. “Một trong những bài viết này trưng dẫn lời nói của một ông tên Kryuchokov tại phiên xét xử ông ta ở Moscow: ‘Những anh em nào đang ở trong tù và trong các trại tập trung chịu khổ không phải vì họ đã vi phạm các luật pháp XôViết; họ chịu khổ vì họ vẫn cứ giữ trung tín với Chúa.’”

Công tố viên trang trọng lắc đầu. “Toàn bộ điều này là lời tuyên bố sai lầm có chủ ý để vu cáo chính quyền XôViết và trật tự xã hội. Tại Liên Xô, có rất nhiều đạo khác nhau, nhiều giáo hội đang mở cửa, và *không một ai* bị bắt bớ vì đức tin. Chính quyền *không* can thiệp vào các hoạt động của các hiệp hội tôn giáo nếu họ không vi phạm luật về các đạo giáo. Tội danh của bị cáo Skripnikova vì đã tung ra cách có hệ thống những tuyên bố sai lầm để vu cáo chính quyền XôViết và trật tự xã hội *được chứng minh đầy đủ*. Những hành động này được đề cập đến bởi đạo luật 190/1 của Bộ Luật Hình Sự. Do đó, tôi yêu cầu tòa tuyên án bị cáo, là Aida Skripnikova, hai năm rưỡi tù giam.”

Nói xong, ông ngồi xuống, khuôn mặt đầy vẻ thỏa mãn, tự tin tự mãn.

“ĐỐI VỚI CƠ ĐỐC NHÂN, CHỈ CÒN MỘT CON ĐƯỜNG DUY NHẤT”

Chánh án quay sang Aida, ra hiệu đến lượt cô lên tiếng bình vực mình lần cuối.

Cô bắt đầu, giọng nói rõ ràng và bình tĩnh: “Tôi đang định nói đến thực chất những lời buộc tội tôi. Nhưng có nhiều thắc mắc khác được

đề cập đến ở đây, nên tôi cũng phải nhắc đến chúng. Dầu vậy, như đã nói, chúng không liên quan gì đến vụ án này.”

Cô mở đầu bằng cách bác bỏ một số vấn đề thứ yếu mà bên tố tụng đã nêu lên, từ vụ lá thư cô viết cho báo *Pravda* năm 1958 cho đến công việc làm của cô tại một phòng thí nghiệm xây dựng về sau này. Sau đó cô bắt đầu đề cập những vấn đề quan trọng hơn.

Aida nói: “Khi tôi nói tôi bị sa thải khỏi sở làm vì cơ đức tin của mình, người ta bảo tôi rằng ‘Đây là lời tuyên bố sai lầm có chủ ý.’ Nhưng đây chính là thực tế việc đã xảy ra: Sau khi tôi được thả ra khỏi tù, tôi đã tìm việc tại một xưởng in. Một tuần sau khi bắt đầu làm việc, tôi đang dự buổi nhóm cầu nguyện thì công an đến và ghi tên tôi, cùng với nhiều người khác.’ Tôi biết họ sẽ báo cáo tên tôi lại cho sở làm việc của tôi.”

Mọi người tại xưởng in đã hoảng kinh khi khám phá tôi là một tín hữu, và họ bắt đầu nói với tôi, ngay từ đầu, nếu tôi không thay đổi quan điểm, tôi sẽ bị sa thải. Họ đã không giấu giếm sự thực này với tôi. Họ nói thẳng thừng với tôi: ‘Xưởng in là một cơ quan chính trị. Không phải ai cũng làm việc ở đây được.’ Họ nói như vậy mặc dù xưởng in đó thuộc quyền quản lý của công ty đường sắt, và nơi đó không in thứ gì bí mật cả – chỉ có những bảng biểu của đường sắt, các giấy phép lên tàu, và lịch trình các chuyến tàu. Tôi không biết nơi đó có điều gì để người ta không tin cậy tôi và không giao việc cho tôi được,” cô nói tiếp.

“Chuyện cứ thế trong suốt ba tuần. Sau đó tôi được gọi lên văn phòng giám đốc và được biết mình bị sa thải. Đương nhiên, họ không nói họ đang sa thải tôi vì cơ đức tin của tôi, vì không hề có luật nào cho phép sa thải người ta vì đức tin của họ. Vì vậy họ sa thải tôi, lấy cớ là tình giảm biên chế. Khi tôi xuống xưởng và nói mình bị sa thải vì tình giảm biên chế, cặp mắt của các công nhân gần như nổ tung ra khỏi tròng. Một cỗ máy lâu nay ở không vì không có ai vận hành.

“Giám đốc bảo tôi: ‘Chúng tôi không tuyển cô làm việc được vì giấy phép của cô chỉ có hiệu lực ở ngoài thành phố’ – cứ như thể trước đó họ chưa từng thấy tôi có giấy phép cư trú không thuộc loại giấy phép được ở trong thành phố, và cứ như thể giám đốc này trước kia chưa từng nhìn giấy tờ của tôi vậy.

Aida kể cho tòa nghe rằng khi công an bắt đầu hỏi nhiều câu, cô biết chẳng bao lâu mình cũng sẽ bị bắt trở lại. “Chỉ sáu tháng sau khi được thả ra, và tôi muốn làm điều gì đó hữu ích trước khi vào tù trở lại. Tôi còn việc phải làm cho xong.”

Cô lấy hơi thật sâu. Tranh luận vụ án của cô làm kiệt sức; nó đòi phải tập trung tinh thần, tình cảm và tâm linh, một việc mà hầu như không thể duy trì suốt những thời gian dài. Cô xin chánh án mười phút giải lao, và ông đồng ý.

Khi tòa họp trở lại, Aida nhắm những nhận định của mình cụ thể vào lý lẽ chống lại cô: “Việc phân phát văn phẩm tự nó không phải là một tội phạm, và nếu bên tố tụng không tìm thấy tuyên bố sai lầm cố ý nào trong các tạp chí *Sứ Giả Của Sự Cứu Rỗi* và *Huynh Đệ*, thì không có cơ sở nào để dựa vào xét xử tôi. Do đó, tôi phải nói về những nội dung của văn phẩm này.”

Sau đó cô nói về những buổi nhóm bị cấm của Cơ Đốc nhân và các lãnh đạo Cơ Đốc, là điều được thảo luận trong văn phẩm mà cô phân phối. Aida lưu ý: “Luật năm 1929 nói tín hữu có quyền tổ chức các đại hội. Nhưng thay vì cho phép, nhà cầm quyền bắt đầu bắt bớ những ai đã xin tổ chức đại hội.

“Tiếp theo, nhân viên điều tra của công tố viên đã lưu ý mười bảy cụm từ ‘gây chia rẽ bè phái’ mà ông trích ra từ văn phẩm này. Theo lời nhân viên điều tra, những cụm từ này chứa những tuyên bố sai lầm có chủ ý, vu cáo nhà nước XôViết và trật tự xã hội.”

Giờ đây Aida quay sang nói trực tiếp với chánh án. “Đang lúc làm chứng, cô Boiko đã bắt đầu trích lời Lênin; tôi sẽ bổ túc đầy đủ lời cô đã bắt đầu trích: ‘Chỉ có tại nước Nga và Thổ Nhĩ Kỳ mới vẫn còn áp đặt những bộ luật đáng hổ thẹn nhằm chống lại những người có đạo. Những luật này hoặc trực tiếp cấm tuyên xưng đức tin cách công khai hoặc cấm truyền bá đạo. Đây là những luật bất công nhất, đáng hổ thẹn nhất, và áp bức nhất.’ Giờ đây, tôi muốn quý tòa chú ý đến chữ *truyền bá*. Chính Lênin đã gọi việc cấm *truyền bá* đạo là bất công và đáng hổ thẹn.”

Cô lấy hơi thật sâu thêm nữa rồi nói tiếp. “Giờ đây, tôi sẽ kể cho quý tòa biết tôi đã bị bắt thế nào. Ngày 11 tháng Tư, tôi đến buổi nhóm cầu nguyện. Tôi thấy mình đang bị theo dõi, nhưng thấy chuyện đó

không có gì quan trọng cả. Tuy nhiên, ngày hôm sau, công an đến căn hộ của tôi và bắt tôi. Họ cũng lục soát tại nhà của nhiều tín hữu khác nữa. Riêng trường hợp của tôi, có mười một vụ lục soát: ba lần tại Leningrad, bốn lần tại Perm, ba lần tại Kirovograd và một lần tại nhà chị gái của tôi tại Magnitogorsk. Ít nhiều cũng có thể hiểu được vụ lục soát tại căn hộ của tôi và của chị gái tôi. Nhưng tại sao lại lục soát nhà các tín hữu khác? Có những vụ lục soát này vì địa chỉ của họ có trong sổ tay của tôi. Tại những chỗ đó, họ không tìm thấy bất cứ thứ nào liên quan đến trường hợp của tôi.”

Tiếp theo, Aida quay sang vấn đề “chúng tôi đang bị bắt *vì điều gì*. Chúng tôi nói chúng tôi bị truy tố vì đức tin của chúng tôi, nhưng người ta bảo chúng ta: ‘Đó là lời tuyên bố sai lầm có chủ ý, các anh bị xét xử vì vi phạm luật pháp XôViết.’ Tôi là thành viên của một cộng đồng chưa đăng ký, và cộng đồng này đã yêu cầu được đăng ký – mọi cộng đồng của chúng tôi đều đã gửi các đơn xin, bao gồm cả thân phận của chúng tôi – và khi chúng tôi xin đăng ký, không ai bảo chúng tôi: ‘Các anh không được phép làm điều này điều kia; điều đó trái luật pháp.’ Thay vào đó, người ta đã bảo chúng tôi: ‘Hãy ký cam đoan các anh sẽ không vi phạm luật pháp.’ Đây không phải là thủ tục phải lẽ dành cho quá trình đăng ký.”

Aida nhìn thấy chánh án ngày càng ngồi không yên, vì vậy cô vội hoàn tất lập luận của mình. “Tín hữu *không thể* hứa làm tròn luật pháp nào cấm họ nói về Đức Chúa Trời và cấm cha mẹ nuôi dưỡng con cái trong đạo ấy. Dù rất trung thành với nhà cầm quyền, nhưng không bậc cha mẹ Cơ Đốc nào chịu chấp nhận một luật ra lệnh họ nuôi dưỡng con cái họ trở thành những người vô thần. Họ thà chịu mọi hoạn nạn đau khổ nào mà quý vị muốn – họ thà đứng ở ghế bị cáo – hơn là hứa tuân thủ một luật như thế.

Aida nói tiếp: “Đấng Christ phán truyền chúng tôi phải giảng Tin Lành cho mọi người, mà tín hữu không thể vâng phục một luật cấm họ nói về Đức Chúa Trời và về sự cứu rỗi. *Không một tín hữu nào* sẽ tuân thủ luật ấy. Dù không phải giáo sĩ hay nhà truyền đạo, và cho dù không thể giảng được một bài giảng, thì cũng không có gì khác biệt cả – họ sẽ không tuân thủ một luật như thế, vì ngay cả người không thể giảng thì thỉnh thoảng vẫn có cơ hội để nói cho người khác biết về sự cứu rỗi. Do

đó, các tín hữu sẽ không hứa tuân thủ luật như thế. Cho dù họ rất kính trọng nhà cầm quyền, họ cũng sẽ vi phạm luật pháp này.

“Tôi muốn lập lại một lần nữa: Tín hữu không thể giữ một luật nào ép buộc họ phải chối bỏ Tin Lành. Vì vậy, khi chúng tôi bị xét xử vì vi phạm những luật như thế, chúng tôi hoàn toàn có lý khi nói mình đang bị xét xử vì cơ đức tin của mình.

“Tôi biết rằng tạp chí *Sứ Giả Của Sự Cứu Rỗi* và *Huynh Đệ* không chứa đựng bất kỳ lời tuyên bố giả dối có chủ ý nào. Nhưng đồng thời, tôi biết việc gửi những tạp chí đó ra hải ngoại có ý nghĩa gì. Tôi biết hành động đó có thể đưa tôi ra tòa. Tôi sẽ không hề yêu cầu ai khác gửi tạp chí *Sứ Giả Của Sự Cứu Rỗi* ra hải ngoại. Tôi biết việc đó rất nguy hiểm; đó là lý do vì sao tôi đích thân làm.”

Aida dừng lại, thu hết sức lực cho phần kết thúc lời biện hộ của mình, những ý tưởng tha thiết cuối cùng cô muốn để lại nơi những người sẽ phán quyết bản án của mình. “Đã có lúc người ta nhận ra rằng cấm truyền bá đạo là điều bất công; giờ đây, họ không hiểu điều ấy. Giờ đây họ bảo: ‘Cứ tự mình tin và cầu nguyện thôi, đừng dám nói về Đức Chúa Trời cho ai cả.’ Bịt miệng sự phản đối trong ý thức hệ của người khác bằng bạo lực thì đấy không hề là chiến thắng về mặt ý thức hệ. Xưa nay người vẫn luôn gọi việc ấy là chủ nghĩa dã man.”

Chánh án ngắt lời cô, bực tức, thất vọng vì tên tội phạm này giờ đây đang giảng một bài ngay trong phòng xử án của mình. “Cô không được nói về Hội Thánh; chỉ được phép nói về bản thân mình thôi,” ông ta nói, vừa như như tay vào mặt cô để chấm câu cho lời nói của mình.

Aida không nao núng. Cô nói: “Đối với Cơ Đốc nhân, chỉ còn một con đường duy nhất. Cơ Đốc nhân không còn cách nào khác hơn là đối đầu. Một khi đã biết chân lý, điều này đồng nghĩa với đi theo chân lý, ủng hộ chân lý, và nếu cần thì chịu khổ vì chân lý. Tôi không thể làm khác hơn được. Tôi đâu còn cách nào hành động khác hơn. Tôi yêu tự do và rất thích được tự do ở với gia đình và bạn hữu của mình. Nhưng tôi không muốn hành động trái với lương tâm. Tự do có ích gì cho tôi nếu tôi không thể gọi Đức Chúa Trời là Cha của mình? Hiểu biết rằng linh hồn và ý tưởng của tôi được tự do đã khích lệ và khiến tôi được mạnh mẽ. Những lời tôi muốn nói với tòa chỉ có thể thôi.”

Aida ngồi xuống, lập luận của cô đã được trình bày xong, và tấm lòng của cô đã được nêu rõ ràng.

ĐOẠN KẾT

Vẫn không chút cảm động trước tinh thần của cô và không hề chịu thuyết phục trước lập luận của cô, chánh án vẫn tuyên án Aida chịu ba năm tù trong một nhà tù SôViết, bản án tăng thêm sáu tháng so với bên công tố yêu cầu. Aida rời phòng xử án giữa hai lính gác cao lớn.

Nhưng nhất cô cũng không chận được công việc cô làm. Đến đúng dịp thích hợp, những biên bản về phiên xử Aida đã được cặm cụi sao ra trên hai mươi mảnh vải xé ra từ tấm trải giường và các thứ vải tương tự, rồi được lén chuyển ra khỏi Liên Xô. Trên khắp thế giới, các tín hữu đã đọc được những lời nói của “Aida ở Leningrad,” và đã cầu thay cho người chị em trung tín này.

Aida ra khỏi trại tù lao động khổ sai vào ngày 12 tháng 4 năm 1971. Khi thả cô ra, các quan chức đã bảo cô rằng cô “chẳng học được gì” từ bản án trừng phạt cô. Thực ra, cô học được rất nhiều, nhưng không phải điều những người SôViết bắt giữ cô mong muốn. Cô đã nhận được bằng tiến sĩ trong sự thành tín của Đức Chúa Trời, và được hiểu biết càng nhiều hơn nữa về sự vui mừng và thỏa mãn sâu nhiệm vốn xuất phát từ việc phục vụ Ngài. Cô đã trở nên thành viên trọn vẹn trong hội huynh đệ mà sứ đồ Phaolô gọi là “sự thông công trong sự thương khó của Ngài.”²

Ngày nay, Aida Skripnikova sống tại St. Petersburg. Đức tin của cô sống lâu hơn chế độ đã tìm cách tiêu diệt nó. Ngày nay, những Cơ Đốc nhân như cô được hợp pháp nhóm lại thờ phượng và giảng đạo. Gần đây, Hội Thánh của cô đã nhóm lại nhân một dịp đặc biệt: ăn mừng kỷ niệm lần thứ bốn mươi chức vụ của Hội Thánh và ghi nhớ sự thành tín của Chúa đối với các thuộc viên của Hội Thánh. Một cuộc triển lãm đặc biệt được tổ chức để tỏ lòng kính trọng những người đã chịu tuận đạo vì đức tin của họ.³

SABINA:

Nhân Chồng

Về Tình Yêu Của Nàng Christ

Rumani

1945

Người Nga đã đuổi quân phát xít khỏi Rumani, và giờ đây họ đang từng bước kiểm soát mọi phương diện trong chính quyền và xã hội Rumani. Nỗ lực mới nhất của họ là mời hàng giáo phẩm của mọi tôn giáo đến dự một cuộc họp; người Nga gọi đây là “Đại Hội Các Tôn Giáo.” Mục tiêu nêu rõ của họ là tìm hậu thuẫn giữa vòng hàng giáo phẩm. Nhưng đối với Sabina, chiến thuật này chẳng qua là nỗ lực để đoạt quyền kiểm soát và biến những lãnh đạo tôn giáo của Rumani thành những con rối của nhà nước.

Sabina vóc người nhỏ bé, gần như thấp hơn chồng, là Richard, gần nửa thước, nhưng bà có lòng sốt sắng lớn lao vì Đấng Christ. Ngồi bên cạnh Richard tại buổi họp này và nghe thêm một mục sư nữa công khai tuyên xưng trung thành với người Cộng Sản đã xâm lược quê hương họ, Sabina giật giật cánh tay chồng. Cô nài nỉ: “Anh không lau sạch vết ô nhơ này khỏi mặt Đấng Christ sao, Richard? Anh nói gì đi chứ. Họ đang phủ nhố Danh Đấng Christ kia!”

Richard nhìn quanh những đại biểu có mặt trong Tòa Quốc Hội. Hoàn toàn là một màn kịch. Khẩu hiệu đã công bố người Cộng Sản là: “Tự do tôn giáo hoàn toàn!” Họ chủ trương sự đồng hiện hữu trong hòa bình giữa Đức Chúa Trời và chủ nghĩa Cộng Sản – hay đúng hơn là giữa Đức Chúa Trời với chủ tịch danh dự của hội nghị này, là Joseph Stalin. Richard nói nhỏ: “Thế giới này dễ bị lừa biết bao!”

Richard và Sabina bị ép giữa bốn ngàn giám mục, mục sư, linh mục, các rabi và các đạo trưởng các, họ đứng ngập các lối đi và sàn đại sảnh. Người Hồi Giáo và người Do Thái, Tin Lành và Chánh Thống Giáo, mọi đạo đều có mặt.

Thậm chí còn có cả buổi lễ tôn giáo tại tòa giáo trưởng trước khi đại hội này khai mạc. Các lãnh đạo Cộng Sản đã đích thân làm dấu thánh giá và hôn các hình tượng thánh và tay của giáo trưởng. Sau đó các diễn văn bắt đầu. Petru Groza, người hoàn toàn là con rối của Moscow, giải thích rằng tân chính quyền Rumani hậu thuẫn trọn vẹn các đạo, bất kỳ đạo nào, và họ sẽ tiếp tục trả lương cho hàng giáo phẩm, như đã làm trước đây. Thật ra, còn tăng lương của hàng giáo phẩm nữa! Tràng vỗ tay nồng nhiệt chào đón tin tức này.

Sau bài diễn văn của Groza, các linh mục và các mục sư đáp lời. Từng người một nói mình hạnh phúc thế nào trước sự đánh giá cao này về tôn giáo. Chính quyền có thể dựa vào Hội Thánh nếu Hội Thánh có thể dựa vào chính quyền. Đơn giản là thế. Một giám mục nhận định rằng mọi màu cờ sắc áo chính trị đã gia nhập giáo hội trong suốt lịch sử giáo lý. Giờ đây màu đỏ sẽ bước vào, và ông rất vui sướng. Mọi người đều sung sướng. Và sự sung sướng của họ đã được loan truyền cho toàn thế giới qua sóng truyền thanh, trực tiếp từ tòa đại sảnh này.

Richard nói: “Được rồi, anh sẽ đứng lên nói. Nhưng nếu anh đứng lên, em sẽ không còn có chồng nữa.”

Sabina biết ông nói đúng và các lãnh đạo tôn giáo kia đang nói ra vì sợ cho gia đình, cho công việc làm, và cho đồng lương của họ. Nhưng cô cũng biết người phải có can đảm để vạch trần những người Cộng Sản này thay vì phát trên khắp chốn không trung những lời nói dối và tâng bốc. Nhìn thẳng vào mắt Richard, cô trả lời đơn giản: “Em không cần một kẻ hèn nhát làm chồng.”

Richard yên lặng gật đầu. Anh điền tên vào tấm thiệp rồi gởi lên phía trước, báo hiệu anh muốn phát biểu. Những người Cộng Sản thích thú. Mục sư Richard Wurmbrand, một mục sư giáo hội Lutheran nổi tiếng khắp đất nước này, đại diện chính thức của Hội Đồng Các Nhà Thờ Thế Giới, muốn phát biểu trước hội đồng. Giờ đây, họ đang tiến triển tốt thật rồi!

THỜI ĐIỂM CHO LÒNG CAN ĐẢM VÀ CHÂN LÝ

Yên lặng căng thẳng tràn ngập sảnh đường khi Richard tiến lên diễn đàn. Sabina tự hỏi đám đông đang nghĩ gì đang khi cô sốt sắng cầu nguyện cho chồng.

Richard bắt đầu: “Cảm ơn quý vị dành cho tôi đặc ân này được tiếp tục lên tự do phát biểu. Khi con cái Đức Chúa Trời nhóm lại, các thiên sứ cũng nhóm lại để nghe sự khôn ngoan của Chúa. Vì vậy, bốn phần mỗi tín hữu không phải là ca ngợi những con người hay những lãnh tụ của trần gian này là người xuất hiện rồi qua đi, nhưng mỗi tín hữu có bốn phần ca ngợi Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa và Đấng Christ là Cứu Chúa, Đấng đã chết thay chúng ta trên thập tự giá.”

Toàn bộ bầu không khí trong sảnh đường bắt đầu thay đổi, và lòng Sabina rộn ràng niềm vui. Cuối cùng, tiêu điểm đã chuyển khỏi việc tuyên truyền của những người Cộng Sản để tập trung vào Đấng Christ.

“Quyền phát biểu của anh đã bị tước!” Burducca, bộ trưởng các tôn giáo, đột ngột thốt lên đang khi ông nháy đồng. Không thèm đếm xỉa ông ta, Richard tiếp tục khích lệ những bạn đồng lãnh đạo của mình hãy đặt lòng tin cậy vâng lời Chúa thay vì con người. Thính giả bắt đầu vỗ tay hoan hô. Họ biết Richard nói đúng, nhưng ông là người duy nhất đủ can đảm nói điều cần phải nói.

“Ngắt micro!” Burducca hét các thuộc cấp. “Kéo hẳn xuống khỏi diễn đàn mau. Ngay bây giờ!”

Khi không còn nghe tiếng của Richard nữa, đám đông bắt đầu reo hò nhịp nhàng: “*Pastorul! Pastorul!*”¹

Buổi họp trở thành hoàn toàn hỗn loạn, một ơn phước dành cho Richard khi ông lặng lẽ trở về chỗ trước khi người ta tóm lấy ông. Sabina yên lặng ngồi chứng kiến. Cô rất hãnh diện về chồng. Hãnh diện về lòng can đảm của anh dám đứng lên bình vực Đấng Christ. Nhưng lòng kiêu hãnh của cô pha lẫn chút lo lắng khi bắt đầu nghĩ đến cái giá anh sẽ phải trả vì đã phát biểu chống người Nga.

Sabina và Richard trước giờ vẫn luôn luôn yêu thương người Nga. Họ thường bàn chuyện gửi các giáo sĩ Rumani sang Nga rao giảng Tin Lành. Richard và Sabina tuyên bố: “Giờ đây Chúa đã đưa người Nga đến với chúng ta.”

Khi người Nga mới đến Rumani vào mùa hè năm 1944, Richard và Sabina ba mươi một tuổi đã đi ra chào đón họ, mang theo hoa và truyền đạo đơn. Là người Rumani gốc Do Thái, cả hai đều bị mất mát vô kể từ tay người phát xít. Toàn bộ gia đình Sabina bị tiêu diệt trong các trại tập trung, và Richard đã bị bắt ba lần rồi. Khi Sabina và Richard mới trở

thành Cơ Đốc nhân, họ tận tụy hoạt động giữa những người bị hư mất, bất kể những người ấy phạm tội gì. Năm 1944, lòng tin quyết này đã đưa họ đến với những người phát xít đang đào tẩu cũng như những người Cộng Sản vừa mới đến.

Trong thời quân phát xít chiếm đóng, Richard và Sabina giấu trong nhà họ rất nhiều người Do Thái đang đào thoát. Sau đó, khi người phát xít phải chạy trốn, hai vợ chồng cũng giấu họ nữa. Một người lính phát xít đã hỏi Sabina vì sao cô – người Do Thái – lại muốn che giấu cho kẻ thù của cô, là một binh lính quốc xã. Sabina chỉ nói với anh ta rằng cô không hề có kẻ thù nào, và Đức Chúa Trời yêu mọi tội nhân. Anh ta đã cảm ơn cô với lời hứa sẽ bắt cô bỏ tù nếu quân quốc xã đoạt lại quyền lực.

MUA THỜI GIAN

Trong mùa hè năm 1944, Sabina và Richard được hưởng khung cửa tự do tôn giáo tạm thời. Nhà cựu độc tài Rumani – là Ion Antonescu – được đưa sang Moscow sau đó được đưa về và bị bắn. Những giáo sĩ cao cấp của Giáo Hội Chánh Thống ngày trước tỏ ra độc tài chuyên chế với người Do Thái và người Tin Lành nay đã mất quyền thống trị tuyệt đối của họ.

Hầu hết người Rumani nghĩ ít nhất họ cũng có một chính quyền dân chủ, nhưng Sabina biết rõ hơn.

Sau Hội Đồng Các Tôn Giáo, không có biện pháp chính thức nào nhằm chống Richard, nhưng chẳng bao lâu những người Cộng Sản quấy rối đã xuất hiện thường xuyên để làm gián đoạn những buổi lễ tại nhà thờ do ông hướng dẫn. Hết tuần này đến tuần nọ, những thanh niên vẻ mặt hung hăng ủa vào ngôi cuối nhà thờ để huýt sáo, cười nhạo và ngắt lời.

Mục sư Solheim – mục sư quản nhiệm Hội Thánh – nói rằng: “Chúng ta đáng phải vui mừng. Một nhóm thánh giả ồn ào mà biết quan tâm còn tốt hơn một nhóm thánh giả yên lặng mà chỉ giả vờ lắng nghe!”

Rồi họ đã nhận được lời cảnh cáo đầu tiên. Một ngày nọ, Sabina đang làm việc trong hội truyền giáo của Hội Thánh bên cạnh Richard thì một người mặc thường phục bước vào nói chuyện với chồng cô.

Ông ta tự giới thiệu: “Thanh tra Riosanu. Ông là Wurmbrand phải không? Vậy thì ông là người tôi ghét nhất trên đời.” Richard và Sabina nhìn chăm chăm vào ông ta với vẻ không tin. Ông ta nói tiếp: “Nhưng nói vậy cốt chỉ để anh thấy không hề có chuyện gây khó dễ. Tôi đến khuyên anh một chuyện. Có tập hồ sơ rất dày về anh tại các trụ sở cảnh sát mật. Tôi đã nhìn thấy hồ sơ đó. Gần đây có người chỉ điểm chống lại anh. Nói chuyện với rất nhiều người Nga, đúng không?”

Riosanu xoa xoa đôi bàn tay như giấy nhám của hắn. “Nhưng tôi nghĩ có lẽ chúng ta thỏa thuận được.”

Ông ta nói, nếu hối lộ, ông sẽ hủy bản báo cáo đó.

Sabina cũng bàn, và họ đồng ý khoản tiền sẽ đưa. Nhét tiền vào túi, Riosanu nói: “Anh đã được giá hời. Tên của kẻ chỉ điểm là –”

“Không!” Sabina nhanh nhẹn chen vào. “Chúng tôi không muốn biết.”

Viên thanh tra nhìn người phụ nữ nhỏ bé này với vẻ hiếu kỳ. Nhưng Sabina lắt đầu. Cô biết họ không muốn biết ai chỉ điểm mình. Nếu biết đó là ai, có lẽ họ sẽ tức giận người kia – và rồi chính họ sẽ phạm tội.

Thế nhưng, Richard và Sabina vẫn biết khoản tiền vừa trả không mua được an ổn cho họ. Sự an toàn ấy ở trong tay Chúa. Nhưng có lẽ họ đã mua cho mình được đôi chút thời gian – và cả cơ hội để vững lập thêm Hội Thánh thâm lặng này.

Vào cuối năm 1947, những vụ bắt giam Cơ Đốc nhân diễn ra ngày càng thường xuyên hơn, và Sabina bị mất rất nhiều bạn vì họ phải vào tù. Một buổi trưa mùa đông lạnh giá nọ, Sabina ở nhà, bị bệnh viêm phế quản, thì nghe tiếng gõ cửa. Cô ra mở cửa và ngạc nhiên khi thấy Vera Yakovlena, một bác sĩ người Nga mà cô chỉ mới quen biết sơ sơ thôi, đang chờ ngoài cửa. Bác sĩ này đến không phải để chữa bệnh cho Sabina, nhưng để báo một tin rất quan trọng. Khuôn mặt của nữ bác sĩ này như chiếc mặt nạ trong vở bi kịch khi kể chuyện cho Sabina nghe:

“Vera xuất thân từ một thành phố tại Ukraine nơi có vô số các lãnh đạo và tín hữu Cơ Đốc, kể cả cô, đã bị đày sang các trại lao động cải tạo ở Siberia mà rất ít người từ nơi đó trở về được. Vera nói: “Chúng tôi phải làm việc để dọn rừng, cả nam lẫn nữ làm việc chung với nhau. Chúng tôi có quyền bình đẳng: chúng tôi có thể chết đói hoặc bị lạnh cóng đến chết.”

Nữ bác sĩ nghiêng mình tới trước túm lấy cánh tay Sabina bằng bàn tay đầy những vết sẹo trắng dày và run rẩy khi hồi ức quay về. Cô nói: “Mỗi ngày biết bao người chết, gục xuống tuyết vì làm việc quá sức.”

Một ngày nọ Vera bị bắt gặp đang nói với một tù nhân khác về Đấng Christ. Để trừng phạt, cô bị bắt phải đứng chân trần trên băng suốt nhiều giờ đồng hồ. Vì hình phạt này khiến cô không thể làm tròn chỉ tiêu làm việc, nên lính gác đánh cô.

Hầu hết các tù nhân khác trong trại đã chết trong những điều kiện vô nhân đạo hay vì những buổi tra tấn thường xuyên, nhưng Vera đã xoay xở để còn sống sót. Giờ đây cô đến với Sabina, không phải chỉ đơn giản kể cho Sabina nghe bi kịch của mình, nhưng để nói về sự thành tín của Chúa, ngay cả giữa trại lao động cải tạo. Giữa lúc cô buồn rầu và thiếu thốn, Đức Chúa Trời đã chứng tỏ quyền năng của Ngài. Đầu Sabina nhức như búa bổ. Thay vì suy giảm phép lạ này, cô không thể nghĩ đến điều gì khác hơn khả năng mình cũng chịu khổ tương tự. Sabina tự hỏi *Điều này có nghĩa gì? Vì sao cô ta đến kể cho mình nghe những chuyện đó?*

Khi Vera đứng dậy ra về, Sabina nài nỉ Vera ở lại với mình đêm đó hoặc ít nhất cũng chờ đến khi Richard trở về để anh cũng nghe được lời chứng của cô và biết điều đang xảy ra cho những anh chị em của họ. Nhưng Vera đã ra đến cửa rồi. Vera dừng lại một thoáng để nói: “Chồng tôi bị cảnh sát mật bắt đi. Đến nay anh đã ở tù mười hai năm rồi. Tôi không biết liệu chúng tôi có còn gặp nhau trên đất này nữa không.” Rồi cô ta ra về.

“Mười hai năm!” Sabina rùng mình lập lại mấy lời ấy. Làm sao chịu nổi lâu đến thế?

Với sự bắt bớ Cơ Đốc nhân ngày càng tăng của người Cộng Sản, phải tính đến chuyện đi trốn. Richard mở lời: “Sabina ơi, vẫn chưa quá trễ đâu. Chúng ta vẫn có thể ra đi. Nhiều người khác đang bỏ tiền để mua đường ra đi.”

Sabina không trả lời. Cô biết Richard không muốn ra đi, chẳng khác gì cô. Nhưng nguy hiểm này rất thật. Và họ còn phải nghĩ đến Mihai, đứa con trai tám tuổi yêu quý của họ – đứa con duy nhất.

Richard nói tiếp: “Trước kia anh bị quân quốc xã bắt, chỉ vài tuần sau anh được thả ra. Với người Cộng Sản, có thể bị bắt đến mấy năm.

Và họ cũng có thể bắt anh nữa Sabina à. Rồi chuyện gì sẽ xảy ra cho Mihai?”

Richard đã đụng đến điểm mềm lòng của Sabina. Cô biết nếu cả cô và Richard đồng thời bị bắt, Mihai sẽ không còn chỗ nào để đi. Có thể nói Mihai phải sống trên đường phố, đi ăn xin. Thật quá sức tưởng tượng cho một người mẹ. Thế nhưng Sabina vẫn không trả lời.

Cuối cùng, Richard nhắc Sabina chuyện một người bạn nọ vừa mới kể với họ: Anh bạn nói: ‘Hãy chạy trốn cứu lấy mạng,’” trích lời thiên sứ phán với Lót. “‘Đừng ngó lại sau.’”²

Lúc đó Sabina trả lời. Cô hỏi: “Chạy trốn để cứu lấy mạng *nào?*” Sau đó cô vào phòng ngủ lấy quyển Kinh Thánh của mình ra đọc lớn những lời Chúa Jêsus phán: “Ai muốn cứu sự sống mình thì sẽ mất, còn ai vì cơ ta mà mất sự sống thì sẽ được lại.”³ Xếp quyển Kinh Thánh đã sờn lấm rồi, cô hỏi Richard: “Nếu giờ đây anh ra đi, anh còn bao giờ giảng được về khúc Kinh Thánh này lần nữa không?”

Lúc đó, vấn đề ra đi đã được giải quyết xong. Và vài tháng sau, nó sẽ được xác lập lại lần nữa...

THÔI TỒN TẠI

Vào sáng Chúa nhật ngày 29 tháng 2 năm 1948, Richard ra khỏi nhà để đến nhà thờ, vừa đi ra cửa vừa ngoái lại sau nói: “Sabina, anh sẽ gặp em ở nhà thờ.”

Nhưng khi Sabina đến nhà thờ khoảng ba mươi phút sau, cô thấy mục sư Solheim đứng trong văn phòng, trông có vẻ bối rối.

Ông nói: “Richard vẫn chưa tới. Nhưng chắc ông đang mãi nghĩ chuyện khác rồi. Đáng ra ông phải nhớ có cuộc hẹn khẩn cấp trước giờ nhóm của Hội Thánh.”

“Nhưng anh hứa sẽ gặp tôi ở đây trong vòng nửa giờ,” Sibina nói, giọng nói vang lên vẻ lo sợ.

“Có lẽ ông gặp một người bạn nào đó cần giúp,” Solheim nói. “Ông ấy sẽ đến thôi.”

Mục sư Solheim lo buổi nhóm, trong khi Sabina gọi điện thoại cho các bạn, rốt cuộc mới biết ra Richard không hề gặp ai trong số họ. Cô càng lo sợ thêm.

Trưa đó, Richard phải lo đám cưới cho đôi vợ chồng trẻ trong Hội Thánh.

Mục sư Solheim khích lệ Sabina: “Ồ, đừng lo. Cô không bao giờ biết được anh chàng Richard của cô đâu. Còn nhớ lúc chúng ta tổ chức trại mùa hè, rồi sáng sớm anh đi mua báo và đến giờ cơm trưa mới gọi điện thoại về nói mình sẽ không trở về ăn điểm tâm sao?”

Nghĩ lại Sabina mỉm cười. Lúc đó Richard nhớ ra có công việc khẩn cấp và đón xe trở về Bucharest. “Ông nói đúng. Chắc anh ấy lại làm việc tương tự thế lần nữa rồi,” cô nói, cố tự trấn an.

Bữa ăn trưa ngày Chúa Nhật tại căn hộ nhỏ bé của nhà Wurmbrand thường là dịp rất vui vẻ và đông đủ. Không hề có nhiều thức ăn, nhưng Cơ Đốc nhân sẽ tụ tập tại đó để trò chuyện và ca hát. Đối với những người đến dự, đây là phần nổi bật nhất trong tuần của họ.

Giờ đây hết thảy họ ngồi quanh nhà, yên lặng chờ đợi Richard. Nhưng ông không hề đến. Mục sư Solheim phải cử hành hôn lễ trưa đó. Sabina gọi điện thoại đến mọi bệnh viện, thậm chí còn đi đến các phòng cấp cứu, nghĩ có lẽ anh gặp tai nạn. Vẫn không tìm được ông. Cuối cùng, cô tự thừa nhận việc phải làm: đi đến Bộ Nội Vụ. Chắc chắn Richard đã bị bắt.

Sau đó bắt đầu hàng giờ và hàng tuần rồi hàng năm tìm kiếm... lê lết từ văn phòng này đến văn phòng kia... đẩy bất kỳ cánh cửa nào có thể mở ra.

Sabina nghĩ đến Vera, người đã bị tách khỏi chồng suốt mười hai năm qua. Cô nghĩ đến sự tra tấn Vera đã phải chịu sau khi chia sẻ Đấng Christ với tù nhân khác, một tội phạm mà chắc chắn Richard cũng sẽ bị xét là có phạm nữa. Sabina nhớ mình và Richard đã cảm tạ Chúa thế nào khi họ có thể làm chứng cho những binh lính Nga xâm lăng... cũng chính những người lính mà giờ đây bắt chồng cô bỏ tù.

Có tin đồn Richard bị đưa đến Moscow, như chuyện đã xảy ra cho bao người khác. Nhưng Sabina không chịu tin rằng anh đã qua đời. Hết đêm này đến đêm nọ, cô dọn bữa ăn và ngồi bên cửa sổ, suy nghĩ: *Tối nay anh sẽ về nhà. Richard đâu có làm gì sai. Anh sẽ được tha sớm thôi. Người Cộng Sản không thể tệ hơn người quốc xã, là những người luôn thả anh ra sau một hoặc hai tuần.* Cô an ủi Mihai khi nó khóc lên đòi ba. Cô bảo con trai rằng Đức Chúa Trời đang chăm nom Richard – và

chăm nom hết thảy họ. Họ cùng cầu nguyện để Richard được an toàn và sẽ sớm trở về nhà.

Nhưng anh vẫn không về. Và cuộc trò chuyện giữa cô với Richard vài tháng trước bắt đầu ám ảnh cô trong những giấc mơ: “Trước kia anh bị quân quốc xã bắt, chỉ vài tuần sau anh được thả ra. Với người Cộng Sản, có thể bị bắt đến mấy năm...”

Lòng Sabina rối bời. Cô và Richard đã chia sẻ một tình yêu vốn chịu đựng bao thách thức, nhưng lần này cô không biết mình và Mihai làm sao sống nổi khi không có anh. Sau vài tuần, mục sư Solheim đưa Sabina đến gặp một đại sứ Thụy Điển, đồng minh của họ trong quá khứ, để xin giúp đỡ. Đại sứ Reutersward cho biết ông sẽ nói chuyện ngay lập tức với bộ trưởng ngoại giao, là Ana Pauker.

Câu trả lời của bà Pauker hiển nhiên đã được viết sẵn trong kịch bản: “Theo thông tin của chúng tôi thì mục sư Wurmbbrand đã trốn khỏi đất nước này mang theo một va li đầy nhóc tiền giao cho ông để cứu trợ nạn đói.” Người ta nói giờ đây ông ở tại Đan Mạch.”

Lúc đó vị đại sứ này đưa vụ Richard lên thủ tướng Groza. Nhưng cũng lập lại y chang những lời kia và kèm thêm một lời hứa vui vẻ: “VẬY là có người cho rằng Wurmbbrand đang ở tại một trong những nhà tù của chúng tôi sao? Nếu ông chứng minh được điều đó, tôi sẽ thả ông ta ra!”

Những người Cộng Sản rất tự tin. Có lẽ đó là lý do có lời đồn giữa dân chúng: “Một khi nằm trong móng vuốt của cảnh sát mật tại Rumani, người ta thôi tồn tại.”

DÂY CỨU SINH CHO RICHARD

Sau nhiều tháng nỗ lực phí công, một đêm nọ Sabina đang ở tại nhà thờ thì được gọi đến gặp một khách lạ đang chờ ngoài cửa. Người đàn ông này râu ria xồm xoàm không cạo, nồng nặc mùi rượu mận. Ông ta cứ khăng khăng đòi nói chuyện với một mình Sabina thôi.

Ông ta nói đơn giản: “Tôi đã gặp chồng bà.” Tim Sabina rộn lên. Đây là lần đầu cô nghe về chồng mình. “Tôi là cai ngục – đừng hỏi ở nhà tù nào – chỉ cần biết tôi là lính gác đã đưa thức ăn cho ông ta. Chồng cô nói cô sẽ trả thù lao hậu hĩ cho tôi để biết ít tin tức.

“Bao nhiêu?” Sabina hỏi, không chắc ông ta có thực sự biết tin không. Đã có biết bao nhiêu lời nói dối rồi.

“Tôi đang liều cả cái cổ mình đó, bà biết chứ.”

Khoản tiền ông ta nói ra thật khổng lồ – và ông ta không cho trả giá.

Mục sư Solheim cũng nghi ngờ y như Sabina. Ông bảo người cai ngục: “Đem cho tôi vài chữ viết của Wurmbrand.” Solheim đưa người cai ngục một thỏi chocolate trong kho cứu trợ nạn đói. “Đem thỏi này đến cho Wurmbrand và đem về đây một bức thư có chữ ký của ông ta.”

Người cai ngục ra về, và Solheim quay sang Sabina. Ông nói: “Chúng ta chỉ làm được chừng đó thôi. Chúng ta không biết liệu hẳn có nói thật không, còn hẳn muốn một khoản tiền khổng lồ.”

Sabina biết mục sư Solheim không muốn cô để cho những hy vọng trào dâng để rồi rốt cuộc lại thấy chúng tan biến lần nữa.

Nhưng hai ngày sau người kia quay lại. Ông ta gỡ mũ, moi ngón tay vào trong lớp vải lót, rồi trao cho Sabina miếng giấy gói thỏi chocolate. Mở ra thật cẩn thận, cô đọc được dòng chữ: “Vợ yêu quý nhất của anh, cảm ơn em về sự ngọt ngào của em. Anh khỏe. Richard.”

Tim Sabina như ngừng đập. Anh vẫn sống! Đây chính là nét chữ của anh! Đậm và rõ ràng, cương quyết, thế nhưng mất nhiều công sức. Không hề có khả năng hiểu nhầm niềm hy vọng mãnh liệt bên trong những dòng chữ này.

Viên cai ngục nói: “Ông ta khỏe. Có người không thể chịu nổi trong cảnh biệt giam. Họ không thích đồng bạn của chính họ.” Ông ta lại nồng nặc mùi rượu mạnh. “Ông gửi đến bà tình yêu của ông đấy.”

Sabina đồng ý trao tiền nếu ông chịu tiếp tục chuyển tin. Cuối cùng ông ta bảo: “Được rồi. Nhưng bà biết đấy, tôi đang quá liều lĩnh. Có người đã lãnh án mười hai năm tù vì làm chuyện này.”

Anh ta đã đồng ý liều lĩnh quyền tự do của mình vì một tình yêu hai mặt: anh ta yêu tiền và yêu rượu mà tiền đem lại. Nhưng anh ta dường như cũng ngưỡng mộ Richard, và thỉnh thoảng còn giúi thêm cho Richard bánh mì.

Sabina biết ơn sự hy sinh của người đàn ông kia khi anh ta tiếp tục đem tin cho đến mình. Viên cai ngục nát rượu đã trở thành dây cứu sinh của bà đến với Richard. Giờ đây, nó sẽ phải trở thành dây cứu sinh.

TRỪNG PHẠT GIA ĐÌNH TÙ NHÂN

Các luật lệ của người Cộng Sản rất hà khắc. Vợ một người tù chính trị không thể nhận phiếu khẩu phần. Các phiếu này chỉ dành cho “các công nhân.” Vợ của một tù nhân chính trị cũng không thể làm việc. Vì sao? Vì bà ta không có phiếu khẩu phần, nên do đó bà ta đã không tồn tại.

Sabina kêu nài đến nhà cầm quyền. “Tôi sẽ phải sống thế nào đây? Tôi làm sao nuôi được con mình?”

“Đó là chuyện của cô, không phải của chúng tôi.”

Sabina lo lắng về Mihai. Từ khi Richard bị bắt, cô thấy con ngày càng ốm vì thiếu ăn. Và cô biết nó còn đau khổ vì “những anh chị em” đã bị mất của nó, là sáu trẻ mồ côi mà Sabina và Richard đã nhận nuôi sau những cuộc tàn sát của quân quốc xã tại miền Đông Rumani.

Nhưng sau đó, khi nghe người Nga quyết định đưa những người tị nạn trở về ở trong hai tỉnh phía đông mà họ đã thôn tính, là Bessarabia và Bucovina, Sabina và Richard biết sớm muộn gì lũ trẻ cũng bị bắt khỏi họ và đưa đến phía đông. Hàng trăm trẻ mồ côi khác cũng gặp cùng cảnh ngộ. Sabina nghĩ nếu có thể đưa chúng đến Palestine, nơi tân quốc gia Israel sắp khai sinh, mọi chuyện sẽ ổn. Vì vậy, vào ngày định mệnh, họ buồn bã đưa lũ trẻ gia nhập đoàn người tị nạn lên boong chiếc tàu thủy hơi nước *Bulbul* của Thổ Nhĩ Kỳ. Thật khó mà chịu nổi cảnh đưa chúng ra đi, nhưng đưa chúng đến Palestine dường như còn tốt hơn là chờ số phận chưa biết đang rình bắt chúng dưới tay người Nga.

Nhiều tuần trôi qua, vẫn không có tin chuyến tàu kia đến nơi. Mỗi ngày Sabina càng lo lắng thêm. Cuộc tìm kiếm quốc tế bắt đầu, từ Biển Đen cho đến phía đông Địa Trung Hải. Nhưng con tàu kia đã biến mất, và dần dần, hy vọng cũng nhạt phai. Người ta nghĩ chiếc tàu *Bulbul* đã va phải mìn và đưa theo mọi người trên boong.

Nỗi đau đớn của họ thật kinh khiếp. Sabina và Richard yêu lũ trẻ như con ruột của mình, và Mihai xem chúng như anh em ruột của mình. Khi cuối cùng Sabina chấp nhận sự thật là những đứa trẻ mồ côi kia đã chết, cô không còn muốn nhìn thấy hay nói chuyện với ai ngoài gia đình của mình. Mọi niềm tin của cô bị thử thách thật gay gắt. *Làm sao Chúa lại để chuyện này xảy ra? Làm sao Chúa lại cất những đứa con của con đi?* Cô tự hỏi liên tục.

Đương nhiên, tận sâu đáy lòng, Sabina biết không thể đổ thừa cho Đức Chúa Trời chiến tranh và lòng thù ghét của nhân loại, là thứ chắc chắn đã gây ra vụ đánh chìm con tàu kia. Nhưng cô yêu lũ trẻ, và cô tự hỏi làm sao mình vượt qua nỗi đau này nổi.

Với nỗi đau riêng, Sabina còn phải đến để an ủi Mihai. Con cô khóc dữ lắm mỗi khi nghĩ đến những đứa trẻ đã bước vào cuộc đời nó làm tươi sáng đời nó. Cô giữ con trong vòng tay và kể lại lần nữa câu chuyện thường được nghe Richard kể:

Chuyện kể rằng đương khi một vị rabbi nổi tiếng kia đi vắng nhà, hai con trai của ông qua đời, cả hai đều đẹp tuyệt trần và rất thông sáng trong Luật Pháp. Người vợ đau khổ của ông đưa hai con vào phòng ngủ của mình, phủ tấm vải trắng trên thi thể. Đến tối vị rabbi về nhà.

Ông hỏi: “Các con trai của ta đâu? Nhìn hoài ngoài sân cũng chẳng thấy đứa nào cả.”

Người vợ rót nước để chồng uống cho tươi tỉnh, nhưng ông cứ hỏi: “Các con trai của ta đâu?”

“Chúng không ở xa đâu,” bà vừa nói vừa dọn thức ăn trước mặt chồng.

Sau bữa ăn, bà hỏi chồng: “Xin phép cho em hỏi một câu.”

“Em cứ hỏi.”

Trước đây, một chị bạn gửi em giữ hai viên kim cương rất đẹp, em đã chăm chút chúng này như là của em vậy. Giờ đây chị ấy đòi lại; em có nên trả không?”

“Em nói sao?” vị rabbi nói. “Em ngần ngại trả lại họ vật của họ sao?”

Người vợ trả lời: “Không. Thế nhưng em nghĩ tốt nhất khoan trả khi chưa xin phép anh.”

Rồi cô dẫn chồng vào phòng, nhắc tấm vải trắng khỏi thi thể của hai đứa con trai. “Các con trai tôi ơi! Các con trai tôi ơi!” người cha khóc lớn. “Các con ơi, ánh sáng của mắt cha!”

Người mẹ quay đi khóc lóc đắng cay.

Một lúc sau, cô cầm lấy tay chồng và nói: “Chẳng phải anh vừa dạy em không được phép miễn cưỡng trả điều đã giao cho mình giữ sao? Chúa ban cho, và Ngài lấy đi; đáng ngợi khen danh Đức Giêhôva.”

Câu chuyện là nguồn an ủi nhỏ nhoi của Mihai, nhưng cậu hiểu mẹ đang nói gì và tìm được sức mạnh từ lòng can đảm của mẹ. Giờ đây cậu lên mười và cao so với tuổi, với đôi gò má nhô cao và cặp mắt sáng với ánh nhìn dò xét. Tại trường, cậu đang học những bài học hết sức gay go về cách để làm đứa con trai của “kẻ bị xã hội ruồng bỏ.” Mihai ngưỡng mộ cha, và Sabina không dễ giải thích rằng Richard đã bị bắt đi khỏi họ và đang bị nhốt tù chỉ vì cố làm mục sư.

Và giờ đây, mỗi ngày, ngày càng nhiều người biến mất.

Một lần nọ, rất đông tù nhân nổi tiếng được phóng thích. Họ về nhà trong xe cứu thương và cho người khác thấy những vết bầm vết sẹo của mình, kể lại những tra tấn họ phải chịu. Khi tin đồn về cách họ bị đối đãi lan truyền đã đủ, hết thảy họ đều bị bắt lại.

Sabina ghét nghĩ đến những kinh khiếp mà người chồng yêu quý của mình chắc chắn đang đối diện. Cô cầu nguyện để chồng không bị suy sụp mà phản bội bạn bè. Anh đã hứa thà chết còn hơn làm như thế, nhưng ai có thể nói một con người chịu được đến bao nhiêu? Thánh Phierơ đã hứa sẽ không chối Đấng Christ, thế nhưng lại chối Chúa đến ba lần.

TIẾNG GÕ CỬA

Sabina được an ủi vì biết nếu Richard qua đời, họ sẽ gặp lại nhau trong đời sau. Họ đã thỏa thuận chờ nhau tại một trong mười hai cổng của Thiên đàng, là cổng chi phái Bêngiamin. Chúa Jêsus đã có cuộc hẹn tương tự với các môn đồ, hẹn gặp họ tại xứ Galilê sau khi Ngài qua đời. Và Ngài đã giữ lời.

Nhưng giờ đây không phải đời sau khiến Sabina lo lắng. Đó chính là tiếng gõ cửa nhà cô lúc năm giờ sáng...

Tối hôm trước Sabina làm việc khuya, tình nguyện ở lại nhà thờ và đi thăm gia đình tín hữu. Mihai đang ở với các bạn ở miền quê, và một trong các bạn của Sabina đang ở với cô trong căn hộ nhỏ này. Tiếng nói găt gỏng lanh lảnh vang lên trong cảnh yên tĩnh của sáng sớm khiến cả hai người giật mình thức giấc. “Sabina Wurmbrand! Mở cửa ra! Chúng tôi biết cô có trong đó.”

Sabina đi ra cửa, sợ những người đàn ông bên ngoài tông cửa vào bất cứ lúc nào.

“Sabina Wurmbrand?” Người đàn ông cổ bò mộng chỉ huy la lên khi cô mở cửa. “Chúng tôi biết cô đã giấu vũ khí ở đây. Cho chúng tôi biết đồng vũ khí đang ở đâu – ngay bây giờ!”

Cô chưa kịp nói năng gì, họ đã kéo những hòm rương ra, mở tung tủ chén, trút hết các học tử xuống sàn nhà. Kệ sách bị hất tung xuống, và bạn của Sabina nhào tới để lấy lại chúng.

“Đừng lo chuyện đó,” một ông trong bọn găm lên. “Mặc đồ vô đi.”

Hai người nữ phải mặc đồ trước mặt sáu người đàn ông, bọn họ giẫm lên mọi thứ đang khi họ giày xéo phá nát căn hộ. Thỉnh thoảng họ lại hét lên, như để khích lệ nhau cứ tiếp tục cuộc lục soát vô nghĩa này.

“Vậy là không chịu khai cho chúng ta biết giấu vũ khí ở đâu hả? Chúng ta sẽ xé nát nơi này ra!”

Sabina nhỏ nhẹ trả lời: “Thứ vũ khí duy nhất trong nhà này nằm ở đây.” Cô quỳ xuống cẩn thận nâng quyển Kinh Thánh của mình lên từ dưới chân của một người lính.

Viên sĩ quan Cổ Bò Mộng găm lên: “Bà phải đi với chúng tôi để khai trình đây đủ!”

Sabina đặt Kinh Thánh lên bàn rồi nói: “Xin để chúng tôi yên vài phút để cầu nguyện. Sau đó tôi sẽ theo các ông.”

Trên đường đi ra, Sabina vô lấy gói đồ mà trước đó một người bạn đã đưa cho cô – một đôi vớ và vài đồ lót. Chúng sẽ là thứ của cải quý giá tại nơi cô sắp đến.

NGÀY LỄ TỰ DO

Một trong những tên lính này bịt mắt Sabina để cô không nhìn thấy, rồi cô được đưa thật nhanh ra khỏi căn hộ. Sau một thời gian ngắn đi xe, cô bị lôi bằng qua bãi đậu xe, rồi được cởi khăn bịt mắt khi những người này đẩy tù nhân mới của họ vào căn phòng dài trơ trọi, đông nghẹt phụ nữ. Thỉnh thoảng một người được gọi tên. Nếu không, các tù nhân đều chờ đợi trong yên lặng. Những thành phần “cận bã xã hội” của đất nước Rumani sẽ chờ kêu tên để họ có thể biết được số phận của mình.

Hôm ấy là ngày 23 tháng 8, Ngày Lễ Tự Do. Hoặc là ngày được người Cộng Sản gọi như vậy.

Bánh mì đen và súp loãng bõng nước được phát trước khi trời sụp tối, và thêm một ngày chờ đợi nữa. Cuối cùng, tên Sabina cũng được gọi. Khăn bịt mắt lại trở về kèm theo một cuộc xe nữa. Lần này, Sabina dừng lại tại nơi mà về sau cô biết là trụ sở của cảnh sát mật. Cô bị nhét vào một xà lim nhỏ cùng với rất nhiều người nữ khác.

NHỮNG CUỘC THĂM VẤN Ở CUỐI MÊ CUNG

Vài ngày trôi qua, rồi Sabina được đưa ra khỏi xà lim chung để nhốt vào biệt giam. Lục soát căn phòng bé tẹo, cô nhanh chóng nhận ra thứ bị thiếu. Cái xô. Trong thời gian ngắn bị tống giam vừa qua, cô biết cái xô rất quan trọng. Giờ đây thậm chí cô còn không có được cái xô nữa.

Sabina có thể nghe tiếng giầy ống nặng nề của cai ngục thường xuyên nện trên hành lang hẹp, và mỗi lần cô đều tự hỏi liệu có phải họ đến đưa cô đi không. Cuối cùng cũng đến lượt cô. Cửa xà lim loảng xoảng mở ra, cai ngục hét lên: “Xoay lưng lại!”

Lại khăn bịt mắt.

“Đi! Quay bên phải. Rồi sang trái. Sang trái nữa. Đi thẳng!”

Nỗi lo sợ đột ngột xâm hãm Sabina khi cai ngục đẩy cô đi nhanh qua thứ có vẻ như một mê cung này. Cô bắt đầu tự hỏi phải chăng những lần rẽ quặc này sẽ đột ngột kết thúc trước mặt tiểu đội hành quyết và cô sẽ chết không một lời báo trước giữa nơi tăm tối này. Cô cố gắng ghìm lại những cảm xúc đang muốn lồng lên khi mê cung đột ngột chấm dứt, và khăn bịt mắt gỡ ra.

Cô thấy đang đứng trước một lính gác cao lớn, tóc vàng, trạc tuổi Sabina. “Bà biết tội của bà chống lại quốc gia, đúng không, bà Wurmbrand?” Sabina bị chia trí bởi nét mặt của viên sĩ quan này giống kỳ lạ với người ngày trước cô đã từng hẹn hò tại Paris. “Giờ đây bà sẽ viết tờ khai chi tiết về chuyện đó,” người đàn ông ra lệnh, ra hiệu về hướng cây viết và xấp giấy.

“Nhưng tôi phải viết gì đây?” Sabina hỏi. “Tôi không biết vì sao các ông đưa tôi đến đây.”

Vẫn là mệnh lệnh: “Viết ra tội phạm của bà chống lại quốc gia!”

Sabina cầm cây viết đã đưa cho mình rồi viết vài lời thuật lại cô không biết về bất kỳ tội gì cả. Viên sĩ quan đọc dòng chữ cô vừa viết rồi giật dứ trả cô về xà lim. Khi cánh cửa đóng sầm lại, lính gác bảo: “Giờ

đây bà sẽ ngồi cho đến khi sẵn sàng viết ra điều trung úy đã bảo. Nếu không chịu viết, bà sẽ bị xử đó!”

Kiểu xử nào đây? Sabina tự hỏi. Hành hung kiểu côn đồ và nhạo báng giễu cợt? Hạ nhục? Tra tấn? Người ta đã nói nhiều về những chuyện tù nhân Cơ Đốc phải đối diện trong các nhà tù Cộng Sản, cô biết rất rõ họ có thể làm gì. Một số tù nhân ngày trước còn nói đến kiểu tra tấn tinh thần nhằm làm nhục chỉ tù nhân để cuộc hỏi cung “thành công” hơn. Những người Cộng Sản sẽ bật băng ghi âm tiếng la hét rồi nói cho tù nhân biết đấy là tiếng kêu của con cái họ khi họ đang bị tra tấn. Bậc cha mẹ tỉnh táo nào chịu nổi cảnh đó?

Buổi hỏi cung tiếp theo với viên trung úy đã phác họa các vấn đề quanh vụ bắt Richard. Viên trung úy hỏi: “Bà Wurmbrand, chồng bà bị buộc tội tham gia các hoạt động phản cách mạng. Chồng bà có thể bị xử bắn. Các đồng nghiệp của chồng bà đã khai ra rồi, và họ xác nhận lời buộc tội chồng bà.”

Tim Sabina đập loạn xạ. Đương nhiên, ông này đang nói dối, và đang theo dõi phản ứng của nàng. Nàng cố hết sức để không tỏ vẻ gì cả đương khi viên trung úy nói tiếp: “Có lẽ họ chỉ cố tự cứu mạng. Có lẽ họ mới thật sự là những tên phản cách mạng. Chúng tôi không thể đánh giá được, trừ phi bà nói cho chúng tôi biết mọi điều mà những người đang cộng tác với hội truyền giáo đã nói. Mọi điều. Nói ra đi, hãy lên án những tên phản cách mạng thật, thì chồng bà sẽ được phóng thích ngay ngày mai.”

Sabina bị cảm dỗ mạnh trước ý nghĩ đó, nhưng không tin cậy những người Cộng Sản. “Tôi không biết gì cả,” cô nói, đáp lại ánh mắt nhìn chằm chằm của viên trung úy.

Tối hôm đó, khi chăm sóc những vết bầm từ cú đấm của những lính gác, cô nằm xuống chiếc giường nhỏ hẹp, cảm thấy chân mình đụng đến thành giường. Cô nghĩ: “*Tội nghiệp Richard. Anh ấy cao lắm, chắc chân sẽ thông ra ngoài thành giường luôn.* Giờ này họ đang làm gì anh? Lúc thì cô sẵn sàng nói bất cứ điều gì để lại được an toàn với anh; lúc thì cô quyết tâm không chịu sa vào cảm dỗ đó hai ý muốn dường như chống đối nhau đã tranh chấp dữ dội trong lòng cô: Cô muốn Richard được sống, và cô muốn anh phải chống cự lại.

Một miếng thạch cao trắng như phấn rơi ra từ vách xà lim. Sabina nhặt lên và vẽ một cây thập tự lớn trên chiếc mền màu sậm của cô. Rồi cô cầu nguyện tạ ơn Chúa.

Và giống như đáp ứng thâm thì từ Đấng nghe lời cầu nguyện của cô, một ý nghĩ nảy ra trong đầu cô: *Số 7*. Sabina nhận ra mình đang ở trong xà lim số bảy. Một con số thánh. Số của những ngày trong Cuộc Sáng Thế.

Nó có vẻ giống như món quà khích lệ, Sabina nằm trên giường khóc nức nở. Thân thể cô vẫn còn trong bóng tối, nhưng tâm linh đã vươn lên cao trong ánh sáng của trí tưởng tượng mà nó vượt ra khỏi những xiềng xích của nhà tù. Cô xoa tay trên thập tự giá vừa mới vẽ trên chiếc mền và khi ngủ thiếp đi cô vẫn thầm thì: “Chúng ta đã bị đóng đinh với Đấng Christ.”

“Dậy đi!” Mielu, viên xếp cai ngục có khuôn mặt đỏ, đã có mặt ngay cửa sáng sớm hôm sau. Sabina đứng dậy và quay mặt vào vách, như cô đã học làm trước đó. Khăn bịt mắt choàng thô bạo vào đầu, và một lần nữa cô được dẫn đi dọc theo mê cung tối đen.

Lần này Mielu, một ông già hơn Sabina nhiều, tra hỏi cô suốt một giờ. “Bà đã ngủ với ai? Bà đã làm gì với họ? Tôi muốn biết là với ai và thường xuyên đến mức nào – mọi thứ.”

Bị kiệt sức cả về mặt tình cảm lẫn thể chất, Sabina mệt lử đã điếng người trước sự chuyển hướng của cuộc hỏi cung. Cô nhẹ nhàng trả lời: “Tôi sẽ không nói cho ông biết những gì ông muốn.” Cô nói với ông ta: “Tiểu sử tình dục tồi tệ nhất cũng không ngăn người ta trở thành một thánh nhân vĩ đại nếu Đức Chúa Trời muốn. Mari Madolen đã từng là kỹ nữ. Nhưng bà sẽ được tôn kính trong khi chúng ta đã bị quên lãng từ lâu rồi.”

Mielu chửi thề rồi trả Sabina trở về xà lim.

“TÔI ĐÃ BỊ MUA RỒI!”

Trong buổi hỏi cung kế tiếp, Sabina bị ép phải xem hình của những người khác nhau. Cô nhận ra một người trong số đó, một người Nga mà hai vợ chồng cô đã bí mật làm báp-têm cho ngay trong nhà mình. Một nhân viên thẩm vấn đầu hỏi hỏi: “Bà nhận ra ai trong số này không?” Sabina biết chuyện gì xảy ra nếu mình nói ra tên một người nào đó. Bây

giờ, nhân viên thẩm vấn ngọt ngào hứa hẹn. “Nói cho chúng tôi điều chúng tôi muốn biết, thì chúng tôi sẽ thả bà và chồng bà về.” Cám dỗ này rất thực, nhưng sự sẵn sàng phó mạng sống của bà vì anh em bà cũng thực y như vậy. “Tôi không nhận ra ai trong số họ cả.”

Người đàn ông hỏi nghi cô nói dối, và cuối cùng họ hỏi cô giá của cô sẽ là bao nhiêu. “Người nữ nào cũng có một giá. Giá của bà là gì? Tự do hả? Địa vị mục sư thật tốt cho chồng bà sao? Tiền? Cứ ra giá của bà đi.”

Sabina chán ngấy kiểu liên tục dùng quyền lực và những lời hứa hẹn trống rỗng của ông. Mối quan tâm duy nhất của ông ta là bắt thêm nhiều người nữa, và Sabina sẽ không dự phần vào đó. Nàng thốt lên: “Tôi đã bị mua rồi! Chúa Jêsus đã chịu tra tấn và chết thay tôi. Ông có thể ra giá cao hơn không?”

Khuôn mặt hấn đỏ bừng, và Sabina nghĩ hấn sắp đánh mình. Trái lại, hấn ta ra lệnh đưa nàng trở về xà lim.

Cuối cùng Sabina cũng được đưa về xà lim chung. Nhiều tháng trôi qua, rét mùa đông bắt đầu đến. Nàng không ngừng lo lắng cho Mihai. Ai đang chăm sóc con? Con có đang sống vất vưởng trên đường phố không? Con có bị lạnh không? Có bệnh không? Có lẽ những người Cộng Sản cũng bắt con vào tù nữa rồi. Hàng trăm mối nghi ngờ lo lắng xé nát tim nàng mỗi khi tỉnh giấc.

Đến tháng Mười Một, giám đốc nhà tù đến xà lim đang giam Sabina. Giám đốc giải thích: “Chúng tôi sẽ đọc danh sách. Ai có tên thì phải sẵn sàng ra đi trong mười phút.”

Không có thêm thông tin nào khác nữa. Đám tù nhân hồi hộp khi viên cai ngục đi theo giám đốc bắt đầu gọi tên, trong đó có tên Sabina.

“Chị nghĩ gì?” Sabina thậm thì hỏi người đứng gần mình lúc đó cũng đang thu gom vật dụng để ra đi.

“Tôi nghĩ hoặc mình sắp được tự do – hoặc sẽ bị đem bắn,” chị ta nói nghiêm nghị.

“CẦU CHÚA GIÚP NGƯỜI NẾU NGƯỜI ĐẾN TẠI JILAVA”

Nhưng họ không được trả tự do, và cũng không bị bắn – ít ra cũng là chưa. Sabina và những người kia được đưa đến Jilava, nhà tù đáng sợ nhất trong mọi nhà tù ở Rumani. Sabina nhớ đã nghe nhiều người nói

đến nhà tù khét tiếng này. Và dường như có một xà lim nọ là nơi kinh khiếp khôn tả. Tin đồn báo trước: “Câu Chúa cứu giúp người nếu người đến Jilava ở xà lim số 4.”

Một cai ngục tự giới thiệu là trung sĩ Aspra dẫn đám tù nhân xuôi theo con đường có mái vòm tối đen đi ngầm dưới đất. Cuối cùng, họ đứng trước cánh cửa thép rất lớn với những thanh sắt rỉ sét từ trên chí dưới. “Chào mừng đến xà lim số 4!” Aspra hãnh diện tuyên bố.

Họ đến nơi lúc giữa sáng, nhưng xà lim hầu như tối đen. Một bóng đèn yếu ớt duy nhất treo lủng lẳng trên trần. Hai tầng giường gỗ nằm dọc theo căn phòng ngầm mái vòm. Trên cao, ở tận cuối xà lim, và cánh cửa sổ song sắt đã được quét sơn.

Hàng trăm cặp mắt nhìn chăm vào những người mới đến. Sabina, suýt chết ngạt vì thiếu không khí, được giao chiếc giường tầng cuối cùng nằm ngay trên chiếc xô.

Sau một đêm ngủ chập chờn, Sabina giật mình thức giấc khi nghe tiếng gọi đánh thức vào lúc năm giờ sáng. Ngay lập tức, năm mươi chị xếp hàng để sử dụng chiếc xô nhỏ kia. Về sau Sabina mới biết hai trăm phụ nữ đang bị nhốt trong bốn xà lim trong khi ba ngàn người nam bị nhét chặt cứng trong phòng còn lại của nhà tù này.

Jilava ngày trước được dựng lên để nhốt tổng cộng sáu trăm tù nhân.

Lúc mười một giờ, đám nữ tù nhân đang xếp hàng thì một thùng súp được đem vào. Sabina ngạc nhiên vì các bạn tù của mình rất yên lặng đang khi chờ múc súp cùng với một lát bánh mì. Nhưng ngay khi đem chiếc thùng đi, căn phòng yên lặng bỗng hóa thành cuộc cãi lộn dữ dội. Họ bắt đầu chửi rủa nhau đang khi đánh nhau giành thức ăn. Chỉ thoáng chốc, những cai ngục quay trở lại và bắt đầu đánh đám phụ nữ bằng dùi cui, đấm những tô súp văng tung tóe cho đến khi nền nhà đọng lại những vũng súp lớn. Aspra giận dữ bảo rằng ngày mai sẽ không có súp nữa.

Một lần nữa, xà lim im ắng khi đám phụ nữ nghỉ đến ngày mai không có thức ăn. Dần dần, những cuộc nói chuyện thầm thì bắt đầu. Một tù nhân hỏi Sabina vì sao cô bị bỏ tù. “Trông chị đâu có nguy hiểm,” cô ta nói, khiến cho mọi đầu quay hẳn về hướng Sabina và đánh giá tù nhân mới này.

Sabina mỉm cười. Cô nói: “Tôi là vợ của một mục sư.”

Nghe câu trả lời của Sabina, vài người tù chửi thề mấy câu rồi bỏ đi. Nhưng những người khác thấy tò mò. “Vậy chắc chị phải biết vài câu chuyện Kinh Thánh,” một tù nhân tên Elena hỏi, rồi ngồi xuống nền nhà kế bên Sabina.

“Đúng, tôi biết,” Sabina trả lời, mỉm cười lần nữa. “Các chị muốn nghe không?”

Trong mấy giờ kế tiếp, Sabina có nhóm thính giả hết sức chăm chú khi cô chia sẻ hết câu chuyện này đến câu chuyện khác. Trong Hội Thánh của cô, mọi người đều đồng ý: Không ai có thể thuật chuyện giống như Sabina. Lắng nghe say sưa những câu chuyện thật sinh động, đám nữ tù nhân trong chốc lát quên rằng sẽ không có súp trong ba mươi sáu giờ nữa.

Sabina được khích lệ bởi sự chăm chú của các bạn tù để lắng nghe các câu chuyện Kinh Thánh, nhưng chẳng mấy chốc cô bắt đầu thấy những tin đồn về nhà tù Jilava đều hoàn toàn rất thật. Các nữ cai ngục tuân giữ các mệnh lệnh với kiểu vâng lời mù quáng. Nếu được truyền lệnh đánh một tù nhân, họ sẽ dùng dùi cui đánh đập nữ tù nhân đó không thương tiếc. Thật tàn nhẫn. Họ chẳng hối hận, chẳng thương tiếc. Đám tù nhân có lẽ cũng giống như tấm thảm thôi.

NHÁ MỘT CHÚT HY VỌNG... RỒI LẤY MẮT

“Đến nhận đi! Thưa quý bà, súp cà rốt đấy!”

Lời mời mĩa mai của cai ngục và mùi hôi thối của chiếc ấm đang bốc hơi vang lên trước khi bữa ăn tới. Nhưng nhiều bà lớn tuổi hơn không nhúc nhích. Họ quá mệt, thậm chí không đứng nổi vào hàng để nhận thức ăn. Dầu lúc đó Sabina chưa biết, nhưng chế độ ăn đạm bạc đến chết người là một phần của sự chuẩn bị cho các trại lao động cải tạo. Và nó đã thực hiện tốt nhiệm vụ, phơi bày ra những phụ nữ yếu hơn.

“Đương nhiên, đây là lao động khổ sai,” một giáo viên trẻ tuổi bảo Sabina. “Nhưng ở đàng kênh đào, chị sẽ nhận được mỗi ngày một pound rưỡi bánh mì – và mì macaroni!”

Trong tù tràn đầy lời đồn về trại cải tạo lao động mới nhất trên Kênh Danube. Mỗi người mới đến đều bổ sung thêm đôi điều về công trình đồ sộ này, sẽ tốn đến hàng tỉ cho dù phần lớn sức người ra từ những tù nhân đang lao động cưỡng bức. Kênh đào sẽ chạy dài bốn

mười dặm băng qua những bình nguyên cần cỗi của miền nam Rumani, nổi sông Danube với Biển Đen.

“Tại kênh đào, mấy chị có thể nhận bất kỳ thứ gì thích từ quê nhà!” Một trong những sĩ quan ở nhà tù nói với tù nhân.

“Ngay cả chocolate?”

Sabina ngạc nhiên hết sức. Sau khi không còn tự do, chocolate giờ đây đã trở thành giấc mơ nổi bật.

Cũng có nhiều tin đồn áo ấm có sẵn dồi dào ở kênh đào cùng với sự chăm sóc y tế. Nhưng đấy là lời hứa cuối cùng khiến Sabina chú ý. Còn hơn cả áo quần và chocolate, người ta nói rằng các tù nhân ở kênh đào được phép có người nhà đến thăm cả ngày trời!

Sabina nắm chặt lấy hy vọng được nhìn thấy Mihai lần nữa, ít nghĩ đến điều nào khác nữa.

“Nhưng không phải mọi người đều có quyền đến kênh đào để làm việc đâu,” Viorica – một cai ngục – cảnh cáo. “Đúng như chính ủy vừa mới nói với tao ngày hôm kia: ‘Trong xã hội chủ nghĩa, làm việc là một đặc ân, chứ không phải một phần thưởng cho bọn cướp.’”

Đây là phần điển hình trong nền văn hóa nhà tù: Nhá chút hy vọng rồi sau đó lấy mất đi. Về sau, hãy nhá lại lần nữa với một chương trình nghị sự khác. Vào ngày sinh nhật lần thứ mười hai của Mihai, tức ngày 6 tháng 1, 1951, Sabina khám phá ra chương trình nghị sự mới của họ.

“Tôi sẽ cho cô một cơ hội,” một ngày kia đại úy Zaharia Ion nói. “Thay vì đi làm việc ngoài kênh đào, chị có thể ở lại đây như một tù nhân đặc biệt sống trong tiện nghi tương đối. Chị sẽ có mọi đặc ân mà chị sẽ nhận ở kênh đào nhưng không phải lao động. Đây thật sự là lời đề nghị rất hào phóng.”

Sabina biết trong tù chẳng có đặc ân gì mà không kèm theo giá phải trả; cô yên lặng chờ đợi viên cai ngục giáng chiếc búa ấy. “Mọi thứ cô cần là thỉnh thoảng báo cáo cho tôi biết về các tù nhân khác – đương nhiên, hoàn toàn tối mật. Thực sự hết sức đơn giản, và không ai phải biết đến sự thu xếp nhỏ này của chúng ta.”

Chẳng chút lưỡng lự, Sabina trả lời ngay. “Cảm ơn,” cô trả lời kính cẩn: “Nhưng trong Kinh Thánh, ông có thể đọc thấy hai kẻ phản bội, một người phản bội vua Đavít và người kia phản bội Chúa Jêsus. Cả hai

đều tự treo cổ. Tôi không muốn một kết thúc như thế, vì vậy tôi sẽ không trở thành kẻ chỉ điểm.”

Trong nháy mắt, thái độ của Ion đổi từ duyên dáng sang hiểm ác. Ông gầm lên: “Vậy chị sẽ không bao giờ thấy tự do nữa!”

Sabina tự hỏi không biết cô có mất luôn ngay cả cơ hội đến kênh đào không. Cô biết tên mình có trên danh sách được đi, và cô biết những tù nhân được chọn sẽ phải ra đi bất kỳ ngày nào. Cô sợ nghĩ đến lao động cưỡng bức, nhưng sẽ làm bất cứ việc gì để được thấy Mihai lần nữa – ngoại trừ trở thành tên phản bội.

Vài ngày sau, Sabina được chuyển đến trại lao động khổ sai Danube. Cô và các tù nhân khác nhanh chóng nhận ra họ đã bị bịp.

KÊNH ĐÀO

Sáng đầu tiên tại trại, Sabina thức giấc khi nghe mùi nồng nồng của phân chuột. Cô nghe có tiếng nói với người bên cạnh mình: “Chị nên để lại ít bánh mì cho chúng ăn ban đêm. Nhờ đó sẽ khỏi bị chúng cắn.”

Mỗi ngày, Sabina đi ra làm việc với các tù nhân khác – cả nam lẫn nữ. Họ đang đắp một con đường đê, và công việc của Sabina là gánh những hòn đá lớn đi hai trăm thước xuống xà lan, thả đá xuống, rồi quay trở lại để gánh tiếp. Cô nghĩ lưng cô chắc gãy dưới sức nặng liên tục. Thậm chí cô còn khó lòng đứng thẳng lên nổi.

Mỗi toán nhân công có một người xếp mà những người giúp đỡ ông xác minh những tù nhân đang làm được bao nhiêu phần việc. Tiêu chuẩn bình thường có thể lên đến tám thước khối một ngày. Nếu nhân công hoàn thành chỉ tiêu, ngày hôm sau chỉ tiêu sẽ tăng lên. Nếu không làm trọn chỉ tiêu, họ bị phạt.

Sabina không bao giờ hình dung nổi những hoàn cảnh họ chịu tại trại này. Khi cô hỏi về những đặc ân kèm theo mà họ hứa ngày trước, cô bị họ cười vào mặt.

Ngày càng nhiều người nữ bắt đầu đến làm việc tại kênh đào. Giống Sabina, mỗi người đều khao khát được ở với gia đình mình, đặc biệt con cái mình. Nhận ra quy mô của công trình kênh đào mới này, hầu hết phụ nữ bắt đầu đánh mất hy vọng. Nhưng Sabina bám chặt vào niềm hy vọng mà nó còn lớn hơn cả công trình kênh đào nào hay hệ thống nhà

tù nào. Một số tù nhân khác bắt đầu đang lưu ý. Họ muốn nghe cùng thể loại Kinh Thánh mà họ hy vọng đã nghe.

“Chị Sabina, làm ơn kể cho chúng tôi thêm vài câu chuyện từ Kinh Thánh nữa đi,” họ cứ nài nỉ sau một ngày lao động dài đằng dặc.

Sabina biết những mối nguy hiểm; cô biết chuyện gì có thể xảy ra nếu họ bị bắt gặp. Nhưng cô tận dụng mọi cơ hội chia sẻ Tin Lành cho các bạn tù. Ngày càng nhiều tù nhân đến với cô, xưng tội và hỏi xem liệu họ có được tha thứ không. Sabina bảo đảm họ sẽ được tha, và cô nói với họ điều mà Richard đã nói: “Địa ngục tức là ngồi một mình trong bóng tối nhớ lại mọi điều ác mình đã làm.” Chắc chắn những phụ nữ này đang kinh nghiệm địa ngục ấy ngay tại đây.

Trong khi Sabina khước từ lời chào mời cô làm kẻ chỉ điểm, nhiều người khác không khước từ. Đôi khi, các tù nhân biết ai là những kẻ chỉ điểm, nhưng họ không bao giờ biết quá chắc chắn được. Luôn có tình trạng khó xử tiếp tục hoài. Một tù nhân nọ có lẽ bảo với Sabina rằng cô ta muốn biết nhiều hơn về Đấng Christ như là kẻ để gài cho Sabina chia sẻ đức tin, một hành động bị cấm mà nó sẽ dẫn đến nhiều hậu quả kinh khiếp. Hoặc có thể cô này thật sự muốn biết. Sabina thật sự không có cách nào để biết lời yêu cầu nào là thật và đâu là bẫy. Nhưng thường cô chọn nói về Chúa hơn là im lặng.

Không phải chỉ một lần sau khi người chỉ điểm tố cô, Sabina bị nhốt vào trong “tù,” một chiếc tủ hẹp đủ lớn cho duy nhất một người đứng thẳng. Cô bị nhốt vào tù lập tức sau một ngày lao động, bị đói suốt đêm, và sáng hôm sau được thả ra đúng ngay lúc trở về làm việc. Chiếc tủ tù trở thành chỗ ở bình thường cho Sabina đương khi cô ở tại kênh đào.

TIA HY VỌNG

Cô luôn hỏi những người tù mới có nghe tin về Richard không. Chẳng hề có tin gì mãi đến một ngày kia, một người tù kể cho Sabina về một người truyền đạo mà cô ta gặp tại Vacaresti. Cô kể thật ra cô chưa gặp ông ta. Cô chỉ mới nghe tiếng ông ta nói thôi. Xà lim của ông ta rất gần nhà vệ sinh, và đang khi các tù nhân đứng xếp hàng chờ, “vị truyền đạo trong tù” này khích lệ họ đi theo Đấng Christ và tiếp nhận tình yêu của Ngài. Mọi người trong tù hỏi nhau ông là ai, nhưng không

ai biết. Giờ đây người tù này nói với Sabina rằng cô chắc chắn đó là Richard.

Khuôn mặt Sabina sáng ngời niềm vui. Richard của cô vẫn còn sống! Vị truyền đạo trong tù kia phải là anh thôi. Nhưng rồi những hy vọng của cô tiêu tan khi người khách kia kết thúc câu chuyện. “Một ngày kia, chúng tôi nghe vị truyền đạo này bị bệnh rất nặng. Sau đó, chúng tôi ít được nghe tiếng ông ta hơn, và cuối cùng không còn nghe nữa. Có tin đồn ông đã chết. Tôi rất tiếc.”

Nước mắt tuôn dài trên khuôn mặt Sabina, nhưng cô không chịu lên tiếng. Cô sẽ trao mọi lo lắng mình cho Chúa. Cô cầu xin Chúa gia thêm nhiều năm cho mạng sống đầy tớ trung tín của Ngài, là Richard của cô, nếu anh vẫn còn sống. Cô cũng cầu nguyện cho Mihai, sợ con cũng có lẽ bị bắt và bị đưa đến kênh đào nữa. Đã có ngày trái tim cô như ngưng đập khi thấy một cậu bé cỡ tuổi Mihai đang lao động tại kênh đào. Dầu đã nhẹ nhõm khi thấy không phải là Mihai, nhưng cô vẫn khóc cho đứa bé – và mẹ nó, bất kể cô ta là ai – và cô đã nhắc đến hai mẹ con ấy trong lời cầu nguyện.

Cuối cùng, tia hy vọng cũng đến. Chúa Nhật hôm ấy thật là ngày của những người khách! Sabina không tin nổi tai mình nữa. Ô, được nhìn thấy Mihai lần nữa – sung sướng biết bao! Khi ngày ấy đến, một tù nhân nữa mượn chiếc áo của Sabina; áo cô tơ tả gằn như giẻ rách vì phải khiêng gánh những tảng đá lớn. Cô cứ tính trước thật sốt sắng, tính từng phút đến khi có thể ôm con trong vòng tay mình. Nhưng khi các tù nhân tập trung lại để chuẩn bị được đi thăm, họ được lệnh phải đứng từ phía bên kia phòng, không được đến gần người thăm nuôi và chỉ được phép nói chuyện trong mười lăm phút thôi.

Khi thấy con, trái tim người mẹ của cô đã ôm lấy con và cặp mắt nhòa lệ đã gửi tình yêu của cô vượt ngang căn phòng để sưởi ấm lòng con. Nó óm quá, óm khủng khiếp! Những cảm xúc của mẹ và của cô làm thì giờ trôi qua nhanh chóng. Cả hai hầu như không nói gì, và đương nhiên không nói được điều gì thân mật cả. Khi hết giờ, Sabina đứng cách đằng xa gọi vói qua khoảng không gian chia cách họ: “Mihai! Ô Mihai! Hãy hết lòng tin Chúa Jêsus nghe con!”

Đó là lời khuyên tốt nhất mà cô nghĩ ra được để khuyên con.

Những lời nói của Sabina bị ngắt ngang bởi cú đẩy thô bạo của lính gác. Rồi cô được các lính gác dẫn ra.

Trở lại trại của mình, các bạn tù khác vây quanh, hỏi xem Mihai đã nói gì, trông nó ra sao. Nhưng cô chỉ có thể lắc đầu. Suốt hàng giờ, cô không thể nói được; cô chìm ngập trong những cảm xúc đang ngổn ngang trong lòng khi nghĩ đến đứa con yêu quý của mình.

Buồn thay, rất nhiều tù nhân mất cả ngày chờ người thân không hề đến. Sabina chỉ có thể cầu nguyện cho họ trong đêm đó đang khi họ khóc lớn tiếng trên ổ rơm của họ.

Mùa đông đến, Sabina và các tù nhân khác lại càng khốn khổ hơn nữa. Cô tiếp tục làm việc dọc sông Danube đang đóng băng, đem những hòn đá to nặng xuống xà lan. Dù vậy, vào mùa đông, cảnh khắc nghiệt lại càng tăng lên, vì không thể thả đá xuống xà lan mà không bắn tung tóe nước lạnh ngất lên không trung, làm ướt hết các tù nhân. Chỉ mới mấy phút bắt đầu ngày làm việc, Sabina đã ướt sũng. Rồi ngọn gió lạnh băng làm áo quần đông cứng, cô bị nhốt trong lớp đá cứng như áo giáp. Những ngón tay của cô đã nứt nẻ sưng lên vì làm việc nay như tê dại vì lạnh, không có cảm giác gì cho đến khi bị cơn đau nhói đánh thức dậy lúc viên đá đập dập tay.

Buổi tối, khi về trại, cô cởi áo quần ướt sũng ra để ngủ chung với chúng. Chẳng có chỗ phơi, và cứ hễ *phơi ra* là chắc chắn bị mất ngay. Vì vậy, cô thường lót áo quần ướt đẫm dưới đầu làm gối rồi sáng hôm sau mặc vào dù vẫn còn ướt đẫm. Nếu may mắn, nó khô được đôi chút trên đường đi làm, vừa kịp lúc để ướt đẫm trở lại. Giờ đây, Sabina gầy như hàng rào dậu, và gió rét dường như có thể thổi xuyên qua cô.

“VẪN KHỎE ĐỦ SỨC LÀM VIỆC!”

Công việc kế tiếp của Sabina là chất đá vào xe cút kít. Rồi những chị khác đẩy xe chở những viên đá này xuống xà lan trên sông Danube. Công việc khiến các khớp đốt ngón tay Sabina trầy rỉ máu, ngón tay dập nát và tuôn máu. Trớ trêu thay, cảnh hoàn toàn kiệt sức khiến cô không cảm thấy nỗi đau đang hoành hành trong cơ thể.

Cuối cùng, một sáng nọ, Sabina thức giấc vì nghe tiếng nước nhỏ giọt từ mái hiên. Mùa xuân đã đến. Nhưng một thách thức mới đến

kèm với mùa xuân: mặt đất ngày trước đóng băng, cứng như sắt nay biến thành bùn nhão.

Những ông cai tù đi áp giải công nhân đi và về trại là những người nam duy nhất mà những nữ tù nhân này được nhìn thấy, và vài chị trêu đùa thô tục mấy ông này khi họ đang bị áp giải đi.

Annie, một cô gái điếm nhỏ người và sắc sảo, cùng với bạn cô là Zenaida cùng dẫn đầu những buổi trêu đùa bằng nhận xét thô tục.

Một ngày kia, Zenaida nói: “Gã Peter kia có đôi tay giống như khi đốt,” giọng cô hạ thật thấp để những gã đàn ông không nghe được. “Cứ nhìn đám lông trên lưng bọn chúng kia! Tớ bảo đảm nếu mà thấy được, chắc chắn hẳn phủ lông từ đầu đến chân.”

“Ồ, ở đây cũng có mấy bà lông lá vậy thôi!” Annie cười khúc khích, khoe cả hàm đầy răng vàng. Có mấy chị cũng bật cười theo. “Ồ!” Zenaida rên rỉ, vờ như kinh khiếp cách thanh tao. “Dù vậy, tớ không hình dung nổi bọn chúng thấy bọn mình có gì hấp dẫn. Cậu có tưởng tượng nổi còn đám sinh vật nào khó ưa và làm mất hết hứng tình hơn bọn mình sao?”

Câu xuyên tạc tục tĩu của Annie trước nhận định của Zenaida làm mấy người bạn của họ cười phá lên. Những câu nói tục tĩu cứ tới lui. Sabina nhìn chăm chăm lên phía trước, cố phớt lờ bọn họ.

“Vị thánh nhỏ của chúng ta không thích lối nói xấu xa của bọn ta,” Annie nói. “Bà thánh nghĩ chúng ta thật đáng tởm!”

Sabina cứ yên lặng, kiểu đáp ứng chỉ càng khiến họ nổi điên thêm. Và lần này, Annie, người có lối nói bậy bạ thật thô tục nhưng hiếm khi hiếm độc, đã khiến Sabina bị đối đãi tàn bạo hơn cả dự định.

Cuối ngày làm việc, đám phụ nữ sắp hàng như thường lệ, mệt mỏi đau rát, cố lê bước trên đường đầy bùn dọc sông Danube. Peter, một trong những lính gác, huých đồng bạn mình, một chàng trai có khuôn mặt ngờ nghệch với chiếc mũi tẹt, rồi dặng chân gạt Sabina khi cô đi ngang. Sabina ngã ụp xuống bùn trơn trượt.

Mấy tên lính gác kia cười rống lên.

Peter vươn tay ra nắm Sabina lôi cô đi lệch xệch. Từ đầu tới chân dính đầy bùn.

Hắn gầm lên: “Thưa quý bà, giờ đây bà cần đi tắm.”

“Quảng ả xuống sông Danube!” Có tiếng một chị thét lên.

Đang khi Sabina chống chọi lại bàn tay gã đàn ông đang túm cô, một tên gác khác túm mắt cá nhắc bổng chân cô lên. Họ đánh đu cô lấy đà một lần rồi hất tung lên không. Cô rơi bịch xuống chỗ cạn đầy đá, nghẹn thở. Sabina choáng váng nhưng vẫn còn tỉnh khi nước lạnh như băng ngập trên cô, dòng nước lôi tẩm thân nhỏ bé của cô la lét trên những tảng đá. Trên bờ vang lên nhiều tiếng la, nhưng cô chẳng hiểu họ la gì. Mỗi lần cố ngoi lên, cơn sóng xô lên lại kéo cô xuống. Coi như vô ích. Sabina không tự cứu mình được.

Đột nhiên hai bàn tay mạnh mẽ túm dưới cánh tay và kéo cô lên bờ. Có người ép cô ngồi dậy rồi vỗ mạnh vào lưng. Cô cảm thấy tức dội và muốn nôn, thở hổn hển như có cơn đau nhói xuyên thấu vào sườn. Cô choáng váng, tiếng gầm réo vang vọng trong tai. Có phải đây là sông nước sự sống chảy qua Thiên đàng không? Cô tự hỏi. Nhưng rồi cô mở mắt ra nhìn thấy bùn, những lính gác, những phụ nữ ốm o rất bẩn thỉu, đang đứng xếp hàng bên bờ sông, cô biết mình vẫn chưa đến Thiên đàng.

“Cô ta khỏe rồi. Đứng dậy!” một chị nói lớn, nhìn xuống Sabina thật nghiêm khắc. Rồi chị nói êm nhẹ hơn. “Cử động đi nếu không là chết cóng đấy.”

Những bàn tay chai cứng kéo vợ mục sư đứng thẳng trên chân. Sabina run lẩy bẩy, nhưng đang khốn khổ vì sưng sốt hơn là vì lạnh. Cô ôm ngực, đau hết sức vì bên sườn mỗi lúc một đau nhức hơn.

Cuối cùng khi về đến trại, Sabina xem vết thương. Hồng bầm tím, da trên cánh tay và chân xây xước thậm tệ. Ráng nhắc tay lên là đau nhói đến thở không nổi. Cô cố bò lên giường và cố dỗ giấc ngủ, cứ vài phút lại trở mình, như vậy suốt cả đêm, cố tìm một thế nằm thoải mái. Nhưng chẳng có thế nằm nào thoải mái cả.

Sáng hôm sau, cô đến khám bệnh ở “bác sĩ” trong trại, một phụ nữ dữ dằn tên Cretzeanu. Vết bầm thâm tím thật lớn, dạng giống bản đồ Châu Phi, nằm suốt một bên hông Sabina, và giờ đây cô hoàn toàn không giơ nổi tay cao hơn thắt lưng.

“Vẫn khỏe đủ sức làm việc!” Cretzeanu tuyên bố.

Sabina muốn phản đối, nhưng nghĩ kỹ hơn lại thôi. Tranh cãi chỉ càng bị phạt nặng thêm, không khéo lại bị nhốt vào tù. Cô đi về

hướng những phụ nữ đang chờ áp giải ra nơi làm việc nhưng đứng riêng ra bên cạnh khi hàng người tiến lên phía trước.

“*Mày* có chuyện gì thế?” Giám thị gầm lên, nhìn trừng trừng vào dáng người đứng khom khom của cô.

Sabina nói: “Hôm nay tôi không làm nổi. Tôi bị đau lắm. Tôi nghĩ mình bị gãy xương sườn.”

Lẽ ra giám thị đã tính cho cô giải lao, nhưng tên Peter hiểm ác vội chấm dứt ý nghĩ như thế. Hắn túm cổ tay Sabina và lôi liệt sệt cô trở về hàng, khiến cô thét lên vì đau nhói. “Chuyện không ổn của nó chính là không làm đủ định mức ngày hôm qua. Nè, đi làm cho đủ đi!” Hắn xoay người cô lại và đá chiếc giầy bột bụi tưng vào lưng cô. Không phải cô bị đá, mà bị ném tung tới hàng những người nữ.

Sabina phải đi làm hôm đó và mọi ngày kế tiếp, cố làm cho kịp định mức cho dù bị gãy hai xương sườn – như các bác sĩ về sau đã xác nhận.

DIANA VÀ FLOREA

Cuối cùng, mùa hè cũng đến tại khu trại buồn tẻ này, và Sabina cảm thấy càng có nhiều hy vọng hơn. Hai cô gái mới đến trại và được phân công về lán của Sabina. Mấy cô gái điếm có biết hai cô này, nhưng rất ít nói chuyện với họ. Họ bện lên lấy mấy chiếc giường ở tận cuối góc phòng.

Về sau, Sabina biết họ là hai chị em, tên Diana và Florea. Nước da sạm và dễ xúc cảm, cả hai cô gái đều cư xử đàng hoàng và nói giọng nhỏ nhẹ. Nhưng những ai biết họ thì bảo họ là gái điếm, và họ đã bị lòng quét giống như những người khác để chịu án “hành chánh” tại kênh đào này.

Không khí buồn bã và bí ẩn bao quanh hai chị em này. Không ai biết được gì về quá khứ của họ, đầu rất nhiều người chế giễu và soi mói. Hai chị em cứ làm việc quần quật rồi đi ngủ, và có lẽ vẫn là bí ẩn nếu một ngày nọ Diana không nghe lính gác gọi tên của Sabina.

Lập tức, Diana vội đến với Sabina. Cô hỏi: “Cô có biết Richard Wurmbbrand không?”

Sabina đáp: “Tôi là vợ của anh ấy.”

Cô ta bảo: “Ồ! Cô có thể nghĩ gì về em?”

Sabina hỏi lại: “Em muốn nói gì?”

“Cha em là một truyền đạo tình nguyện,” Diana nói, giọng run run. “Cha thường đọc cho tụi em nghe các sách của Richard viết; ông gọi đó là ‘linh lương’ của mình. Cha em bị bỏ tù vì đức tin, để lại người mẹ bệnh tật và sáu người con. Florea và em là những đứa lớn nhất. Khi Cha vào tù, tụi em đều mất việc làm tại công xưởng. Gia đình chúng em sắp chết đói đến nơi.”

Sabina đặt bàn tay an ủi của mình trên cánh tay cô gái đang khi cô tiếp tục kể câu chuyện đau lòng. “Một ngày kia, một chàng trai hẹn đi chơi với em. Chúng em đi xem phim rồi đi ăn tối. Anh bảo có thể kiếm cho em giấy phép đi làm. Và rồi...” Diana gục đầu xuống lau nước mắt đang tràn trên khóe. “Chúng em uống rượu, rất nhiều rượu, và rồi, anh ta... anh ta dụ dỗ em.”

Cô kể, chẳng bao lâu lại xảy ra tiếp chuyện ấy, nhưng lần này không nói gì đến các giấy phép đi làm. Tuy nhiên, chàng trai cho cô tiền. Biết mẹ hết sức cần tiền để lo cho gia đình, nên Diana nhận. Một tuần sau, chàng trai kia giới thiệu cô cho một người bạn – rồi sau đó để cho hai người ngồi với nhau. Khi chàng trai này cố ăn nằm với cô, cô rất tức giận nhưng rồi anh ta cũng đưa khoản tiền hết sức cần thiết và nói anh ta chỉ hành động theo gợi ý của bạn mình. Diana miễn cưỡng nhượng bộ.

Chẳng mấy chốc, Diana đã có một luồng “khách hàng” không ngừng, và cô đã phớt lờ nỗi xấu hổ, riết rồi quen nếp, thậm chí còn thích sống như thế hơn là làm lao dịch tại công xưởng.

Dầu câu chuyện của Diana thật khủng khiếp, Sabina có thể cảm thấy cô gái vẫn còn giữ lại điều gì đó. Đột nhiên Diana ngừng lại và nhìn khuôn mặt Sabina với vẻ dò xét. Cô bảo: “Em nghĩ cô cảm thấy ghê tởm. Cô cũng thấy bực mình khi em ra từ gia đình Cơ Đốc để rồi trở thành... một gái điếm, đúng không?”

Sabina dịu dàng nói: “Em không phải là gái điếm; em là một tù nhân. Và dẫu sao đi nữa, không ai mãi mãi là gái điếm hay một thánh nhân hay thậm chí một đầu bếp hay một thợ mộc mãi mãi cả. Việc em làm chỉ là những đặc điểm tạo nên một phần con người của em. Chúng có thể thay đổi bất cứ lúc nào. Và tôi tin em đã thay đổi rồi khi kể cho tôi nghe câu chuyện của em.”

Diana muốn tin lời Sabina, nhưng hiển nhiên, cô gái vẫn chưa được yên ả. Cô ngồi trên chiếc giường hẹp trong chiếc lán trơ trọi, đôi tay siết chặt để giữa hai đầu gối, khuôn mặt căng thẳng vì đau buồn và mặc cảm tội lỗi.

Cuối cùng cô òa lên: “Giá như chỉ một mình em, thì không đến nỗi tệ hại như thế. Nhưng em còn bắt em gái đi theo mình. Bạn trai của em đề nghị như vậy. Anh ta bảo thật không công bằng khi em phải lo liệu mọi trách nhiệm cho gia đình. Thế là cuối cùng em giới thiệu anh ta với Florea và để cho anh ta đưa em gái mình đi.”

Chẳng bao lâu, Florea bắt đầu dần sâu vào nếp sống mãi dâm. Khó khăn chính của hai chị em là giữ bí mật với em trai, đưa em mới mười lăm tuổi, ngưỡng mộ cả hai chị. Giống như cha, cậu bé rất mộ đạo, tính tình sôi nổi nhạy bén, nhưng chẳng hiểu tí gì về sự đời. Diana vừa nói vừa lắc đầu: “Nó không muốn thấy ngay cả con ruồi phải chịu khổ. Tụi em biết nếu nó phát hiện, nó sẽ đau khổ và tức giận lắm. Tụi em cố giấu nó.”

Nhưng nếp sống mới của hai người chị – giờ làm việc muộn của họ và những dấu hiệu thành linh cho thấy gia đình có tiền – khiến hàng xóm nghi ngờ. Chẳng bao lâu, một người hàng xóm khẳng định chuyện đang xảy ra rồi kể cho cậu bé.

Diana buồn bã nói: “Cú sốc này khiến nó nổi điên lên. Cuối cùng nó phải vào bệnh viện tâm thần.”

Rồi sau đó cha họ được thả ra. Khi ông biết mấy cô con gái của mình đã chìm sâu đến mức nào, ông nói: “Ba cầu xin Chúa một điều duy nhất, là Chúa cho ba trở lại tù để khỏi phải chứng kiến chuyện đang xảy ra cho gia đình.”

Giờ đây, nước mắt dàn dụa trên mặt Diana.

“Ba có cách của ba,” cô nói. “Ba bắt đầu dạy những bài truyền giảng cho thiếu nhi, và chẳng bao lâu bị tố với công an. Sau này, kẻ chỉ điểm đã nói cho em biết hấn làm vậy để loại ba ra, để ba khỏi can thiệp vào “công chuyện” của tụi em. Hấn chính là người đã dụ dỗ em đầu tiên.”

Sửng sốt đau buồn trước câu chuyện bi thảm, Sabina đưa tay ôm chặt Diana. Sabina nói: “Em cảm thấy xấu hổ về việc mình đã làm, và quả thật như thế. Trong một thế giới ngập tràn đau khổ, nơi mà ngay cả Đức Chúa Trời cũng bị đóng đinh vào thập tự giá, em không thể để cho

danh Ngài, là danh mà em đang mang với tư cách một Cơ Đốc nhân, bị ô uest. Những cảm giác đau đớn và mặc cảm phạm tội này sẽ dẫn em đến sự công bình sáng chói. Hãy nhớ lấy, những tên lính trên đồi Gôgôtha không đâm vào hông Đấng Christ mà là chúng đã mở hông Ngài ra, để những tội nhân như em và tôi được dễ dàng bước vào tim Ngài và tìm được sự tha thứ.”

Diana nghĩ về những lời nói của Sabina rồi chậm rãi trả lời: “Hổ thẹn và chịu khổ – vâng, em đã biết chúng. Nhưng vẫn còn phải thú nhận điều khác nữa. Không phải lúc nào em cũng ghét công việc mình đang làm. Và giờ đây, những ý tưởng xấu luôn luôn đi vào đầu. Em không ngăn nổi chúng ở ngoài.”

Mỗi ngày, Sabina cầu nguyện cho Diana đang bị dằn vặt kia, và cuối cùng cô gái tội nghiệp đã có thể thoát khỏi mặc cảm phạm tội. Sabina cứ nghĩ mãi về thể nào Diana và cô em gái đã phạm tội để kiếm sống nuôi gia đình. Sabina xác định có lẽ tội lỗi lớn hơn thế đã thuộc về những Cơ Đốc nhân thuộc thế giới tự do mà không dành thì giờ và cơ hội gởi lương thực đáng ra đã cứu được họ.

“TRONG MẮT CHỊ, TÔI THẤY ĐƯỢC CHÍNH MÌNH”

Vài tuần sau, Sabina bị đưa đến trước phó chỉ huy trại, một phụ nữ có khuôn mặt đỏ, cánh tay to lớn nặng nề, hàm răng rất đẹp. Bộ đồng phục kênh càng của bà ta dường như làm vương vীu cử động cứ như thể bộ giáp vậy.

“Lâu nay chị vẫn đang giảng Đức Chúa Trời cho các tù nhân. Phải chấm dứt!” bà ta cảnh cáo.

“Tôi rất tiếc, nhưng không thể chấm dứt,” Sabina trả lời.

Tức giận, bà phó chỉ huy vung nắm đấm đánh Sabina. Rồi bà ta dừng lại và nhìn chằm chằm.

“Mày đang cười gì?” Bà ta hỏi, khuôn mặt giận như sôi máu lên.

Sabina trả lời: “Nếu như tôi đang cười, thì đấy chính là vì những thứ tôi thấy trong mắt chị.”

“Thấy gì?”

“Chính tôi,” Sabina trả lời. “Khi người ta đến gần nhau, họ nhìn thấy mình trong mắt người khác. Trong mắt chị, tôi nhìn thấy chính mình. Tôi cũng thường nông nổi. Tôi thường nổi giận rồi đánh người

khác bằng những lời lẽ cay cú và những suy nghĩ ích kỷ – cho đến khi tôi biết tình yêu có nghĩa là gì. Đã yêu được thì có thể hy sinh vì chân lý. Từ khi tôi học được bài đó, tay tôi không còn siết chặt thành nắm đấm nữa.”

Bà ta dường như sửng sốt trước sự táo bạo của Sabina. Trong cảnh im lặng đó, Sabina nói tiếp: “Nếu chị nhìn vào mắt tôi, chị sẽ thấy chính chị đúng như Chúa có thể khiến chị trở thành!”

Dường như thể bà phó chỉ huy đã bị biến thành đá. Thái độ giận dữ vẫn không đổi, nhưng bà ta nói nhỏ nhẹ: “Đi về đi.”

Sabina tiếp tục làm chứng về Đấng Christ giữa các tù nhân.

TỰ DO

Và rồi, thật bất ngờ, cô được trả tự do. Sabina cố gắng đọc lệnh thả cô: “Lệnh Tha” ở trên tiêu đề, nhưng mặt trời đã lặn, tối quá chưa đọc được phần còn lại thì đã bị đẩy lên chiếc xe tải và chở ra khỏi trại. Ít lâu sau, cô được cho xuống xe, ở ngoài khu ngoại ô Bucharest, cô đi bộ suốt hàng giờ, mang đóng đồ nhầy nhựa nặng mùi của mình băng qua các khu ngoại ô. Lần đầu tiên sau gần ba năm, cô nhìn thấy người ta vội vã trở về nhà sau giờ làm việc, đi mua sắm với gia đình, đang sống chính nếp sống thường nhật cô đã từng sống trước khi bị bỏ tù.

Sabina vội vã, hăm hở về nhà – và rồi tự hỏi liệu nhà mình có còn không.

Cô tự hỏi không biết mình sẽ phải đối đầu với bao nhiêu thay đổi nữa. Cô không biết chuyện gì xảy ra cho bà con và bạn bè. Mihai giờ đây mười bốn tuổi rồi. Những năm tháng qua đã làm gì cho thằng bé? Cô hầu như hoảng sợ vì phải tìm hiểu chuyện đó, thế nhưng vẫn hết sức mong mỏi gặp con.

Sabina đi gần hết Đường Chiến Thắng, buồn buồn nghĩ đến đồn cảnh sát nơi cô bị bắt giữ lần đầu. Vẫn không có gì thay đổi cả. Chân dung khổng lồ của những nhân vật được người Cộng Sản gọi là bốn thiên tài của nhân loại – Marx, Engels, Lenin, và Stalin – vẫn nhìn chằm chằm xuống đám đông đang lội ngược xuôi trên đường.

Cuối cùng, cô cũng đến tòa nhà có căn hộ cô đã biết và đi lên cầu thang. Cô gõ cửa, hy vọng nó cũng không thay đổi. Cô nhẹ nhõm gần như ngã quỵ xuống khi cửa được mở ra bởi người bạn của mình.

“Sabina!” bạn cô la lên, lấy tay bịt chặt miệng rồi bước lui lại nhìn xem Sabina. “Có phải không vậy?”

Hai chị này ôm lấy nhau và bắt đầu khóc. Rồi Mihai bước vào phòng. Sabina thấy như tim nổ tung khi nhìn con bước qua cửa. Nó xanh xao, thậm chí còn cao hơn cả khi ghé đến nhà tù, và vẫn cứ mãi gầy như thế. Và giờ đây cô thấy con đã là một chàng trai.

Khi họ ôm nhau, nước mắt tuôn xuống má cô. Mihai nghiêng người ra sau, lấy đầu ngón tay nhẹ nhàng lau sạch nước mắt trên mặt mẹ.

Nó nói: “Đừng khóc nhiều, mẹ à.”

Sabina sung sướng biết bao được ôm con lại trong vòng tay, cô nghĩ nếu giờ đây ngưng khóc được thì chắc sẽ không bao giờ cần phải khóc lại nữa.

CHỈ CẦN MỘT LỜI DUY NHẤT

Mấy ngày đầu, Sabina như người trở về từ cõi chết. Được tự do thật hào hứng biết bao! Nhưng rồi cũng đối diện ngay với thực tại: Tuy không còn bị tù nữa, cô vẫn là hạng cận bã của xã hội vì không những là vợ của một tù nhân, mà bản thân còn là một cựu tù nhân.

Không có phiếu khấu phần lương thực, cô thậm chí không mua được bánh mì. Và không thể nào kiếm được phiếu. Một sáng nọ, cô xếp hàng chờ bốn tiếng trước trụ sở chính quyền. Khi cô đến bên ô cửa sổ nhỏ, cô gái bên trong quát lên: “Phiếu lao động đâu? Không có phiếu đó, chị không thể nhận phiếu khấu phần lương thực.”

“Nhưng tôi mới ở tù ra. Tôi không thể nào kiếm được phiếu làm việc,” Sabina giải thích.

“Tôi không giúp được chuyện đó. Không có phiếu làm việc và không có số, thì không có sổ khấu phần,” cô gái nọ nói, mắt đã nhìn sẵn vào người xếp hàng sau Sabina rồi. “Người kế tiếp!”

Một lần nữa, Sabina và Mihai buộc phải sống nhờ vào lòng từ thiện của người khác.

Căn nhà của nhà Wurmbrand và mọi đồ đạc của họ đã bị tịch thu trước đó. May mắn thay, những người bạn giờ đây sống trong căn nhà ngày trước vốn là căn hộ của họ, và họ mời Sabina và Mihai đến ở trên gác xếp bé tẹo có hai phòng. Đồ dùng trong nhà đều ọp ẹp, những chiếc giường cũ đã gãy lò xo, không hề có hệ thống nước chảy và

không có phòng tắm. Nhưng Sabina rất biết ơn vì lại có con trai ở cùng với mình và quyết định biến nơi đây thành một tổ ấm.

Một sáng nọ, nhiều tháng sau khi Sabina được thả ra, một sĩ quan từ Bộ Nội Vụ đến trước cửa căn gác xép của cô. Đây là một ông mập béo, giọng nói oang oang, và mái tóc đen rẽ giữa. Ông ta mang theo chiếc cặp đầy giấy tờ đến độ như muốn bung cả bản lề.

Ông này quát tháo rằng Sabina là người mẹ tồi và không lo chăm sóc đàn ông cho con trai. Sabina yên lặng ngồi nhìn ông ta. Cô biết điều gì sắp đến.

Cuối cùng, ông kia nói: “Còn có ích gì để cứ gắn bó với chồng của cô, một tên phản cách mạng và cô sẽ không bao giờ nhìn thấy mặt lần nữa? Hoàn toàn là lẽ thường tình khi một phụ nữ trẻ thông minh như chính cô đáng phải ly dị tên kẻ thù của quốc gia này. Nếu cô không làm như vậy bây giờ, chắc chắn sẽ thấy về sau cũng phải làm vậy thôi. Cô nghĩ có thể chịu đựng tình trạng ấy trong sự không vâng lời cách mà quá ngu xuẩn như thế được bao lâu nữa đây?”

Ông ta hết hăm dọa bắt nạt lại dụ dỗ phỉnh phờ khi vẽ ra những bức tranh đau lòng về số phận cuối cùng của Sabina. Tình yêu ư? ông ta chế giễu, *tình yêu?* toàn là chuyện rác rưởi. Tình yêu không tồn tại. Ông ta bảo, điều Sabina cần là một người chồng mới, một người cha mới cho con của cô. Sẽ không hề có tình yêu dành cho những kẻ phản cách mạng.

Trong lòng rất giận, Sabina nghĩ: *Ông dám nói với tôi chuyện này ngay trong nhà tôi sao? Tôi lập gia đình không phải chỉ dành cho những lúc hạnh phúc sung sướng. Chúng tôi được kết hiệp mãi mãi, và cho dù có gì xảy đến đi nữa tôi cũng không ly dị chồng đâu.*

Ông ta lập luận và khuyên giục thêm nửa giờ nữa, và trong suốt lúc đó, Sabina không nói gì. Cô nhớ một câu châm ngôn: Có Trời cũng không cãi nổi kẻ cứ im lặng.

Cuối cùng ông ta rút lui, vừa ra về vừa lắc chiếc đầu tròn vành vạnh. “Sớm muộn gì cô cũng đến với chúng tôi thôi,” ông ta nói khi cửa đóng lại sau lưng. “Cô biết đấy, người ta ai cũng làm vậy hết.”

Dầu gội phải sự khó chịu của ông kia, đám mây ấy vẫn chiếu lên ánh sáng bạc. Sabina buồn buồn suy nghĩ: Nếu những người Cộng Sản

muốn cô làm hồ sơ ly dị chồng đến như thế, thì chắc hẳn Richard vẫn còn sống!

Sabina nghe ông ta xuống cầu thang thật ồn ào. Cô nghĩ nghiêm túc: *Bỏ đi để đến với nạn nhân tiếp theo chứ gì, các nơi đó ông sẽ may mắn hơn.*

Nhà cầm quyền nỗ lực hết sức để ép vợ các tù nhân làm hồ sơ ly dị – thứ nhất, vì ý chí của người tù để kháng cự, thậm chí để sống còn, thường bị bẻ gãy khi nghe mình đã bị bỏ rơi bởi chính người đã hứa nguyện đứng bên cạnh mình bất luận điều gì xảy ra đi nữa. Thứ nhì, vụ ly dị sẽ giúp đưa các bà vợ tham gia vào nếp sống Cộng Sản. Khi vụ ly dị đã giải quyết xong xuôi, những người nữ lo tìm cách quên chồng mình, có lẽ do mặc cảm phạm tội, và cách dễ nhất để quên đó là cần câu của Đảng Cộng Sản. Sabina biết có rất nhiều chị nói như vệt những khẩu hiệu của chính quyền để chế giễu tù chính trị, và những người đàn ông mà đã có thời họ yêu thương và sanh con cho. Thứ ba, những đứa con không cha sẽ phải nhờ vả vào lòng thương xót của chính quyền, sẽ bị nhồi sọ từ lúc còn rất nhỏ tuổi.

Chỉ cần nói một lời là xong mọi chuyện ngay. Khi người vợ nói đồng ý với nhân viên lo chuyện ly dị, ông ta sẽ lo hoàn tất mọi chuyện khác. Vài ngày sau, người chồng sẽ được nghe thông báo – trước mặt các bạn tù – “Vợ anh sẽ ly dị anh.” Lúc đó, ông ta sẽ nghĩ: *Giờ đây còn ai lo cho tôi nữa? Mình thật ngu nếu không chịu đầu hàng và ký bất kể thứ gì vô nghĩa kia mà họ muốn mình ký để mình có thể ra đi tự do.* Nhưng cho dù anh ta có ký, thì biết bao nhiêu năm nữa cũng vẫn không được thả ra. Trong khi đó, vợ anh tái hôn và sinh con với người chồng mới. Bằng cách đó, nhiều nhà cửa và nhiều gia đình – và nhiều mạng sống – đã bị tiêu diệt.

Sabina khích lệ những người nữ có chồng đang bị tù hãy chuẩn bị đón những chuyến viếng thăm của các viên chức và hãy đứng bên cạnh chồng của họ đúng như con người thật của chồng họ, không vì những gì mà chồng họ đáng phải có. Cô khuyên những người nữ hãy nghĩ đến những giây phút hạnh phúc trong nếp sống hôn nhân của họ và dùng những khoảnh khắc ấy để vượt qua những cảm dỗ.

Nhưng những nỗ lực của cô rất thường thất bại. Những áp lực dồn trên vợ của những người tù quá nặng nề.

MỘT CẢM DỖ KHÁC

Khi Sabina bốn mươi tuổi, lúc đó cô phải đối diện thêm một cảm dỗ nữa. Tên anh ta là Paul và Sabina biết anh ta đang phải lòng yêu mình. Anh bước vào đời cô khi cô không còn nghe chút tin tức nào về Richard suốt nhiều tháng trường, và cô bắt đầu cảm thấy năm tháng đời mình đang trôi qua nhanh. Một lần nữa, cô lại đang thắc mắc xem liệu anh còn sống không. Rất nhiều người đến cửa nhà cô bảo họ đã ở tù với mục sư Richard Wurmbrand và ông đã chết mất rồi. Có thực không – hay lại một mưu kế khác của những người Cộng Sản?

Khi nghĩ đến Paul, Sabina thấy khó lắng nghe chính những lời khôn ngoan mà cô rất thường nói cho người khác. Paul rất tử tế và dịu dàng, một Cơ Đốc nhân gốc Do Thái cũng giống như chính cô. Anh sống trong một căn phòng riêng ở với cha mẹ đã lớn tuổi, và đôi khi anh đưa Mihai đi xem phim hoặc giúp nó học bài. Sabina thường nghĩ: *Đây là người mà một phụ nữ có thể chung sống trong yêu thương và tin cậy.*

Đôi khi, Paul nắm chặt tay cô khi họ nói chuyện, và Sabina cảm thấy không muốn rút tay ra khỏi nắm tay anh. Mối quan hệ của họ chưa bao giờ đi đến mức Hội Thánh và pháp luật gọi là ngoại tình. Tuy vậy, Sabina biết mối quan hệ ấy sai.

Một ngày kia, vị mục sư của Sabina đến thăm cô với khuôn mặt thật nghiêm túc. Ông nói: “Sabina, chị biết tôi yêu và quý trọng chị biết dường nào.” “Và lòng quý trọng ấy sẽ không thay đổi, cho dù có gì xảy ra đi nữa. Tôi đã biết chị lẫn Richard suốt nhiều năm. Tôi hy vọng chị biết dù chị có phạm tội hay không đi nữa, cho dù chị đánh mất đức tin hay giữ vững đức tin, tôi vẫn sẽ quan tâm chị y như từ xưa đến nay vì tôi biết con người của chị, chứ không phải vì việc chị làm.” Ông nói với một cảm xúc rất hiếm có và rất thành thật; rồi ông dừng lại trước khi đặt câu hỏi. “Vì vậy, thứ lỗi cho tôi nếu tôi hỏi,” vừa nói, ông vừa nhìn thẳng vào mắt Sabina. “Chuyện giữa chị và Paul là thế nào?”

Sabina im lặng một lúc.

Ông nói tiếp: “Đừng nghĩ rằng tôi chưa hề gặp những thử thách như thế. Nhưng Sabina, làm ơn trả lời câu hỏi của tôi.”

“Anh ta phải lòng yêu tôi,” cô trả lời, đầu gục xuống theo lời nói.

“Còn chị yêu anh ta chứ?”

“Tôi không biết,” cô trả lời thành thật. “Có lẽ có.”

Vị mục sư nói tiếp: “Tôi nhớ lại lời Richard thường nói: ‘Không có nỗi đam mê nào kháng cự trước rào chắn của lý luận. Nếu chậm trễ, nếu dằn thì giờ để suy nghĩ, bạn sẽ chứng kiến mọi tổn hại có thể gây ra cho chồng hay vợ của mình, cho cả con cái của mình nữa.’ Sabina ơi, giờ đây tôi muốn chị phải có một quyết định thật cam go đấy, quyết định gay go nhất. Đừng gặp lại anh này nữa.”

Vị mục sư nói đúng. Đấy là “quyết định khó nhất.” Sabina muốn kiểm soát những cảm xúc trốn chạy của mình và khước từ những cảm xúc của mình dành cho cô, nhưng cô cũng là một người mẹ và một người đàn bà. Cô biết Paul sẽ là người chồng tốt, một đồng bạn biết suy nghĩ, người có thể xóa bỏ cảm giác cô đơn không ngừng. Và anh sẽ là người cha tốt cho Mihai. Cám dỗ này hầu như vượt quá sức Sabina, đặc biệt khi chính những người bạn trong Hội Thánh đến bảo cô: “Chồng chị chết rồi. Chị đã sống cuộc đời quá gian khổ rồi. Hãy để người đàn ông này chăm sóc chị. Anh ta là một Cơ Đốc nhân tốt và yêu thương chị.”

Chỉ có vị mục sư của cô đủ dạn dĩ và tận tâm với cô đủ để nói lên điều cần nói. Và Sabina biết ông nói đúng. Cô biết Satan muốn phá hủy lời chứng của cô. Vì vậy, dù rất khó, nhưng cô vẫn bảo với Paul rằng họ phải không bao giờ gặp lại nhau, và cô lại hiến mình lần nữa để chờ đợi Richard của cô.

MƯỜI DÒNG CHỮ TRÊN BƯU THIẾP

Vài tuần sau, Sabina đang ở nhà thờ lau rửa sàn, thì bạn cô là Marietta lao vào, vẩy vẩy tấm bưu thiếp. Nước mắt lăn dài trên má chị. “Tôi nghĩ – Sabina ơi, tôi nghĩ tấm bưu thiếp này từ...”

Cô không nói tiếp nổi, nhưng quỳ xuống, nghẹn thở, trên những tấm gỗ ướt đẫm bên cạnh Sabina.

Sabina nhìn vào tấm bưu thiếp nhỏ. Nó được ký tên “Vasile Georgescu.” Nhưng chữ viết tay của Richard, lớn bất bình thường và rất đẹp, là không nhầm lẫn vào đâu được. Mắt Sabina đờ ra, và cô ôm chặt tấm thiếp vào ngực.

Cô biết những tù chính trị chỉ có thể viết mười dòng có qua kiểm duyệt – khi họ được phép viết thư. Richard có thể nói gì, sau bao năm không biết vợ và con trai mình còn sống hay không? Sabina nín thở đọc

dòng chữ qua đôi mắt nhòa lệ. “Thời gian và xa cách dập tắt tình yêu nhỏ bé nhưng làm cho tình yêu vĩ đại càng mạnh mẽ hơn,” anh đã viết như thế. Rồi anh xin cô đến thăm anh vào một ngày nọ tại Tirlgul – Ocna, một bệnh viện nhà tù.

Tám bưu thiếp của Richard là tin tức tốt nhất Sabina có thể có được. Và dẫu nó làm cô đau lòng, cô biết mình không thể đi. Mỗi tuần, cô phải báo cáo cho đồn công an tại Bucharest, và họ liên tục khước từ việc bãi bỏ lệnh cấm cô rời thành phố. Vì thế, cô sẽ không có mặt tại đó vào ngày đã hẹn để nhìn thấy khuôn mặt người chồng triu mến của mình. Nhưng cô rất sung sướng vì biết Mihai sẽ thay mặt cô.

Tirlgul – Ocna nằm phía bắc Rumani, ở phía bên kia dãy Núi Carpathian. Tàu lửa từ Bucharest đi hàng trăm dặm quanh núi để đến một thành phố nhỏ. Sabina đã thu xếp cho một người bạn mà họ gọi là “Cô Alice” cùng đi với Mihai đến nhà tù. Nhưng chỉ một mình Mihai sẽ được phép gặp Richard.

Sabina lo lắng ở nhà chờ đợi. Mihai và Cô Alice đã đi hai ngày, và trong thời gian đó hàng triệu suy nghĩ và lo lắng giày vò đầu Sabina: Liệu Mihai có thể thực sự thấy mặt cha không? Richard có được phép nhận vài áo ấm và thức ăn mà cô đã gửi đến không? Ở trong trạm y tế nhà tù, chắc anh ốm nặng lắm. Anh có đứng nổi không? Thậm chí anh nói chuyện được với Mihai không nữa chứ? Mihai sẽ đáp ứng ra sao khi thấy cha sau ngần ấy năm? Liệu nó có quá đau thương khi thấy Richard trong tình trạng sức khỏe rõ ràng là ốm yếu ấy không?

Họ về nhà rất muộn trong một bữa tối Tháng Chạp. Sabina nghe tiếng họ đang lên cầu thang, và rồi, thậm chí trước khi vào cửa, Alice đã kêu to: “Tụi tui thấy ông rồi! Đã thấy ông rồi! Ông vẫn sống. Ông đã đứng dậy khỏi giường và đi lại được rồi!”

Họ bước vào, tuyết vẫn còn bám trên vai.

“Mihai!” Cô bám chặt vào con, dúi má mình vào lớp len áo khoác lạnh như băng của con.

“Mẹ ơi! Ba khỏe, và ba bảo con nói với mẹ rằng ba biết sẽ chóng về với mình thôi. Ba nói, nếu Đức Chúa Trời đã làm một phép lạ và để cho ba thấy mặt con, thì Ngài có thể làm hai phép lạ và đem chúng ta lại bên nhau lần nữa.”

Chẳng mấy chốc, hết thảy họ đều khóc. Alice nói: “Tụi tui phải chờ hết giờ này đến giờ khác trong tuyết. Họ cho chúng tôi vào cổng chính, rồi cho đứng trong một khu có hàng rào cách xa những tòa nhà điều dưỡng. Tù nhân phải băng qua một khoảng sân lộ thiên mới đến được một trại lợp tôn rất lớn, để tiếp đón người đến thăm tại đó. Thật khủng khiếp khi thấy họ. Kinh sợ quá! Họ trông giống những đám người có hình dạng tối đen quán kín trên nền tuyết sáng – trông như những bóng ma xám xịt vậy! Rồi giữa họ, tôi thấy Richard! Không thể lầm lẫn vào đâu được, anh ấy cao lắm. Tôi vẫy tay như điên, nhưng anh ta không nhận ra tôi. Chúng tôi đứng lẫn giữa một đám đông, ai cũng vẫy tay. Tôi thấy ông – nhưng chỉ một mình Mihai được phép nói chuyện với ông.”

Mihai kể: trong những hoàn cảnh như thế, họ không thể nói nhiều với nhau. Nhưng những lời cuối cùng của cha nói với cậu là: “Mihai, món quà duy nhất ba có thể tặng con với tư cách người cha là nói với con điều này: Hãy luôn luôn tìm kiếm những đức hạnh cao cả nhất của đức hạnh Cơ Đốc, là giữ tiết độ chừng mực trong mọi sự.”

Sabina trù mền ép tấm bưu thiếp của Richard giữa các trang Kinh Thánh của mình. Thỉnh thoảng cô lấy ra đọc lại. Sau này, anh kể cho cô nghe trong tù và trong trạm xá nhà tù, anh đã trở thành bậc thầy gói ghém ý nghĩa tuyệt vời vào trong những bức thư bé nhỏ mà người tù được phép viết – đến nỗi nhiều người khác đến nhờ anh giúp làm sao cho mười hàng được phép của họ trở nên ý nghĩa đáng kể. Họ cũng hỏi nhau xem Richard đã gửi gì, vì vậy lời của Richard lan truyền khắp khu vực. Kết quả là hàng tá tù nhân đã mở lời bưu thiếp của họ với dòng chữ “. “Thời gian và xa cách đập tắt tình yêu nhỏ bé nhưng làm cho tình yêu vĩ đại càng mạnh mẽ hơn.” Như vậy, những thông điệp yêu thương và hy vọng của Richard đang được đọc lên và áp ủ trù mền khắp xa gần. Vị truyền đạo trong tù đã trở lại công việc của mình.

BUỔI SÁNG ĐÁNG YÊU

Năm 1956 mở màn với toàn bộ khối Cộng Sản đang trong tâm trạng nổi loạn. “Những kế hoạch năm năm” của người XôViết chẳng đi tới đâu. Vẫn thiếu lương thực, và tiền công rất thấp. Mọi hy vọng dấy lên sau khi Stalin qua đời nay đã phai tàn.

Rồi đến tháng Hai, trong kỳ Đại hội Đảng Cộng Sản lần thứ hai mươi, thủ tướng SôViết Nikita Khrushchev đọc bài diễn văn bí mật lên án Stalin và những công trình của ông ta. Người Nga không bao giờ ấn hành bài diễn văn này, nhưng chẳng mấy chốc, tại mỗi quốc gia Đông Âu, người ta đều cảm thấy luồng gió ấm áp làm tan băng chính trị đang dần lan về từ Moscow.

Các dấu hiệu “giải trừ Stalin” xuất hiện nhanh chóng. Những lực lượng dân quân đông đảo và cảnh sát mật đang tinh giảm số quân. Những hợp đồng thương mại trị giá hàng triệu đô la đã được thương lượng với các quốc gia Phương Tây để giải thoát nền kinh tế. Công tác tập thể hóa được nới giãn. Và quan trọng hơn hết, hàng trăm tù chính trị được phóng thích mỗi ngày theo lệnh ân xá mở rộng.

Sabina không dám hy vọng Richard thuộc trong số họ. Cô không nhận được lời gợi ý hay tin tức nào hết, để biết liệu anh có được thả ra sớm hay không. Suy cho cùng, án tù của anh vẫn còn nhiều năm nữa mới xong. Rồi một buổi sáng đáng yêu nọ vào tháng 6 năm 1956, cô đi ra thăm vài người bạn, khi trở về nhà, anh đã ở trong nhà rồi. Tóc cạo hết, và trông giống như bộ xương hơn là một người còn sống, cuối cùng Richard cũng đã ở trong nhà. Sabina suýt ngất khi anh quàng tay ôm cô. Đây là cái ôm mà cô sợ mình không bao giờ còn cảm nhận được. Tối hôm ấy, bạn bè khắp Bucharest đến thăm anh, và họ lại cùng chia sẻ những tiếng cười và nước mắt – tiếp đó lại càng nhiều tiếng cười và nước mắt hơn nữa.

Richard chịu khổ ghê gớm trong tù. Anh bị đánh bằng đủ loại công cụ tra tấn khác nhau, và anh đã bị chích thuốc phiện. Mười tám vết sẹo tra tấn vẫn còn trên tám thân gây yếu, và về sau bác sĩ khám phá phổi của anh mang những vết sẹo đã lành của bệnh lao phổi. Họ không tin nổi anh còn sống sót sau tám năm rưỡi (hầu như ba năm ấy ở trong các xà lim biệt giam ngâm dưới đất) gần như không được chữa trị gì cả. Giờ đây, anh được dành cho giường tốt nhất trong trạm y tế. Thật kỳ lạ, những tù nhân được phóng thích đi đến đâu cũng được dân chúng đối đãi tử tế và hào phóng. Họ là nhóm người được hưởng nhiều đặc ân nhất tại Rumani, một thân phận càng khiến những người Cộng Sản tức tối thêm.

Chẳng bao lâu, Richard khỏe hơn, anh và Sabina ăn mừng ngày thành hôn lần thứ hai mươi của mình. Cả hai không còn xu nào để mua quà cho nhau, nhưng Richard xoay xở kiếm được quyển sổ tay rất đẹp, trong đó, mỗi đêm anh đã viết những dòng thơ – những bài thơ tình được gửi cho Sabina, tình yêu của đời anh.

Cả hai đều vượt qua được những cám dỗ và tra tấn. Chúa đã là sức mạnh của họ. Tình yêu là động cơ thúc đẩy họ. Nhưng tuy cả thập kỷ bị thẩm ở đằng sau, vẫn còn cơn ác mộng chờ đợi ngay tại bậc cửa nhà họ.

“HÃY ĐẶT THIÊN SỨ NGÀI QUANH ANH!”

Vào buổi tối ngày 13 tháng Giêng năm 1959, một phụ nữ từ Hội Thánh của Sabina đến gõ cửa nhà Wurmbrand, ràn rụa nước mắt. Tuần trước, cô mượn một số bản sao bài giảng của Richard - hàng trăm bản sao ấy hiện đang lưu hành khắp Rumani, một tình huống hoàn toàn trái với luật pháp. Giờ đây, chị đến xin lỗi và báo cho Richard biết công an đã lục soát căn hộ của chị, lấy hết những bản sao còn lại. Cô sợ chẳng bao lâu nữa họ cũng đến gặp anh.

Qua một người bạn khác, họ cũng biết Richard đã bị tố cáo bởi một mục sư trẻ kia, người đã tuyên bố là bạn của anh. Họ biết có lẽ người này bị hăm dọa, bị ép buộc phải ký vào bản tố cáo vì bị dọa bỏ tù nếu không ký.

Một giờ sáng hôm sau, những sĩ quan công an giận dữ một lần nữa đến đập cửa nhà Wurmbrand rồi ào vào căn nhà bé tẹo trên gác xép của họ.

“Anh là Richard Wurmbrand? Viên đại úy chỉ huy quát lớn. “Mọi người vào phòng kia. Và ở yên đó.”

Một lần nữa, căn hộ bé tẹo của họ lại đầy người lục lọi các tủ chén, kéo tung các học kéo, ném giấy tờ vung vãi khắp sàn. Trên bàn giấy của Richard, họ tìm thấy mấy trang ghi chép, những bài giảng đã đánh máy, và những quyển Kinh Thánh sờn góc. Hết thấy đều bị tịch thu. Rồi họ tìm gặp món quà kỷ niệm hôn lễ của Sabina, là quyển sổ tay mà Richard đã viết những bài thơ tình trong đó tặng cô.

“Xin đừng lấy quyển sổ đó. Nó là vật riêng tư, một món quà. Nó không có ích gì cho các anh cả,” Sabina nài nỉ. Họ vẫn cứ lấy đi.

Viên đại úy chỉ huy cùng tay Richard dẫn anh ra khỏi phòng sau.

Sabina táo bạo nói: “Các anh không xấu hổ khi đối đũa với những người vô tội kiểu này sao?”

Richard tiến về phía cô, nhưng họ nắm tay anh kéo lại. Anh cảnh cáo: “Tôi sẽ không ra khỏi nhà mà không chống cự trừ phi các anh để tôi ôm vợ đã.”

Viên đại úy bảo: “Buông anh ta ra.” Một viên công an tháo còng.

Họ cùng quỳ với nhau cầu nguyện, với các viên công an mật đứng quanh. Rồi họ êm dịu hát bài thánh ca, tiếng của họ hòa với lời: “Nền duy nhất của Hội Thánh là Chúa Jêsus Christ, là Chúa của Hội Thánh.”

Một bàn tay to lớn đặt trên vai Richard. “Chúng ta phải đi. Gần năm giờ sáng rồi,” viên đại úy nói nhỏ. Hiển nhiên ông sửng sốt trước tình yêu lạ lùng của Richard và Sabina dành cho nhau. Đôi mắt ông ta ươn ướt.

Chiếc còng lại khóa cổ tay Richard thêm một lần nữa và công an dẫn anh ra cửa. Sabina đi theo họ xuống cầu thang. Đến cuối cầu thang, Richard quay đầu lại nói: “Gởi tình yêu của anh đến cho Mihai.” Rồi anh dừng lại một chốc trước khi nói thêm: “Và cho vị mục sư đã tố cáo anh.” Rồi anh ra đi. Khi những chiếc xe công an đi rồi, Sabina chạy theo xe trên đường đóng băng, kêu gào lớn tiếng và khóc khi trượt ngã trong những vệt đường phủ tuyết: “Richard! Richard yêu quý của em!”

Rồi chiếc xe biến mất ở góc phố, cô dừng lại, nghẹn thở và tan nát cõi lòng. Trở về căn hộ trên gác xép, cửa vẫn mở. Sabina gieo mình xuống sàn, khóc thổn thức và cầu nguyện. Cô khóc: “Lạy Chúa, con xin giao chồng con trong tay Ngài. Con không làm được gì cả, nhưng Ngài có thể đưa anh đi qua những cánh cửa đã bị khóa. Ngài có thể đặt thiên sứ Ngài quanh anh. Ngài có thể đưa anh trở về!”

Cô ngồi trong bóng tối, cầu nguyện, cho đến khi mặt trời ló dạng. Cô Alice đến sáng hôm ấy và thấy Sabina vẫn ngồi trên sàn. Qua cặp mắt đỏ đẫm lệ, Sabina nhìn Cô Alice và nói: “Họ lại bắt đi mất Richard của tôi rồi.”

ĐOẠN KẾT

Richard đi tù thêm sáu năm nữa, và Sabina chỉ được gặp ông một lần trong khoảng thời gian đó. Cô vẫn siêng năng tiếp tục công việc của

mình trong Hội Thánh thâm lặng và chung thủy đợi chồng, không hề để cho mình tin rằng Chúa không đưa anh trở về nhà.

Vào tháng Mười Hai năm 1965, Richard được chuộc với giá mười ngàn đô la bởi Hội Truyền Giáo Na Uy cho người Do Thái và Liên Hiệp Cơ Đốc Nhân Hêbơơ. Giá đang leo thang cho một tù nhân chính trị vào thời điểm đó là một ngàn năm trăm đô la. Richard và Sabina không muốn rời quê hương Rumania, nhưng tín hữu trong Hội Thánh thâm lặng thuyết phục họ ra đi để hai người có thể trở thành tiếng nói cho những người đang chịu bắt bớ vì có đức tin và trở thành lời làm chứng về tình yêu lạ lùng của Đức Chúa Trời trong những thời điểm khó khăn gay go nhất. Năm sau, Richard, Sabina, và Mihai đến Hoa Kỳ. Dù gặp những lời đe dọa giết chết từ phía người Cộng Sản, gia đình Wurmbbrand vẫn lập tức trở thành tiếng nói bình vực những anh chị em của họ, những người mà đức tin của họ đang ở trong lửa.

Tháng Mười năm 1967, chỉ với một trăm đô la và chiếc máy đánh chữ cũ trên bàn ăn, nhà Wurmbbrand đã viết ấn phẩm đầu tiên của bản tin *Tiếng Nói Người Tuân Đạo*. Kể từ số đầu tiên đó, bản tin đã tiếp tục được xuất bản đều đặn, và gần mười triệu bản đã được phân phối trên thế giới trong hàng tá ngôn ngữ.

Kể từ khi Richard và Sabina đến Hoa Kỳ, họ đã làm việc không mệt mỏi để chia sẻ sứ điệp hy vọng và yêu thương khi đối diện với bắt bớ và tuân đạo. Đời sống của họ đã được làm phong phú với những thử thách họ đã chịu.

Ít lâu trước khi Sabina qua đời vì bị ung thư vào tháng Tám năm 2000, bà đã yêu cầu Richard yêu dấu của bà (ông cũng bệnh rất nặng) đến bên cạnh. Trước mặt một nhóm nhỏ bạn hữu, Sabina nói cho Richard nghe lần nữa rằng bà yêu ông nhiều biết bao, xin ông tha thứ cho mọi khuyết điểm trong đời sống bà. Lúc đó Sabina đang đau kinh khiếp, nhưng không chịu uống thuốc để có thể tỉnh táo minh mẫn nói lời tạm biệt cuộc đời tạm bợ đã gây rất nhiều đau đớn cho bà. Thế nhưng cũng đem đến cho bà rất nhiều vui mừng.

Cuộc đời của bà là cuộc đời được nâng đỡ bởi tình yêu của Đấng Christ và tình yêu bà đã thể hiện cho mọi người nào biết đến bà.

TARA:

Cuộc Nổi Loạn Chạy Trốn

Pakistan

Tháng Sáu năm 1985

Viên bưu tá bước lên tòa nhà lớn quen thuộc và ghé mắt nhìn qua cửa sổ. Chỉ riêng lối vào thôi đã rộng gấp mấy căn nhà trong các ngôi làng ở Pakistan. “Tôi có gói hàng cho Tara,” viên bưu tá nói khi một đầy tớ rút cuộc cũng ra mở cửa. “Tôi cần chữ ký của cô Tara. Tôi có thể vào không?” Ông mang theo dưới tay mình một hộp cactông màu nâu khổ vừa. Ông đã lấy sẵn viết ra rồi.

“Không, ông không vào được,” người đầy tớ trả lời nghiêm khắc. “Đưa gói hàng cho tôi, tôi sẽ đưa đến cho Tara. Cha cô không cho phép cô ra cửa.”

“Được rồi,” viên bưu tá miễn cưỡng đồng ý. “Nhưng tôi phải có chữ ký từ Tara hay từ người nào đó có thẩm quyền. Nếu không, tôi không thể rời kiện hàng; anh hiểu chứ?”

“Hiểu rồi, hiểu rồi,” người đầy tớ trả lời với vẻ mặt kiên nhẫn, đôi tay chìa rộng. “Rồi, làm ơn đưa cho tôi kiện hàng.”

Tara đang đứng trong góc phòng nhìn ra, tự hỏi có chuyện gì ồn ào thế và ai gọi cho cô kiện hàng. Cô hỏi người đầy tớ: “Thứ gì đây? Ai gọi vậy?” Người đầy tớ nhún vai giao cho Tara tờ giấy để ký. Cô nguệch ngoạc tên mình rồi đưa tay đón kiện hàng. Nó nặng hơn cô nghĩ. Cô choàng cả hai tay ôm lấy rồi lê bước về phòng, đóng cửa phòng lại. Dầu gia đình Tara khá đông người, cô vẫn có riêng một phòng đầy đủ vật dụng. Đối diện những cánh cửa sổ rộng trong phòng cô là những tủ trang điểm xây luôn vào tường, còn mỗi bên giường có những chiếc bàn ngủ thật đẹp mắt, bên trên đều có đèn pha lê thật sang trọng. Ba Tara rất thương yêu cô con gái nhỏ của mình, và phòng cô đầy đầy những món quà hĩnh của ba cho cô.

Giờ đây, cô đang bị kích động như bất kỳ đứa trẻ mười hai tuổi nào khi nhận được món quà bất ngờ qua đường bưu điện. Cô đặt chiếc hộp xuống sàn, quỳ gối trước món quà, lột lớp băng keo trên nắp hộp. Ghé

mắt nhìn vào trong hộp, Tara há hốc. Niềm hiếu kỳ đầy vui thích nhanh chóng biến thành hốt hoảng. Cô nháy thẳng lên chạy về cửa phòng mình, mở ra vừa đủ để lộ đầu ra ngoài, nhìn lên nhìn xuống hành lang để biết chắc không có ai ở gần. Cô đóng cửa lại lần nữa, nhưng lần này khóa chặt khi trở về với chiếc hộp đang mở ở giữa sàn phòng ngủ của mình.

Một tiếng nói trong lòng bảo cô nên giao chiếc hộp cho ba. Cô tự nhủ: *Làm như vậy là an toàn*. Cô chỉ việc nói cho cha rằng cô không biết vì sao nó đến và có tên cô trên hộp. Nhưng sự thật là, Tara *đã biết* vì sao chiếc hộp này đến. Nó chứa đựng thứ mà cô đã gửi thư xin. Vài tuần trước, cô đã điền vào một phiếu nhỏ trên tờ báo địa phương và gửi qua bưu điện. Giờ đây món cô đặt hàng đã đến, và cô sợ điều sẽ xảy đến cho mình nếu bị bắt gặp cùng với vật đó. Cô rối cả óc. Cô quyết định hoặc phải giữ nó – đương nhiên là giấu – hoặc phải kể cho cha.

Lòng hiếu kỳ đã thắng hơn sợ hãi, thế là cô nhấc một quyển sách nhỏ ra khỏi hộp. Tựa đề quyển sách chỉ có một chữ trên bìa màu ngà mềm mại: *Sáng Thế Ký*. Ngồi trên giường, cô lật bìa ra rồi bắt đầu đọc.

Từ ngày đầu tiên giáo trình học Kinh Thánh này đến tay cô, Tara nghiên ngẫm tài liệu, học xong hai giáo trình hoặc nhiều hơn nữa gần như mỗi tuần. Cô niêm các bài kiểm tra đã làm xong trong các bì thư đi kèm với giáo trình rồi nhờ đây tờ trong nhà đem ra bưu điện gửi đi. Ít lâu sau, một chứng chỉ mới được gửi đến qua bưu điện, chúc mừng thành công của Tara.

Xuất thân từ một gia đình Hồi Giáo rất quyền thế và khắt khe, nổi tiếng khắp Pakistan, Tara không hề có ý định đổi đức tin. Đơn giản là cô say mê nghiên cứu Kinh Thánh và đặc biệt thích nhận những chứng chỉ đẹp mắt kia. Vừa dễ vừa vui, và cũng cung cấp thêm yếu tố hào hứng được phiêu lưu nguy hiểm khi cô cẩn thận ép chiếc hộp và những thứ trong hộp bên dưới giường mỗi ngày. Những đây tờ giúp cô gửi nhận thư đã thể giữ kín. Ai cũng biết cha cô sẽ nổi lôi đình nếu phát hiện ra. Nhưng ai cũng biết Tara là con gái cưng của cha cô. Ông sẽ nổi giận, đúng thế, nhưng có lẽ chỉ mắng rồi tịch thu giáo trình thôi. Cô bé chỉ muốn đùa vui thôi. Cô tự hỏi: *“Nghiên cứu thì có gì hại đâu?”*

Hai năm rưỡi sau, Tara gửi đi bài kiểm tra cuối cùng. Cô đã học xong toàn bộ giáo trình, nghiên cứu mọi sách trong Kinh Thánh. Cô

cảm thấy thỏa mãn khi hoàn tất một giáo trình lớn như thế và vẫn ngạc nhiên vì nó được cung cấp miễn phí và bí mật của cô vẫn không hề bị phát giác. Vài tuần sau, cô lại càng ngạc nhiên hơn khi một chiếc hộp khác đến nhà. Nó nhỏ hơn hộp gửi giáo trình đến rất nhiều, nhưng vẫn tương đối nặng so với kích cỡ của nó. Tara biết hộp này cũng đến từ những người đã gửi giáo trình và những chứng chỉ hoàn tất, nhưng cô không biết có thứ gì trong chiếc hộp nhỏ kia. Thật ngạc nhiên vì đây là quyển Kinh Thánh bìa xanh, gáy mạ vàng. Đây là quyển sách đẹp nhất Tara từng thấy. Mở bìa trước, cô thấy tên mình ghi bằng nét chữ thật đẹp mắt để công nhận cô hoàn tất mỹ mãn toàn bộ giáo trình Kinh Thánh. Tara cẩn thận lật qua các trang giấy màu củ hành trước khi giấu kỹ món quà mới của mình dưới giường cùng với những quyển sách kia. Nội giáo trình cũng đủ nguy hiểm rồi. Nếu bị bắt gặp đang giữ quyển Kinh Thánh, cô biết sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc.

Thực ra, cô biết chưa đến một nửa.

CƠ ĐỐC NHÂN

Năm sau, sau khi học xong năm thứ mười tại trường với những bằng danh dự ưu hạng, Tara được mời nghiên cứu môn tôn giáo tham chiếu tại Iran. Gia đình cô rất thường hành hương đến Iran, và Tara háo hức đón nhận thách thức được nghiên cứu tại đó. Cô cũng tin rằng việc cô bí mật nghiên cứu Kinh Thánh sẽ giúp cho cô bước khởi đầu thật tốt để nghiên cứu Cơ Đốc giáo.

Gia đình cô đi cùng trong chuyến đi nghiên cứu, và chính lúc đang ở tại Iran, Tara lần đầu tiên gặp một Cơ Đốc nhân. Một trưa nọ, tình cờ lúc cô rời khách sạn, dự định chụp hình sân ngoài ngôi đền Hồi Giáo địa phương để dùng cho bài thuyết trình trước lớp mà cô được phân công. Rất nguy hiểm khi một cô gái ngoại quốc trẻ tuổi đi một mình đây đó, nhưng Tara đã hứa với người anh cả, là người đang chăm sóc cô ngày hôm ấy, rằng cô sẽ ở gần khách sạn, nên anh miễn cưỡng cho cô đi.

Khi bước băng qua sân để chụp ảnh, cô bắt gặp một cảnh tượng khác thường. Một người nam ngồi trên đất kế bên một cô gái nhỏ hơn Tara vài tuổi. Đôi tay anh khoanh chặt lại, và anh đang nhìn lên trời, dường như đang nói chuyện cùng ai đó.

“Anh đang làm gì vậy?” Tara hỏi, cảm thấy bị lôi kéo kỳ lạ để đến với người đàn ông này.

“Tôi đang trò chuyện với Đức Chúa Trời,” anh ta trả lời đơn giản.

“Anh không thể nói chuyện với Đức Chúa Trời,” Tara cãi, kết thúc nhận định của mình với nụ cười ngây thơ. “Ngài sẽ không giáng hạ để nói chuyện với anh đâu, còn anh không thể đi lên với Ngài trừ khi anh chết. Vậy làm sao anh có thể nói ra một việc như thế, dám nói anh đang trò chuyện với Thượng Đế?”

Người đàn ông kiên nhẫn nhìn Tara, và kèm theo nụ cười ông còn nói thêm: “Tôi không những nói với Đức Chúa Trời, tôi còn nhận được câu trả lời nữa.”

Giờ đây, Tara chắc chắn ông này đã điên khùng. “Ông nhận được câu trả lời? Ông không phải là tiên tri hay một thiên sứ. Làm sao ông nhận được câu trả lời từ Đức Chúa Trời?”

“Cô có muốn biết cách để trò chuyện với Đức Chúa Trời không?”

“Muốn, đương nhiên tôi rất muốn biết,” Tara đáp. Cô không tin ông ta chút nào, nhưng muốn nghe lời giải thích, cho dù câu giải thích chắc rất vô ích.

“Vậy ngày mai hãy gặp tôi vào lúc ban giờ. Đây, tôi sẽ viết địa chỉ cho cô.” Xé tờ giấy trắng, ông ta viết địa chỉ và chỉ đường đi đến nhà thờ của ông. “Cô đến đây, thì không những biết mình có thể trò chuyện với Đức Chúa Trời, mà còn biết Ngài yêu mến cô nữa.”

Khi Tara trở về khách sạn và chia sẻ kinh nghiệm của mình, anh cô nổi giận. “Em đang nghĩ gì vậy?! Em không được đến chỗ đó. Đó là nhà thờ Cơ Đốc! Đây là đất nước Iran, và em là người Hồi Giáo. Em có thể bị treo cổ khi bắt gặp tại một nơi như thế!”

“Em đã được phân công nghiên cứu nhiều tôn giáo khác nhau. Em làm sao hoàn tất bài nghiên cứu nếu không tìm tòi nghiên cứu?” Tara phản kháng.

Kết thúc tranh cãi thì anh trai của Tara đồng ý đến xin phép chính thức đồn cảnh sát địa phương để được ghé đến nhà thờ đó. Sau đó, từ đồn anh được gửi đến tòa án, là nơi cấp giấy phép. Nhưng các sĩ quan yêu cầu cô phải được hộ tống bởi mười hai sĩ quan an ninh và người anh của cô khi cô đến thăm nhà thờ kia.

Anh cô bảo: “Em sẽ không phải sợ gì. Anh sẽ ở ngay ngoài cửa cùng với cảnh sát để bảo đảm không có chuyện gì xảy ra.” Tara thắc mắc không biết có điều gì xảy ra trong nhà thờ để phải cần bảo đảm an ninh cao độ đến thế.

Chiều hôm sau vào lúc ban giờ, Tara bước vào nhà thờ. Cô bước chậm rãi, toàn thân hơi run, trong khi những sĩ quan bảo vệ và anh trai chờ bên ngoài. Ngoại trừ người đàn ông đã gặp trong sân, Tara chưa hề gặp ai không phải là người Hồi Giáo. Cô không biết Cơ Đốc nhân trông ra sao, họ hành động thế nào. Họ có nguy hiểm không?

Cô tìm được chỗ ngồi gần cuối nhà thờ. Cô chọn chỗ sát cửa chính để có thể đi ra thật nhanh nếu cần. Hầu hết các băng ghế gỗ đều đầy người, và người ta đã bắt đầu hát rồi. Các tín hữu trong nhà thờ hát nhiều điệp khúc khác nhau, và Tara nghĩ mình nhận ra trong những lời bài hát có một số câu đã nghiên cứu trong giáo trình nghiên cứu Kinh Thánh. Sau khi hát, một ông bước lên trên bục và bắt đầu nói về sự cầu nguyện. Ông mời ai có vấn đề cần cầu nguyện thì tiến lên phía trước.

Khi vài người bắt đầu tiến lên phía trước, Tara thấy người đàn ông cô gặp ngày hôm qua. Ông đang bồng cô bé nhỏ khoảng tám tuổi; Tara nghĩ đây là một con gái khác nữa của ông. Đứa bé này dường như què hoàn toàn. Cánh tay cô bé buông thõng trên lưng cha đang khi ông bế cô. Cặp mắt của cô vô hồn, trông cô gần như không còn sống nữa.

Ông này bước lên phía trước và bắt đầu cầu nguyện lớn tiếng, xin Đức Chúa Trời chữa lành con của mình. Những người khác trong Hội Thánh cùng cầu nguyện và bắt đầu nài nỉ Chúa chữa lành cô bé. Tara lại nghĩ người ta chắc hẳn phải điên khùng thì mới có nói chuyện với Đức Chúa Trời kiểu đó. Vì sao Đức Chúa Trời chịu đi xuống đây để giúp đứa trẻ này? Đối với Tara, điều đó hoàn toàn vô nghĩa. Nhưng dù rất hoài nghi, cô vẫn bị thu hút bởi hoạt động ấy và muốn nhớ toàn bộ điều đang diễn ra để có thể viết về nó trong luận văn của mình.

Sau đó Tara thấy cô gái què bắt đầu cử động. Chân cô dần dần thẳng ra, và cha cô nhẹ nhàng hạ cô xuống sàn nhà, giúp cô bé đứng thẳng lên. *Trời ơi!* Tara suy nghĩ, *minh không tin nổi chuyện này đang xảy ra.*

Những người ở trong nhà thờ lại bắt đầu hát những bài ca chúc tụng Đức Chúa Trời khi cô bé – giờ đây đã được chữa lành khỏi chứng bệnh đã làm cho cô què quặt – bước xuống lối đi giữa nhà thờ và đến nhìn

thẳng vào mắt Tara. Khi đến bên băng ghế Tara đang ngồi, cô bé chỉ đơn giản nói: “Emmanuên,” và rồi quay đi trở lại trên lối đi để đến với cha cô bé.

Tara hoảng kinh trước điều đang diễn ra – và bởi mọi ý nghĩ đang quay cuồng trong đầu. Vì sao cô bé này đến với cô, trong số mọi người đang ngồi trong nhà thờ này? Chân cô bé đã được hồi phục bằng cách nào? Và *Emmanuên* có nghĩa gì? Bộ môn nghiên cứu tôn giáo mà Tara đã khởi đầu trước đó đang đưa ra nhiều thắc mắc hơn là những câu trả lời. Cô quyết tâm tìm hiểu điều đang diễn ra.

Cô không dám kể cho ai nghe điều mình chứng kiến trong nhà thờ. Nhưng đương nhiên cô không quên được. Về sau, khi trở về nhà tại Pakistan, cô đã đến nơi duy nhất cô nghĩ có thể tìm được một vài câu trả lời. Cô đến với quyển Kinh Thánh màu xanh. Lần này, Tara không đọc để thi đậu; cô siêng năng tra cứu để tìm chân lý. Mỗi ngày cô nghiền ngẫm câu Kinh Thánh, cố tìm hiểu sự khác nhau giữa Kinh Thánh và Kinh Koran, và cố tìm hiểu vì sao người Hồi Giáo lại chống đối Cơ Đốc nhân dữ như vậy.

Cô nghĩ: *Đức Chúa Trời của Cơ Đốc nhân chắc hẳn phải thực hữu. Nếu không làm sao Ngài nghe họ khi họ cầu nguyện?*

BỊ PHẢN BỘI

Cuối cùng, Tara biết cô phải tiến xa hết mức tự mình có thể làm. Cô phải nói chuyện với ai đó. Thay vì soi sáng cho cô, giáo trình tôn giáo – và điều mà cô đã chứng kiến trong nhà thờ và đọc trong quyển Kinh Thánh – đã tạo thêm nhiều thắc mắc, và cô hết sức muốn tìm hiểu chuyện đang diễn ra.

“Ba ơi, con sẽ đi ra ngoài cùng với một vài người bạn,” Tara nói với cha khi cô chuẩn bị ra khỏi nhà. Trong mười sáu năm qua, đây là lần đầu tiên cô dám đối cha, và mặc cảm phạm tội ray rứt cả người khi cô vội bước ra khỏi căn nhà rộng và sang trọng của gia đình. Nhưng cô phải tìm hiểu xem nội dung của đạo Cơ Đốc là gì. Và đi trở về nhà thờ là phương cách duy nhất cô biết để thực hiện việc đó.

Cô băng qua thành phố đến với một nhà thờ, và một lần nữa đi vào ngồi ở băng ghế cuối nhà thờ khi buổi nhóm sắp bắt đầu. Sau đó, cô tự giới thiệu mình với người đàn ông đang hướng dẫn buổi nhóm và nói

với ông rằng cô mong muốn đặt cho ông vài câu hỏi. Vị mục sư đồng ý. Tara cho rằng nhà thờ nào cũng là nhà thờ, Cơ Đốc nhân nào cũng là Cơ Đốc nhân, và ai trong số họ cũng có thể giúp cô cả. Buồn thay, trong trường hợp này, cô đã sai lầm.

Vị mục sư hơi khó chịu với rất nhiều câu hỏi của Tara khi hết tuần này đến tuần nọ cô đến nói chuyện với ông. Ông lo lắng cho sự an nguy của chính mình nên đã bảo cô không phải chỉ một lần rằng có lẽ tốt hơn cô không còn đến nữa. Tara đáp: “Nhưng tôi còn có thể đến nơi nào khác nữa để tìm những câu trả lời này?”

Sự kiên trì của cô đã thắng hơn ông trong chốc lát, nhưng cuối cùng vị mục sư cảm thấy nguy cơ liều lĩnh ấy quá lớn. Nghĩ rằng ông sẽ giải thoát được mình khỏi rắc rối mai sau, nên ông đến gặp cha của Tara, kể lại rằng lâu nay cô vẫn đang đến nhà thờ của ông và hỏi rất nhiều câu về Kinh Thánh. Chỉ trong vòng vài phút, ông đã phản bội một cô bé thiếu niên Hồi Giáo đang muốn tìm biết xem Đức Chúa Trời thực sự là ai.

“Con nghĩ con đang làm cái quái gì thế?” Cha Tara quát con gái khi cô vừa về nhà buổi trưa hôm ấy. “Con có nghĩ đã làm cho ta và cả gia đình này lúng túng biết bao không? Làm sao con lại đến gặp ông đó? Ông ta đâu phải người Hồi Giáo. Ông ta là Cơ Đốc nhân! Làm sao con lại ngốc thế? Hay giờ đây con cũng là người của bọn họ?”

Tara sững sốt trước cơn giận dữ của cha cô; cô chưa từng thấy mặt này của ông. Cô cố giải thích rằng chỉ đang hỏi thăm chứ không hề định chuyển sang Cơ Đốc giáo, nhưng ba không thềm nghe cô. Ông giận dữ đuổi cô đi khuất mắt, rồi Tara chạy ra khỏi phòng, nước mắt đầm đìa. Cô không biết mình đã lâm vào hoàn cảnh nào cũng không biết làm sao cho ba nguôi thạnh nộ.

Cô vẫn còn nhiều câu hỏi chưa được giải đáp. Trở về phòng, bất chấp cảnh vừa mới chịu đựng, Tara thấy mình lấy ra quyển Kinh Thánh nhỏ bìa da màu xanh. Lau nước mắt, cô mở Kinh Thánh cố gắng đọc đang khi bài thuyết giáo giận dữ của ba vẫn tiếp tục vang vọng trong trí cô.

Dần dần những lời cổ xưa này thu hút cô, xoa dịu nỗi lo lắng của cô và khích lệ cô bằng tình yêu của Chúa. Cô mãi mê đọc Kinh Thánh của mình đến nỗi không còn để ý thời gian, cũng không để ý ba cô bước

vào phòng tự hồi nào. Thoạt đầu, nét mặt ba cô tỏ ra biết lỗi vì đã la mắng hung dữ con gái út. Nhưng khi nhìn thấy thứ con đang đọc, nét mặt hối hận của ba biến ngay thành giận dữ.

“Con là Cơ Đốc nhân! Giờ đây ba biết con là Cơ Đốc nhân!” Ông hét lên.

“Ba ơi, con hứa với ba mà, con không phải là Cơ Đốc nhân. Con chỉ tò mò thôi. Ba phải tin con chứ!”

“Đừng nói dối ba! Tại sao lại không phải, trong khi con đang đọc Kinh Thánh?”

“Ba ơi thôi mà! Đó chỉ là quyển sách con đang đọc thôi. Ba biết gần đây con đang nghiên cứu rất nhiều mà.” Tara đang hết sức cố gắng thuyết phục ba rằng mình vô tội thì bàn tay của ba giáng mạnh vào mặt cô.

“Làm sao mà dám làm chuyện này cho gia đình mình? Chúng ta là người Hồi Giáo!” Cô lui xa ra trong sửng sốt và đau đớn, mắt trở ra không tin nổi ba đã đánh mình. Giờ đây ba tiến sát đến cô và đánh vào mặt cô lần nữa. “Chúng ta sanh ra là người Hồi Giáo, thì chết đi cũng sẽ là người Hồi Giáo. Và mà – mà không còn là con gái tao nữa!”

Những tiếng thổn thức rên rỉ của Tara khiến anh cả của cô chạy đến xem có chuyện gì. “Em con đã trở thành Cơ Đốc nhân kìa! Lâu nay nó đi thăm một mục sư, còn giờ đây ba thấy nó đang đọc quyển Kinh Thánh!”

Vừa mới nghe lời kết tội, anh của Tara đã đổi tức khắc từ quan tâm sang giận dữ, rồi quay sang Tara, cùng cha đánh cô. Mắt anh nhìn thấy quyển Kinh Thánh xanh, và anh hung hăng xé nát những trang mạ vàng của nó. Ba Tara tìm dây vải thắt lưng, xếp đôi lại, vung đánh lia lịa vào mặt Tara trong khi cô cúi xuống sàn, khóc ngất lên.

“Ba ơi, ba cần kiếm chồng cho nó. Và kiếm nhanh lên trước khi chuyện này xảy ra tệ hại hơn,” anh cô nói, mặt đỏ bừng bừng vì giận và ráng sức. Khi hai người cuối cùng ra khỏi phòng, cha cô gật đầu.

“EMMANUËN, EMMANUËN”

Đang khi Tara nằm khóc ở giữa sàn nhà, cô đã nói lên lời cầu nguyện đầu tiên: “Lạy Đức Chúa Trời, con không biết cha và anh con đang nói điều gì. Con không phải Cơ Đốc nhân; con là người Hồi Giáo.

Nhưng giờ đây con không biết mình nên đi đường nào. Xin làm ơn chỉ đường cho con, thì con sẽ đi theo.”

Tara cảm thấy bình an lạ lùng sau khi cầu nguyện, và vẫn nằm trên sàn, cô ngủ một giấc thật say. Một lát sau, cô cảm thấy có người nâng đầu cô lên và dịu dàng vuốt má cô. Cô có thể nghe tiếng nói; giống như người đang sau đang tiến đến phía cô. Tiếng đó đang nói: “Emmanuên, Emmanuên.” Tara ngồi bật dậy thật nhanh nhìn quanh phòng, nhưng chỉ thấy phòng trống không. Khi cô nhớ lại giấc mơ kỳ lạ này – nó *đã là* một giấc mơ, đúng không? Cô cố gắng lập lại những lời kỳ quặc mà giờ đây cô mới nghe lần thứ nhì: “Emmanuên.”

Suy nghĩ lần nữa về sự kiện tại Iran. “Nó có nghĩa gì vậy?” Cô tự hỏi mình lớn tiếng. “Và vì sao mình cứ nghe hoài từ này?”

Cô xoa mặt, nhăn nhó vì đau đớn. Cả đời, ba chưa hề đánh cô, và Tara choáng váng vì cơn giận của ba và vì ba sẵn sàng đánh mình. Cô và ba xưa nay vẫn rất thân nhau. Nhưng giờ đây cô biết họ sẽ không bao giờ gần gũi nhau nữa. Cô biết không dễ kiếm cơn giận dữ nơi ba.

Và cũng không dễ kiếm chế chính sự tìm tòi chân lý cách ngoan cố của cô.

Vài ngày sau, ba Tara ngồi xuống với con gái mình, mặt cô vẫn bầm tím vì bị đánh. Một lần nữa, ba đến gần cô với ánh mắt hối hận. “Ba xin lỗi về việc ba đã làm cho con,” ba bảo. “Ba mà đánh con gái thì thật hổ thẹn quá. Con phải hiểu ba không có ý làm đau con. Ấn tượng con đã tạo cho ba là quá sức chịu đựng của ba. Tha lỗi cho ba nhé.”

Tara ngồi yên lặng, không để mình hoàn toàn tin nơi vẻ dịu dàng vừa mới thấy ở nơi ba. Ba nói tiếp: “Ba biết đây là lúc con phải lập gia đình.”

Tara nhớ lời anh trai đã nói sau trận đòn. Nhưng cô chỉ mới mười sáu tuổi và chưa hề có ý lập gia đình. “Ba ơi, con còn nhỏ quá làm sao cưới chồng được. Con muốn học xong đã.” Cô cố gắng tỏ vẻ bình tĩnh.

Ba cô đứng dậy, giọng nói cương quyết hơn. “Ba đã nói tốt nhất là con nên lấy chồng. Đây không phải lời đề nghị đâu.”

Tara rùng mình trước vẻ lạnh lùng ngày càng tăng trong giọng nói của ba, nhưng không chịu nhượng bộ dễ dàng như thế. “Ba ơi, không đâu, con không muốn chuyện này. Con còn quá nhỏ, và con muốn học

xong trước đã. Con không muốn cuộc hôn nhân do dàn xếp, ba ơi! Người đó là ai? Anh ta tên gì? Theo đạo nào?”

Những lời lẽ này vượt ra trước khi cô nhận biết mình đang nói gì. Đối với một cô gái Hồi Giáo, nói như thế quả là đại đột ngột ngẩn. Đối với gia đình họ, chỉ có một đạo duy nhất: Hồi Giáo. Ba cô lại nổi giận lần nữa quát lên: “Con muốn nói gì thế. Chồng con theo đạo nào à? Ở đây chúng ta chỉ có một đạo duy nhất thôi! Chúng ta là người Hồi Giáo!” Ông túm tay cô lôi lại gần để có thể nhìn trừng trừng thẳng vào mắt cô. “Mày là Cơ Đốc nhân! Đúng rồi mày là Cơ Đốc nhân! Giờ đây tao đã biết chắc rồi!”

Tara chưa kịp nói gì để bình vực, cô đã thấy bàn tay của ba đánh nhanh mạnh vào mặt mình. Ông tin chắc chắn con gái mình đã đi theo Cơ Đốc giáo, và để ứng phó, ông đã làm việc ông nghĩ là bổn phận phải làm.

Vừa bước vào phòng ngay khi một quả đấm khác nữa giáng vào mặt Tara, một người chị của cô sững sốt ré lên sợ hãi.

Chẳng chút động lòng trước lời nài nỉ của người trong nhà hay những đầy tớ đang đứng gần đó, ba và anh của Tara lôi cô vào phòng cô khóa trái cửa lại. Rút vào góc phòng run rẩy kinh hoàng, Tara có cơ để lo sợ cho cuộc đời mình.

Cha và anh cô đánh cô bằng bất cứ thứ gì họ tìm thấy nhanh nhất: dây điện từ một trong những chiếc đèn pha lê và chiếc que trong tủ áo của Tara. Rồi họ túm, đẩy, lấy đi hết thủy đồ đạc của cô – tấm thảm, giường, quần áo, các đồ điện, mọi thứ – rồi quăng ngoài hành lang. Khi cảnh kinh hoàng này chấm dứt, Tara nằm trong vũng máu giữa căn phòng giờ đây trơ trọi. Những lời nói cuối của ba cho cô trước khi đóng sập cửa lại là: “Một là mày có chồng, hai là mày chết. Chọn đi. Nếu mày làm Cơ Đốc nhân, thì chẳng còn chỗ nào cho mày trong thành phố này. Nhưng nếu mày lấy chồng, thì mày có thể vẫn là con tao. Nếu không, mày sẽ chết một mình tại đây.”

CHẠY TRỐN

Tara nằm trên nền gạch lạnh lẽo, nửa tỉnh nửa mê. Không ai được phép đến giúp cô. Gia đình tin chắc chắn cô sẽ tỉnh lại nếu cứ bỏ mặc cô một mình ở đó không thức ăn và không thuốc men gì cả. Đến ngày

thứ ba, Tara bắt đầu ngồi dậy, nhưng vũng máu khô làm tóc cô dính xuống sàn. Mắt hoa lên, nhưng cố nắm bắt mọi chuyện đã xảy ra, cô thấy buồn nôn khi xem các vết thương của mình. Cô không bao giờ tưởng tượng nổi việc tìm kiếm Đức Chúa Trời lại đẩy cô vào chỗ kinh khiếp thế này. Nhưng giờ đây cô chỉ có một ý nghĩ duy nhất, là chạy trốn để cứu mạng. Chưa hề có một ngày nào ở xa gia đình, cô chưa biết phải làm gì, nhưng cũng không quan trọng. Cô biết cô phải đi.

Cô ráng đi đến tủ áo xem còn lại thứ gì trong đó không thì thấy họ còn để sót một vật duy nhất, là chiếc túi du lịch nhỏ từ chuyến đi đến Iran vừa rồi. Trong đó có vài bộ áo quần, ít tiền, và vài món nữ trang cùng hộ chiếu của cô. Tara yên lặng thay bộ đồ đẫm máu, cứ mỗi cử động phải nhăn nhó vì đau. Khi đã sẵn sàng, cô đứng giữa phòng nhìn quanh lần cuối. Cô biết nếu ra đi, cô không bao giờ còn trở về nhà được nữa. Trong nền văn hóa của cô, chạy trốn gần như cũng tệ hại như chuyện làm Cơ Đốc nhân, và cô biết gia đình sẽ không bao giờ chấp nhận được nỗi nhục này. Nếu bắt được cô, họ sẽ giết cô ngay, chắc chắn là thế.

Với tấm lòng nặng trĩu, cô trốn qua cửa sổ phòng ngủ và lặng lẽ đi đến trạm xe buýt. Người Tara đau nhức, tê cóng, tan nát cõi lòng, điều duy nhất khiến cô cứ tiếp tục đi chính là sợ việc cha và anh sẽ làm cho mình nếu họ tìm ra cô – và nỗi khao khát trong lòng để biết thêm về Đức Chúa Trời của Cơ Đốc nhân. Đến trạm xe buýt, cô mua vé một lượt đến một thành phố đi mất nhiều giờ mới tới, một nơi cô thấy hơi quen quen. Cô đã đến đó vài lần với gia đình, và cô định ẩn náu trong một nhà thờ mà cô đã từng thấy tại đó. Cô nghĩ, chắc chắn Cơ Đốc nhân nào ở đó cũng sẽ giúp cô.

Chuyến đi xe buýt thật lâu, và người ta cứ nhìn chăm vào và thẩm thì to nhỏ với nhau về một thiếu nữ thân hình đầy máu. Là một cô gái xinh đẹp xuất thân từ gia đình danh giá, Tara rất ngượng vì nhục nhã, biết những hành khách trên xe chắc hẳn đang nghĩ gì. Đây là một kinh nghiệm mới cho cô, và cô chỉ hy vọng cuộc tìm kiếm Đức Chúa Trời của mình xứng đáng với mọi điều cô đã từ bỏ. Khi cố gắng tránh những cặp mắt soi mói quanh mình, cô cũng hy vọng những khách lạ này sẽ không giao cô cho cảnh sát. Phụ nữ tại đất nước cô có rất ít quyền lợi

và hiếm khi nhìn thấy họ nơi công cộng mà thiếu một người nam trong gia đình đi theo.

Cuối cùng khi chiếc xe buýt đến nơi đã định, Tara nhanh chóng xuống xe cố hòa lẫn vào đám đông, một việc không dễ làm trong tình trạng người bầm dập và đầy máu như thế. Nhưng cô nghĩ ngay khi đến nhà thờ, cô có thể rửa sạch chúng.

Khi đến nhà thờ, cô gặp một nhân viên Cứu Thế Quân đứng ngoài cửa. Thật ngạc nhiên vì người đàn ông nọ cố làm Tara nản dừng tìm sự giúp đỡ tại đó. Ông bảo: “Nếu tôi là em, tôi sẽ không muốn ở một mình với lãnh đạo trong nhà thờ này. Có nhiều tiếng đồn về ông.

Tara suýt bật khóc. Cô hỏi: “Chuyện gì thế này? Tôi nghĩ Cơ Đốc nhân nào cũng là Cơ Đốc nhân, thế mà giờ đây ông bảo tôi rằng nhà thờ này không tốt cho tôi sao? Tôi bỏ nhà ra đi để được thế này sao?”

“Về nhà với tôi,” người đàn ông nói tử tế “Tôi có thể giúp em và bảo vệ em.”

Dù Tara rất nghi ngờ chuyện đi về nhà của người đàn ông này, nhưng cô dường như không còn cách nào khác. Cô miễn cưỡng đi với ông. Hóa ra ông có một vợ và hai con trai, và mọi người trong nhà đều đối đãi tử tế với cô – trong khoảng hai tuần. Rồi những tiếng đồn trong gia đình bắt đầu lan ra; người vợ nghi có lẽ chồng mình muốn cặp bồ với vị khách trẻ trung xinh đẹp của họ. Cuối cùng, Tara không chịu nổi thêm sự căng thẳng này nữa; cô xin người đàn ông đưa cô đi nơi khác. Cô nài nỉ: “Chắc hẳn ông biết có người tại thành phố khác có thể giúp được tôi. Xin cứ đưa tôi đến đó đi, và tôi sẽ tìm việc làm. Tôi rất biết ơn sự giúp đỡ của ông, nhưng tôi không muốn gây thêm rắc rối cho gia đình ông.”

“Tôi có biết một người có lẽ giúp được cô. Thật ra, ông ta đến từ thành phố quê hương của cô đó,” nhân viên Cứu Thế Quân nói như vậy.

Nghe vậy, Tara hoảng sợ. Cô bảo: “Tôi nghĩ như thế không hay đâu. Ba tôi không biết tôi đang ở đâu – và tôi *không muốn* ba tôi biết. Xin đừng làm vậy với tôi.”

Người đàn ông trấn an cô: “Đừng lo. Tôi biết người này. Ông ta sẽ giúp cô.”

NGƯỜI CHÚ BỊ TỪ BỎ

Cũng chẳng còn cách nào chọn hơn nữa, nên Tara đồng ý gặp người đàn ông nọ. Nhưng vừa mới thấy ông ta, khi đang chờ tại một địa điểm đã thu xếp trước, cô suýt ngất. “Đó là ba tôi! Ông lừa tôi rồi!” cô hét lên “Không, không phải ba cô đâu. Tôi hứa đấy” người đàn ông nói. “Cứ vào và gặp ông ta đi.”

Hết sức sửng sốt, Tara phát hiện ra đây thật sự là người chú mà cô chưa từng gặp, giống ba cô thật kỳ lạ. “Vì sao ba cháu chưa từng nói cho chúng cháu biết về chú?” Tara hỏi ông.

“Chú trở thành Cơ Đốc nhân vào năm 1952, trước khi bộ luật Sharia có hiệu lực,” chú cô giải thích như vậy, ý muốn nói đến việc quốc gia chấp nhận bộ luật Hồi Giáo. “Hồi đó, cải đạo là chuyện hợp pháp, nhưng không được chấp nhận trong xã hội. Cha cháu đã từ bỏ chú. Từ đó đến nay, chú ở đây là một mục sư. Bây giờ chú thấy Chúa đã gửi cháu đến đây. Đừng lo. Chú sẽ chăm sóc cháu; cháu có thể làm con gái của chú.”

Tara nhẹ nhõm; cô bắt đầu cảm thấy tia hy vọng lớn dần; có lẽ cô có thể định cư ở đây, kiếm công việc làm, và tiếp tục học.

Cô nhanh chóng thấy chú mình là người tử tế, rộng lượng, và cô nhanh chóng yêu mến ngưỡng mộ chú. Chú dành hàng giờ nói với Tara về Cơ Đốc giáo, trả lời mọi thắc mắc của Tara. Chú còn giải thích *Emmanuel* nghĩa là gì. Sau vài tháng sống trong nhà của chú và cùng học với chú, Tara cảm thấy cô hiểu biết vững vàng về Chúa Jêsus là ai, và cuối cùng cô cầu nguyện xin Chúa tha thứ mọi tội của mình, rồi cô đã dâng trọn tấm lòng cho Ngài.

Cuộc tìm kiếm Đức Chúa Trời của Tara đã thành công, nhưng những thử thách của cô chỉ vừa mới bắt đầu...

Rắc rối lại bắt đầu khi một ngày nọ chú của Tara tiếp người anh em họ, anh này nghĩ anh nhận ra Tara. Chú cô trấn an anh ta: “Ồ không, đây chỉ là người bạn đến thăm một lúc thôi.”

Nhưng người anh họ không tin, và khi trở về nhà, anh ta gọi điện cho ba Tara kể lại rằng anh nghĩ cô gái đang ở với người anh em họ của mình chính là Tara.

Chỉ vài ngày sau, khi Tara đang làm việc trong nhà bếp của chú, cô nghe những bước chân vội vã từ phòng trước tiến đến. Tara tiến theo

hương đó và suýt đâm sầm vào chú khi ông đang ào vào nhà bếp, vẫy cánh tay lia lịa: “Ba cháu đấy! Ba đang đến. Cháu phải đi – ngay bây giờ! Đi đi! Đến trang trại những người bạn của chú ở ngoài thành phố, trang trại mà chú đã kể cho cháu nghe đó. Có ít tiền đây; *chạy* ngay bây giờ! Đừng lo. Chú không nói gì cho ba cháu đâu. Vài ngày nữa chú sẽ liên lạc với cháu.”

Ba và anh của Tara đã thật sự ở ngay bậc cửa trước trong khi cô chạy ra cửa sau. Cô không còn thời giờ suy nghĩ, chỉ còn biết chạy trốn. Kích thích tố sợ hãi giúp cô chạy với tốc độ nhanh nhất. Cô sờ soạng trong túi tìm địa chỉ người chú đã bắt cô luôn mang theo bên mình, phòng trường hợp như vừa rồi. Mệt đứt hơi và đau đớn, cuối cùng Tara cũng đi đến đường chính và chậm bước lại thành đi bộ nhanh. Ở góc thị trấn bận rộn này, cô không muốn gây nghi ngờ. Sau khi vẫy taxi, cô uể oải ngồi vào xe rồi nhắm mắt lại. Cô không tin nổi mình lại phải chạy trốn chỉ sau hai tháng ngắn ngủi ở với người chú vừa mới gặp. Nhưng dầu adrenaline sôi trào khi chạy nhanh đến thế khiến tim cô đập loạn lên trong lòng ngực, Tara vẫn thấy cảm giác bình tĩnh lạ kỳ đang dâng lên. Cô thầm cầu nguyện cho ba và anh trai, và cô cầu nguyện để họ sẽ không gây quá nhiều đau đớn cho chú của mình.

Cuối cùng Tara ở lại trang trại mười ngày đang khi mọi chuyện được thu xếp ở thành phố. Cuối cùng chú cũng đến gặp cô, và Tara hăm hở mong trở về nhà với chú. Nhưng khi nhìn thấy nét mặt của chú, tim cô chùng lại. Cô hỏi: “Có chuyện gì không ổn vậy chú?”

“Tara, cháu biết chú thích ở với cháu trong hai tháng vừa qua biết bao,” chú bắt đầu nói, ánh mắt không rời khuôn mặt cô. Chú cảm thấy như Chúa đã ban cho chú đứa con gái mà chú luôn mong mỏi – cả về huyết thống lẫn trong tinh thần. Nhưng cháu không thể trở về với chú. Quá nguy hiểm đi. Chú rất tiếc vì mình phải là người báo tin này cho cháu, nhưng cha cháu bảo cháu phải chết. Ba cháu bảo đây là vấn đề danh dự của ba và của dòng họ.”

Tara biết chú đang nói sự thật. Cô biết ba và các anh trai sẽ không ngừng săn tìm cô – và cô không chút nghi ngờ chuyện sẽ xảy ra nếu họ bắt được cô. Cô thấy những nỗi đau nhói của lòng tự thương hại đang cố làm nhạt nhòa tâm trí cô, nhưng nỗi buồn trong đôi mắt chú cô làm

nhói tim cô, giúp cô thôi chú tâm đến mình để nhìn thấy chú và nỗi khổ não của chú.

“Chú ơi, chú đừng cảm thấy có lỗi,” cô vừa nói vừa nắm chặt tay chú. Cháu là người mới đáng xin lỗi vì đã gây cho chú quá nhiều rắc rối. Cháu cũng biết ơn Chúa đã dẫn cháu đến với chú. Chú đã cho cháu những câu trả lời cháu đang tìm, và giờ đây cháu có sự bình an chưa từng được nếm trước đây. Cháu không bao giờ báo đáp được chú điều đó.”

Thật là cuộc tạm biệt trong nước mắt khi Tara chuẩn bị một lần nữa đi đến một ngôi nhà mới. Chú cô thu xếp để cô sống với một gia đình mà ông quen biết tại thành phố xa xôi. Cô cố giấu chú mình những nỗi lo lắng của mình khi họ chia tay. Những trong lòng, cô tự hỏi bao giờ cô mới thôi chạy trốn...

NGƯỜI TÙ TỊ NẠN

Tara được nghênh đón vào ngôi nhà mới với những vòng tay rộng mở. Gia đình này gồm mục sư tại địa phương, vợ của ông, và ba đứa con trai. Mấy cậu bé lập tức nhận Tara làm người chị mới của chúng. Người con trai cả, là Rubin, đặc biệt ngưỡng mộ Tara vì sự can đảm của cô.

Để bảo vệ cô khỏi cha và các anh trai, là những người vẫn tiếp tục không ngừng rượt đuổi cô, gia đình mới của Tara bảo cô gần như luôn luôn ở trong phòng. Cô ở đó suốt ngày đêm mỗi khi có người đến thăm (vì người chồng và người cha này là một mục sư, nên gần như luôn luôn có người đến thăm).

Phòng của Tara được chia làm hai phần: một phần để ngủ, phần kia để ngồi và học hỏi. Hai phần này cộng lại vẫn chưa được một nửa căn phòng ngủ mà cô đã từng lớn lên trong đó. Tara nhẹ nhõm khi được ở với gia đình mà cô có thể tin cậy, nhưng cảnh giam cầm này làm cô khó chịu. Cô biết mình không chịu đựng thêm được nữa.

“Làm ơn cho tôi ra khỏi phòng đi!” Một sáng nọ Tara nài nỉ như vậy. “Tôi biết ông bà cố giữ cho tôi được an toàn, nhưng tôi cảm thấy như một tù nhân. Đây không phải là cách để sống.”

Mục sư muốn để Tara đi chơi tự do, nhưng ông biết cha và anh trai cô vẫn đang truy tìm cô. Thực ra, họ đã đến lùng sục trong thành phố để hỏi thăm và tiết lộ ý định giết chết cô.

“Tara, chỉ thêm ít lâu nữa thôi, rồi chúng ta sẽ cho con ra mà,” ông bảo cô. “Làm ơn cùng chịu đựng với chúng tôi đi. Vì ích lợi cho cô mà.”

Tara biết mình không còn cách chọn nào khác nữa. Nếu bị bắt gặp giữa chốn công cộng, cô không những gây nguy hiểm cho mình mà còn cho cả gia đình đã nhận nuôi mình nữa. Cô cố gắng tận dụng thì giờ nghiên cứu của mình, nhưng cũng có nhiều ngày cô chỉ biết khóc mà thôi. Căn phòng nhỏ của cô vẫn là nhà của cô suốt cả một năm.

Cuối cùng, một tối nọ, Tara thoáng nghe mục sư đang nói về việc Hội Thánh cần một thư ký mới. Hôm sau khi ông đến phòng của Tara, cô nài nỉ xin nhận việc đó. Cô năn nỉ: “Mục sư ơi, xin cho con nhận công việc này đi! Lâu nay con vẫn đánh máy bài giảng cho ông mà; con biết mình làm được việc đó. Con đến đây cả năm rồi. Chắc chắn cha và anh trai con đã đi nơi khác rồi.”

Mục sư thấy lo về quyết định này, nhưng ông biết không thể giữ Tara trong phòng mãi mãi. Ông đồng ý hỏi mục sư quản nhiệm xem có vui lòng giao cho Tara công việc này không.

Tuần sau, Tara trở thành thư ký của Hội Thánh. Mục sư hướng dẫn: “Tara, nghe thật kỹ đây. Con là cháu gái của ta từ thành phố khác đến thăm. Đừng gọi ta ‘mục sư’ nữa. Từ giờ trở đi, con phải gọi ta là ‘chú,’ và ta sẽ gọi con là ‘Rebecca.’ Đừng kể chuyện của con cho bất kỳ ai. Con hiểu chứ?”

Tara không những hiểu mà còn vui thích nữa.

Cô làm việc rất tuyệt. Cô đã học tiếng Anh, và vị mục sư quản nhiệm, là người Anh, lập tức thấy mến cô. Cô được giao coi sóc các ngân quỹ của Hội Thánh và thậm chí còn bắt đầu dạy lớp Trường Chúa Nhật nữa.

Vị mục sư quản nhiệm, vì biết tình hình trước kia của Tara, cũng cho phép cô chăm sóc từng người một cho những tân tín hữu Hội Giáo âm thầm tin Chúa. Tara bắt đầu cảm thấy công việc này là trọng tâm của chức vụ mình, và cảm tạ Chúa đã cho cô từng trải những thử thách tương tự như những tân tín hữu này, là những người không thể không chịu kích lệ lớn lao bởi lời chứng lạ lùng của cô.

Sáu tháng sau khi bắt đầu công việc mới, Tara đã bí mật chịu báp-têm trong một hồ nước nhỏ dưới tầng hầm của Hội Thánh. Chỉ có gia đình nuôi của cô, mục sư quản nhiệm, và chú của cô được phép dự.

NIỀM SAY MÊ TRUYỀN GIẢNG

Sau hai năm với gia đình mới, Tara được mười tám tuổi và khao khát được đi ra ngoài và phục vụ Chúa nhiều hơn nữa. Cô rất vui sướng với công việc làm thư ký của Hội Thánh, nhưng cô khao khát được truyền giảng Tin Lành. Hầu hết những nhân sự truyền giáo đều được sinh ra trong gia đình Cơ Đốc, nhưng Tara có thể nói chuyện với người Hồi Giáo với tư cách một cựu tín đồ Hồi Giáo. Tara đã sống sót qua cách đối xử tàn nhẫn của cha và anh, và cô đã bị khai trừ khỏi gia đình. Cô có lời làm chứng để chia sẻ, và cô biết người khác sẽ chịu nghe cô.

“Rubin ơi! Cho chị đi với em,” một ngày kia cô năn nỉ cậu con trai cả của mục sư khi anh đang chuẩn bị chuyển đi truyền giảng Tin Lành.

“Không được, chị Tara,” cậu nói, rất ghét phải khước từ cô vì biết cô tha thiết truyền giảng Tin Lành đến mức nào. “Quá nguy hiểm đi. Người ta sẽ mích lòng bởi lời làm chứng của chị rồi báo cáo về chị cho nhà cầm quyền. Em có thể bị bắt, nhưng nếu chị bị bắt, chắc chắn chị sẽ bị giết.”

Rubin đã yêu mến Tara như người chị, và không chịu nổi việc gây tổn hại cho chị. Nhưng cậu biết Tara sẽ khăng khăng đòi đi với mình – và cậu biết đúng. Tara đã có sẵn lý lẽ rồi. “Rubin ơi, điều nào quan trọng hơn đây,” Tara hỏi, “An toàn của chị hay những linh hồn hư mất mà em đang cố gắng đem về cho Chúa?”

Rubin chịu thua, và Tara bắt đầu cùng đi với cậu trong khi cậu dạy cô nghệ thuật truyền giảng Tin Lành.

Hai năm rưỡi trôi qua không gặp rắc rối nào cả. Tara đã ổn định trong nếp sống mới với tư cách cháu của mục sư, và cô đã học xong phần chương trình cao đẳng của mình. Và cô cũng tìm được vai trò mới trong việc thu xếp các lễ báp-têm bí mật cho những người Hồi Giáo và Hindu nay tin Chúa. Hầu hết là kết quả công tác đi truyền giảng của cô và Rubin. Cô cũng giúp phát động chương trình dạy văn hóa và dạy đạo thiếu nhi.

Tara vẫn luôn luôn cảnh giác, nhưng sau toàn bộ thời gian này, cuối cùng cô cảm thấy mình đã ổn định trong nếp sống cách xa khỏi những mối đe dọa từ cha và các anh. Những rắc rối duy nhất của cô ra từ một số thành viên của Hội Thánh không chịu tin Tara là cháu gái của mục sư và những người ganh tị về chức vụ ngày càng phát triển của cô bên

cạnh cấp lãnh đạo của Hội Thánh. Đó là nan đề cô giải quyết được. Nan đề cô không giải quyết được vẫn đang chờ bên ngoài nhà thờ vào một buổi chiều Chúa nhật đẹp trời nọ khi Tara bước ra ngoài cửa.

LẠI CHẠY TRỐN

Tara nhận ra anh ta ngay lập tức; anh là anh họ của mình. Mọi cơ bắp trong người cô căng lên khi chàng trai cố gắng nhìn chăm chăm vào mắt cô, nhưng Tara cương quyết đi vượt ngang qua anh mà không tỏ ra dấu hiệu nào cho thấy mình biết anh là ai.

“Khoan đã! Tôi muốn nói chuyện với chị,” anh ta gọi với theo cô.

Qua giọng nói của anh, Tara biết anh chưa biết chắc lắm cô là ai. Cô đã bỏ đi hơn bốn năm và đã thay đổi đáng kể. Cô chỉ việc phớt lờ yêu cầu của anh ta như thể không nghe thấy và cứ tiếp tục đi vượt qua anh. Thế rồi cô nghe chữ mà cô sợ nhất...

“Tara!”

Tara quay lại và trả lời với vẻ lịch sự gượng gạo: “Ồ xin chào. Anh đang gọi tôi à? Tên tôi là Rebecca. Tôi không nghĩ mình biết anh. Tôi hy vọng anh sẽ xin lỗi tôi; tôi đang rất vội.”

Nếu nét mặt Tara không phản bội cô, thì giọng nói cô đã tiết lộ. Cô biết anh họ mình đã tìm được điều anh đang tìm. Giờ đây, chỉ còn vài giờ là cha và anh trai cô xuất hiện thôi. Cô cảm thấy trong lòng kinh hoảng khi cô vội đi tiếp và cố biến mất giữa dòng người thưa thớt đang qua lại. Tim cô đập rộn lên đến độ cô nghĩ nó sẽ vỡ tung trong lồng ngực mất. Trên đường phố đông người, Tara vẫy chiếc taxi. “Cho tôi đến phi trường.” Cô có tiền trong ví, nhưng không biết mình sẽ đi đâu. Một lần nữa, cô đang phải chạy trốn mà không còn phương án nào khác; cô chỉ muốn chạy trốn trước khi anh trai hoặc cha tìm ra mình. Tại phi trường, cô dò bảng thông báo các chuyến bay đi đến nơi khác, hết sức cố gắng xác định xem phải đi đâu. Cuối cùng cô bay đến một thành phố ở phía đông của đất nước; cô nghĩ tại đó sẽ hết gặp nguy hiểm, ít nhất là trong lúc này. Xuống phi trường, cô không biết phải đi đâu, và cuối cùng phải ở một đêm dài đằng đẳng và rất gay go ở phi trường. Cô đã gọi điện cho Rubin để gia đình ba mẹ nuôi cô không lo lắng. Nhưng ngoài chuyện đó, cô chỉ còn nước ngồi một mình với những suy nghĩ và ký ức, cố trấn bằng lời cầu nguyện thầm. Cô phải

cưỡng lại nổi thôi thúc buộc mình hỏi Chúa: “Vì sao lại là con?” Nhưng cô đã mệt mỏi chán ngán kiểu sống như một người tị nạn, không biết liệu mình còn được sống trong cảm giác an toàn và yên ổn không.

Ngày hôm sau, kiệt sức và chẳng còn chút cảm xúc nào, Tara quay trở về với gia đình nuôi của mình. Cô cảm thấy buồn cho họ. Họ dành cho cô rất nhiều tình yêu và nâng đỡ, và vì giúp cô mà họ đã đẩy chính bản thân và cả cộng đồng Hội Thánh vào chỗ lâm nguy. Giờ đây, Rubin kể cho cô biết anh đang kiếm cho cô một visa để có thể rời đất nước này. Tara rất sợ nhưng cũng thấy có phần nhẹ nhõm khi nghĩ đến chuyện ra đi. Ít ra tại đất nước khác, cô không phải mang gánh nặng là đẩy các bạn thân của mình vào rắc rối. Và không chỉ là các bạn thân của cô. Cô biết nếu mình bị bắt, chính quyền có thể sử dụng toàn bộ biến cố này để tạo nên tai tiếng khổng lồ cho toàn bộ cộng đồng Cơ Đốc tại Pakistan. Đúng vậy, sẽ tốt nhất nếu cô ra đi.

Tara nghĩ nếu cứ ẩn mình ít lâu thì sẽ an toàn. Nhưng có hai tín hữu trong Hội Thánh ghen tị với sự chú ý Tara đón nhận được từ gia đình vị mục sư, nên họ quyết định ra tay. Họ gọi điện cho CID, sở mật vụ Pakistan, báo rằng có một thanh nữ trong Hội Thánh đang tích cực truyền giảng Tin Lành.

ĐỨA CON GÁI BỘI ĐẠO

Tara được mời đến văn phòng CID, tại đó được biết cơ quan này sẽ mở hồ sơ và thu thập thông tin để xét xem những luận điệu kia có đúng không. Các nhân viên mật vụ cũng muốn liên lạc với gia đình cô. Tara không tin nổi, cô trốn thoát biết bao lần để rồi rốt cuộc bị nộp bởi một trong những tín hữu của Hội Thánh. Cô biết hầu hết các thuộc viên trong hội chúng đều tốt bụng, và cô hiểu cần phải giữ yên lặng về quá khứ của mình. Nhưng chỉ cần một hoặc hai người cũng đủ làm dậy sóng ba đào. Giờ đây cô cảm thấy mình đang mắc phải sóng ngầm kéo cô xuống sâu đến nỗi không bao giờ hồi tỉnh được nữa.

Tara kêu cầu Chúa cứu cô một lần nữa. Chữ *Emmanuên* lại đến trong đầu. Giờ đây cô biết chữ này có nghĩa Đức Chúa Trời ở cùng cô, và nghĩ đến đó là đủ rồi. Cô tin nếu Chúa có thể khiến con cá mưa Giônã trên bờ biển, Ngài cũng có thể đưa Tara ra khỏi miệng của CID.

Nhưng không dễ. CID tịch thu hộ chiếu của Tara và tiếp tục thẩm vấn và điền vào các đơn khai. Rubin thường ở với cô và cố gắng thuyết phục CID rằng cô là chị của mình, nhưng họ không chấp nhận. Tên trên hộ chiếu không khớp. Hộ chiếu của Tara cũng xác định cô là người Hồi Giáo. Vậy cô đang làm gì với một gia đình Cơ Đốc?

Sau khi mất cả ngày trốn trong phòng giam giữ của CID, Tara được phép trở về nhà – nhưng chỉ sau khi được cảnh báo không được phép rời thành phố. Cơ quan này sẽ liên lạc với cô ngay. Tara cần một dấu hiệu từ Chúa, cần điều gì đó để bám chặt vào. Giờ đây cô không còn hộ chiếu, và vấn đề chỉ là thời gian trước khi CID liên hệ cô về với gia đình thật của cô – bước ngoặt trong các biến cố sẽ là lúc kết thúc đời cô. Đôi khi cô tự hỏi xem cha cô sẽ dùng cách nào để giết chết cô...

Trên đường ra khỏi cửa của văn phòng CID, một sĩ quan nói thầm với Tara. Ông biết gia đình cô, nhưng không lên tiếng, vì biết cô đang gặp nguy hiểm. Ông bảo: “Nghe tôi nói đây, tôi là bạn của một trong những anh họ cô. Tôi biết cô là ai. Cô phải rời khỏi đất nước này càng nhanh càng tốt. Không phải chỉ một mình cô gặp nguy hiểm đâu.”

Tara kinh ngạc nhưng cũng thấy nhẹ nhõm. Quả là phép lạ khi nhân viên CID không giao nộp cô. Nhưng ông không những giữ bí mật cho cô, mà còn khẳng định việc cô phải làm ngay bây giờ. Cô phải rời khỏi Pakistan. Nhưng bằng cách nào? Cô không có hộ chiếu. Và dù có đi nữa, cô sẽ đi đâu?

Rubin lập tức đi hết tòa đại sứ ngoại quốc này đến tòa đại sứ khác cố tìm cho cô giấy phép thị thực nhập cảnh. Anh liên tiếp bị từ khước. Các tòa đại sứ nói cô phải có mối liên lạc tại đất nước của họ, một người nào đó có thể bảo trợ cho cô. Cuối cùng, một quốc gia tại Trung Đông đề nghị cấp một thị thực trong ba tháng với giá một ngàn dollars Mỹ. Tara không phấn khởi gì về chuyện đến một đất nước Hồi Giáo khác, nhưng một lần nữa, cô chẳng còn phương án nào khác. Ngay ngày trả tiền, cô biết CID đang chuẩn bị lệnh bắt cô. Các nhân viên của cơ quan này phát hiện ra cô đang thu xếp lễ báp-têm cho những người Hồi Giáo đã cải đạo và chính cô đã từ Hồi Giáo cải đạo sang Cơ Đốc giáo. Cô đã bị gọi là kẻ bội đạo. Tara cũng biết ba mẹ cô đã lập hồ sơ tố giác cô nữa. Họ khẳng định sự cải đạo của cô, và theo đúng luật Hồi Giáo, họ đã đích thân đề nghị cho cô bị treo cổ.

Chìm vào tuyệt vọng càng sâu hơn nữa, Tara bắt đầu nhốt mình trong phòng suốt mấy ngày. Cô chờ ngày nào đó gia đình sẽ đến bắt và giết cô. Tệ hơn nữa, có lẽ họ cũng giết cả gia đình mới của cô nữa. Và đấy chỉ vì chính cô. Những lời của cô càng ngắn hơn nhưng luôn luôn chứa đựng tiếng kêu cầu tha thiết xin Chúa đừng lìa bỏ cô, xin Chúa là Emmanuel của cô, cho dù đang lúc cô đứng trước nút dây thừng.

“ĐỨC CHÚA TRỜI CHẮC PHẢI CÓ CÔNG VIỆC RẤT LỚN DÀNH CHO CHỊ ĐÓ!”

Trong khi Tara mất dần hy vọng, Rubin đang bận rộn cố tìm hộ chiếu mới và giấy tờ tùy thân kèm với giấy thị thực mà họ đã có. Anh bảo Tara hớt tóc ngắn, mang kính râm để chụp hình, và anh có giấy chứng nhận giả mạo rằng cô đang bệnh rất nặng không thể đến văn phòng chính quyền để nhận giấy tờ. Vào Chúa Nhật Phục Sinh năm 1996, Rubin bước vào phòng Tara mang theo tin mừng: “Tara, em đã có mọi giấy tờ du lịch của chị rồi đây. Chúc mừng Phục Sinh!”

Tara thốt lên: “Chị không tin nổi nữa! Làm sao em kiếm được? Em tốn mất bao nhiêu?”

“Đừng lo,” cậu trả lời, nụ cười rộng đến mang tai. “Em đã kể với chị rằng Chúa sẽ lo liệu xong. Ngài không đưa chị ra đến tận đây để rồi giao nộp cho CID. Ngài chắc phải có công việc rất lớn dành cho chị đó, Tara ạ, khi tính đến mọi hoạn nạn mà chị đã trải qua.” Nụ cười rạng rỡ của cậu cho biết cậu rất sung sướng được trở thành một phần trong “hoạn nạn” đó. Tara thấy mình thật nhỏ bé trước đức tin và lòng bền đỗ của cậu. Còn hơn cả một người em; cậu là người bạn trong lúc cần, và không bao giờ làm cô thất vọng. Nghĩ đến đó. Tara lại thấy thoáng buồn, nỗi buồn vì phải rời khỏi gia đình Cơ Đốc của mình và mọi dự án của Hội Thánh mà trước đây cô đã có thể góp phần.

Cô nói: “Chị muốn yêu cầu thêm một điều nữa trước khi ra đi. Chị muốn dự phần vào lễ báp-têm mà chúng mình đã dự định cho những tân tín hữu.”

Rubin sắp nói không, nhưng sự thực là anh quá mệt mỏi không còn muốn tranh cãi với Tara. Và anh biết ai sẽ thắng. “Được rồi,” anh nói, nhún vai mỉm cười, “Nhưng chị phải ra đi lập tức sau buổi lễ.”

Tối hôm sau, Tara dự buổi lễ báp-têm bí mật này. Cô biết từng người một trong sáu tân tín hữu ấy, và mỗi người đều biết câu chuyện lạ lùng của Tara. Tara biết mình có thể tin cậy họ. Hết thấy họ đều cùng cảnh ngộ.

Một số tân tín hữu này đến từ Pakistan, nhưng hầu hết đến từ nhiều nước khác. Một người từ Trung Quốc, một người từ Afghanistan, và hai người từ Iran và Iraq. Tân tín hữu đi từ các nước khác băng qua Pakistan chẳng phải là chuyện lạ.

Tara thật sửng sốt vì cách Chúa sử dụng cô. Ngày mai cô rời đất nước này vì đức tin của mình trong khi những người khác lại đến đất nước của cô và tìm thấy đức tin nơi đó. Và hầu hết những Cơ Đốc nhân trong cộng đồng của cô, kể cả những người ở trong chính Hội Thánh của cô, thậm chí không bao giờ biết được điều gì đang diễn ra. Thật khó để tin cậy những người bám quá chặt vào sự an toàn của chính họ.

LẠI BỊ PHẢN BỘI

Tara rời khỏi những thách thức của Pakistan để rồi rớt cuộc bị đẩy vào một loạt thử thách hoạn nạn mới. Trong lúc này, cô được thoát khỏi cảnh truy đuổi của gia đình, nhưng phải cẩn thận để không lộ tông tích của mình. Ngay cả tại nước khác, vẫn luôn có nguy cơ bị bắt giữ bởi cảnh sát Hồi Giáo và trục xuất về Pakistan. Nếu mà về đến Pakistan, cô sẽ bị nộp ngay vào tay của ba cô. Số phận của cô sẽ bị đóng ấn.

Tara cũng gặp thách thức khác. Trong thế giới Hồi Giáo, phụ nữ phải lập gia đình trước tuổi hai lăm. Nếu không, cô sẽ bị xem là một kỳ nữ và thường bị bắt giữ, bị cải tạo, và bị chỉ định nhận một cuộc hôn nhân xếp đặt trước. Tara không muốn kết hôn, ít nhất cũng không muốn trong lúc đời sống cô đang lộn xộn thế này, và chắc chắn cô không muốn cuộc hôn nhân do các quan chức Hồi Giáo sắp xếp. Và trên hết, giờ đây cô không có sự nâng đỡ từ gia đình đã nhận nuôi mình và chỉ có giấy thị thực trong ba tháng.

Cô nhanh chóng nhận thấy chăm chú vào thực trạng của hoàn cảnh mình chỉ càng phá hủy hy vọng cô đang có. *Tôi đã mất mọi sự*, cô cứ nhắc nhở mình như thế, *nhưng tôi đã tìm được Đức Chúa Trời – một mất mát nhỏ so với một khám phá vĩ đại đến thế. Emmanuel – Đức*

Chúa Trời ở với tôi. Còn ai có thể chống tôi được? Tôi được lợi còn nhiều hơn những thứ mình từng bị mất. Emmanuên. Đức Chúa Trời ở với tôi. Câu này trở thành lời cầu nguyện của cô, lời cầu nguyện đã đưa cô vào địa ngục rồi trở lại – không phải chỉ một lần...

Rubin sắp xếp cho cô nhận công việc bán thời gian làm thư ký Hội Thánh tại đất nước mới, nhưng hầu như không đủ tiền để mua thức ăn, chứ đừng nói đến thuê nhà. Cô cũng đi phụ bếp bán thời gian cho vợ của mục sư, người nói về nữ trang và thời trang nhiều hơn về Đấng Christ. Tara bắt đầu thắc mắc liệu đây có phải là đạo mà cô đã liều cả mạng sống mình để đổi lấy, và một lần nữa, cô ngày càng bất an. Giờ đây cô thấy mình tranh chiến với buồn nản đang khi tuyệt vọng gặm nhấm tâm hồn cô đau nhói.

Cuối cùng cô tìm được việc làm khác, làm người thiết kế mẫu áo quần và đủ tư cách nộp đơn xin giấy phép thường trú trong ba năm. Giải quyết được nan đề rồi, nhưng còn một nan đề lớn hơn sắp đến.

Khi kiếm được giấy phép thường trú tại đất nước mới, Tara bắt đầu tình nguyện tham gia những chuyến đi ra truyền giảng của Hội Thánh. Tara rất dễ kết bạn mới; nhưng để biết được ai là người đáng tin cậy thì khó khăn hơn.

Dầu hồi ấy Tara chưa nhận ra, nhưng có một người bạn mới của cô là một ông đã làm việc cho tạp chí Cơ Đốc tiếng Pakistan. Từ những mối liên hệ ông đã có tại Pakistan, ông biết Tara không phải là người mà cô đã tuyên bố. Vì muốn “biết câu chuyện,” một ngày kia ông đến gặp Tara sau buổi nhóm của Hội Thánh. Ông ta nói: “Tara ơi, tôi biết chắc rất khó cho cô ở đây tại một đất nước xa lạ, với thứ ngôn ngữ mới và không có gia đình. Sao cô không đến nhà chúng tôi để tương giao với nhau và dự một bữa ăn ấm cúng? Hãy để chúng tôi giúp cô.”

Tara đồng ý. Cô tự bảo: *Kết bạn mới sẽ tuyệt lắm.*

Đối với vài lần ghé thăm đầu tiên, phóng viên này làm đúng như lời đã nói. Anh mời Tara và vài Cơ Đốc nhân khác trạc tuổi cô đến nhà cùng ăn trưa và tương giao với nhau. Tuy nhiên, mỗi lần đến thăm, phóng viên bắt đầu hỏi thêm Tara nhiều câu – những câu cụ thể – về quá khứ của cô.

“Xin lỗi, tốt hơn tôi không nên nói về chính mình,” cô lịch sự trả lời, không muốn làm mích lòng người bạn mới của mình. Lần mời kế tiếp, Tara từ chối.

Không dễ dàng bỏ cuộc, qua ngày sau phóng viên này gọi điện thoại cho Tara. “Này Tara, tôi biết cô gặp nhiều khó khăn về tài chánh tại đây, và các bạn tôi cùng với tôi thật sự muốn giúp cô,” anh bảo cô như vậy. “Mời cô đến và làm chứng cho chúng tôi, chúng tôi sẽ vận động một số tài chánh cho cô. Chúng tôi là bạn cô. Cô có thể tin cậy chúng tôi.”

Tara miễn cưỡng đồng ý. Lúc đó, những Cơ Đốc nhân duy nhất thực sự biết trọn câu chuyện của cô chính là gia đình đã nhận nuôi cô tại Pakistan. Cô lâu nay rất cẩn thận không để ai biết mình là ai. Giữ kín tông tích của mình là vấn đề sống chết.

Một tháng trôi qua, và Tara có nhiều cuộc phỏng vấn với các phóng viên khác. Mỗi lần, những người phỏng vấn cô đều bày tỏ lòng thương xót và hứa thực hiện những điều họ có thể làm để giúp cô. Một tháng trôi qua với ngày càng nhiều cuộc phỏng vấn hơn, nhiều nước mắt hơn, nhưng vẫn không có tiền. Tara bắt đầu thắc mắc có chuyện gì diễn ra đây. Cuối cùng, một ngày kia có một cô gọi điện đến hỏi Tara xem cô đang nhận mỗi tháng bao nhiêu tiền từ ngân hàng.

“Bà đang nói gì vậy? Tôi đâu có tài khoản trong ngân hàng. Và ngân hàng đương nhiên không gửi tiền cho tôi. Vì sao ngân hàng lại gửi kia chứ?” Tara hỏi bà ấy.

“Ồ, chắc có gì nhầm lẫn đây,” bà nọ trả lời. “Người ta đang gửi tiền vào tài khoản này, tin rằng đây là tài khoản dành cho cô. Từ những gì tôi hiểu, tài khoản ấy đã có một khoản tiền khá lớn.”

Tara đã bị lợi dụng; cô đã xác nhận một sự thực kinh khủng. Công chuyện làm ăn đã được thiết lập, và nhiều người đang thu lợi nhuận từ lời chứng của cô. Chẳng lâu sau đó, cô nhìn thấy tạp chí. Câu chuyện ngoài bìa thuật lại một cô gái Hồi Giáo trẻ tuổi thiếu niên đã tìm thấy Đấng Christ cách kỳ diệu và đang chạy trốn khỏi gia đình mình, là những người đang muốn giết chết cô. Câu chuyện đăng tên của cô! Tara không tin nổi mắt mình nữa.

Cô há hốc: “Làm sao có chuyện này xảy ra vậy?” Và quan trọng hơn nữa, cô lo lắng: “Tôi làm thế nào để ngăn gia đình phát hiện ra mình đây?”

Tara đã bị dồn đến tận cùng. Cô tự hỏi không biết mình còn chịu nổi thêm bao nhiêu cảnh lừa gạt và ngón bịp thế này nữa, thì một người đàn ông khác trong nhà thờ bắt kịp cô sau khi cô nhóm buổi sáng Chúa nhật ra về. Cũng cùng câu chuyện: “Hãy chia sẻ cho chúng tôi nghe lời chứng của cô,” ông ta bảo thế, “để chúng tôi có thể vận động tiền để giúp cô.” Nhưng ông này nêu lời yêu cầu với ý quanh co. Ông nói ông nghĩ Tara rất đẹp, và ông nghi chắc hẳn cô rất cô đơn.

Thế đấy. Tara rút tay lại và vả vào mặt ông nọ. Cô trách ông: “Ông đã có vợ và con gái rồi! Ông là một Cơ Đốc nhân! Làm sao ông lại cư xử như thế?”

Ông ta hoàn toàn sững sốt trước sự tấn công của Tara. Ông lấy tay xoa bên má giờ đây đang đỏ dần lên và lầm bầm: “Cô sẽ phải trả giá cho chuyện này.” Ông ta không dám làm lớn chuyện vì có nhiều người đang đi trên đường cách đó không xa.

“Tốt thôi,” Tara trả lời, vẫn còn giận sôi lên trước lời đề nghị của ông ta. “Ông cứ nói cho biết tôi phải trả bao nhiêu, thì tôi sẽ trả. Chỉ có điều là tránh xa tôi ra!”

Nạn đề duy nhất là: ông ta không nghĩ đến tiền.

Ba đêm sau, một cục gạch quăng vào cửa sổ căn hộ nhỏ của Tara. Cô nghe tiếng những người đàn ông la hét trên đường phố bên dưới, nhưng không biết họ đang nói gì, vì họ đang nói thứ tiếng Ả rập trọ trọ mà cô không hiểu được. Cô ghé mắt nhìn qua màn cửa thì thấy những người đàn ông kia nhặt thêm đá dưới đường. Họ ném đá vào cửa sổ của cô lần nữa, làm bể tung mọi mảnh kính nào vẫn còn dính trên khung. Giờ đây cô hiểu ra vài lời họ đang nói: “Một tên Hồi Giáo... giờ đây là Cơ Đốc nhân! Một kẻ bội đạo! Cảnh sát đâu! Gọi cho cảnh sát...”

Cô vẫn đứng đằng sau màn nhìn ghé mắt ra lần nữa đúng lúc nhìn thấy những người đàn ông kia nhảy vào taxi và chạy mất. Cô đã nhận ra hai người trong bọn họ. Đó là những người bạn của người đàn ông bị cô vả vào mặt hôm nọ.

Tara cầu nguyện để những lời đe dọa gọi cảnh sát của họ chỉ là những lời dọa nạt, một nỗ lực để dọa cô sợ. Ô, nếu đó chỉ là lời dọa dạt

thôi, nó cũng đủ dư tác dụng rồi. Cô rất sợ. Nhưng đó không phải là lời dọa nạt. Vài giờ sau, cảnh sát đến bên cửa hỏi xem chuyện gì xảy ra. Họ bảo Tara đến đồn cảnh sát.

TRAO HẾT MỌI ĐIỀU CHO ĐỨC CHÚA TRỜI

“Chúng tôi nghe báo cô là người Hồi Giáo và cô đã cải đạo Cơ Đốc – và cô cũng còn sống độc thân,” những câu hỏi phỏng vấn bắt đầu. Tara biết cảnh sát có thể dễ dàng truy ra từ cô đến cha cô ở Pakistan và truy cập hồ sơ về cô tại đó. Cô trả lời những câu ngắn, khó hiểu và khó nắm bắt, lập lại một chữ duy nhất cho chính mình nghe giữa mỗi câu hỏi: *Emmanuên*.

Vài giờ sau, cảnh sát thả cô ra nhưng hứa sẽ theo dõi cô. Họ cứ hỏi mãi vì sao cô chưa kết hôn, và họ quyết ý đề nghị cô tìm chồng. Thậm chí họ còn gợi ý một người đàn ông nọ mà họ biết sẽ chịu cưới cô.

Kỳ lạ thay, Tara nhanh chóng từ một nạn nhân có căn hộ bị tấn công trở thành một người bị lên án. Đây là “những quyền lợi” của một Cơ Đốc nhân tại xứ sở Hồi Giáo.

NGƯỜI CHỒNG CHO TARA

Bốn tháng kế tiếp trôi qua mà không gặp vụ nào lớn. Tara là người thiết kế mẫu quần áo thật xuất sắc, và ngày càng hoạt động tích cực trong các chương trình của Hội Thánh. Cô cũng có thể giúp những người Hồi Giáo khác mới trở lại tin Chúa nay đang chạy trốn, một công việc thích hợp cho Tara, người đã hơn mười năm kinh nghiệm thực tế trong lãnh vực này. Tuy vậy, cô biết người đàn ông bị cô vả vẫn chưa thỏa lòng với cách giải quyết những nan đề đầu tiên mà ông đã khơi dậy. Ông còn muốn nhiều hơn nữa. Tara có thể nói như vậy qua cách ông ta nhìn mình. Ông ta quyết định một là có Tara, hai là tiêu diệt cô.

Cả hai đều không phải là phương án lựa chọn cho Tara.

Tara đang ngồi trong căn hộ thì chuông điện thoại reo. Cũng chính ông ta, và ông ta có tin muốn báo. Ông hãnh diện tuyên bố rằng đã viết một bài báo và đã dán bản tin trên bảng thông tin của Hội Thánh. Bản tin tuyên bố Tara là một gái điếm. Đó là lý do cô mặc áo quần đẹp đến thế và vẫn sống độc thân. Ông ta mời cô đến xem tác phẩm của mình.

Tức giận, Tara đập điện thoại. Ông ta sẽ không bỏ cuộc đâu. Thực sự cô không lo Hội Thánh sẽ nghĩ gì. Những người đã biết cô sẽ biết sự thật thôi. Cô không thể kết hôn vì cô đang ở trong nguy hiểm không ngừng; áo quần đẹp là những hàng mẫu từ những thiết kế của chính cô. Nan đề thực sự chính là với cảnh sát; chỉ còn là vấn đề thời gian để người ta báo tin này đến họ thôi. Về cơ bản họ đã bảo cô phải lập gia đình, và bản tin này chỉ càng làm mạnh thêm quan điểm của họ. Khi họ phát hiện ra, cô sẽ bị triệu đến.

Một tuần sau, những lo sợ của Tara đã thành hiện thực. Cô bị đưa vào một trại tập trung của Hồi Giáo, nơi đó cô sẽ được giáo dục lại theo giáo lý Hồi Giáo và cuối cùng cưới một ông chồng Hồi Giáo. Bị nhốt trong căn phòng nhỏ, Tara yên lặng cầu nguyện. Cô không biết mình sẽ xoay sở thế nào để ra khỏi trại tập trung này mà không phải đồng ý cưới chồng. Giờ đây, dường như mọi thứ đều đã đi trọn chu kỳ của nó. Cha cô muốn cô cưới chồng và muốn giết cô nếu cô từ chối. Cũng chẳng khác mấy so với trại tập trung này. Nếu không thể “phục hồi” Tara, cô sẽ bị trả về cho cha mẹ tại Pakistan. Nhưng Tara đã khước từ kế hoạch của ba cô dành cho cô, và cô sẽ không nhượng bộ những viên chức tại trung tâm này. Chẳng còn phương án nào khác, cô đã cầu nguyện, trao phó toàn bộ chuyện này cho Đức Chúa Trời.

Gần ba tháng trôi qua. Mỗi ngày Tara đều phải học nhiều bài về Kinh Koran. Khi không ở trong lớp, cô là tù nhân trong chính căn phòng của mình. Cuối cùng, một ngày nọ, một nhân viên đã phá tan sự đơn điệu này khi tuyên bố: “Tara, cô có khách đến thăm.”

“Làm sao tôi có khách được? Thậm chí còn không ai biết tôi đang ở đây nữa kia.”

“Ông ta bảo muốn nói chuyện với cô. Tôi nghĩ nếu cô đi với ông ta thì tốt đấy.”

“Đi với ông ta?” Tara hỏi lại. “Thậm chí tôi còn không biết người này, vậy mà ông lại đưa tôi đi với ông ta sao?” Tara bực bội ra mặt, tin đây là một mưu kế nữa để bắt cô cưới chồng. Tuy nhiên, ông này hứa sẽ đưa cô về lại sau bữa ăn trưa. Tara không vui lắm với ý kiến này, dầu vậy ra khỏi phòng cũng tốt. Cô quyết định sẽ đi, nhưng sẽ làm ngơ ông kia trong suốt bữa ăn trưa.

Người đàn ông trạc tuổi Tara, đẹp trai, và giọng nói nhỏ nhẹ, dịu dàng. Anh nói với cô: “Tara, tôi biết cô là ai. Tôi biết về cô từ một người bạn Hồi Giáo.” Tara cố làm ngơ anh ta. Nhưng anh ta càng nói, anh càng làm cô chú ý.

“Tôi cũng là một Cơ Đốc nhân,” anh ta nói với giọng trầm trầm, êm dịu. “Nhưng không ai biết cả. Tôi đã trốn khỏi Pakistan giống y như cô vậy. Thực ra, tôi cũng xuất thân từ cùng thành phố với cô. Tôi cũng biết trung tâm này đã thu xếp cho cô cưới một người đàn ông Hồi Giáo đã có ba vợ rồi.”

Tara rùng mình. Cô đã nghe nói về kế hoạch này rồi. Cô cố hành động như thể hoàn toàn không quan tâm lời người đàn ông này đang nói, và cô hầu như thành công, cho đến khi anh ta bảo cô: “Nếu cô từ chối, cô sẽ bị trục xuất trở về Pakistan – trở về với cha cô.”

Tara không biết phải tin vào đâu nữa. Làm sao trung tâm này thu xếp cho một chàng trai độc thân Cơ Đốc từ chính thành phố quê hương của cô đến gặp cô?”

“Vậy anh muốn gì?” Cuối cùng Tara hỏi.

“Tôi muốn cưới cô,” anh ta nói như vậy.

MỘT PHÉP LẠ ĐÍCH THỰC

Khi Tara trở về trại tập trung, ba chức viên đã chờ sẵn. Một người nói: “Chúng tôi đã quyết định rồi Tara ạ. Cô sẽ cưới Zahid. Ông ta có ba vợ rồi, và cũng chịu thêm cưới cô nữa. Ông là người đàn ông tốt. Chúng tôi đã thu xếp cả rồi. Cô không phải lo gì cả. Nhưng nếu cô từ chối, cô sẽ bị trục xuất trở về Pakistan.”

Thế đấy: giây phút quyết định đây. Cô đã không trả lời buổi hẹn hò trong bữa cơm trưa khi anh ta cầu hôn cô. Điều đó vượt quá sức hiểu của cô. Mọi chuyện diễn ra quá nhanh, và cô cần thời gian suy nghĩ. Thời gian để cầu nguyện. Cô mong ước được nói chuyện với gia đình đã nhận nuôi mình – với bất kỳ ai biết toàn bộ câu chuyện, ai có thể cho cô một lời khuyên.

“Tôi sẽ không cưới Zahid đâu,” Tara trả lời trước sự ngạc nhiên của các nhân viên.

“Vậy cô có thể gói ghém đồ đạc. Cô sẽ trở về Pakistan.”

“Tôi sẽ dọn đồ, nhưng vì một lý do khác. Tôi sẽ cưới chồng. Có điều không phải cưới Zahid. Tôi sẽ cưới người đàn ông đã đưa tôi đi ăn trưa,” Tara trả lời.

Các nhân viên ngạc nhiên nhưng đồng ý. Bất cứ chuyện gì để bắt phục và kiểm soát cô gái trẻ này đều được cả.

Tara tiếp xúc với chàng trai đã ăn trưa cùng với cô và cho anh biết tin. Cô sẽ cưới anh. Cô vẫn không biết chắc động cơ của anh có thật không, vì vậy vẫn là liều lĩnh. Tuy nhiên, liều lĩnh không lớn như cưới Zahid. Cô đã biết anh ta đứng ở đâu.

Đã có quyết định rồi, Tara lại kêu cầu với Emmanuên, Đức Chúa Trời là Đấng đã đưa cô đến tận mức độ này. Cô gần hai mươi bảy tuổi, và vẫn chạy trốn suốt hơn mười năm. Nếu người chồng tương lai của cô lừa cô, cô biết những nan đề mình sẽ phải đối diện. Nhưng nếu anh thành thật, anh quả là một phép lạ đích thật. Anh sẽ giải thoát cô khỏi trại tập trung và những tiếng đồn liên tục về nạn mãi dâm của cô. Thậm chí cô còn có người giúp chăm sóc cho những người âm thầm từ Hồi Giáo trở về tin Chúa Jêsus. Nhưng liệu có phải cô chỉ đang tự thu xếp cho mình thêm một cú vấp ngã tiếp nữa không? Quá nhiều rắc rối mắc ngón ngang.

Cuối cùng, Tara nhớ lại lời cầu nguyện cô đã dâng lên khi bước vào trại tập trung này. Lúc đó cô đã trao phó toàn bộ mọi việc cho Chúa. Và bây giờ cô cũng làm như vậy lần nữa. Giờ đây mọi sự đã ra ngoài tầm tay với. Cô cầu nguyện: “Lạy Emmanuên, Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta, nguyện Ngài ở với cả hai chúng con.”

ĐOẠN KẾT

Người chồng Tara đã cưới hóa ra là một phép lạ đích thực. Là một Cơ Đốc nhân tận tụy, anh đã phục vụ Chúa bên cạnh Tara trong chức vụ tiếp sau đó cho những người từ Hồi Giáo cải đạo sang Cơ Đốc giáo.

Giờ đây anh và Tara có đứa con trai nhỏ, là James, và họ vẫn đang chạy trốn. Cô và chồng liên tục bị các nhân viên chăm chú theo dõi. Cô thường xuyên bị mời đến thẩm vấn về những hoạt động của cô. Các nhân viên có thể hỏi: “Ai đến ăn trưa?” “Vì sao tối hôm qua chị kia ở nhà cô?” “Vì sao cô đi vắng suốt bốn giờ ngày hôm nay?”

Đối với Tara, cuộc đời là trò chơi mèo vờn chuột không ngừng.

Những thách thức lớn nhất của cô có lẽ vẫn còn phía trước. Vài năm nữa, khi con trai cô đủ lớn để nói được, chắc chắn nó cũng bị các nhân viên Hội Giáo hỏi cung. Một thách thức khác nữa rất gần trong tầm tay. Chỉ vài tháng trước khi được *Nữ Anh Hùng Đức Tin* phỏng vấn, Tara bị điểm mặt bởi một trong những người anh họ được thuê đi tìm cô để có thể giao nộp cô về cho cha cô để “công lý” được thi hành.

Để bảo vệ Tara, không thể nói gì thêm về nơi cô đang sống, không thể nêu thêm chi tiết nào về những hoạt động Cơ Đốc của cô. Nhưng chắc chắn một điều: Cô sống trong thế giới cách xa hầu hết các Cơ Đốc nhân. Đối với phần lớn ngay cả những người trong Hội Thánh của cô, họ vẫn không biết cuộc đời của cô là một người Hội Giáo đã cải đạo, về những nguy hiểm liêu linh cô đối diện mỗi ngày. Có lẽ họ không thể hiểu hết. Có lẽ đó là lý do Đức Chúa Trời cần những người như Tara, người có thể thấp sáng con đường cho những người con trai con gái “bội đạo” khác đi theo.

LING:

Trong Trông Chou K hoả

Trung Hoa
1973

Cô bé Ling chín tuổi đi ra khỏi làng suốt buổi sáng cùng với chị của cô, đi xin lương thực. Cả hai đang nghỉ dưới gốc cây ginkgo thật lớn tỏa bóng trên lều của chúng thì mẹ gọi Ling. Mẹ bảo: “Ling, đến đây nhanh lên. Ba muốn gặp con.”

Cô và các chị em sống hầu hết thời gian ở ngoài chiếc lều bằng lá và tre chật ních người mà gia đình họ gọi là nhà. Hầu hết những lúc đó, chúng hoặc đi bới rác tìm than từ xưởng sắt gần đó; chúng đem than về cho ba mẹ để bán hoặc nấu nướng. Theo Ling biết, gia đình cô luôn luôn nghèo cùng cực, nhưng những chuyện mới xảy ra gần đây lại càng tệ hại hơn. Sức khỏe kém của ba đang suy giảm thật nhanh, và Ling lo lắng về những điều tương lai sẽ đem đến – và về mẹ nữa.

“Ling ơi, đừng để ba chờ,” giọng mệt mỏi của mẹ nài nỉ. Ling miễn cưỡng rời chốn yên bình bên dưới gốc cây cổ thụ rồi đi theo mẹ, các chị, và đưa em trai nhỏ đứng quanh chiếc giường của gia đình – một chiếc giường mà cả sáu người cùng ngủ chung. Đó là vật dụng chính duy nhất trong chiếc lều một phòng này. Cha cô nói: “Ling, đến gần đây. Để ba nhìn rõ nét mặt con.” Ling ngồi trên mép giường cố nở nụ cười. Cô rất ghét thấy mặt ba trong những lúc như thế này. Kể từ khi ba từ bệnh viện trở về lần vừa rồi, ba luôn rất yếu, gần như không làm gì được nữa. Mẹ cô không nói vậy, nhưng cô biết ba đang hấp hối. Bệnh ung thư đang tàn phá thân thể ba, và ba không làm việc được suốt bao nhiêu tháng rồi.

Giờ đây, ba cô nhấc tay lên, nhẹ nhàng vẫy bên cạnh giường nơi vợ và các con đang đứng, hầu hết đều khóc. “Các con ơi, hãy hứa với ba rằng các con sẽ chăm sóc mẹ. Và cũng chăm sóc nhau nữa. Ba không còn ở đây lâu nữa, nhưng luôn luôn nhớ rằng ba thương các con.” Mẹ của Ling vẫn đang thâm thốn thức khi cha cô đưa tay lên vuốt ve khuôn mặt mẹ. “Hãy hứa với anh rằng sau khi anh đi...” ông vẫn tiếp tục nói

trực tiếp với người vợ sắp trở thành góa phụ của mình, “... em sẽ cưới một người đàn ông mạnh khỏe hơn. Một người mà em có thể nương dựa được hơn, người sẽ chăm sóc em tốt hơn anh. Và nhớ cứ luôn cầu nguyện với Thượng Đế.”

Tình yêu giữa hai người rất rõ đối với mọi ai biết họ. Ling chưa hề nghe ba mẹ quát tháo hay thậm chí nói một lời gay gắt với nhau. Cô không chịu nổi cảnh đứng trông ba hấp hối, và cô cũng ghét thấy cảnh mẹ rất đau buồn như vậy. Còn về cách ba mẹ luôn luôn nói về Đức Chúa Trời và cầu nguyện, cô không bao giờ hiểu được. Ling thường thấy cha mẹ quỳ gối bên giường. Một lần nọ cô hỏi ba mẹ đang làm gì, ba mẹ bảo rằng đang “trò chuyện với Đức Chúa Trời.”

Vậy bây giờ Đức Chúa Trời ở đâu? Ling tự hỏi, đầy nghi ngờ. Nếu thực sự có một Đức Chúa Trời, vậy tại sao ba mình sắp chết? Cô nén tiếng rên rồi chạy ra khỏi phòng.

Chiều hôm đó, mẹ của Ling bảo các con rằng ông bà gia của mẹ – tức ông bà nội của chúng – sắp đến thăm. Ling rất ngạc nhiên; cô biết ông bà nội không quan tâm gì đến con trai của họ cùng với gia đình của con trai. Thực ra, nói như thế cũng đã là nói nhẹ lắm rồi. Bà nội cô đã nguyên rửa gia đình này vì không sinh thêm nhiều con trai.

Vài ngày sau ông bà có đến, nhưng hầu như không muốn bước chân vào căn nhà bé tẹo kia khi con trai họ qua đời. Họ không chịu giúp chôn cất con trai.

Không có tiền mua quan tài và không hề được ba mẹ chồng giúp đỡ, mẹ của Ling cẩn thận liệm người chồng quá cố trong tấm vải xanh đẹp nhất bà tìm được. Đây sẽ là “đám tang nhẹ,” loại đám tang dành cho người nghèo nhất trong những kẻ nghèo.

Ling và người mẹ đau buồn của cô cùng các chị em nghĩ chắc chắn không còn có chuyện gì tệ hại hơn thế nữa, nhưng họ lầm to. Khi chuẩn bị ra về, ông bà nội tuyên bố sẽ bắt em trai của Ling về với ông bà. Mẹ của Ling và mấy đứa con còn lại kịch liệt phản đối, nhưng chẳng ích gì. Đứa trẻ bị bắt khỏi họ.

Ba cô bé bị bỏ lại cùng với mẹ trong lều, tất cả không biết mình còn sống sót được bao lâu nữa.

“Ling ơi, quỳ xuống đây cầu nguyện với mẹ,” một sáng nọ mẹ mời Ling. Ling miễn cưỡng cùng quỳ với mẹ bên cạnh giường. Mùa đông đã

đến, nên nhà lạnh ngắt dưới đôi đầu gối mềm của cô bé. Ling tức giận khi nghe mẹ mồi, nghĩ rằng lâu nay họ chịu khổ đã quá đủ rồi. Bên cạnh cô bé, mẹ Ling đang khóc nhỏ. Thoạt đầu, Ling nghĩ mẹ đang khóc vì đau khổ; sau đó, cô bé nhận ra mẹ dốc đổ tấm lòng đang khi trò chuyện với Đức Chúa Trời lần nữa. Bản thân Ling không có gì để nói. Cô sẽ chịu khổ trên đầu gối của mình để nâng đỡ mẹ, nhưng cô chỉ chịu đến mức đó thôi. Suy cho cùng, có ích gì để nói chuyện với không khí? Và dẫu Đức Chúa Trời *thực sự* tồn tại cũng không muốn trò chuyện với Ngài. Không muốn, sau mọi chuyện Ngài đã đẩy họ vào.

Vài tháng sau khi cha qua đời, gia đình Ling xoay sở sống qua ngày nhờ giúp đỡ của vài người hàng xóm thương hại họ, nhưng đời sống ngày càng khó khăn hơn họ. Cuối cùng, mẹ Ling tuyên bố cả nhà sẽ về sống với ông bà ngoại ở tỉnh Henan. Trong nền văn hóa Trung Hoa, phụ nữ được nuôi dạy để tin rằng họ phải nương nhờ vào một người nam. Không phải lẽ nếu phụ nữ tự lực, và chính quyền từ chối không giúp họ bằng bất cứ cách nào.

Khi Ling đến nhà ông bà ngoại, cô bé sửng sốt trước diện tích của căn nhà. Ông bà ngoại hoàn toàn không giàu, nhưng họ có tòa nhà thật lớn như biệt thự so với túp lều nơi Ling đã lớn lên. Bà ngoại Ling dẫn các cháu gái đi qua phòng bếp chật hẹp để vào căn phòng ở phía sau. Đó là một phòng nhỏ tồi tàn, trước đây dùng làm kho. “Mấy cháu có thể ở đây,” bà ngoại Ling nói cộc lốc. Ling nhìn quanh chốn chật chội, chẳng chút hấp dẫn này mà bật lên cười nhạo chính mình. Cô đã cảm thấy tự nhiên như ở nhà rồi.

Cuộc sống mới của họ tạo xung đột liên tục giữa mẹ và bà ngoại của Ling. Xung đột nảy sinh vì mẹ Ling muốn nộp đơn xin vào đội sản xuất (văn phòng lao động địa phương) để có thể kiếm được nhà riêng, nhưng bà ngoại Ling muốn con gái tái giá.

CHA GHÉ

Một ngày kia, khi Ling từ trường về nhà, cô nghe những cuộc cãi vã thường lệ nổ ra trước khi cô đến cửa. “Nhưng mẹ ơi, con không muốn lập gia đình lần nữa!” Mẹ cô đang nói, giọng nói bưng bưng giận. “Con không bao giờ yêu ai được như đã yêu Jun. Mẹ biết con đã quyết cứ ở độc thân khi đồng ý đến đây ở với mẹ. Nếu như mẹ chỉ nói với đội sản

xuất để cho con đi làm và giúp con có nhà riêng của mình, con biết con có thể chăm sóc lũ trẻ. Mẹ ơi! Xin mẹ đừng làm như vậy.”

“Con ở đây hai năm rồi,” bà ngoại Ling quát lên trả lời. “Mẹ không chịu thêm được nữa! Đây không phải là cách người ta thường làm. Shu-Tan là người đàn ông đứng đắn và có thể chu cấp cho các con của con. Ngoài ra, ba con đã thu xếp rồi: con sẽ làm đám cưới vào tuần sau.”

Tuần sau, Ling đã có người cha kế.

Ling dựng tóc gáy trước giọng nói sắc lạnh của người cha ghẻ và mong ước được nghe giọng nói dịu dàng mà ba cô ngày trước thường nói. Shu-Tan đối xử với Ling và các chị em cô như súc vật, còn Ling thậm chí khinh bỉ ông. Nghèo đã là tệ rồi, nhưng nghèo mà phải sống với người cha ghẻ xem mình chẳng khác gì hơn đây tở thì lại càng tệ hại hơn nữa.

Thế nhưng, Ling vẫn kiên trì và giữ kín những ý nghĩ của mình. Giờ đây khi mẹ Ling tái giá, họ được phép đi làm việc, và khi Ling không đi học, cô làm việc ngoài ruộng với những người chần bầy trong đội sản xuất. Chính quyền địa phương có hệ thống chấm điểm để xác định tiền lương và những công ích cho công nhân. Một người đàn ông làm việc chăm chỉ có thể kiếm được mười điểm một ngày. Cô bé Ling kiếm được chín điểm.

Ling cũng giúp thiết kế chiếc máy đơn giản để làm đậu hũ. Khi dùng bò đực kéo máy, có thể dùng máy để nghiền đậu nành giữa hai thớt đá lớn. Shu-Tan thích ý kiến này, nhưng không mua nổi bò. Thay vào đó, ông bắt Ling và chị cô phải làm công việc của con bò. Và trong bốn năm kế tiếp, “làm bò” trở thành một phần trong thông lệ mỗi ngày của họ.

Vì làm việc nặng, nên mới tuổi mười lăm, Ling đã rất mạnh khỏe và mong mỗi đến ngày cô có thể sống tự lập. Nổi khinh thường cha ghẻ ngày càng tăng khi ông kiếm lợi từ tàu hũ là công việc của Ling và chị em cô làm ra. Vậy mà ông không chịu mua lấy một con bò. Vì sao lại thế? Ông đã có mấy đứa con ghẻ để làm công việc lao dịch này.

Mẹ cô, người đã khóc mù mẫn trong vài tuần đầu mới kết hôn với Shu-Tan, giờ đây đã cầu nguyện kém thường xuyên hơn. Chỉ có một vài tín đồ thậm chí kín tại ngôi làng Ru Tain và chỉ có một quyển Kinh Thánh duy nhất, mà vì mù chữ, mẹ Ling không thể đọc được. Một lời cầu nguyện duy nhất còn lại trên môi bà. Thỉnh thoảng Ling nghe lời cầu

nguyện ấy giữa cảnh yên tĩnh của đêm khuya: “Đức Chúa Trời ơi, xin bảo vệ các con của con, nhất là Ling và chị nó. Hai đứa bị bắt làm việc quá nặng. Xin Ngài canh giữ chúng. Con cầu xin bấy nhiêu điều thôi.”

Ling tự hỏi tại sao mẹ cứ nói chuyện với Đức Chúa Trời về công việc nô dịch mà cô và chị cô đây chịu đựng trong khi đáng ra mẹ phải nói chuyện với chính ông chủ nô kia chứ! Hiển nhiên Đức Chúa Trời không muốn giúp, Ling cay đắng nghĩ vậy mỗi lần cha ghẻ bắt họ làm thêm việc. Chắc có lẽ nghi ngờ mối thù ngày càng tăng của Ling đối với mình, một ngày kia ông gợi ý Ling nên tìm người chồng. Thậm chí còn đề nghị chọn một người chồng cho cô nữa. Ông bảo cô: “Điều này là tốt nhất cho mọi người.”

Ling biết ông chỉ muốn loại cô. Điều đó có nghĩa bớt đi một miếng ăn.

MỘT ĐỨC CHÚA TRỜI VÔ HÌNH

Ling mắc kẹt giữa lòng cương quyết của mình với sự vâng lời gia đình. Nếu không chịu cưới chồng, cô sẽ bất hiếu với cả gia đình và làm nhục mẹ cô, một nỗi đau khó lòng chịu được. Nếu cưới chồng, cô sợ chồng lại giống như Shu-Tan. Chỉ còn lại một điều để chọn: Cô sẽ tự sát. Cái chết dường như là cách duy nhất giúp cô thoát khỏi ách nô lệ khi áp lực trong tâm trí dần dần trở nên nỗi đau nhói trong tim.

Mẹ của Ling biết con gái mình đang rơi vào buồn chán cùng cực, và lo lắng cho sức khỏe của Ling. “Ling ơi, con là một lãnh tụ bẩm sinh,” mẹ nói với cô con gái, cố gắng động viên tinh thần của con. “Chắc hẳn Đức Chúa Trời đã định một kế hoạch đặc biệt cho con.”

Ling không chịu nghe lời mẹ nói về Đức Chúa Trời vô hình của bà. Dường như mọi thứ đều vô ích. Phải đối mặt với mê tín vô ích của mẹ và công việc quá nặng nề của người cha ghẻ chỉ càng thúc đẩy nhanh cảm giác vô vọng của Ling thôi.

Biết tâm trạng con đã xuống rất thấp, mẹ Ling không dám rời mắt khỏi Ling, lo sợ con gái sẽ tự sát. Một ngày kia, cuối cùng mẹ cũng thành công để đưa cô con gái đang sầu khổ của mình đến dự một trong những buổi nhóm ít người của Hội Thánh tư gia vừa mới lập trong làng. Ling đồng ý điều đó còn tốt hơn xay đậu nành để làm đậu hũ, và cô

thật sự cảm thấy được tiêu khiển bởi buổi nhóm. Chỉ có bốn người tại đó: Ling, mẹ cô, và hai người nữa.

Khi Ling ngồi đó nghe ba người kia hát Thánh ca, cô nghĩ về đức tin của mẹ. *Làm sao mẹ lại tin mù quáng vào Đức Chúa Trời mà mẹ không thấy được?* Ling tự hỏi như vậy. Dầu rất hoài nghi, Ling vẫn không thể làm ngơ nổi vui sướng tỏa sáng trên khuôn mặt mẹ. Trông cứ như thể mẹ đang ca hát với những thiên sứ vô hình.

TRỞ THÀNH ĐIỀU ĐỨC CHÚA TRỜI CÓ THỂ DÙNG

Vài ngày sau, Ling nghe mẹ lại cầu nguyện cho mình, nhưng lần này, những lời nói của mẹ rõ ràng khiến Ling phải chú ý. “Đức Chúa Trời ôi,” mẹ cô cầu nguyện nhỏ nhẹ, “xin cứu các con con, nhất là Ling. Ngài biết Ling cứng đầu và nghịch ngợm biết bao. Xin biến sự thôi thúc cứng đầu trong Ling trở thành điều Ngài có thể sử dụng.” Phần đó trong lời cầu nguyện của mẹ rất quen thuộc, và nghe lại những lời này, Ling không khỏi mỉm cười. Chính phần kế tiếp trong lời cầu nguyện mới khiến cô bất ngờ: “Con đã nghe câu chuyện Ápraham, người đã dâng con trai mình là Ysác cho Ngài để làm của lễ thiêu,” mẹ cô nói tiếp. “Giờ đây, con cũng muốn dâng một trong mấy đứa con của con cho Ngài. Con muốn dâng Ling.”

Ling rùng mình. *Dâng mình làm của lễ thiêu? Mẹ mình có điên không vậy?*

Lời cầu nguyện của mẹ cứ vương mãi trong trí cô suốt nhiều ngày, dần vặt cô làm cô không hiểu. Cuối cùng, buổi sáng nọ khi Ling thoáng nghe mẹ cầu nguyện lại, cô ủa vào phòng để chất vấn mẹ. “Mẹ ơi, có phải mẹ lại sắp dâng con làm của lễ thiêu cho Đức Chúa Trời của mẹ không? Mẹ sẽ để cho Ngài giết con bằng công việc nặng hoặc chỉ việc dùng sét đánh chết con? Và rồi Chúa Jêsus này đang ở đâu trong khi mẹ cứ mãi nói chuyện về Ngài? Hãy đưa Ngài đứng trước mặt con đi để con có thể rờ đến Ngài, thì con mới tin! Và dẫu sao đi nữa, hạng người nào được đi Thiên đàng? Những bà già tuyệt vọng giống như mẹ sao? Và làm sao mẹ đến Thiên đàng? Mẹ nghĩ mẹ có thể trèo lên cây hay lên thang để đến Thiên đàng sao? Ling có thể thấy trên khuôn mặt mẹ hẳn rõ nổi đau đớn cô đang giáng trên bà. Cô rất ghét làm tổn thương mẹ, nhưng đơn giản là cô chán ngấy rồi.

Ling nghe giọng nói ra lệnh gay gắt phát ra từ miệng mình và nhận thấy đây cũng chính là giọng điệu cô hay nói với các chị em mình. Cô đã làm mình trở thành một lãnh đạo tự phong giữa vòng các chị em gái bằng những chiến thuật thuyết phục rất dạn dĩ. Các chị em thường chấp thuận những yêu cầu của Ling; họ biết nếu không chấp thuận, Ling có thể gây rắc rối cho họ. Giờ đây Ling nghe mình đang chế giễu mẹ với cùng một giọng nói chai lì ấy, và cô hối tiếc về tổn thương cô đang gây ra. Nhưng tự cô không dừng được. Cô hết chịu nổi những lời cầu nguyện lồ bịch của mẹ dâng lên cho một Đức Chúa Trời không thực hữu của bà.

Thời gian trôi qua, Ling vẫn cứ tiếp tục làm việc nặng. Cô đã xoay xở thành công tránh được lời đề nghị của người cha ghẻ bảo cô lấy chồng, và cuối cùng ông bỏ cuộc và quay lại với cách chỉ việc làm ngơ cô thôi. Cô cảm thấy chắc chắn sự thay đổi nơi ông ta là bởi ảnh hưởng của mẹ cô. Tuy cảm thấy nhẹ nhõm, cô cũng cảm thấy có tội về cách mình đã đối chất quá hỗn láo với mẹ. Hy vọng đền bù được lần hỗn láo của mình, cô tiếp tục cùng đi với mẹ đến những buổi nhóm hàng tuần của Hội Thánh.

Đến mùa xuân, Ling đã loại bỏ những ý nghĩ tự tử.

Một ngày kia, cô đang làm việc bên máy xay đậu hũ thì mẹ cô chạy ủa đến, kêu lớn lên, “Ling ơi, ông ta đang ở đây!”

“Ai ở đây?” Ling hỏi lại.

“Vị truyền đạo mà chúng ta đã nghe nói rất nhiều!” mẹ cô trả lời. “Con không nhớ mẹ đã kể cho con sao? Tối nay ông giảng ở đây, và mẹ đã nói với mấy người kia rằng chúng ta sẽ đến đó. Tắm rửa đi. Mau lên!”

Ling còn chưa kịp nghĩ đến việc phản đối, mẹ cô đã vội đi mất.

Ling trầm nghĩ, *Ồ, tuyệt, một người tự cho mình cái thẩm quyền từ Chúa.*

Cô đi đến buổi nhóm tối hôm ấy, một phần để làm vui lòng mẹ cô. Vị truyền đạo già nói rất hùng hồn và không chút gượng gượng, không hẳn là giảng mà đúng hơn là đang kể cho họ nghe về Adam và Êva, giải thích tội lỗi đã vào thế gian như thế nào, và bảo đảm với họ rằng Đức Chúa Trời yêu họ đến nỗi đã sai chính Con Ngài đến chết trên thập tự giá để tội lỗi của họ được tha thứ. Ling cảm thấy lòng mềm lại khi lời

của ông thấm sâu vào tâm hồn cô. Cô chưa từng biết đến tình yêu và sự hy sinh cao quý như thế. Cô đã nghe câu chuyện này trước đây, nhưng chưa bao giờ tạo được nhiều cảm giác – mãi cho đến bây giờ.

Tối đó, những xao xuyến sự khuấy động trong tâm hồn cô càng tăng lên khi cô nhìn vào bức hình một cây thập tự treo trên vách tường tại nhà của dì mình. Cô tiến đến nó, đưa tay ra sờ trên bức hình vừa nhớ lại câu chuyện vị truyền đạo đã kể lại rất sinh động. *Nếu Chúa Jêsus chết vì tôi, tôi đã làm gì cho Ngài?* Cô tự hỏi đang khi dòng thác ăn năn tràn ngập tâm hồn cô. Ling gieo mình xuống sàn và khóc, kêu cầu lớn tiếng với Đức Chúa Trời vô hình mà cô đã từ chối rất kiên quyết. Chẳng mấy chốc, cô cảm thấy tay mẹ đặt trên vai mình.

“Ôi, mẹ ơi! Con xin lỗi rất nhiều,” Ling thổn thức. “Con xin lỗi về mọi điều xấu xa con đã nói về Đức Chúa Trời của mẹ và về cách con đã chế giễu mẹ cũng như đã không tin những điều mẹ đã nói với con. Con là người xấu xa biết bao. Làm sao Đức Chúa Trời tha thứ cho *con* được?”

Đôi mắt mẹ của Ling ngời sáng những giọt nước mắt vui mừng khi bà ôm chặt lấy con gái – một người chị em mới của bà trong Chúa. Bà bảo: “Ling ơi, con cưng của mẹ, con đã được tha tội. Ân điển của Đức Chúa Trời đã kéo con đến đây tối hôm nay, và bây giờ con sẽ con của Ngài mãi mãi. Còn điều gì làm cho mẹ sung sướng hơn thế này nữa. Mẹ tin Ngài có chương trình rất đặc biệt cho con; mẹ đã tin điều đó từ lâu rồi.”

Ling chưa từng khóc nhiều đến thế từ khi ba qua đời.

CHIÊN CON GIỮA BẦY MUÔNG SÓI

Trong suốt năm sau, cô tiếp tục đi với mẹ đến những buổi học Kinh Thánh hằng tuần, không còn là khán giả nhưng là thành viên trong hội ngày càng đông của họ. Chứng trầm cảm của cô đã được thay thế bởi niềm vui dâng trào trong lòng, và cô tin những rắc rối hoạn nạn của mình đã bị bỏ lại đằng sau. Sau đó cô có một giấc mơ: *Một con đường hẹp băng ngang cánh đồng. Ở phía bên trái, lúa mì mảnh mai và xanh mướt, bị thổi dễ dàng trong gió. Nhưng ở phía bên phải, lúa mì đang chín, một số gié lúa đang ngã rạp xuống vì sức nặng của những gié lúa lớn màu nâu sẫm đầy hạt. Ling nhìn hết bên này đến bên kia cho đến*

khi lúa mì biến mất đàng xa. Cô tự hỏi khi hậu và thời tiết ắt hẳn phải kỳ quặc lắm mới tạo ra được một vụ mùa như thế.

Sáng hôm sau, Ling thuật lại giấc mơ bất thường ấy cho mẹ. Trước vẻ ngạc nhiên của Ling, mẹ thuật lại giấc mơ tương tự. Mẹ nhìn thấy những gié lúa mì chín vàng nặng trĩu, nhưng mẹ cũng thấy một mầm đậu nhỏ đang mọc lên ở giữa cánh đồng và nghe một tiếng nói bảo bà “tưới nước cho mầm non này, kéo nó khô đi.”

Cả hai không biết những giấc mơ có ý nghĩa gì, nhưng đều biết phải có lý do khiến họ cùng chia sẻ chung khải tượng. Câu trả lời đến cho họ vào tuần sau tại buổi cầu nguyện, khi khúc Kinh Thánh cho buổi tối hôm ấy đến từ sách Tin Lành Luca, đoạn 10: “Ngài phán cùng môn đồ rằng: Mùa gặt thì trúng, song con gặt thì ít. Vậy, hãy xin Chủ mùa gặt sai con gặt đến trong mùa của mình. Hãy đi; này, ta sai các người đi, khác nào như chiên con ở giữa bầy muông sói.”¹

Thắc mắc liệu đây có phải ý nghĩa giấc mơ của họ không, Ling vừa sợ vừa phấn khởi về điều Chúa đã dành cho cô. Cô cũng tò mò muốn biết phần thứ nhì trong phân đoạn nói đến điều gì. “Nhưng làm sao để con trở thành người giảng đạo?” Cô hỏi mẹ khi họ thảo luận phân đoạn này. “Con còn quá nhỏ, và gần như con chẳng biết gì cả. Thậm chí con còn không có Kinh Thánh nữa.”

Mẹ chỉ nhìn Ling mỉm cười. Mẹ đã biết chính xác những giấc mơ có nghĩa gì: Con gái bà sẽ đem Tin Lành đến cho những linh hồn hư mất của Trung Hoa. Bà biết chắc chắn điều này.

Ít lâu sau sinh nhật lần thứ mười bảy, với rất ít tiền và thức ăn, không có cả Kinh Thánh, cũng chưa có đích đến, Ling lên đường một mình đi rao giảng Tin Lành tại Trung Hoa. Cô muốn chờ đến khi học được nhiều hơn, nhưng mẹ cô rất quả quyết. “Con không cần biết nhiều. Cứ việc chia sẻ câu chuyện về Chúa Jêsus. Hãy kể cho người ta những gì con biết. Nếu điều đó thuộc về Đức Chúa Trời, Ngài sẽ chúc phước cho chức vụ của con.” Với lời khích lệ của mẹ, Ling lên đường.

Ling chỉ việc đi từ làng này đến làng kia, chia sẻ đức tin của mình. Cứ hễ đi ngang làng nào có quyển Kinh Thánh, cô sẽ nghiên cứu để học thuộc lòng những câu Kinh Thánh cho sứ điệp kế tiếp của mình. Cô cũng học thuộc hết những bài Thánh ca. Cô chưa hề nhận biết mình hát hay đến mức nào cho đến khi thấy người ta đang bị thu hút

bởi giọng hát của mình, rồi họ ở lại nghe những lời vị truyền đạo trẻ tuổi nói ra. Chỉ riêng chuyện một cô gái trẻ độc thân đi một mình qua suốt Trung Hoa cũng đủ thu hút chú ý của rất nhiều người rồi.

Chúa chúc phước cho chức vụ của Ling. Cô càng đi và rao giảng, số người nghe càng đông. Cô rất sửng sốt khi thấy những nhóm bảy người trong các làng ban đầu đã tăng thành những đoàn bảy mươi người trong các làng khi cô đến thăm trong tuần sau. Câu Kinh Thánh nói rất đúng: *Đông ruộng đã chín vàng*. Dân chúng rất khao khát nghe Tin Lành, và Chúa gọi cô làm một trong các sứ giả của Ngài. Đây là một ý tưởng rất lớn, và Ling tiếp tục cầu nguyện để cô sẽ được xem là xứng đáng với sự kêu gọi ấy. Trên hết, cô muốn trở thành một tấm gương. Cô muốn rao giảng điều cô đã biết và đã kinh nghiệm.

Cô cũng mong có Kinh Thánh và bắt đầu xin Chúa cho một quyển. Cô hỏi Ngài: “Làm sao người giảng lời Đức Chúa Trời lại không có một quyển Kinh Thánh được?”

Những người trẻ đặc biệt được thu hút bởi cá tính rất lôi cuốn và lòng sốt sắng của Ling cho Chúa. Vài người đề nghị cùng đi với cô, và nhà truyền giảng Tin Lành trẻ tuổi này sung sướng nhận lời.

Khi những đoàn người ngày càng đông và niềm đam mê truyền giảng Tin Lành của cô gia tăng, Ling cảm thấy cô không chịu nổi cảnh không có quyển Kinh Thánh lâu hơn nữa. Cô đến thăm một làng nọ, nơi đó tín hữu chỉ có một phần của sách Tin Lành Mathiơ, họ đọc trong đoạn 25 về ẩn dụ mười người nữ đồng trinh. Năm người nữ đồng trinh khôn ngoan và đã đem thêm dầu trong đèn, và năm người dại không đem thêm dầu để giữ cho đèn họ cứ cháy luôn. Hiểu phân đoạn này theo nghĩa đen, mỗi tín hữu trong làng luôn mang thêm dầu bên mình để bảo đảm khỏi bị bỏ lại khi Chúa tái lâm.²

Ling khao khát có quyển Kinh Thánh trọn bộ cho riêng mình để có thể nghiên cứu và giúp tín hữu khác hiểu Kinh Thánh. Vì vậy khi nghe loáng thoáng một phụ nữ cách đó bốn dặm có sẵn nhiều quyển Kinh Thánh, cô tức tốc đến nơi. Hóa ra bà ta có mấy quyển Kinh Thánh đã bị giạt vào bờ sau khi các thành viên một đoàn truyền giáo Cơ Đốc nọ bị bắt phải ném xuống khỏi tàu đương khi cố gắng chuyển lậu vào Trung Hoa đương ban đêm. Một vài tín hữu dọc bờ biển khám phá ra những

quyển Kinh Thánh này, và bà này cẩn thận phơi khô từng trang một dưới ánh nắng mặt trời.

Khi Ling hỏi xin bà một quyển Kinh Thánh, giải thích thế nào Chúa đã kêu gọi mình đi rao giảng Tin Lành, bà ta trở nên cảnh giác. Bà trả lời: “Không, không, không đâu! Những quyển Kinh Thánh này rất quý giá. Cô có biết khó khăn biết bao nhiêu mới có được một quyển Kinh Thánh không? Và làm sao tôi biết cô là tín hữu kia chứ?”

Ling cứ kiên trì nài nỉ, nhưng vẫn không thành công. Bà ta không chịu chia tay một quyển Kinh Thánh nào trong số Kinh Thánh của bà. Cô bé Ling tội nghiệp trông thật tiu nghỉu khi bà bảo nếu cô có thể đọc thuộc lòng bài Cầu Nguyện Chung không sai lỗi nào, may ra bà sẽ xét lại.

Ling ra về, được khích lệ vì thấy có lẽ vẫn còn hy vọng. Cô đi về một làng nọ, nơi cô biết có quyển Kinh Thánh tại nhà của một tín hữu cao tuổi. Cụ này nâng niu quyển Kinh Thánh với lòng tôn kính thiêng liêng, và khi Ling nhìn thấy nó, cô hiểu vì sao. Quyển Kinh Thánh của ông cụ này viết bằng tay hoàn toàn. Thực ra, đôi tay cụ giờ đây bị méo mó vĩnh viễn vì đã mất hàng ngàn, hàng ngàn giờ cẩn thận sao chép từng chữ một của mỗi câu Kinh Thánh.

GIEO MỘT GIẤC MƠ, MỘT SÚ MẠNG RA ĐỜI

Khi nghe Ling nài nỉ, ông cụ cẩn thận đem quyển Kinh Thánh của mình ra và cho cô chép Bài Cầu Nguyện Chung để có thể học thuộc lòng. Ling bỗng nhiên tràn đầy kinh sợ trước những mẫu tự được viết rất ngay ngắn và tự hỏi ông đã mất bao nhiêu năm trời sao chép hàng ngàn câu Kinh Thánh như vậy. Cô sẽ thấy thêm nhiều quyển Kinh Thánh nữa như thế khi tiếp tục hành trình. Những tác phẩm dày công khó của tình yêu ấy đã đem cho cô lòng quý trọng mới mẻ đối với tầm quan trọng của Lời Chúa, và cô cam kết học thuộc càng nhiều phân đoạn càng tốt. Cô cũng hứa nguyện phân phát Kinh Thánh trên khắp đất nước Trung Hoa cho các tín hữu khác... nếu Đức Chúa Trời chịu khiến ước mơ ấy thành hiện thực.

Trên đường trở lại nhà của phụ nữ kia, Ling bắt đầu tự hỏi xem mình đã học thuộc Bài Cầu Nguyện Chung chính xác chưa. Chuyện gì

nếu ông cụ đã biết sai một chữ? Chuyện gì xảy ra nếu cô đã chép lại sai?

Nhưng không cần phải lo lắng như vậy. Cô đã thi đậu và đọc Bài Cầu Nguyện Chung thật hoàn hảo. Dầu vậy, sau đó, bà ta bắt Ling phải cầu nguyện lớn tiếng để bà biết chắc chắn Ling thật lòng. Sau đó, bà hỏi liên tục về chức vụ của Ling và Ling đã đến với Đấng Christ như thế nào. Cuối cùng khi cuộc thẩm vấn kết thúc, và người đàn bà cùng quỳ gối với Ling, ôm chặt quyển Kinh Thánh, trịnh trọng đưa nó cho cô. Bà xin lỗi vì quá tử mỉ như thế, nhưng rồi giải thích: “Sau khi mấy anh em chúng tôi gom những quyển Kinh Thánh này từ bờ biển, họ đã bắt đầu phân phát chúng trên khắp đất nước Trung Hoa. Việc này rất nguy hiểm, và mấy người đã trả giá bằng chính mạng sống. Vì nhớ đến sự hy sinh của họ, tôi càng quý những Sách này nhiều hơn nữa.”

Ling ra về mang theo quyển Kinh Thánh của mình. Một phần quyển Kinh Thánh vẫn còn ướt vì bà vẫn chưa phơi xong hết mọi trang. Ling lật đến Luca 10, cẩn thận lật những trang ướt đẫm, và đọc những chữ thật quen thuộc với đôi mắt đẫm lệ: “Ngài phán cùng môn đồ rằng: Mùa gặt thì trùng, song con gặt thì ít. Vậy, hãy xin Chủ mùa gặt sai con gặt đến trong mùa của mình. Hãy đi; nầy, ta sai các ngươi đi, khác nào như chiên con ở giữa bầy muông sói.”

Ling đã thực hiện đầy đủ phần đầu mạng lệnh của Chúa Jêsus. Cô đã đi ra, đi một mình, như những con gặt của Chúa, và mùa gặt thật sự rất lớn. Giờ đây, khi suy nghĩ phần thứ nhì của phân đoạn này sẽ được ứng nghiệm như thế nào, cô cầu nguyện xin Chúa ban thêm sức.

BỊ TRUY NÃ

Tám bích chương trông có vẻ đe dọa, báo điềm chẳng lành: “Lệnh Truy Nã Những Tên Tội Phạm Chống Phá Nhà Nước,” tiêu đề tuyên bố như thế. “Ai thấy những người có tên dưới đây phải lập tức báo cho nhà cầm quyền địa phương. Sẽ có thưởng.” Ling đọc dòng chữ này và rùng mình khi mắt cô dò theo danh sách, môi mấp máy khi đọc đến tên những người mà cô biết. Rất nhiều người là bạn và bạn cùng làm việc với cô. Và rồi, trên danh sách ấy, có tên cô.

Cô không ngạc nhiên, thế nhưng phát hiện này vẫn làm cô tỉnh cả người. Mọi việc trôi chảy lâu nay. Ling đã trở nên rất hiệu quả trong

chức vụ truyền giảng lưu động. Nhớ lại cách nhà truyền giảng cao tuổi đã thay đổi đời sống cô thế nào khi ông đến làng và chỉ đơn giản nói về Adam với Êva, về tội lỗi, và về sự hy sinh vĩ đại Chúa Jêsus Christ, Ling noi gương ông. Chẳng mấy chốc cô biết một trong những cách mạnh mẽ nhất để đến với người ta đó là chỉ việc đọc lớn tiếng những phân đoạn Kinh Thánh chọn lọc. Rất nhiều người Hoa biết Kinh Thánh hiếm hoi biết bao, và họ sốt sắng lắng nghe câu chuyện, nhanh chóng tiếp thu sứ điệp.

Ngạc nhiên thay, những rắc rối này đã bắt đầu từ chính những người bà con của cô. Khi Ling đi khắp các làng, tin đồn về chức vụ của cô lan ra nhanh chóng, và họ hàng kết tội Ling đã làm cho gia đình khó xử. Họ cãi nhau: “Nó ngày càng lớn. Đáng ra phải lấy chồng, chứ không phải lê lét khắp các miền quê như một kẻ cuồng tín vậy!”

Ling tính đi về nhà nhưng với một lý do khác. Cha ghẻ cô rất tức giận vì người làm đậu hũ cho ông đã bỏ đi. Mới đầu, ông tin cô bé sẽ trở về nhà ngay khi đói bụng. Nhưng rồi nhiều tháng trôi qua, ông thấy Ling đã ra đi vĩnh viễn. Đương nhiên, thỉnh thoảng cô có quay về, nhưng chẳng bao giờ ở lâu quá một buổi trưa.

Không chịu thuê người giúp hay mua một con bò, Shu-Tan bắt mẹ của Ling ra làm việc ngoài cõi xay. Khi Ling nghe việc làm nhẩn tâm của ba dượng, cô trở về nhà bảo mẹ: “Việc này quá nặng đối với mẹ. Con sẽ ở nhà.”

Mẹ trả lời: “Không! Dứt khoát không! Con phải hứa với mẹ sẽ trung tín với sự kêu gọi của Chúa. Mẹ có thể giải quyết chuyện này. Đây chỉ là một giá nhỏ phải trả để cho con đi giảng Tin Lành. Con hiểu không? Con *phải* tiếp tục làm việc của con trong mùa gặt của Chúa.”

Ling làm đúng như mẹ dặn. Nhưng chẳng bao lâu cô lại gặp nhiều nan đề khác. Tại một số làng, công an địa phương bắt đầu trấn áp “những buổi nhóm trái phép” và những hoạt động tà giáo. Nhiều tín hữu sợ để cho Ling ở lại trong làng của họ; có một số nơi, người ta thậm chí còn không cho một bữa ăn nữa kia. Ling thấy mình ngày càng đi bộ xa hơn, tiến sâu hơn vào miền đồng quê. Đáng ra cô có thể đi đoạn đường đó bằng xe buýt chỉ với năm mươi xu, nhưng chừng đó tiền nhiều hơn số cô có.

May thay, khi những người giúp đỡ cô nghe về những chuyến đi của cô, họ quyên góp mua những đôi giày giúp cô đi tiếp. Ling rất vui nhận lấy.

Bất chấp áp lực ngày càng gia tăng, Ling vẫn kết quả ngày càng nhiều trong chức vụ. Đám đông thường lên đến hơn trăm người, và giọng nói cô vẫn mạnh mẽ khi nói với những đoàn người trong các buổi nhóm ngoài trời. Các Hội Thánh tại gia mọc lên tại rất nhiều làng, và họ đã lọt vào mắt chính quyền. Thoạt đầu, những Cơ Đốc nhân này không chấp nhận họ đã khước từ Hội Thánh do nhà nước chính thức bảo trợ, gọi là Phong Trào Ái Quốc Tam Tự (PPAQTT). Và dù Cơ Đốc nhân *sẵn lòng chịu* gia nhập PPAQTT, vẫn không có lấy một hội chúng nào trong vòng bán kính một trăm dặm.

Chẳng mấy chốc, công an ra sức bắt bớ Cơ Đốc nhân. Để đáp lại, Cơ Đốc nhân dời những buổi nhóm của họ vào đồng vắng, và tiếng hát lời giảng trở nên nhỏ hơn. Ling phải cẩn thận về những người mà cô tâm sự, và cô không chịu ở lại lâu tại bất kỳ khu vực nào. Cô được rất nhiều nhà truyền giáo ngoại quốc trong vùng biết đến, và họ thường yêu cầu gặp cô. Ling biết những buổi gặp này đem đến thêm nhiều nguy hiểm và chú ý không mong muốn có từ nơi công an, nhưng háo hức muốn gặp những anh chị em Cơ Đốc của mình từ hải ngoại đến và cho họ biết những việc Chúa đang làm tại Trung Hoa. Các giáo sĩ đem Kinh Thánh đến, là thứ Ling rất sung sướng phân phát trong các Hội Thánh tại gia mới thành lập. Đến nơi đâu cũng rất hiếm Kinh Thánh, và thường cô chỉ có thể cho mỗi hội chúng một quyển Kinh Thánh thôi. Việc chép Kinh Thánh bằng tay vẫn cứ tiếp diễn.

NHỮNG ĐẦU GỐI LẤM BÙN, NHỮNG TẤM LÒNG NO ĐẦY

Mùa đông năm 1983, những cơn bắt bớ và giam giữ Cơ Đốc nhân đang lan tràn. Giờ đây, Ling không ngừng đi trốn, biết mình và nhiều bạn đồng công đang nằm trên danh sách truy nã của chính quyền. Giờ đây không còn tính được chuyện trở về thăm mẹ nữa. Chắc chắn công an đang theo dõi. Đang khi thăm một làng tên Towkil, Ling phải đưa dân làng vào sâu trong cánh đồng để có thể an toàn chia sẻ Tin Lành cho họ. Hôm ấy trời mưa như trút, không hề có mái che hay áo mưa.

Nhưng mọi người vẫn cứ ở lại, bị thu hút bởi sứ điệp và nuốt lấy từng lời.

Khi Ling hướng dẫn họ cầu nguyện ăn năn, những người nghe đã quỳ gối xuống trên lớp bùn dày. Đầu gối Ling ngập hoàn toàn trong bùn, cũng như đầu gối mọi người vậy. Hơn một trăm người tiếp nhận Đấng Christ hôm ấy, và Ling cùng vui với họ tuy cũng đang sợ điều còn ở phía trước. Nhưng cô cũng biết ngọn lửa bất bớ sẽ khiến gió Thánh Linh thổi mạnh hơn xa hơn. Cô một lần nữa kết ước trung tín với sự kêu gọi mình, bất luận điều gì đang ở phía trước.

Cách đó hai mươi dặm, tại làng Datwin, Ling gặp một số truyền đạo khác đang đi qua miền quê này chia sẻ Tin Lành đồng thời để tránh bắt bớ. Trong số người này có bác Foone, bác cùng nhiều người khác đã chia sẻ chung khát vọng và niềm đam mê của Ling; họ hầu việc Chúa suốt nhiều năm rồi. Bác Foone là thành viên cao tuổi nhất trong đoàn. Bác đã ở năm năm trong trại lao động cưỡng bức rồi.

Ling và những người kia cùng nhập đoàn với nhau – mười nhà truyền giảng: chín người nam và Ling – và cam kết tiếp tục rao giảng sứ điệp đơn sơ về Đấng Christ cho đến khi các Hội Thánh tại gia được thành lập kèm với những người lãnh đạo địa phương. Họ cũng đồng ý với nhau rằng ai trong nhóm vẫn còn đang sống độc thân – giống như Ling – thì nên cứ ở độc thân cho đến khi công tác của họ đã được thiết lập vững vàng.

Thách thức lớn nhất cho các nhà truyền giảng này không phải là bắt bớ, nhưng là nhu cầu hết sức lớn về Kinh Thánh. Họ đồng ý rằng Ling sẽ chịu trách nhiệm đem thêm Kinh Thánh đến, vì cô đã có nhiều mối liên lạc với các giáo sĩ hải ngoại, là những người đang lên chuyến Kinh Thánh vào. Khi không ở miền quê để thành lập các Hội Thánh thì Ling – với sự giúp đỡ của bác Foone – truy lùng mọi tin đồn về nơi có thể có Kinh Thánh.

CÀNG SIÊNG NĂNG, CÀNG NGUY HIỂM

Giữa công việc truyền giảng và phân phát Kinh Thánh, Ling đi lại mỗi ngày ba mươi dặm hoặc hơn nữa – giờ đây phần lớn bằng xe đạp. Những chuyến đi ngày càng nguy hiểm; Ling biết công an đang theo dõi. Cô nghĩ chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi họ bắt được cô thôi.

Để chuẩn bị, cô đọc ngày càng nhiều những phân đoạn nói về sự bất bớ cho các Hội Thánh trong làng. Cô muốn họ chuẩn bị sẵn sàng, và nếu bất bớ xảy đến cho cô, cô muốn mình làm tấm gương tốt.

Công tác ngày càng liên tục khó khăn hơn. Cô thường phải đi nhiều ngày mà không có thức ăn, một số tín hữu trong Hội Thánh còn chỉ trích cô. Họ nói, cô chỉ mới hai mươi tuổi, sống độc thân, và là người nữ nữa. Chuyện gì cô phải ôm đồm công tác lớn đến thế? Một số những tiếng cười khinh bỉ này là do nếp dạy dỗ trong nền văn hóa của những người phê bình; một số tiếng cười khinh bỉ khác chỉ là do ganh tị. Dù gì đi nữa, Ling thật khó chịu nỗi những nhận xét này.

Trong suốt thập niên 1980, khi Ling và những bạn đồng công tiếp tục những chuyến truyền giảng, họ nghe ngày càng nhiều tin tức Cơ Đốc nhân đang bị hà hiếp, bắt giữ, và thậm chí bị tra tấn bởi nhà cầm quyền. Chính quyền trung ương Trung Hoa ngày càng lo ngại sự phát triển nhanh chóng của các Hội Thánh tại gia trên khắp xứ trong khi các Hội Thánh chính thức PPAOTT mất thuộc viên. Đối với Ling và các nhà truyền giảng khác, rõ ràng tín hữu đang tìm những sự tuôn đổ tươi mới của Thánh Linh Đức Chúa Trời, và đã đem lại phong trào Hội Thánh tại gia phát triển rất nhanh. Để ứng phó, các lãnh đạo chính quyền tổ chức chiến dịch toàn quốc để dập tắt sự phát triển của Hội Thánh này. Bất bớ càng gia tăng khi công an địa phương được giao thẩm quyền rất rộng để xử lý Cơ Đốc nhân, đặc biệt những lãnh tụ của Cơ Đốc nhân, bằng bất cứ cách nào họ muốn. Điều này thường đồng nghĩa với tra tấn và cầm tù không cần xét xử.

Vào đầu thập niên 1990, Ling được hàng ngàn tín hữu biết đến như một lãnh đạo khôn ngoan và giàu lòng thương. Bằng cách nào không biết, cô đã thoát được gọng kìm của nhà cầm quyền – ít nhất cho đến hiện giờ.

GIỮ LỜI CAM KẾT

Tháng Tư năm 1994, Ling kiệt sức. Bác Foone bảo cô: “Cháu nên nghỉ ngơi ít lâu. Và có lẽ đến lúc Chúa cho cháu lập gia đình rồi.”

Nhưng Ling phản đối gợi ý của bác. “Bác biết cháu đã kết ước với những người khác trong nhóm lãnh đạo. Chúng cháu nói sẽ không nghỉ ngơi hay lập gia đình cho đến khi Hội Thánh được xây dựng trên một

nền vững chắc. Tín hữu cần cấp lãnh đạo giữ cho họ mạnh mẽ để họ chống chọi được cơn bắt bớ kinh khiếp đang tiếp diễn đây. Hơn nữa, một chuyến tàu chở Kinh Thánh vừa mới đến Quảng Châu. Cháu sẽ đưa Shen và Jan cùng đi đến đó nhận một số Kinh Thánh. Vài ngày nữa chúng cháu về.”

Bác Foone cảm thấy hơi khó chịu, nhưng bác kìm nén ước muốn tranh luận ở cô. Ling có thể rất ngoan cố, nhưng đó là lý do bác đã đưa cô vào nhóm này từ đầu. Bác biết Chúa có thể dùng cam kết cháy bỏng của cô để giúp gây dựng những Hội Thánh tại gia lớn lên và phát triển. Ngoài ra, bác Foone và vợ bác còn yêu cô như con

Bác biết những tranh đấu của Ling, thế nào thỉnh thoảng cô phải đối phó với những ghen tị từ phía tín hữu vì địa vị của cô, việc cô phải chịu đựng hiểu lầm không ngừng của những người không hình dung nổi vì sao cô vẫn chưa hề lập gia đình. Nghĩ đến mọi thách thức cô đang gặp, bác Foone cầu nguyện thầm khi nhìn cô ra đi.

CUỐI CÙNG BỊ BẮT

Xế chiều, Ling và các bạn nhận xong Kinh Thánh rồi đến nhà bạn của họ trên đường về. Họ vui sướng thông công với nhau và nghỉ ngơi sau hành trình dài, lúc đó khá muộn thì Ling xin lỗi cần phải gọi điện thoại trước khi đi ngủ. Khi bước ra ngoài căn hộ trên con đường giờ đây đã vắng lặng, cô nghe tiếng người đàn ông gọi tên mình. Ông ta đang vội vã tiến về phía cô, và khi ông đến gần, dưới ánh sáng đèn đường, cô thấy đó là một sĩ quan công an. Bản năng đầu tiên của Ling là chạy trốn, nhưng khi quay lại, trước mặt cô có một sĩ quan khác rồi.

Ling nghĩ: *Ồ, cuối cùng họ cũng bắt được mình.* Kể từ khi thấy tên mình trên bảng truy nã nhiều năm trước, cô vẫn đang chờ đợi giây phút này. Nhưng cô vững tin rằng mình sẽ không bị bắt cho đến khi Chúa cho phép đúng thời điểm của Ngài; giờ đây cô được yên ủi bởi ý tưởng ấy.

“Cô phải đi với chúng tôi,” một sĩ quan lên tiếng khi họ cho cô xem chứng minh thư. Rõ ràng lâu nay họ đang chờ cô, và dẫu cô biết khá rõ chuyện gì sẽ đến, cô vẫn thở ra nhẹ nhõm, nghĩ rằng họ sẽ chỉ bắt một mình cô, không đả động đến những tín hữu khác hay lục soát căn hộ bé tẹo kia.

Nhưng thay vì dẫn đến chiếc xe đang chờ, những viên sĩ quan dẫn cô trở về căn hộ.

“Các ông đưa tôi đi đâu thế này?” Ling hỏi lại.

“Vào trong nhà,” viên sĩ quan thứ nhất trả lời. Ông ta cao lớn, giống như Ling, và nói với giọng bình tĩnh để làm nhụt chí cô. Đang khi họ giải cô trở về tòa nhà, Ling suy nghĩ rất nhanh: *Shen và Jan đều đã có gia đình; chắc chắn công an sẽ không bỏ tù họ. Họ sẽ tìm được bao nhiêu quyển Kinh Thánh đây? Mình đã xóa hết những phương hướng đến nhà vị mục sư sau khi nhận Kinh Thánh tại đó chưa?*

Bước vào căn hộ trước cả các sĩ quan, Ling nhanh chóng thăm thì với Shen và Jan: “Cứ nói với họ là tôi thuê các bạn và các bạn không biết gì hết. Cứ để tôi chịu trách nhiệm.”

Công an nhanh chóng tách Ling khỏi những người khác, đẩy cô ngồi vào một chiếc ghế, trải lệnh khám xét chính thức trên bàn trước mặt cô. Cô thấy tên cô được viết trên đầu của đoạn đầu tiên. “Ký vào đây,” Ông Cao To Hắc Búa gầm lên. Hắc dúi cây viết vào tay cô, và Ling đọc thật nhanh qua tờ lệnh. Đây là lệnh cho phép họ lục soát và lấy đi mọi “bằng chứng” từ phòng của cô. Cô ký tờ lệnh và đột nhiên cảm thấy hết sức mệt mỏi. Cô biết sẽ là một đêm rất dài đây...

Các sĩ quan bắt đầu quần nát căn hộ. Cô nhìn họ lục lọi áo quần của mình. Và rồi họ tìm thấy những thùng Kinh Thánh...

Ling bị đưa về Nhà Tù 91, một trong bốn nhà tù nổi tiếng tại Trung Quốc. Các sĩ quan hỏi cung cô chỉ muốn biết ba điều: tên, tên và thêm nhiều tên nữa. “Ai đang cấp tiền cho cô? Còn những lãnh đạo nào khác nữa? Ai đã đưa cho cô những quyển Kinh Thánh này?” Vì biết hậu quả của việc chỉ ra tên của bất kỳ ai trong nhóm, nên cô không chịu trả lời.

Cuộc hỏi cung diễn ra liên tục suốt hai tháng kế tiếp.

Kèm với bị hỏi cung thường xuyên, Ling còn phải lao động cùng các tù nhân khác. Công việc hiện tại của các bạn tù là chế tạo những bật lửa để hút thuốc, và khâu kiểm tra chất lượng được duy trì khắt khe vì những chiếc bật lửa này sẽ xuất khẩu sang Phương Tây. Ling thấy mình ốm nặng; cô sốt rất cao và rất yếu. Nhưng nếu không làm tròn chỉ tiêu mỗi ngày, cô sẽ bị đòn.

“BỌN TAO BIẾT CÁCH ĐỂ MỞ MIỆNG”

Đến tháng Bảy, Ling bị dời đi. Công an ở thành phố quê hương của cô biết cô bị bắt, họ muốn dẫn độ cô về. Sau khi đuổi theo cô gần mười năm, họ rất phấn khởi khi biết cô đã bị bắt giam. Công an quê hương cô kinh nghiệm hơn về chuyện hỏi cung tù nhân. Đúng như một người trong bọn họ bảo cô: “Bọn tao biết cách để mở miệng.”

Đã yếu sức vì sốt và lao động cưỡng bức tại Nhà Tù 91, Ling chịu khổ dữ dội khi những cuộc hỏi cung cứ tiếp diễn. Môi cô lạnh cóng, và cô cảm thấy mình sắp qua đời. Những buổi hỏi cung rất tàn khốc, nhưng cô không nói gì cả. Họ dùng nhiều kỹ thuật khác với kỹ thuật của những công an hỏi cung lần đầu, nhưng cũng muốn có cùng một thông tin: tên người. “Cô cộng tác với những ai?” họ cứ hỏi đi hỏi lại mãi như thế. “Cô quan hệ với những ai ở hải ngoại? Nói cho chúng tôi biết về những buổi nhóm trái pháp luật của cô. Ai đưa cho cô sách và Kinh Thánh?” Những câu hỏi làm cô choáng váng, nhưng hết lần này đến lần nọ, Ling vẫn cứ im lặng và không tiết lộ người khác, cho dù cảm dỗ để tiết lộ là rất lớn. Thỉnh thoảng những người hỏi cung đưa cho Ling xem hình của cô với các bạn của cô. *Nếu họ đã biết ai đang làm việc với mình rồi; tại sao họ còn muốn mình cho tên của bạn?* Ling tự hỏi. *Có đưa tên họ ra giờ đây thì cũng có hại gì nữa đâu?*

Một ngày kinh khiếp nọ, mười ông vào phòng hỏi cung. Một người đang cầm bàn kẹp nhỏ đã mở cả hai đầu. Hai lính gác thô bạo xô Ling té sấp xuống sàn. Họ kéo quặt tay cô ngang hông ra sau lưng và giật ngược cánh tay kia qua vai để hai bàn tay cô hở khỏi xương sống lưng khoảng vài inch. Rồi một lính gác khác chặn gót giầy ống tên lưng cô để có đủ sức đòn bẩy mà kéo hai tay cô lại với nhau trong khi hai người đang giữ cánh tay vôi vàng gắn bàn kẹp vào hai ngón cái của cô. Họ xiết vít bàn kẹp chặt lại, ép hai ngón cái của cô lại với nhau.

Ling nghe xương kêu răng rắc đang khi các khớp vai bị kéo đến một tư thế bất thường. Rồi mấy ông đó thả cánh tay cô ra, và toàn bộ sức của tư thế bị tréo để tra tấn cô đã giáng một tia sấm sét đau đớn qua khắp cơ thể Ling.

“Bàn kẹp ngón cái” rất tàn bạo, chính quyền đã ban luật cấm sử dụng cho phụ nữ. Trong cơn đau đớn, Ling rên lên, thấy một chuyện thật mỉa mai: Nhiều người trong làng đã làm cô nản lòng bỏ chức vụ vì

cô là nữ mà làm việc được xem như việc của người nam. Giờ đây cô đang bị tra tấn như một người nam.

Ling biết chuyện gì sắp đến. Trong khoảnh khắc đó, cô nghĩ mình có một chọn lựa: đối diện sự chết hoặc phản bội các anh em mình. Cô quyết định thà chết còn ít đau đớn hơn.

“Ngồi dậy!” Một sĩ quan hét lên vừa đá vào chân của Ling. Cô đang cố chồm dậy bằng đầu gối thì lại bị đâm gục xuống bởi một đòn hiểm của dùi cui trên lưng. Cơn đau nhói xuyên qua cơ thể như bị sét đánh. Cô không thở nổi; gần như không cử động nổi. Cổ tay sưng vù, và cánh tay bị chuột rút vì bị khóa đằng sau.

“Làm ơn đi! Tôi không thể...” Giọng Ling run lên khi dồn hết sức giữ mình tỉnh táo. Những giọt mồ hôi lạnh chạy dài trên trán và làm rát bỏng mắt đang khi cô kêu cầu Chúa trong cơn đau đớn. Cô không biết Chúa Jêsus có cảm thấy thế này khi Ngài cầu nguyện trong Ghếtsemanê không, khi biết Ngài sẽ phải chịu khổ và chịu chết. Cô không biết mình sắp chết chưa...

Suốt ba giờ, họ tiếp tục hỏi cung trong lúc những ngón cái của Ling bị kẹp lại với nhau đằng sau lưng, thân thể bị vặn vẹo hết sức đau đớn. Cuối cùng đau quá cô ngất đi.

Khi tỉnh dậy, Ling đang sắp mặt xuống sàn xà lim dơ dáy của mình. Cô nghe có tiếng nói gần đó, và cuối cùng có người vào trong xà lim đỡ cô lên chiếc giường gỗ. Cô không cử động nổi; quá đau đớn đi. Thậm chí còn không ngồi dậy nổi để ăn hay sử dụng chiếc xô vệ sinh. Suốt mười lăm ngày, cô cứ nằm trên giường trong khi các viên sĩ quan đang quyết định xem phải làm gì với cô.

Dần dần, cô hồi phục sau cuộc tra tấn, và cô đã qua được những tình trạng khủng khiếp trong nhà tù thêm năm tháng nữa. Sau đó, vì nhà cầm quyền không có bằng chứng thực tế nào chống lại cô và không thể bắt cô khai ra tên những tin hữu khác trong mạng lưới rộng lớn của cô, nên họ đành phải thả cô ra.

CHỊU KHỔ LÀ MỘT TRƯỜNG HỌC

Vào một ngày gió rét rất mạnh của tháng Giêng năm 1995, Ling gõ cửa nhà một người bạn đồng công. “Ling à!” Cô bạn Ruth thốt lên khi nhìn thấy cô yếu ớt đang đứng trước mặt mình. Cô vội kéo Ling vào

nhà, quàng tay quanh Ling, hỏi tới tấp: “Ling ơi, hết thấy tụi tui đều lo lắng về chị. Sao chị không liên lạc với tụi tui? Chị ốm quá đi! Chị có khỏe không? Công an không cho tụi tui biết gì về chị cả. Chị sống sót bằng cách nào? Chị làm sao ra được?”

Một buổi ăn mừng ngẫu hứng nhanh chóng tổ chức ngay khi tin Ling được thả về lan ra giữa vòng các tín hữu. Ling kiệt sức nhưng rất phấn chấn vì lại được ở cùng các anh chị em trong Christ của mình. Khi nhóm lại để tạ ơn Chúa và cầu nguyện, Ling nói: “Cảm ơn các anh chị rất nhiều vì đã sốt sắng cầu nguyện cho tôi suốt mấy tháng qua. Tôi biết mình không làm gì được nếu không nhờ sự giúp đỡ của Chúa và sự giúp đỡ bằng lời cầu nguyện của các anh chị. Tin tôi đi, có nhiều ngày tôi không nghĩ mình sống tiếp nổi, nhưng Chúa vẫn thành tín để luôn nhắc tôi nhớ tình yêu của Ngài trong những lúc đó. Tôi nghĩ chịu khổ là một trường học. Nếu tốt nghiệp mỹ mãn từ trường học này, thì mình đã hoàn tất công việc của mình. Nhưng nếu thất bại, mình sẽ bị tiêu diệt. Đối với tôi, nhà tù là một trường học. Khi còn trong tù, tôi không nghĩ gì khác hơn là hoàn toàn nương cậy nơi Chúa, và lòng nương cậy đó buộc tôi đến gần Ngài hơn. Tôi vẫn luôn dạy các anh chị phải mạnh mẽ cho Chúa và đối diện với mọi thử thách. Giờ đây tôi có thể nói với các anh chị cách chắc chắn hơn nữa rằng Chúa Jêsus sẽ ở với các anh chị, bất luận anh chị phải trải qua hoàn cảnh nào đi nữa.”

Trước khi bị bắt, Ling vẫn đang nghiên cứu bài dạy về đời sống Phaolô và các sứ đồ khác trong Tân Ước, là những người đã chịu khổ cho Đấng Christ. Giờ đây cô nói đùa với những bạn đồng công rằng khi đến Thiên đàng, cô muốn chào Chúa Jêsus trước rồi sau đó bắt tay Phaolô và hỏi ông: “Hồi ông còn sống trên đất, đời sống của ông có gian truân như của tôi không?”

Chưa đầy ba mươi tuổi, Ling đã chịu rất nhiều nhục hình, nặng đến nỗi cô không còn hoạt động bình thường được. Thế nhưng vì muốn nêu gương tốt, cô lập tức bắt đầu lại công việc của mình giữa các Hội Thánh tư gia, dạy và hướng dẫn các buổi học Kinh Thánh, học với những người từ ngoại quốc đến liên lạc để điều phối nguồn giúp đỡ và thông tin, để bảo đảm dòng Kinh Thánh vẫn cứ tiếp tục chảy vào những khu vực nội địa của Trung Hoa. Do cơn bắt bớ tàn khốc của nhà cầm quyền suốt thập niên 1980, tín hữu đã tản lạc khắp Trung Hoa, và mạng lưới

Hội Thánh tư gia phát triển lên đến vài triệu người. Giờ đây lại càng khẩn cấp hơn nữa, Ling làm việc để bảo đảm mỗi Hội Thánh đều có ít nhất một quyển Kinh Thánh.

Một buổi tối tháng Chín năm 1996, Ling vừa chào tạm biệt một cặp vợ chồng giáo sĩ từ Châu Âu đến rồi quay về nhà thì cô và các bạn nghe tiếng gõ cửa, lúc đó khoảng mười giờ tối.

Giọng người đàn ông kêu lớn: “Xin chào! Chúng tôi chỉ cần kiểm tra thẻ thường trú của các bạn thôi.”

Ling nhìn bác Foone và Shen rồi lắc đầu. Cô biết chắc chắn đây là công an. Ling vừa mở cửa là năm sĩ quan ủa vào ngay. “Các người đã bị bắt!” Một sĩ quan tuyên bố trong khi các công an khác còng tay Ling và các bạn cô. Ling một lần nữa ảo não nhìn các sĩ quan xéo nát mọi thứ của mình. Sẽ là một đêm dài nữa đây...

NHỮNG NGƯỜI BẠN CŨ

Khi đến đồn công an, Ling được đưa đến trước mặt ủy viên hội đồng, một người ăn nói trôi chảy làm việc với cô trong lần bắt cô kỳ trước. “Thưa ông, đây là cô Ling...,” một thuộc cấp mở lời.

“Được rồi, tôi biết cô ta,” người đàn ông phụ trách vừa đáp lời vừa nở nụ cười tự mãn. “Tụi này là bạn cố tri. Được rồi Ling, lần này, tôi nghĩ cô sẽ không đi đâu trong một lúc lâu đấy. Hồ sơ về cô và nhóm của cô khá ấn tượng. Mới hồi tối chúng tôi bắt thêm hai lãnh đạo của cô nữa. Rốt lại, tôi nói đây là công việc của một ngày rất tốt lành. Ông ta giật giật cầm vẻ coi thường. “Đưa vào xà lim 12,” ông ta nói với lại đằng sau đang khi bước ra cửa. “Tôi về nhà đây.”

Sau một tuần, nỗi lo lắng của Ling càng gia tăng khi nghĩ đến thái độ thư thả của viên sĩ quan. Vì sao không hỏi cung cô? Vì sao viên sĩ quan lại thông thả như vậy? Họ làm sao tìm được những người đã bị bắt kia? Ling phải chống chọi với bao đợt sóng kinh hoàng ập đến khi nhận thấy họ chắc hẳn biết nhiều lắm. Cô nghĩ công an chắc chắn ngày càng hiểu rõ hơn trước về ảnh hưởng cô có ngày nay. Chắc họ vẫn đang theo dõi cô kể từ khi được thả ra sau lần bắt giữ kỳ trước, vì vậy rõ ràng họ biết cô thường xuyên gặp những mối giao liên hải ngoại. Và chắc chắn họ biết mọi người nào đã đến thăm tại tỉnh của cô và xin gặp cô để biết về phong trào Hội Thánh tại gia.

Ling nghĩ, Ô, hiểu rồi. Hội thánh tăng trưởng theo cấp số nhân, vì vậy sớm muộn gì công an cũng phải học biết những chi tiết về các hoạt động của cô. Cô đã cam chịu nếp sống trong tù, rùng mình khi nghĩ những lời Chúa Jêsus phán – “Này, ta sai các ngươi đi như chiên giữa bầy muông sói” – lại đang trở thành hiện thực cho cô lần nữa.

Bốn tháng kể tiếp thật thống khổ cho Ling. Đôi khi cô nài nỉ những kẻ bắt cô: “Làm ơn đi, nếu các ông muốn giết tôi, thì giết quách cho xong. Muốn kết án tôi, thì cứ kết án đi. Còn muốn thả thì cứ thả đi! Nhưng đừng giữ tôi ở đây vô cớ hoặc vô lý, giống như đã làm lần trước.”

Cô thẳng thừng nói như thế, nhưng chẳng ai chú ý đến cô ngoại trừ một lính gác thỉnh thoảng tát vào mặt cô hay chế giễu cô.

Thỉnh thoảng Ling nghĩ chắc cô điên lên mất. Mỗi ngày cô ngồi trên chiếc ghế gỗ cứng ngắt dùng làm giường. Xà lim bé tẹo, chỉ nhằm dùng làm một cái hốc giam giữ tạm thời, liên tục ướt do bị rỉ nước. Nhiều khi đông nghẹt đến hai mươi chị, và các chị phải dành phần lớn thì giờ để múc nước đổ ra khỏi sàn.

Dầu các tù nhân khác thường vào ra các xà lim giam giữ trước khi được chuyển sang nhà tù khác hay trước khi được thả, nhưng hầu như Ling bị các nhà chức trách phớt lờ và hiếm khi rời khỏi chỗ bé tẹo chật cứng này. Cô không được phép nằm xuống suốt nhiều ngày dài hoặc thậm chí cũng không được dựa vào tường, nhưng buộc phải đứng hoặc ngồi thẳng trên miếng gỗ dùng làm giường của mình. Hàng đàn ruồi muỗi khiến cho xà lim dơ dáy này càng trở thành nơi khốn khổ hơn nữa.

Cuối cùng, một ngày nọ viên chỉ huy cảnh sát xuất hiện tại cửa xà lim của cô, cầm theo một tờ đơn trong tay. Ông ta ra lệnh: “Ký vào đây.”

Ling chìa tay qua chấn song đón tờ đơn. Cô hỏi: “Cái gì đây?”

“Chỉ ký vào thôi,” viên chỉ huy hàm hè, dí tờ giấy vào tay cô. “Cô sắp bị chuyển chỗ.”

Lòng Ling chùn xuống khi liếc nhanh tờ đơn và thấy đây là thông báo cho biết cô sẽ bị gởi đến “Trại Lao Động Cải Tạo” trong thời gian ba năm. Trung Hoa cho tù nhân mười lăm ngày để thỉnh cầu tòa hoặc để cố kháng án sau khi nhận thông báo như thế, nhưng đối với Ling, sẽ

không có những quyền lợi như thế. “Ngày mai cô sẽ rời khỏi đây,” viên chỉ huy bảo cô như vậy.

Ling chưa kịp phản đối, ông ta đã vênh vác đi ra, gót đôi giày bóng loáng nện cồm cộp oai vệ xuống lớp bê tông dần theo bước chân biến mất khỏi hành lang dài trong nhà tù.

Ba năm.

Ồ, Đức Chúa Trời ôi, xin canh giữ các Hội Thánh,” Ling thầm cầu nguyện khi chiếc xe tù đưa cô đến khu vực được gọi là Sông Thập Bát Lý, nơi có một trại lao động cải tạo. Cô biết ơn Chúa về mọi điều mà cô và các bạn đã hoàn tất, nhưng đồng thời, cô lo lắng về việc đang xảy ra cho họ hiện nay. Trong số mười lãnh đạo hàng đầu trong mạng lưới các Hội Thánh tại gia của họ, cô biết ít nhất có bốn người hiện đang ở tù. Ngoài cô, bác Foone đang bị nhốt tại nhà tù địa phương, và hai lãnh đạo khác bị gửi đến một trại lao động cải tạo khác trước cô.

Khi đến nơi, Ling được trao một bát cơm và một cái thùng nhỏ đựng vật dụng cá nhân, rồi được dẫn vào xà lim của cô.

CẦU NGUYỆN TRONG TÙ: CẦN THIẾT NHƯ HƠI THỞ

“Chào Ling! Chúng tôi biết tin chị sắp đến!” Một giọng nói chào cô khi cửa xà lim đóng sầm lại. Hóa ra một số tín hữu từ một trong những nhóm của Ling sẽ là bạn tù của cô ở trại này. Cô phải mỉm cười, nghe tiếng chào vui vẻ của họ. Họ thật sự tỏ vẻ sung sướng vì cô ở tù, nhưng cô biết họ chỉ sung sướng vì cô đã được giao về ở trong xà lim của họ. Khi ôm lấy nhau và thầm thì những lời cầu nguyện nhỏ, Ling không biết còn thêm bao nhiêu tín hữu nữa sẽ gia nhập bọn họ.

Ling được giao ở giường trên. Đêm đầu tiên ấy, Ling leo lên giường và bắt đầu cầu nguyện lớn tiếng. “Này!” Một bạn tù của cô la lên. “Mày không làm được vậy ở đây đâu. Nếu bị bắt gặp, cô sẽ bị phạt.”

“Nhưng làm gì có chuyện không cho phép Cơ Đốc nhân cầu nguyện. Làm vậy khác gì cấm họ thở,” Ling trả lời.

“Ồ, ra thế đấy,” một chị khác nói. “Không những thế, chị còn không được phép để tóc dài nữa kia.”

Ling dùng ngón tay chải mái tóc đen dài mượt như lụa của mình. Cô không tự phụ về diện mạo, nhưng không hình dung nổi cảnh phải cắt tóc. Cô luôn giữ mái tóc dài, như tóc của mẹ. Cô nghĩ mình sẽ xấu xí

biết bao với mái tóc ngắn kia. Cô cảm thấy những giọt nước mắt đầu tiên ứa trên mắt khi thâm kê cầu Chúa chữa lại mái tóc cho mình. Cô biết chuyện đó thật ngớ ngẩn ngay cả trước khi dứt lời xin Chúa. Cô nhìn quanh xà lim, thấy mọi chị khác đều phải hớt tóc ngắn – và thấy họ thấy đều xấu xí.

Đời sống trong trại khác với đời sống trong tù. Sau bao tuần dài đằng đẳng bị giam, Ling rất sung sướng được đi ra ngoài lúc ban ngày. Thức ăn nơi đây đỡ hơn đôi chút, nhưng trong thời kỳ giam lỏng ba tháng, cô phải làm việc mỗi ngày mười lăm đến mười sáu tiếng, để làm tóc giả. Một lần nữa, cô lại nghĩ đến điều mỉa mai khi xoa xoa gốc tóc giờ đây đang đâm lổm chổm trên đầu. Công việc làm tóc giả thật tẻ nhạt và khó, và không phải bất thường khi nhân công nôn mửa trước những áp lực phải đạt chỉ tiêu mỗi ngày. Ling thấy thật khó nghĩ đến chuyện nào khác.

Đời sống trở nên thông lệ đơn điệu của thức dậy, ăn, làm, rồi ngủ – và rồi lại thức dậy, ăn, và làm việc tiếp. Nhiều khi các bạn tù còn phải làm việc suốt đêm nếu công việc nặng nề hoặc nếu ngày đó chưa đạt chỉ tiêu. Đối với Ling, thách thức lớn nhất là tìm thì giờ tập trung vào Chúa và cầu nguyện như cách cô đã quen làm. Và sau rất nhiều năm đi lại tự do khắp khu vực miền trung Trung Quốc, giảng đạo, dạy và chăm sóc tín hữu, đời sống mới này cùng với mọi luật lệ và giới hạn của nó quả là một đòn choáng váng.

“ĐỨC CHÚA TRỜI CÓ MỤC ĐÍCH CHO CHÚNG TA Ở ĐÂY”

Mỗi sáng, các bạn tù nhảy ra khỏi giường vào lúc năm giờ sáng khi còi thổi, và có mười phút để dọn giường và xếp hàng trong sân, mười lăm phút để ăn, và cả ngày để làm tại xưởng. Họ tuân theo thời khóa biểu này, không có giờ giải lao suốt bảy ngày một tuần. Đối với hầu hết, kể cả Ling, đời sống trở nên tình trạng vĩnh viễn kiệt sức và đơn điệu. Ling lao động bên cạnh gái điếm, những người buôn ma túy, những tên trộm, những tên bắt cóc, và nhiều người khác nữa vốn được gọi là “cặn bã của xã hội.” Hoàn toàn kiệt sức bởi những giờ làm việc dài đằng đẳng, cô thấy ngày càng khó cầu nguyện ban đêm vì hết sức thèm ngủ.

Tuy nhiên, sau vài tuần, Ling cảm thấy con người cũ của mình trở lại khi cô phó dâng tình huống của mình cho Chúa. Một lần nữa cô

cảm thấy được thôi thúc chia sẻ đức tin của mình cho các tín hữu khác. Cô nói với họ: “Mục tiêu tối hậu của Đức Chúa Trời trong mỗi hoàn cảnh là nhằm cho chúng ta học vâng lời, đúng không? Vì vậy tôi biết Chúa có mục đích cho chúng ta ở đây. Chung quanh chúng ta là những tên tội phạm với những môi miệng tục tĩu và hành động ra theo mọi cách. Tôi biết Chúa muốn chúng ta học yêu thương những người này và bày tỏ cho họ biết tình yêu của Ngài. Rất dễ để yêu những người ở bên ngoài – bạn bè và những bạn cùng làm việc của chúng ta. Nhưng Chúa muốn chúng ta học cách yêu những người này nữa.”

Ling cảm tạ Chúa về một nhóm tín hữu khác nữa trong số người đồng đức ở trại cải tạo lao động này. Khi một tín hữu cảm thấy ngã lòng, đã có sẵn người khác nâng đỡ chị ấy dậy. Và đầu Ling thấy bức bối vì họ không thể nhóm công khai để cầu nguyện và chia sẻ, cô vẫn thấy còn nhiều thời điểm và nhiều nơi khác để cô có thể cầu thay và khích lệ những người nữ này – khi họ được phép nghỉ giải lao đi nhà vệ sinh trong ngày làm việc hoặc khi đang đứng xếp hàng chờ ăn trưa chẳng hạn.

Chẳng mấy chốc, những năng lực lãnh đạo của Ling đã hiện rõ trước mắt những viên chức trong trại, và họ giao cho cô làm trưởng nhóm phân ban của cô. Vụ thăng chức này giúp Ling thêm cơ hội để làm chứng khi cô phụ trách năm mươi chị trong ký túc xá của cô và cũng làm quản đốc sản xuất coi hai trăm người nữ trong xưởng làm tóc giả. Tuy công việc đầy thách thức và tranh chiến giữa các tù nhân đôi khi khiến cô tức giận, nhưng Ling đã thực hiện bốn phận thật xuất sắc, và cuối cùng cô được lòng rất nhiều người dưới quyền giám thị của cô.

“Vì sao chị ở đây?” Máy chị đến hỏi cô. “Chị rất tốt bụng và là lãnh đạo tốt đến thế! Lẽ ra chị đã có sự nghiệp rất tốt ở bên ngoài rồi.”

Ling tận dụng mỗi cơ hội để chia sẻ nguyên nhân cô bị tù, và do lời làm chứng của cô, nhiều người trở thành tín hữu thâm lặng. Dầu không có Kinh Thánh, Ling vẫn dạy họ nhiều câu Kinh Thánh và nhiều bài hát cô đã thuộc lòng, và dạy họ cách cầu nguyện. Cô nhớ quyển Kinh Thánh chép tay thật cẩn thận của người anh em lớn tuổi, nhớ cam kết của chính mình để học thuộc nhiều phần lớn trong Kinh Thánh. Và giờ đây cô sung sướng vì đã thực hiện được.

“MỘT NGƯỜI NHƯ TAO CÓ TIN CHÚA ĐƯỢC KHÔNG?”

Các nhân viên trong tù tiếp tục để ý thành tích làm việc xuất sắc của Ling và sự thực là đội cô đứng đầu trong sản xuất và dường như ít đánh lộn và ít tai nạn hơn các đội khác. Một ngày nọ, giám thị của Ling, là cô Tao, chặn cô lại trong lối đi giữa xưởng.

Cô bảo: “Này Ling, tao đã xem hồ sơ của mày. Tao biết những hoạt động của mày và mày là một lãnh đạo Cơ Đốc có ảnh hưởng. Rồi mày ở đây mười một tháng, ta cũng thấy công việc và hành vi của mày với những tù nhân khác, đặc biệt những đứa thô bỉ và luôn luôn giận dữ rất dễ gây rắc rối. Mày dường như cũng có cảm tình nhiều với những tù nhân đó, thế nhưng không hành động giống chúng. Tại sao vậy?”

Ling thấy hứng thú khi nói với xếp của mình: “Tôi không hành động giống họ vì tôi là một Cơ Đốc nhân, và tôi đã dâng trọn đời sống mình cho Chúa Jêsus Christ. Ngài là nguyên nhân cho tôi sống. Ngài là nguyên nhân tôi có thể yêu mọi người không đáng yêu này.” Ling nén hơi lại, chờ phản ứng của cô Tao. Chỉ riêng việc đề cập đến tôn giáo cũng đủ tăng thêm thời gian thọ án của cô hay khiến cô bị nhốt vào trong “rương” là một xà lim biệt giam. Cô không bao giờ biết liệu người hỏi thăm có đang cố gắng bẫy mình hay không. Nhưng trước sự kinh ngạc của Ling, xếp của cô buột miệng hỏi: “Một người như tao có tin Chúa Jêsus được không?”

Ling trả lời: “Đương nhiên được! Nhưng cô không sợ mất địa vị sao? Không sợ chính quyền đuổi cô khỏi quân đội sao?”

“*Mày* không sợ tao phạt bằng cách tăng thời gian thụ án vì nói những chuyện vô nghĩa như thế sao?” Cô Tao quật lại, không quên kèm theo cú đánh.

“Miễn biết thời gian mình ở đây có mục đích – miễn tôi biết chị tin đến Chúa Jêsus – tôi có thể ở đây mãi mãi.”

“*Mày thích ở đây à.*”

Ling trả lời: “Không, không hề. Nhưng chính vì Chúa Jêsus yêu chị mà tôi ở đây. Sự sống của tôi và của chị đều bởi Đức Chúa Trời ban cho.”

Cô Tao cãi thêm vài câu nữa, nhưng Ling trả lời mọi thắc mắc đang khi cô tiếp tục nói cho xếp của mình biết về đức nhân từ yêu thương của Đức Chúa Trời.

Cô Tao rất thích thú, nhưng không dễ bị thuyết phục, và họ tiếp tục những cuộc đối thoại lén lút suốt nhiều tháng. Cuối cùng, một ngày kia cô bảo Ling: “Dù tao tin, tao cũng phải tin bí mật. Mà biết đấy, có rất nhiều Cơ Đốc nhân trong khu nhà của tao, nhưng tao chưa hề nói chuyện với họ. Rất khó vì cơ địa vị của tao. Mà là Cơ Đốc nhân đầu tiên mà tao thật sự biết đến xưa nay.”

Ling chỉ có thể mỉm cười đáp lại và cầu nguyện trong lòng cho cô Tao.

Cô tiếp tục làm việc và phục vụ Chúa trong trại lao động hết sức mình có thể làm trong hai năm tiếp theo, nhưng sức khỏe Ling suy sụp vì những giờ lao động dài dằng dặc và thiếu chất bổ. Có vài ngày cô tự hỏi mình còn chịu đựng được bao lâu nữa đây. Rồi một ngày tháng Mười Hai, cô Tao gọi Ling vào văn phòng. Cô ta đang ngồi sau bàn giấy với cái nhìn nghiêm khắc trên gương mặt, tay cầm một mảnh giấy.

Ling hỏi: “Cái gì vậy?” Cô Tao trả lời: “Ta vừa nhận được giấy đề nghị án cho mày, và tao cần mày ký.”

Ling điếng cả người. Cô lục lọi trí nhớ xem gần đây có biến cố nào khiến bản án của cô bị tăng lên không. Đương nhiên, cô không nhớ nổi điều gì, dầu vậy chắc có ai vu cáo cô bằng cách nói dối các sĩ quan. Cô Tao và Ling đã trở thành bạn, và Ling tiếp tục nói với cô Tao về Đấng Christ. Có lẽ ai đó nghe lỏm họ nói chuyện rồi báo cáo.

Tâm trí cô suy nghĩ miên man. Cô quay về với tình huống hiện tại khi nghe cô Tao đọc từ biên bản, nói “... bản án của cô một năm.”

Lòng Ling chùn xuống. Lúc đó cô Tao ngẩng lên nhìn cô, kinh ngạc trước nét mặt thất vọng của Ling. “Này Ling! Có nghe tôi nói không đấy?” Cô Tao nói gay gắt. “Họ đã xếp hạng cô là đã được cải tạo hoàn toàn và *giảm* bản án của cô một năm!”

Ling ghen lời.

“Ồ, tôi phải nói rằng đây là lần đầu tiên xưa nay tôi thấy cô thiếu lời nói.” Giờ đây cô Tao đang mỉm cười. “Chúc mừng, Ling à; cô sẽ được thả trong vòng chưa đầy ba tuần nữa.”

CẢ MỘT THẾ GIỚI CÁCH BIỆT

Ba tuần sau, một buổi sáng lạnh như cắt xuyên tẩm thân gầy của Ling khi cô đang lo lắng chờ bác Foone ở bên ngoài trại trong lớp tuyết

dày đến mắt cá. Cô trầm ngâm nói một mình: *Được phục hồi.* Điều đó chỉ có nghĩa cô không bị bắt gặp dạy và giảng Tin Lành cho những tù nhân khác. Cô hy vọng nó cũng sẽ có nghĩa họ sẽ để cô yên ít lâu.

Ling rất phấn khởi được trở về với công tác truyền giảng và khích lệ các tín hữu trong Hội Thánh, nhưng cũng biết tình trạng sức khỏe của mình không còn như trước. Có rất nhiều thành phần của nếp sống tù mà rất khó lay chuyển. *Chúa ôi, xin giúp con điều chỉnh lại cho thích nghi với cuộc sống ở ngoài tù. Và xin tiếp tục ở với những chị em vẫn còn ở trong tù.*

Ling rất thích cuộc đoàn tụ nồng nhiệt vui vẻ này khi bác Foone và Shen đến đón trong chiếc xe hơi nhỏ. Vì chắc sẽ gây ra rất nhiều khó khăn lớn cho tín hữu nào đến thăm cô trong tù, nên cô có rất ít người đến thăm trong hai năm vừa qua. Giờ đây, cô sắp biết được một số lãnh đạo đã kết hôn, các thành viên khác trong Hội Thánh giờ đây đã có con, và rất nhiều nhóm thông công mới đã được thành lập.

Ngay khi xe chạy, Ling cảm thấy một đợt buồn nôn. Cô nghĩ: *Đây là một chuyện mới nữa mà chưa từng làm lâu nay, đi xe hơi.* Chuyến đi bốn tiếng đồng hồ thật khốn khổ cho Ling, co quắp người ở băng sau bị say xe đang khi cố gắng tập trung vào nỗi hào hứng vì được trả tự do.

Đúng như mong đợi, Ling rất khó điều chỉnh cho thích nghi với cuộc sống bình thường. Nhà tù là cả một thế giới tách biệt. Khi cô ở trong trại lao động, các sĩ quan không bao giờ cho phép tắt đèn. Các bàn sản xuất gần như luôn luôn bật, và ngay cả các xà lim cũng thấp sáng trưng. Cấp lãnh đạo trong Hội Thánh giờ đây đã vững lập mà không cần đến cô, khiến Ling lại càng khó bắt đầu trở lại vai trò lãnh đạo của mình, đặc biệt vì cô là một phụ nữ. Cô cảm thấy buồn vì dường như giờ đây không còn chỗ đứng nào cho cô giữa vòng các lãnh đạo Hội Thánh, nhưng cô cũng biết mình phải nghỉ ngơi và giữ những trách nhiệm nhẹ thôi đang khi thân thể cô được chữa lành. Vì vậy có lẽ vậy là tốt nhất.

BỊ BẮT – TẤT CẢ MỌI NGƯỜI TRONG SỐ HỌ

Ling dời đến sống với gia đình của một trong những lãnh đạo Cơ Đốc. Họ sống trong một ngôi nhà lớn tại miền trung của Trung Hoa, và Ling được giao một phòng ở tầng hai. Lãnh đạo lên thời khóa biểu bí mật gặp nhau trong nhà này từ ngày 19 – 23 tháng Tám. Ling định đến

dự, nhưng thay vào đó cô được giao một nhiệm vụ quan trọng tại miền tây Trung Hoa suốt tuần họp mặt. Cô nghi các lãnh đạo đang cố đưa cô đến ở nơi an toàn, nhưng cô không thể biết chắc chắn. Hơn ba mươi lãnh đạo nòng cốt của Hội Thánh sẽ đến họp, và đây sẽ là cơ hội tuyệt vời để nối lại những liên hệ xưa – và để tái lập cam kết của cô đối với vai trò lãnh đạo. Nhưng sẽ không phải như thế.

Cô vừa hoàn tất sứ mạng của mình ở miền tây Trung Hoa vào buổi tối ngày 23 tháng Tám, thì nhận được một tin khẩn. Cô nhận được tin: “Ling! Trở về gấp. Mọi lãnh đạo đều bị bắt – tất cả mọi người trong số họ. Cô là người duy nhất còn lại!”

Hôm sau Ling về nhà, thấy các tín hữu đang kinh hoảng. Một số vợ, chồng của các lãnh đạo Hội Thánh trút hết bực bội của họ vào Ling, bằng cách nào đó nghĩ rằng cô phải chịu trách nhiệm. Cô vừa mới ra tù sáu tháng, và các bạn bảo cô rằng công an cũng đang tìm cô nữa.

Ling lập tức kiểm soát tình hình. Trước hết, cô triệu tập toàn bộ tín hữu địa phương và giao cho mỗi nhóm nhiệm vụ phải theo dõi tin tức của một hoặc hai lãnh đạo đã bị bắt. Họ sẽ phải gom áo quần, thức ăn và tiền rồi gửi đến đồn cảnh sát cho những lãnh đạo “của họ.”

Cuộc bắt giữ để lại ảnh hưởng lớn trên Hội Thánh trên khắp đất nước Trung Hoa, vì các mục sư vẫn là những lãnh đạo Cơ Đốc chính trong khu vực tương ứng của họ. Tin họ bị bắt nhanh chóng lan ra thế giới bên ngoài thông qua email và lan nhanh khắp Trung Hoa qua các đài vô tuyến truyền thanh The Voice of America. Ling tìm cách phối hợp luồng thông tin khi người từ khắp Trung Hoa và thế giới bắt đầu gọi đến để tìm hiểu những chi tiết mới nhất. Chẳng mấy chốc, gia đình của các mục sư bắt đầu đến, và Ling tiếp đón từng người một, trả lời những câu hỏi của họ hết khả năng cô có thể làm được.

Sau năm tuần, tất cả - ngoại trừ sáu lãnh đạo - đã được thả ra, nhưng trước hết phải trả khoản tiền phạt rất cao (lên đến mười ngàn yen mỗi người), là khoản tiền Ling cũng đang chịu trách nhiệm kiếm cho được. Các tín hữu rất nghèo, và hết sức khó khăn để quyên được khoản tiền như vậy cho rất nhiều lãnh đạo. Nhưng Ling không chấp nhận câu trả lời “không được.” Những anh em bị tù của cô đáng giá hơn bất kỳ khoản tiền nào, và cô cứ mãi nài nỉ và quyên góp cho đến khi cuối cùng có đủ.

Ling đã kiệt sức và cảm thấy mình như vỡ vụn ra trước sức ép. Nhưng cô không thể nghỉ ngơi cho đến khi đã làm xong mọi việc mình làm được để giúp phóng thích sáu mục sư còn lại, là những lãnh đạo có nhiều ảnh hưởng nhất trong tổ chức của họ – và bởi đó là những giải thưởng lớn nhất cho cảnh sát. Giờ đây cô sợ các lãnh đạo ấy có thể bị xử tử.

Chỉ còn lại một việc phải làm. Ling gọi điện đến đồn cảnh sát.

“Làm ơn cho tôi nói chuyện với ủy viên hội đồng.” Viên thư ký đồn hỏi: “Ai đấy?”

“Tôi tên Ling. Ủy viên hội đồng sẽ biết tôi là ai, ông ta đang tìm tôi.”

“Ồ Ling, bạn cũ của tôi! Tôi rất ngạc nhiên nghe cô nói,” giọng nói êm ả quen thuộc của ủy viên vang lên trên điện thoại. “Cô đang gọi từ đâu thế?”

“Đừng bận tâm. Tôi cần nói chuyện với ông về những người bạn của tôi mà ông đang giam trong ngục.”

“Chắc chắn rồi, cứ đến đồn đi, rồi chúng ta nói chuyện.”

“Không đâu. Tôi chỉ đồng ý gặp ông tại khách sạn Minh Nguyệt. Và ông phải đi một mình. Tôi sẽ theo dõi, và nếu có ai đi với ông, tôi sẽ không ra mặt đâu.”

Ling biết ông ta sẽ đồng ý. Nếu không còn cơ nào khác, óc tò mò cũng kéo ông ta đến. Vì sao nhà truyền giảng tránh né ông ta suốt bao tháng qua nay lại mời *ông* đến họp mặt?

“Được rồi. Cô muốn khi nào gặp nhau?”

Cô bảo: “Tối nay lúc bảy giờ.”

Sau khi gác máy, Ling gặp một anh em mà cô biết mình có thể tin cậy. Cô giải thích tình hình cho anh rồi hỏi xem anh có cùng đi với cô được đến khách sạn đó rồi chờ bên ngoài không. “Nếu tôi không đi ra, thì anh sẽ biết tôi đã bị bắt rồi.”

Lúc sáu giờ năm mươi tối, Ling và anh kia đứng gần khách sạn, theo dõi và chờ, nhưng ẩn mặt. Họ nhìn thấy ủy viên hội đồng kia; ông cùng đi với một nhóm sĩ quan. Tim Ling như ngừng đập; cô đã sẵn sàng bỏ đi thì thấy chỉ một mình ủy viên bước vào trong khách sạn còn các sĩ quan kia đứng chờ phía trước. Đi vào khách sạn bằng cửa sau, Ling cùng gặp ủy viên hội đồng trong nhà hàng.

“Chào Ling. Rất vui gặp lại cô,” Ông chào nồng nhiệt, như thể họ thực sự là bạn cố tri vậy. “Nhưng cô không sợ tôi bắt cô sao?”

“Nếu sợ, tôi đã không đến đây. Nhưng tôi đến đây rồi.”

Cả hai đều gọi món ăn, và Ling dặn người phục vụ rằng cô sẽ trả tiền. Rồi cô đi thẳng vào chuyện. “Ông đang làm gì với các bạn của tôi? Ông đã thả những người kia kèm theo tiền phạt. Nếu muốn tiền, tôi sẽ trả tiền cho ông. Ông muốn trả bao nhiêu?”

“Từ từ đã, Ling à!” Ủy viên nói. “Chúng ta vẫn chưa ăn mà. Ngoài ra, tôi không thể làm được gì cho họ, và đó là do lỗi của cô. Chính cô là người đã khiến cho công chúng chú ý đến vụ này.”

Ling biết ông ta đang cố đe dọa mình, nhưng cô không chịu rút lui. Nhưng cô sẵn lòng thử những chiến thuật khác. Họ nói về bữa ăn tối thêm hai giờ nữa, và Ling dần nói về niềm tin của cô; cô giải thích vì sao mình và những mục sư bị tù rất say mê chia sẻ sứ điệp về Chúa Jêsus Christ. Ủy viên lắng nghe cách tôn trọng, nhìn thấy trong mắt cô lòng quan tâm đến các bạn cô, nhưng vẫn vô hiệu. Ông không chịu tỏ cho cô thấy bất cứ hy vọng nào rằng những người kia sẽ được thả.

Ling lấy ngón tay vuốt mái tóc đen của mình. Cuối cùng mái tóc cũng mọc dài trở lại. Cô nhớ lời cầu nguyện của mẹ về việc dâng làm sinh tế, và cô còn nhớ thuộc lòng phân đoạn Kinh Thánh đã đưa cô đi xa đến tận mức này: “*Mùa gặt thì thật trúng... song con gặt thì ít... chiêm giữa bầu muông sói.*”

Ling không biết liệu đây có phải là lúc trở lại trường học sự chịu khổ không.

TRỞ LẠI TRƯỜNG HỌC

Khi ủy viên ăn xong bữa, Ling biết thì giờ của mình đã cạn. Cô biết nhiều sĩ quan đang chờ ngoài cửa khách sạn. Cô đưa ra lời đề nghị cuối cùng. “Được rồi, lâu nay ông vẫn đang truy tìm tôi, và bây giờ tôi ở đây. Hãy bắt tôi rồi thả cho các bạn tôi đi.”

Ủy viên ngẩng đầu lên, miệng nở nụ cười nhạt muôn thuở. Ông nói thành thật: “Này Ling, chắc chắn cô là một trong những phụ nữ độc đáo mà tôi từng gặp.”

Rồi không nói thêm lời nào nữa, ông ta đứng dậy rời nhà hàng.

Ling ngồi yên lặng suốt mấy phút, cảm thấy mình đã thất bại. Lòng nặng trĩu, cô trở về nhà với cảm giác tuyệt vọng. Cô biết mọi chuyện sẽ không tốt lành gì cho các bạn đồng công của cô – những người bạn của cô – những người vẫn còn bị giam.

Thời gian trôi qua, Ling biết có thêm hai nhân sự nữa bị bắt, và những lãnh đạo vẫn còn trong tù đã bị giao cho nhà cầm quyền tại các quận địa phương của họ, và họ bị tra tấn tàn khốc nơi đó. Bản án của họ từ mười hai đến hai mươi bốn tháng lao động khổ sai.

Ling vẫn tiếp tục công việc, cảm thấy hết sức cô đơn. Cô vẫn còn rất yếu do thời gian bị tù lần trước, và khi thấy sức khỏe cô suy giảm, đa số những lãnh đạo khác khuyến khích cô rút lui khỏi những trọng trách. Nhưng cô không chịu, nhớ lại mẹ đã khích lệ cô thể nào và mẹ đã làm việc nặng nhọc biết bao bên cối xay đậu nành để Ling có thể ra đi thi hành chức vụ. Cô rất nhớ mẹ. Bao nhiêu năm chưa được gặp mẹ rồi. Nhưng giờ đây đi thăm mẹ thì quá nguy hiểm.

Ling vẫn là người phụ nữ duy nhất trong nhóm lãnh đạo, và cô thấy mình thường khóc một mình trong phòng, cầu xin Chúa ban cho sức mạnh để hoàn tất công việc của mình.

Ngày 16 tháng 4 năm 2002, chuông điện thoại của Ling lại reo lần nữa. Ba mươi Cơ Đốc nhân trong nhóm của cô đã bị bắt cóc bởi một giáo phái Trung Hoa cuồng tín. Ling gọi điện thoại cho “bạn” của cô ở đồn công an. Trở lại với công việc...

ĐOẠN KẾT

Ling tiếp tục sống cuộc đời rất gian truân, nhưng phần thưởng cho công việc cô thì nhìn thấy thật rõ ràng. Thông qua cuộc gặp gỡ “được sắp xếp” của cô với ủy viên, Chúa đã mở cửa để cô lên tiếng cho những bất công đang giáng vào các Cơ Đốc nhân của Hội Thánh tại gia Trung Hoa. Nhưng đồng thời, mối tiếp xúc của cô với nhà cầm quyền cũng đem lại nhiều tranh cãi hơn, và nhiều Cơ Đốc nhân kịch liệt phản đối việc cô đang làm. Để đáp lại lời chỉ trích của họ, Ling trả lời: “Chúng ta có thể là Cơ Đốc nhân, nhưng vẫn là người Trung Hoa, và đây vẫn là tổ quốc của chúng ta.”

Ling không hề thỏa hiệp những quan điểm của mình hay rút lui khỏi những hoạt động truyền giảng Tin Lành của mình. Cô cũng không để

cho nỗi sợ hãi hay nguy cơ bị bỏ tù ngăn cô tận dụng mọi cơ hội để dạn dĩ đứng lên binh vực anh chị em của mình. Cô vẫn nằm trên danh sách theo dõi của nhà cầm quyền, nhưng cô cũng nằm trên danh sách theo dõi của Chúa, và Ngài đã bảo vệ cô thật diệu kỳ và giữ cho cô không phải trở lại nhà tù.

Nhưng Ling vẫn sẵn sàng trở lại nhà tù nếu cần thiết. Cô nói: “Tôi sẵn sàng trở lại trường học. Tôi biết nếu Chúa đã đếm tóc trên đầu tôi, thì Ngài cũng sẽ có đường lối của Ngài dành cho tôi, và tôi sẽ cứ ở mãi trong ý muốn Chúa.”

Một thách thức nữa cho Ling ra từ lòng cam kết vẫn sống độc thân cho đến khi cấp lãnh đạo Hội Thánh đã vững vàng. Nhóm này phỏng tính đấy sẽ là cam kết trong khoảng mười năm, và Ling cho rằng cô sẽ còn rất nhiều thì giờ để lập gia đình sau đó. (Hồi ấy, cô chỉ là một thiếu niên.) Tuy nhiên, tại Trung Hoa, điều đó rất khó cho một phụ nữ độc thân sau tuổi ba mươi – là lứa tuổi của Ling hiện giờ.

Người ta liên tiếp nói với cô (thậm chí trong số đó có cả các mục sư của các Hội Thánh tại gia mà cô đã giúp thành lập) rằng chỗ của người nữ là ở trong nhà, dọn dẹp, nấu nướng chăm sóc con cái. Ling không phủ nhận vai trò hết sức quan trọng này, nhưng cô cũng biết đôi khi Chúa có nhiều kế hoạch khác với những kế hoạch mà người ta chờ đợi. Cô nhắc những người phê bình cô nhớ rằng trong thời kỳ tăng trưởng bước đầu của phong trào Hội Thánh tại gia, chính phụ nữ đã đảm nhận công tác truyền giảng hết sức nguy hiểm kia. Cô cũng nói rõ rằng như nhiều lãnh đạo Trung Hoa đã biết, hai phần ba các đoàn truyền giảng Tin Lành được sai đi đến những vùng xa xôi của Trung Hoa đều là phụ nữ.

Giờ đây, Ling có khả tượng cho Thế Vận Hội Quốc Tế, sẽ tổ chức tại Bắc Kinh vào năm 2008. Cô tin đây sẽ là cơ hội tuyệt vời cho Hội Thánh tại gia tăng trưởng và phát triển mạnh.

Trở lại làm việc...

GLADYS:

Đầy Cờu Sinh Cửa Sồi Tha Thời

Ấn Độ

Tháng Mười Một Năm 1981

Vào ngày ẩm, ẩm hôm ấy, cô Gladys Weatherhead ba mươi tuổi đến quận Mayurbhanj, khoảng 110 dặm tây nam Calcutta trong bang Orissa, giáp giới với Vịnh Bengal. Cô nghĩ khi các giác quan của cô cảm nhận được từng quang cảnh và âm thanh: “*Minh không tưởng nổi mình đã thật sự ở đây.* Mùi hăng hăng của ớt khô lan qua các ô cửa sổ mở rộng của các ngôi nhà và cửa hiệu hòa lẫn với mùi thối rửa đang bốc lên từ các đống rác, các miệng cống hở, và những con bò thiêng tự do đi lang thang trên đường phố. Cái nóng càng làm tăng thêm mùi hôi, nhưng Gladys sung sướng được trở lại sống trong bầu không khí ẩm áp hơn sau bầu không khí lạnh giá tại miền bắc.

Lái xe từ biên giới Pakistan là một kinh nghiệm cho đức tin của Gladys khi tài xế của cô chạy lạng lách rẽ vào, tách ra giữa dòng xe cộ, tránh các xe tải, xe kéo, taxi, bò, xe đạp, và dòng người bất tận, hết thấy đều đang đi đông nghẹt trên các đường phố trong cảnh đông đúc hỗn loạn. Lớn lên tại một thành phố miền quê yên tĩnh ở Úc, Gladys, hoàn toàn sửng sốt vì cảnh hoảng loạn như thế có vẻ được chấp nhận như một phần trong đời sống hằng ngày tại Ấn Độ.

Cô theo quang cảnh xoay cuộn dưới khung cửa sổ khách sạn với lòng lo sợ, nén thở mỗi khi người mẹ cùng với lũ con theo sau bước vào dòng xe cộ không ngừng, thậm cầu nguyện mỗi khi thấy các phụ nữ ngồi “một bên” đằng sau những chiếc xe mô tô, bám chặt lấy kiện hàng của họ thay vì ôm giữ người chạy xe. Họ thường đi cách những chiếc xe buýt hay xe tải lắc lư trên đường phố đông nghẹt người trong gang tấc.

Tổng dân số Ấn Độ khoảng gần một tỉ, và Gladys sửng sốt vì chừng này con người mà dường như có mặt ở khắp mọi nơi. Cô sửng sốt trước biết bao hạng người đa dạng xung quanh cô trên đường phố: lũ trẻ đi chân không với gương mặt bẩn, những người mẹ bận áo saris màu sắc

tươi sáng với dấu hiệu Hindu truyền thống trên trán, những cụ già với lớp da giống như da khô, mỗi một tạo vật riêng biệt của Đức Chúa Trời.

Gladys rất thích những điều cô đang từng trải. Sau hai mươi năm thường xuyên nản lòng, cuối cùng cô đã nhận ra ước mơ của mình và đang nghe theo tiếng gọi của Chúa cho đời sống cô: phục vụ người nghèo tại một đất nước ngoại quốc. Cô thường tự hỏi ngày ấy chừng nào đến...

ĐƯỢC THU HÚT ĐẾN ĐỜI SỐNG PHỤC VỤ

Gladys chỉ mới mười tám tuổi khi tham dự hội đồng truyền giáo Cơ Đốc tại quê hương Australia của cô và đáp lại tiếng gọi của Chúa bước vào công tác truyền giáo. Lớn lên trong một trang trại tại Queensland, Gladys nghe rất nhiều bài giảng tại Hội Thánh, cô còn gặp rất nhiều giáo sĩ mà ba mẹ cô mời đến nhà. Mỗi chiều thứ bảy, mẹ của Gladys tập họp mọi thiếu nhi quanh bà rồi đọc cho chúng nghe những câu chuyện truyền giáo. Châu Phi, Ấn Độ, Trung Hoa... Gladys say mê những câu chuyện hào hứng của đời sống tại những nơi xa xôi, và cô ngưỡng mộ lòng tận hiến của các giáo sĩ.

Với bối cảnh rất chú trọng vào công tác truyền giáo này, Gladys đáng ra không ngạc nhiên khi hội đồng truyền giáo kia ảnh hưởng rất mạnh đến cô, nhưng cô vẫn ngạc nhiên. Trong suy nghĩ, cô không hề nghi ngờ Chúa đang kêu gọi mình đến đời sống phục vụ tại một cánh đồng ngoại quốc; cô biết rõ khoảnh khắc mà trong lòng cô cảm thấy một điều khác hẳn. Cô đang bắt đầu hiểu ra nguyên nhân các giáo sĩ say mê công tác của họ đến thế.

Suốt những năm hai mươi tuổi, Gladys chọn lọc mọi quyết định thông qua cam kết của mình để một ngày nọ sẽ trở thành giáo sĩ. Cô học xong khóa huấn luyện y tá, một chọn lựa hiển nhiên cho một nhân viên cứu trợ ở hải ngoại, và cô làm hết sức ngăn mọi bạn trai tương lai đến gần nếu họ không cảm thấy cùng một tiếng gọi vào công tác hải ngoại. Phần việc ấy khó khăn hơn, nhưng Gladys biết Chúa không muốn cô dính líu với người nam nếu điều đó đồng nghĩa với đánh mất tiêu điểm của mình. Cô xuất sắc trong nghề nghiệp và cuối cùng được làm lãnh đạo trong dưỡng đường nhỏ. Cô cũng dạy lớp Trường Chúa

Nhật và giúp đi ra truyền giảng tại Hội Thánh ở bất cứ nơi đâu cô có thể đến.

Gladys đặc biệt được tiếp thêm sinh lực mỗi khi có một cán sự nhân đạo Cơ Đốc đến thăm Hội Thánh nhỏ bé của họ; cô nuốt lấy từng lời thuyết trình đang khi hình dung có ngày điều đó sẽ diễn ra thế nào cho cô. Cô tự hỏi liệu mình có phải phát biểu trước công chúng; phần việc đó của một giáo sĩ thật không phấn khởi lắm – nó còn khiến cô hoảng sợ nữa. Không phải vì Gladys mắc cỡ, nhưng chỉ đơn giản vì cô không nghĩ Chúa đã ban cho cô ân tứ theo kiểu đó. Cô tự bảo: *Tôi sẽ thỏa lòng bày tỏ tình yêu của Chúa một cách thực tiễn, qua các năng lực sẵn có của tôi.*

Năm 1980, Gladys được hai mươi chín tuổi và bắt đầu nghĩ liệu mình có bao giờ thực hiện được giấc mơ không. Sâu kín trong lòng, cô tin quyết Chúa đang tế trị và mọi điều xảy ra đúng theo thời điểm của Ngài. Nhưng trong đầu cô đầy dẫy những thắc mắc, và cô phải tranh chiến trong lòng để khởi đi theo phương hướng khác và lập gia đình. Cô không còn trẻ nữa, và trong lời chứng của họ, rất nhiều nhân sự truyền giáo hải ngoại đã cho thấy Chúa đã đưa họ vào cánh đồng từ đầu những năm hai mươi tuổi hoặc thậm chí vừa hết tuổi thiếu niên. Trong lúc này, rất nhiều đồng nghiệp của Gladys đang lập gia đình và có con cái; nhìn họ sung sướng trong những gia đình ngày càng đông đúc của họ khiến Gladys ngày càng khó bám lấy ước mơ chăm sóc người nghèo tại một đất nước xa xôi.

Cũng trong năm đó, Gladys gặp Mike Hey, một nhân viên trong hội Operation Mobilization. Anh đang hoạt động ở Ấn Độ trong hai năm, và cô lập tức bị thu hút bởi lòng nhiệt tình của anh. Và cô hỏi tới tấp những câu về hoạt động của OM tại Ấn Độ: “Người ở đó ra sao? Anh có thể giảng cho họ công khai không? Họ có chịu tiếp nhận không? OM hoạt động như thế nào? Các anh tìm nguồn chu cấp từ đâu?”

Mike mỉm cười, cảm nhận được niềm phấn khích trào dâng của cô khi anh kiên nhẫn cố gắng trả lời mọi câu hỏi của cô.

Gladys nghĩ: *“Có lẽ là đây rồi. Có lẽ đây là câu trả lời cho biết bao năm chờ đợi của mình!”* Trong mấy tuần kế tiếp, Gladys nghiền ngẫm mọi quyển sách nói về Operation Mobilization. Cô biết cần phải có cam kết hai năm và mỗi người sẽ phải tìm kiếm sự hướng dẫn của Chúa về

quốc gia mình sẽ đến phục vụ. Khi cô tiếp tục tìm hiểu đặc điểm của OM và mức độ cam kết sâu sắc của các nhân viên và lãnh đạo tổ chức này, cô biết đây là tổ chức dành cho cô. Cô cảm thấy bình an trong lòng và chuẩn bị thu xếp một khóa hoạt động với OM.

Tháng Năm 1981, Gladys đã sẵn sàng rời Úc lần đầu tiên trong đời. Cô vẫn không biết sẽ thực hiện nhiệm vụ hai năm của mình ở nơi đâu, nhưng sẽ đến Âu Châu suốt mùa hè để định hướng và được huấn luyện. Lòng cô tràn đầy mong đợi háo hức khi tạm biệt gia đình và bạn bè. Ý tưởng làm việc tại Ấn Độ đeo đuổi cô khi cô nhớ lại lần gặp gỡ với nhà truyền giáo nhiệt tình Mike, nhưng cô muốn mình vẫn cứ hoàn toàn sẵn sàng với mọi điều Chúa đã định. Đêm trước khi lên đường, gia đình cô họp lại hát một trong những bài Thánh ca yêu thích nhất của họ: “Vì Jêsus Sống.”

“Tôi *có thể* đối diện với ngày mai,” Gladys nói với họ khi bài hát kết thúc, “vì tôi biết Ngài nắm giữ tương lai tôi.”

Mùa hè năm đó tại Châu Âu là một từng trải học tập thật sự cho Gladys, và cô tiếp thu với cùng một tinh thần cam kết đã dẫn cô đến đây. Ngủ trên nền nhà lạnh, tắm mỗi tuần một lần, dọn phòng vệ sinh trong các ký túc xá, chăm sóc người Châu Á tại nước Anh, và tìm kiếm sự hướng dẫn của Chúa về nơi cô sẽ đến sau khóa huấn luyện mùa hè là một phần huấn luyện cho công tác hải ngoại. Gladys đáp ứng mọi thách thức với ý thức cảm nhận được mục đích cách kiên quyết trong khi cô vẫn tiếp tục mơ về Ấn Độ. Cô không biết nhiều về đất nước hay cư dân ở đó, nhưng lòng hiếu kỳ và sức thôi thúc đã có trong cô không giảm bớt.

Gần cuối khóa mùa hè, Gladys ăn chung với cặp vợ chồng điều phối các đội phục vụ tại Anh Quốc. Họ hỏi cô sẽ đi đâu cho chương trình dài hạn.

Gladys giải thích cô đã nộp đơn gia nhập hiệp hội OM và nộp đơn gia nhập các đội đến Ấn Độ của tổ chức này. Cô nói: “Thực sự, đến lúc này, tôi vẫn không hoàn toàn biết chắc phải đi hướng nào. Tôi chỉ muốn đi nơi Chúa có thể sử dụng tôi nhiều nhất.”

Người vợ dạn dày nói: “Gladys à, cô là người già dặn hơn.” Gladys phảng khởi hơn khi được gán cho danh hiệu “già dặn.” Có lẽ cô bắt đầu công tác hải ngoại trễ hơn hầu hết mọi người, nhưng cô chỉ mới ba

mười tuổi thôi. Nhìn thấy nét bối rối của cô, người đàn bà mỉm cười và vội giải thích. “Không, không. Cô không phải là một người *già*. Cô chỉ *già dặn hơn* và trưởng thành hơn hầu hết những nhân sự mới của OM. Cô được huấn luyện nhiều hơn về Kinh Thánh và lãnh đạo, và có rất nhiều kinh nghiệm sống. Ấn Độ *cần* những người như cô.”

Gladys mỉm cười và cảm tạ Chúa về những lời nói khôn ngoan khích lệ của chị này. Về cơ bản, đây cũng là lời khuyên của Mike Hey, giờ đây cô cảm thấy được an tâm lần nữa và được khẳng định những điều lâu nay cô vẫn đang cầu nguyện. Những lời bài hát trở thành chủ đề cho đời cô nay ngập tràn tâm trí: “Tôi biết Ngài nắm giữ tương lai tôi, và đời đáng sống chỉ vì cơ Ngài sống.”

DƯỜNG ĐƯỜNG CHO NGƯỜI PHUNG

Cô đang trên đường đến trụ sở đầu tiên của OM tại Cuttack, India, thì tài xế muốn đi vòng. Bị xao lãng bởi những dòng người bất tận gồm nam, nữ, và trẻ em đang ào ào đi trên đường phố đông đúc, thực ra cô chẳng biết tài xế nói gì cho đến khi nghe anh bảo: “... Ở Bệnh Viện Phung Mayurbhanj Leprosy Home. Cô không phiền đâu chứ cô Gladys? Chúng ta không ở đó lâu đâu.”

Tại viện phung, tài xế của cô gặp một nhân viên cứu trợ người Úc cao lớn, đẹp trai tên Graham Staines. Gladys nghe nói còn nhiều người Úc nữa làm việc trong khu vực, nhưng không nhận ra ai trong số họ. Graham Staines vào trụ sở truyền giáo, và cô ngồi chờ một mình trong khi hai người kia lo công việc của họ.

Nhìn quanh rồi dò xem quyển sách nhỏ nói về nhân sự đầu tiên của viện này, là Kate Allenby, Gladys hoàn toàn bị thu hút bởi lịch sử hấp dẫn của viện. Gladys thấy tòa nhà một tầng bảy mươi tuổi này có vẻ thanh bình. Mỗi phần trong cấu trúc một tầng này đều thách thức tuổi đời của nó, từ những nền bê tông lạnh cho đến những vách tường dày mười tám inches quét nhiều lớp vôi trắng, cho đến hàng hiên rộng giúp che bóng cho phòng trong tránh khỏi cái nóng không chịu nổi.

Đang khi chờ, Gladys lấy làm lạ vì sao vợ của Graham không rót cho cô tách trà, vì cô vừa mới biết đây là truyền thống Ấn Độ. Nhưng không có cô vợ nào ra cả, và chẳng mấy chốc Gladys cùng người tài xế lại lên đường, hướng về Cuttack.

Cuộc sống với các đội của OM trong một vài tháng đầu thật chộn rộn và tuyệt vời đương khi Gladys cố học cách sống và phong tục địa phương. Cô dành sáu tuần đầu tại Cuttack ở với một nhóm nhân viên cứu trợ bản xứ. Sáu phụ nữ sống trong hai căn phòng nhỏ chất đầy những thùng sách khắp mọi nơi, thức ăn luôn luôn có màu vàng, nước đựng trong xô, và hệ thống nhà vệ sinh chẳng gì khác hơn một tấm xi măng có khoét lỗ trên đó. Gladys cảm tạ Đức Chúa Trời vì cô đã lớn lên tại trang trại và biết giá trị của đức tính siêng năng, nhưng cũng có vài ngày cô cảm thấy nản lòng khi phải chiến đấu để giữ thái độ tích cực “bất kỳ điều gì Chúa dành cho tôi” của mình.

Mỗi ngày họ đi ra từng đôi và cố gắng bán các tác phẩm Cơ Đốc đến tận từng nhà và nói cho dân chúng biết Chúa Jêsus. Gladys rất thích đi thăm dân chúng tại thành phố, nhưng lòng cô muốn đi đến với những ngôi làng Santhal xa xôi nằm rải rác ở các dãy núi phía bắc và tây Baripada. Trong chuyến đi đầu tiên của cô qua miền đồng quê, họ đi ngang một số làng này. Những túp lều vách thẳng bằng bùn lợp mái tranh đứng rất sát đường đi, cây mọc nhiều xung quanh. Một chiếc ao đào bằng tay nằm sát các ngôi nhà trong làng.

Cô được nghe kể về những truyền thống và tục thờ thần của Santhal, thế nào lâu lâu họ còn dâng người làm sinh tế để làm đẹp lòng thần linh. Điều kiện sống của họ cao nhất cũng thuộc hạng sơ khai, và trẻ em chết ở tỉ lệ báo động vì những chứng bệnh mà dễ dàng phòng ngừa và chữa trị bởi các tiêu chuẩn hiện đại. Nhiều gia đình ở Santhal bỏ tiền mua nhang để đốt và thú vật để dâng làm sinh tế để cố gắng cách vô ích xoa dịu các thần linh và cứu con cái họ.

Là một y tá, Gladys biết có thể giúp họ bằng cách dạy họ đôi điều cơ bản, và là một Cơ Đốc nhân, cô biết Chúa Jêsus có thể ban cho họ sự chữa lành càng lớn hơn, giải thoát họ khỏi những ách nô lệ kinh khiếp cho các thần linh của họ. Một điều nào đó mạnh mẽ bắt lấy cô khi cô nghĩ đến hoàn cảnh khó khăn của họ, và cô mong mỏi đến với những dân làng này để đem cho họ Tin Lành lâu nay bùng cháy trong tim cô.

Tháng Giêng năm 1982, Gladys đã có cơ hội. Công tác kế tiếp của đội cô gồm đi thăm rất nhiều làng, nơi các giáo sĩ đã tham dự “các trại rừng sâu” do các Cơ Đốc nhân địa phương tổ chức. Một trong các ngôi làng họ đến thăm phải đi bộ bảy dặm qua đường núi hiểm trở, nhưng

lòng Gladys hết sức vui mừng được đến đó. Cô hăng hái dự phần vào mọi phương cách của địa phương, kéo nước dưới giếng lên, tắm dưới sông, ngủ giữa đám rận. Phụ nữ địa phương rất thích sống với cô y tá người Úc da trắng cao lớn này, và họ hăm hở dạy cho Gladys cách sống đơn sơ của họ.

TÌNH YÊU DÀNH CHO NGƯỜI THẤP HÈN NHẤT TRONG NHỮNG KẺ THẤP HÈN

Làng này không xa Viện Phung Mayurbhanj Leprosy lắm, và Gladys có rất ít dịp gặp Graham, người mà cô biết người chưa hề lập gia đình. Hầu hết những cuộc gặp của họ liên quan đến công việc truyền giáo, nhưng cô có thể cảm thấy mình ngày càng bị thu hút đến với Graham, cho dù cô cố gạt những cảm xúc của mình sang một bên để tập trung vào công việc trước mắt.

Rồi cô được gửi đi chuyến công tác kế tiếp. Gladys rất biết ơn Chúa về cơ hội được nhìn thấy rất nhiều điều về Ấn Độ khi đi từ nơi này đến nơi khác cùng với các đoàn OM, nhưng được nhìn thấy viện phung và sống với dân chúng Santhal đã để lại ấn tượng sâu đậm trong cô. Nhìn thấy cách Graham và nhiều người khác chăm sóc cho bệnh nhân của họ – những bệnh nhân phung và những người bị xã hội ruồng bỏ đến từ các làng – để lại một ấn tượng rất lớn. Đạo Hindu khiến những người phung nghèo khổ tin rằng tội lỗi từ những kiếp trước khiến họ phải mắc bệnh này. Người ta bảo với người phung rằng họ không đáng giá bằng ngay cả một ly nước. Kết quả là những người phung phải sống rất khốn khổ, ăn xin trên đường phố và bị đuổi vĩnh viễn khỏi nhà và gia đình. Chẳng còn ai thấp hèn hơn những người mắc bệnh phung, và chẳng ai yêu họ nhiều hơn Graham.

Những người phung đến viện phung này thì được cấp các thứ thuốc để ngăn căn bệnh hại thêm họ, và họ được nhận tình yêu và lòng thương xót của các nhân viên, là những người dạy cho họ biết chứng bệnh này có thể chữa được và đây không phải là sự nguyên rủa của Đức Chúa Trời. Gladys rất ngạc nhiên trước sự biến cải cô nhìn thấy nơi rất nhiều bệnh nhân khi nhờ cảm nhận sự đụng chạm đầy lòng thương xót của con người và nhờ nghe một vài lời nói yêu thương. Thuốc men thật

sự góp phần giúp họ bớt đau nhức, nhưng lòng thương xót của nhân viên đã chữa trị được tâm hồn họ.

Gladys say mê công việc đang thực hiện tại viện này, nhưng thỉnh thoảng cô lại chất vấn động cơ của mình. Cô bị thu hút đến với Graham, hay đến với sứ mạng tại đó? Dù cảm tình của cô đối với anh đang phát triển, nhưng cô biết anh không phải là mục đích để cô ở tại Ấn Độ. Ngoài ra, cô không có cách nào để biết Graham có cảm tình tương tự với cô hay không. Cô lẩm bẩm *nếu anh có cảm tình thì sao?* Anh vẫn phải nói với các lãnh đạo OM về chuyện đó trước khi có thể bắt đầu bất kỳ mối quan hệ nào. Đó là quy luật.

Đầu mùa xuân, Gladys không phải thắc mắc thêm về ý định của Graham nữa. Cô nghe tin Graham đã xin phép các lãnh đạo OM của cô để bắt đầu liên lạc thư từ với cô, và cô rất hồi hộp! Suốt mùa xuân và mùa hè, họ biết rõ nhau hơn qua những lá thư tới lui. Họ rất ngạc nhiên khi biết họ có rất nhiều điều chung. Họ đã lớn lên chỉ cách nhau bốn mươi dặm và có bối cảnh tương tự nhau, cả hai đều được kêu gọi vào công tác truyền giảng từ rất trẻ. Càng viết thư, họ càng thấy Chúa rõ ràng đang đưa họ đến với nhau. Họ kết hôn tại Úc vào ngày 6 tháng 8 năm 1983, trước sự chứng kiến đầy sung sướng của gia đình và bạn hữu.

Còn ở tại viện phung, mọi người đều hồ hởi về Graham và cô dâu của anh. “Dada,” như cách gọi trìu mến dành cho anh giữa vòng người địa phương, phục vụ trung tín và không mệt mỏi tại Mayurbhanj gần hai mươi năm, và giờ đây Chúa ban thưởng dồi dào cho anh một người vợ tuyệt vời, người vợ yêu Chúa sốt sắng không kém anh và chia sẻ niềm say mê của anh cho dân Ấn Độ. Đối với dân làng và những bệnh nhân trong viện phung, hôn nhân của Gladys và Graham là lời chứng lạ lùng về tình yêu của Đức Chúa Trời, và họ hăm hở chờ đợi Ông Bà Staines từ Úc trở về.

Nhưng không phải dễ. Là cặp vợ chồng, Gladys hoặc Graham sẽ phải đối diện thử thách đầu tiên của họ khi chính quyền Ấn Độ không cấp giấy nhập cảnh mới cho Gladys. Dường như không thể giải thích được, nhưng các nhân viên không chịu cho cô quay trở lại. Cuối cùng, họ quyết định Graham sẽ quay về không có cô, và cố gắng xúc tiến vấn đề giấy nhập cảnh từ bên trong nước Ấn Độ.

Sẽ mất nhiều tháng và rất nhiều tháng và rất lời cầu nguyện trước khi chính quyền đồng ý cho Gladys đi cùng Graham, thế nhưng, họ cấp visa cho cô chỉ với tư cách vợ của Graham, chứ không với tư cách nhân viên cứu trợ ngoại quốc. Cô phải hứa không khuyên ai cải đạo hay nỗ lực đưa người Hindu về với Cơ Đốc giáo. Cô đồng ý. Suy cho cùng, Gladys và Graham biết đâu có làm gì đi nữa họ cũng không bao giờ ép được ai quay về với Đấng Christ. Mục tiêu chính của họ là bày tỏ tình yêu của Chúa bằng cách hoạt động giữa những bệnh nhân phung, và nếu những người ấy chọn đáp ứng tình yêu ấy, thì đó là chọn lựa của riêng họ.

NHỮNG KHÁT VỌNG CỦA TẤM LÒNG

Gladys trở về Baripada với người chồng Graham đầy lòng biết ơn và nhẹ nhõm vào năm 1984. Cô rất hồ hởi được trở về với chồng, và cô nhanh chóng ổn định trong vai trò mới của mình là vợ và người quản lý. Cô rất nhớ việc được đến với các làng như ngày trước từng là làm, nhưng cô chấp nhận vai trò mới với cùng một thái độ dễ chịu để giúp đưa cô vượt qua rất nhiều thay đổi trong quá khứ.

Cô chọn khẩu hiệu cho mình là câu Kinh Thánh treo trên tường tòa nhà truyền giáo cổ và đẹp: “Hãy khoải lạc nơi Đức Giêhôva, thì Ngài sẽ ban cho người điều lòng mình ao ước.”¹ Cô thích làm việc quanh ngôi nhà mới của mình, giúp đỡ những người phung. Cô đặc biệt thích những chuyến đi của vợ chồng thỉnh thoảng đến thăm các Hội Thánh Santhal, nơi đó cô có thể vui hưởng buổi nhóm ngày Chúa nhật và khích lệ các cô các bà.

Năm 1985, Gladys và Graham đón đứa con đầu lòng, và Esther Joy, rồi tiếp đó hai em trai, Phillip vào năm 1988 và Timothy năm 1992. Gladys rất thích làm mẹ cho thị tộc nhỏ bé của cô, và cô thấy nó mở ra một lãnh vực chăm sóc hoàn toàn mới khi con cái cô lớn lên và chơi đùa với trẻ em trong cộng đồng này.

PHÓ DÂNG MỌI ĐIỀU CHO CHÚA

Suốt thập niên 1990, Gladys và Graham tiếp tục làm việc trung tín giữa vòng người phung và các cộng đồng người Santhal. Gladys rất thích đưa con đến các làng nô đùa với trẻ em Santhal, và các con cô thích đi

với ba đến nhiều trại khác nhau trong rừng sâu, là những kỳ hội đồng thường niên kéo dài năm ngày do các mục sư địa phương tổ chức. Graham đến đó giúp các mục sư giảng dạy.

Gladys và Graham biết rất nhiều làng Santhal vẫn tiếp tục bị bắt bớ vì đức tin nơi Đấng Christ của họ. Họ vẫn luôn luôn cố gắng nhảy bèn với nhu cầu của dân làng, và họ cầu xin Chúa ban khôn ngoan trong mọi cách đối xử với dân làng. Graham không bao giờ đi vào làng để giúp ai đổi đạo hay thuyết phục bất kỳ ai đổi đức tin. Thay vào đó, anh giúp các mục sư địa phương và Hội Thánh mà Chúa đã thiết lập. Dầu vậy, các Cơ Đốc nhân người Santhal thực sự gặp bắt bớ, và họ thường bị kết án là đã đổi sang Cơ Đốc giáo vì bị cưỡng bách hoặc vì nhận tiền từ người ngoại quốc.

Một cậu bé mười hai tuổi bị tấn công vì họ là Cơ Đốc nhân. Khi cậu trèo lên cây để tìm bò của mình, các cậu bé khác từ các làng khác tức giận vì cậu bé đã đi theo Cơ Đốc giáo, liền vây quanh cây không cho cậu xuống. Sau khi mắng nhiếc chế nhạo cậu bé về đạo của cậu, lũ trẻ đâm những nhánh cây tơi tấp vào mông cậu cho đến chết. Bà mẹ góa của cậu hết sức đau khổ.

Một nhóm người Hindu đã ném đá rồi dìm chết một cậu bé nữa vì cơ đức tin của cậu. Ngoài chuyện đánh đập, Cơ Đốc nhân còn phải bị hà hiếp hàng ngày từ tay những người dân địa phương. Tài sản của họ thường bị đánh cắp hoặc bị phá hỏng, hoặc họ bị chặn không cho làm việc trên đất ruộng của họ, hoặc không được lấy nước từ giếng của làng. Hết năm này tiếp đến năm kia, các bản tường trình sự bắt bớ cứ đến dồn dập, nhưng Gladys và Graham không bị đe dọa, và họ không hề lo nghĩ mình sẽ là mục tiêu cho những kẻ cuồng tín. Gladys lý luận: “Chúng ta chăm sóc cho những người bị bệnh phung. Chuyện đó có gì đáng gâu đe dọa đâu?”

Vào một buổi sáng thứ Ba thanh bình tháng Giêng năm 1999, Gladys đang tĩnh nguyện và đọc Kinh Thánh suy gẫm hàng ngày. Câu chuyện cho phần suy gẫm hôm ấy nói về một cô gái mười hai tuổi kia bị mù. Khi mục sư của cô đến thăm cô trong bệnh viện, cô nói với ông: “Mục sư ơi, Đức Chúa Trời đang lấy mất mắt nhìn của cô.”

Vị mục sư im lặng một lúc lâu. Rồi ông nói: “Này Jessie, đừng để Ngài lấy đi.”

Cô bé ngạc nhiên không hiểu, và rồi vị mục sư khôn ngoan nói tiếp. Ông bảo: “*Hãy đưa nó cho Ngài.*”

Câu chuyện khiến Gladys đồng cảm vì cô thấy Chúa đang hỏi cô có sẵn lòng từ bỏ mọi điều mà cô yêu thương – chồng, con, mọi của cải của cô – cho Ngài không. Khi lòng cô vật lộn với câu hỏi này, nước mắt tuôn dài trên má. Cô đã dâng lòng mình cho Đấng Christ khi mới mười ba tuổi, và từ ngày ấy cô đã cố gắng chỉ sống cho Ngài. Cô chẳng giữ lại gì khi đến Ấn Độ, cô và Gladys đã dốc đổ đời sống họ phục vụ và vâng phục. Cô nghĩ mình đã giao cho Chúa mọi điều, nhưng trong lòng cô biết cảm dỗ cho cô chính là giữ chặt những của cải và những người yêu dấu mà cô thương nhất.

Cuối cùng cô cầu nguyện, dâng lên Chúa câu trả lời mà cô biết Ngài xứng đáng nhận. “Vâng, lạy Chúa Jêsus. Vâng, con sẵn sàng. Hãy nhận lấy mọi điều con có để Ngài dùng – chồng, con, mọi điều mà con có. Con phó dâng mọi sự cho Ngài.” Khi nói Amen, cô cảm nhận được sự yên ủi của Thánh Linh bao bọc và tràn ngập cô khi cô nhớ đến câu chuyện Ápraham dâng con trai là Ysác cho Chúa. Cô không biết điều gì đang chờ đợi gia đình mình phía trước, nhưng cô tin quyết Đức Chúa Trời sẽ ở với họ.

Tuần sau, Graham đi đến làng Manoharpur để dự một kỳ trại khác nữa trong rừng. Anh đặc biệt phấn khởi khi đưa Phillip mười tuổi và Timothy sáu tuổi cùng đi, hai cậu bé cũng hào hứng không kém. Chúng rất thích đi đến trại. Cứ như một chuyến phiêu lưu, cắm trại trong chiếc xe Jeep, “sống thiếu thốn trong đó” không điện không nước. Nhưng trên hết, chúng rất thích có thì giờ ở với ba. Những ngày nghỉ Giáng Sinh thật chộn rộn, khách đến thăm liên tục, và Gladys biết sẽ tốt cho hai đứa con trai có thì giờ ở riêng từng đứa với Graham. Chuyến đi xe bốn giờ đồng hồ sẽ cho chúng thì giờ nói chuyện không bị ai xen vào.

Esther mười ba tuổi có hai bạn gái từ trường nội trú đến thăm, vì vậy cô bé rất vui ở nhà thư giãn với các bạn và mẹ.

Thứ Tư, ngày 20 tháng Giêng, Gladys đang đi lo cho mọi người đều được tổ chức và đang ở ngoài sân. Cô gọi đứa con trai lớn nhất của mình: “Phil, con đã xếp đồ xong chưa?” Cậu bé rất thực tiễn và khéo tay, giống như y ba, và là “người của công chúng” rất tuyệt vời, luôn

nhảy bén với những cảm nhận của người khác. Gladys rất hãnh diện về cách con rất yêu thương mọi người. Cô hầu như không tin nổi chỉ vài tháng nữa thôi là con mười một tuổi rồi. Họ luôn bận rộn đến nỗi dường như đời sống của mấy con đang vụt qua mặt cô mà không có thì giờ để thưởng thức trọn vẹn chúng.

Graham kêu lên: “Mấy con ơi, đến giờ đi rồi.” Gladys lùa lũ trẻ ra xe Jeep, nơi ba đang chờ. Mỗi đứa được cô hôn một cái và ôm chặt lấy rồi quay sang Graham làm y như vậy. Họ luôn dành thì giờ tạm biệt nhau đàng hoàng vì không bao giờ biết chuyện gì sẽ xảy ra, nhất là trên luồng giao thông khủng khiếp của Ấn Độ. Gladys biết Tim hơi bối rối về chuyến đi này vì nó đã gặp tai nạn xe hôm tháng Mười Một vừa rồi. Nó bị quăng tới trước trong xe, bị thương không nặng nhưng vẫn còn khá sợ. Rồi chỉ mới mấy tuần trước, nó lại suýt bị tai nạn khi một chiếc xe tải lớn đâm rất sát vào chiếc xe Jeep lúc ở ngọn đèo trên núi. Gladys hiểu nỗi sợ của Tim về chuyến đi xe hơi, và cô cố gắng trấn an con trước khi họ lên đường.

“Đi vui vẻ nha! Gặp lại các con vào thứ hai,” cô gọi với theo khi họ lên đường.

Khi quay về nhà, cô nhớ ra chưa kiểm tra túi của Phil. Cô vừa nghĩ vừa tiếc. *Mẹ hy vọng con nhớ mang theo áo khoác.*

Rồi cô lại nghĩ sang Tim. Lâu nay nó đang cảm lạnh, và Gladys đã gói thêm mấy chiếc áo cho con, vì biết trong núi có thể lạnh lắm. Cô mỉm cười, hy vọng Tim không ráng gào nhiều với mấy bài hát. Tim là ca sĩ và là vị truyền đạo trong nhà. Nó thích giăng giống như ba, và thỉnh thoảng Gladys thấy nó dựng mấy chiếc ghế lên trong phòng khách để diễn kịch như đang ở trong nhà thờ. Dầu vậy, lâu rồi chưa thấy chơi lại trò đó. Rồi đến hôm thứ Hai, Gladys đi ngang phòng khách, Tim đang giăng và đang hát rất nhiệt tình với những chiếc ghế trống xếp hàng thay cho hội chúng tưởng tượng của nó.

Cô định ngồi xuống nghe con ngay khi làm xong việc, nhưng khi quay lại, con đã chơi sang trò khác rồi.

Cô không tài nào biết đấy sẽ là lần cuối Tim diễn kịch nhà thờ.

Bốn giờ rưỡi sáng ngày thứ Bảy, 23 tháng Giêng, chuông điện thoại reo. Nhảy vội ra giường trong bóng tối, cô vừa ngái ngủ vừa nhắc điện thoại lên tai. Cô lắng nghe một lúc, cố xoa dịu nỗi sợ đang xuyên suốt

sống lưng như một mũi giáo lạnh như băng. Esther và các bạn của cô bé, bị đánh thức bởi tiếng điện thoại, cũng đứng ở cửa ra vào khi Gladys gác máy.

Esther hỏi: “Mẹ ơi, chuyện gì thế?”

Gladys trả lời: “Có người đốt mấy chiếc xe Jeep của hội truyền giáo. Mẹ không biết thêm gì nữa, vì vậy đừng lo lắng. Chúng ta sẽ cầu nguyện, rồi mấy con cố gắng ngủ thêm đi. Mẹ biết chắc mọi người sẽ ổn thôi, và các con biết chúng ta sẽ có một ngày bận rộn đấy. Nghe tin gì mẹ sẽ cho các con biết thêm.”

Những chi tiết ấy, khi chúng đến, sẽ còn kinh khiếp hơn cả Gladys từng hình dung...

CƠN GIẬN DỮ ÂM Ỉ

Ngôi làng nhỏ Manoharpur đã có thời chia rẽ về văn hóa. Dần theo thời gian, 22 trong số khoảng 150 gia đình đã trở về tin theo Cơ Đốc giáo. Phần lớn, hai nhóm này sống hòa bình với nhau, nhưng mới đây, bộ lạc này ngày càng tức giận những Cơ Đốc nhân.

Mùa hè năm 1998, căng thẳng bùng ra khi một vài nông dân Cơ Đốc chọc giận dân bộ lạc địa phương khi tiếp tục làm việc trên đất trong kỳ lễ hội Raija là lúc người Santhal tin rằng đất đang kỳ kinh nguyệt. Lời qua tiếng lại gay gắt giữa Cơ Đốc nhân và người Santhal truyền thống. Cuối cùng cũng yên, nhưng cảm xúc vẫn căng thẳng. Rồi chỉ vài tuần trước kỳ trại trong rừng, mà Graham và các con đến dự, một vụ nữa xảy ra khi dân bộ lạc phản đối âm nhạc Cơ Đốc người Santhal đang biểu diễn tại một đám cưới Cơ Đốc trong làng. Bộ lạc này nổi tiếng gìn giữ các truyền thống của mình rất sốt sắng, vì vậy sự tách biệt văn hóa này chọc giận những thành viên thiên nhiên về văn hóa và càng khiến cơn tức giận của họ cháy ngùn thêm.

Việc Graham đến làng càng tạo cho những người Santhal đang tức giận có cơ hội đang mong chờ lâu nay. Giờ đây họ có thể trả đũa những người dám đi ngược lại phong tục tập quán. Họ nhờ sự trợ giúp của Dara Singh, một nhà hoạt động xã hội và một người cuồng tín rất khéo lợi dụng những nỗi bức bối trong xã hội. Chủ nghĩa hành động của ông thường mang hình thức bạo động khi ông đụng độ với cả Cơ Đốc nhân lẫn Hồi Giáo.

Sáng sớm ngày 23 tháng Giêng, chủ nghĩa hành động khủng khiếp của ông đạt đến những đỉnh hung bạo mới.

Tối hôm trước, Graham và hai cậu con trai vừa mới ăn xong rồi chúc các bạn đồng công ngủ ngon. Khoảng chín giờ rưỡi tối, cả ba leo lên sau thùng chiếc xe Jeep để đi ngủ. Không khí ban đêm rất lạnh, và Graham cẩn thận phủ những tấm chiếu cói lên mui xe để giữ ấm. Anh luôn cố làm cho mấy con cảm thấy càng thoải mái càng tốt, và luôn cầu nguyện với chúng trước khi nằm xuống ngủ bên cạnh chúng.

Chiếc xe Jeep này đang đậu bên cạnh một chiếc Jeep khác nữa ngay trước phòng cầu nguyện, và một người bạn của Graham, là Dr. Ghosh, đang ngủ gục đó trong nhà của một gia đình Cơ Đốc nhân. Khoảng nửa đêm, bị đánh thức bởi những tiếng la hét, ông nhảy ra khỏi giường và chạy đến bên cửa sổ. Ông hoảng kinh khi thấy một đám người rất đông chạy băng qua cánh đồng – những người đàn ông cầm theo rìu, gậy, dao, gươm cao đeo trên đầu lao thẳng đến hai chiếc xe Jeep. La hét giận dữ, đám người điên cuồng này hung hăng tấn công xe Jeep của Graham, chém các bánh xe và đập phá cửa kính. Họ đánh đập những người vẫn còn đang sáng sốt trên xe, lấy vũ khí quật túi bụi vào họ đang khi Graham cố gắng trong vô vọng để bảo vệ hai cậu con trai quý báu. Bác sĩ Ghosh chạy đến cửa, mới thấy cửa đã bị khóa từ bên ngoài. Bị mắc kẹt, ông chỉ còn nước đứng nhìn trong đau đớn đương khi những cảnh kinh khiếp kia diễn ra trước mắt.

Đám đông điên cuồng không chút thương xót Graham và mấy đứa bé. Chẳng còn cách nào thoát khỏi cuộc tàn sát man rợ này. Đám đông này cũng đặt rất nhiều người canh ở mỗi lều quanh khu nhà để không cho ai đến giúp nạn nhân, và giờ đây họ đang la hét với những dân làng bất lực kia: “Đừng có ra, nếu không tội tao giết bọn bây luôn!”

Hasda, đồng nghiệp của Graham hơn hai mươi năm, đã kêu lớn tiếng trong đau đớn để cuộc tấn công tàn nhẫn kia dừng lại. Anh kinh hoàng đứng nhìn bọn người tấn công chất rơm dưới chiếc xe Jeep; Dara Singh là người đầu tiên thấy lửa cháy. Khi Hasda nhào tới cố lấy nước dập lửa, anh bị đánh tàn nhẫn. Đám người tàn ác này đứng đó nhìn trong khi Graham, Phillip và Timothy thét lên đau đớn cho đến khi ngọn lửa chấm dứt tiếng kêu của họ, biến thi thể họ thành tro.

Khi cuộc bạo loạn nổ ra, cách đó chỉ một trăm dặm, một nhóm thanh niên Santhal biểu diễn điệu múa Dangri truyền thống theo nhịp trống, cứ như thể chẳng có gì bất thường đang diễn ra cả.

Sau một giờ, đám đông biến mất vào các cánh đồng. Anh chàng Hasda hoảng kinh, sau khi bị đám đông rượt đuổi trước đó, đã chạy đến trưởng làng kêu cứu. Một sứ giả được sai đến để báo tin cho cảnh sát cách đó mười lăm dặm tại một ngôi làng khác. Những đã quá trễ. Khi Hasda trở về hiện trường, anh hết sức đau đớn khi nhận ra xác chiếc xe Jeep cháy trụi của Graham. Trong xe, anh có thể thấy rõ ba cái xác cháy thành than dính chặt vào nhau khi họ ôm nhau lần cuối. Anh biết đây là hình ảnh còn mãi trong anh đến trọn đời.

Khi những Cơ Đốc nhân kinh hoàng này ra khỏi lều tập trung quanh hiện trường khủng khiếp, họ đứng lặng sững sốt hồi lâu. Trong lòng, hết thảy đều tự hỏi cùng một câu. *Chúng ta sẽ nói thế nào với Gladys và Esther?*

LÀN SÓNG ĐAU KHỔ

Đến bảy giờ, Gladys thay đồ xong chuẩn bị đón một ngày bận rộn nữa thì chuông điện thoại reo lần thứ nhì trong buổi sáng ấy. Lần này là một phóng viên hỏi thăm tuổi của Graham và của hai cậu con trai.

Gladys hỏi: “Anh đang nói gì vậy?”

Nhận ra cô không biết chuyện vừa xảy đến và không muốn làm người báo tin ấy cho cô, phóng viên chào tạm biệt rồi gác máy. Nhưng chuông điện thoại cứ reo vang khi người từ các làng lân cận hỏi thăm tới tấp. Một người bạn bảo cô: “Này Gladys, họ nói Graham và hai đứa con mất tích.”

“Mất tích sao? Chúa ôi!” Gladys thốt lên. “Chuyện gì đang xảy ra cho mấy đứa con quý hóa của tôi? Chúng đi ra ngoài một mình sao?”

Cuối cùng, Gayathri bạn cô đến và lo trả lời điện thoại. Nhưng sự việc ngày càng dữ dội hơn, và Gladys thật sự không biết chuyện gì xảy ra. Lòng cô rối bời, nhưng cô chờ Graham và mấy đứa trẻ bước qua cửa vào bất cứ lúc nào. Đầu cô chỉ việc chặn khả năng có bất kỳ chuyện gì xấu xảy ra, và cô vẫn lạc quan tin họ sẽ trở về nhà sớm thôi.

Vài giờ kế tiếp, bạn bè bắt đầu đến, và thêm nhiều phóng viên xuất hiện muốn chụp hình. Hàng tá người có mặt – trong viện, bên ngoài

viện, ngoài hàng hiên, ở khắp mọi nơi. Hết sức hỗn loạn, và Gladys cứ lo bận tiếp khách và chăm sóc Esther. Cô vẫn không hiểu hết mức độ của chuyện đã xảy ra, và không ai biết phải báo tin khủng khiếp này cho cô như thế nào đây.

Cuối cùng, khoảng chín giờ rưỡi, Gayathri cầm tay Gladys nói: “Gladys, tôi cần nói chuyện với chị.” Kiếm một phòng trống rồi kéo Gladys vào, Gayathri nói: “Này Gladys, tôi không muốn chị phải như đá, nhưng chị cần phải mạnh mẽ vì Esther.”

Gladys nghe báo tin mà không tin nổi vào tai mình. Đầu cô muốn phủ nhận thực tại câu chuyện bạn cô vừa kể, nhưng sự thực là thế. Lời đã nói ra, và không bao giờ có thể lấy chúng lại được. Đầu cô thét lên: *Không! Không thể là sự thật được! Chắc họ không ở trong xe Jeep. Đấy là nhầm thôi. Chắc họ không thể ở trong đó – không thể, họ không bị thiêu sống. Làm sao có chuyện như vậy xảy ra được? Làm sao có ai đích thân làm một việc gian ác đến như thế?*

Lần sóng sầu khổ muốn nuốt chửng lấy cô, nhưng Gladys phải hỏi bạn mình chỉ một lần nữa thôi. Có lẽ chị ta nhầm. Có lẽ tin này sai...

“Gayathri... chị muốn nói họ... chết rồi? Graham và Phillip với Timothy – họ thật sự qua đời rồi?”

Ánh mắt đau thương của Gayathri nói cho cô biết không hề có chuyện nhầm lẫn, và Gladys ngồi xuống chịu thua. Cô rên rỉ: “Tôi sẽ nói cho Esther thế nào đây?”

Thời gian ngừng lại, nhưng cuộc sống vẫn tiếp diễn. Vài phút kế tiếp trôi qua trong khốn khổ câm lặng khi Gladys chuẩn bị báo tin quá khủng khiếp này cho Esther. Điện thoại cứ reo hoài; nhiều người gọi từ Úc đến muốn biết chuyện gì xảy ra. Mỗi lúc càng đông bạn bè và hàng xóm đến nhà chia buồn, ánh đèn chụp hình của các phóng viên vẫn lóe lên, nhưng Gladys chỉ có thể nghĩ đến con gái mình thôi.

Esther hỏi: “Mẹ ơi, có tin gì vậy?”

Gladys lấy tay con đặt vào tay mình rồi nhìn vào đôi mắt ngây thơ của con. Cô nhẹ nhàng bảo con gái: “Dường như chúng ta bị để lại một mình.” Và rồi, không hề nghĩ trước, cô nói thêm: “Nhưng chúng ta sẽ tha thứ họ.”

“Phải rồi mẹ, chúng ta sẽ tha.”

Mắt Esther ngây ra sưng sốt. Gladys ôm chặt con gái và cố gắng hiểu hết hành động xấu xa gian ác mà nó đã thay đổi đời sống họ quá nhanh và quá khủng khiếp. Về mặt tình cảm, cô như tê dại trước thực trạng, nhưng dòng hoạt động không ngừng đã giúp cô cầm cự được. Cuối cùng, con trai vị bác sĩ tại địa phương đến gần Gladys và nói nhỏ: “Họ muốn biết phải giải quyết các thi thể ra sao.”

Tính kết thúc trong câu nói của anh xóa sạch mọi nghi ngờ nấn ná mong có lẽ đấy chỉ là một sai lầm kinh khiếp.

Cô bảo: “Đem mấy thi hài trở về Baripada. Graham đã cống hiến cuộc đời cho đất nước này. Chắc anh muốn được chôn tại đây.”

Suốt tuần kế tiếp, Gladys phải tiếp khách, phóng viên, và các quan chức của thành phố. Cuối cùng, những đồng nghiệp của Graham từ Manoharpur trở về, và người ta biết thêm chi tiết về cuộc tấn công kinh khiếp kia. Gladys biết rất đông dân làng làm chứng họ thấy một luồng ánh sáng chói lọi thật lớn từ trên cao đang ở trên chiếc xe đang bốc cháy. Cô cũng biết nỗi kinh hoàng của những Cơ Đốc nhân trong kỳ cấm trại ấy khi họ bị ngăn không cho đến giúp, và lòng can đảm của người bạn Hasda của họ, người đã cố dập tắt ngọn lửa.

Cô dần dần nhận ra đây không phải là trường hợp tự phát do những dân làng say rượu hay bực tức. Thực ra, đây là một phần âm mưu rộng lớn hơn để giáng đòn chí tử vào cộng đồng Cơ Đốc, và những kẻ âm mưu đã chọn Graham làm mục tiêu.

Hasda tội nghiệp đau buồn đến mức không còn biết gì nữa. Cha mẹ anh là dân cư của viện phung, và Hasda chào đời tại đó. Gladys biết anh rất yêu Graham và bọn trẻ, và lòng cô cũng khóc thay cho anh.

LẠY CHA, XIN THA CHO HỌ...

Tang lễ được tổ chức vào mười giờ sáng ngày thứ Hai, cũng chính thì giờ Graham và bọn trẻ định sẽ trở về nhà từ trại trong rừng. Ba cỗ quan tài đến, phủ đầy hoa, và dường như chẳng mấy chốc cả Baripada đều dừng lại. Các cửa hiệu và trường học đóng cửa, và rất nhiều quan chức trong thành phố đã đến để tỏ lòng tôn trọng Graham và hai cậu bé. Gladys và Esther khiến đám đông gần một ngàn vị khách sưng sốt khi họ chọn ngồi trên cỏ cùng với những bệnh nhân trong bệnh viện phung, những người đang tràn ngập đau khổ vì mất “dada” của họ. Buổi

lễ truyền thống của người Ấn Độ dường như được hòa âm tuyệt vời khi rất nhiều người than khóc tự phát chia sẻ những lời chia buồn hay những câu Kinh Thánh. Gladys cảm thấy được thúc giục nói vài lời, nhưng chưa chuẩn bị để đứng lên nói với đám đông. Thay vào đó, cô hỏi Esther: “Con có thể đứng lên hát với mẹ không?”

Esther đồng ý, và đám đông yên lặng khi Gladys và cô con gái tiến lên bục. Họ đứng đó hát bài ca đã nâng đỡ Gladys suốt bao nhiêu năm nay.

“Vì Jêsus sống, tôi có thể đối diện với ngày mai...” Dầu rất tin quyết khi hát bài Thánh ca này với Esther, trong thực tế, Gladys đang hát trong trí: *Vì Ngài sống, tôi có thể đối diện ngày hôm nay*. Sự thực là, cô có thể đối diện tương lai chỉ từng lúc một thôi. Nhưng chừng đó là đủ để đưa cô vượt qua, để rồi theo thời gian, cuộc đời cô trở thành lời làm chứng của đức tin không nao núng giữa thảm kịch. Dầu cô hết sức đau khổ và suy sụp tình cảm, nhưng tận sâu trong lòng, Gladys được bình an, và cô muốn bày tỏ cho thế gian thấy cô rất vinh dự vì chồng con cô đã tuận đạo cho Đấng Christ.

Khi phát biểu với báo chí, cô bé Esther can đảm đã nói: “Tôi cảm tạ vì Chúa cho ba và các em chịu khổ vì cơ Ngài,” và Gladys lập lại tình cảm của Esther bằng câu nói của chính mình: “Tôi thật sự cầu nguyện: ‘Lạy Cha xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì.’ Và tôi tin mọi việc hiệp lại làm ích cho những người yêu mến Chúa, là những người được gọi theo ý định của Ngài. Chắc chắn qua biến cố này, Chúa sắp hoàn thành mục đích đời đời của Ngài. Đáng ngợi khen danh Ngài thay.”²

Rất nhiều bạn hữu và người trong họ hàng bắt đầu khuyên Gladys thu gom đồ đạc rồi cùng Esther quay về chốn an toàn tương đối ở Úc. Họ nghĩ công tác tại viện phung sẽ ngưng trừ phi Gladys kiếm được người thay thế chỗ Graham. Họ cũng đưa ra vô số câu hỏi: “Cô sẽ đưa các thi hài về Úc chứ? Cô và Esther sẽ làm gì bây giờ? Còn bệnh viện phung thì sao?”

Cô kinh ngạc trước những giả định của họ. Cô đã chọn Ấn Độ làm quê hương và không hề tính chuyện ra đi. Khi các phóng viên hỏi về tương lai cô, cô trả lời: “Đức Chúa Trời của tôi đang tế trị mọi tình huống, mọi hoàn cảnh. Ngài chỉ làm điều thiện mà thôi. Ngài là sức

manh và nơi ở của tôi. Ngài đã hứa ‘chẳng lia chẳng bỏ tôi đâu.’³ Tôi sẽ phục vụ Ấn Độ với niềm hy vọng này.”

THA THỨ ĐEM LẠI CHỮA LÀNH

Hai tháng sau, Gladys chuẩn bị nhận giải thưởng Ấn – Úc sẽ được trao tặng để tỏ lòng tôn trọng Graham. Người ta mời cô phát biểu trong buổi lễ, và hơn ba trăm người ngồi chật cứng trong giảng đường nhỏ bé sau khi tin tức lan ra rằng Gladys sẽ có mặt tại đó. Đây là lần đầu tiên cô đồng ý nói trước công chúng kể từ khi Graham và hai đứa con trẻ tuận đạo. Rất đông sĩ quan cảnh sát cũng ở gần đó để bảo vệ Gladys.

Khi công bình phát biểu với đám đông, Gladys ngồi thâm đọc bài thơ cổ của Annie Johnson Flint, bài thơ gần đây đã tiếp thêm sức mạnh cho cô:

Ngài ban cho thêm ơn khi giao phó ta thêm trọng trách
 Nào khi gian lao tăng, Christ thêm sức lực phi thường;
 Gặp thêm bao nhiêu khổ nạn, Ngài vẫn nhất thiết xót thương.
 Gặp thử thách như lửa hừng, Chúa gia ơn vô lượng.
 Christ yêu thương không kể xiết, Ngài ban ơn không chế tiết,
 Công đức Ngài không giới cương tỏ cho trần gian;
 Y theo giàu sang vô cùng trong ân điển của Cứu Chúa
 Chúa thêm nhiều, tăng lên hoài, cứ gia ơn vô hạn.

Cô đọc xong dòng cuối thì người giới thiệu chương trình cũng giới thiệu xong về cô.

Gladys lên bục, đơn giản mở lời bằng cách nói lên lòng thương xót từ Graham xuất phát thật dễ dàng biết bao. Cô nói: “Nếu có người bệnh, anh có mặt ngay. Bất kể đã khuya hoặc sáng sớm đều không thành vấn đề. Graham không phải nghĩ xem phải làm gì cho người đang cần. Anh chỉ việc hành động.”

Cô kết thúc nhận định và nhận giải thưởng, sau đó được mời ở lại dự bữa tối. Không ai ra về cả; mọi người ở đó đều muốn chào người góa phụ can đảm không nói một lời nào xấu về những kẻ đã hung ác giết chết chồng và hai đứa con trai mình. Khi họ xếp hàng ăn bữa tối, một cô nói với Gladys: “Tôi không biết làm sao chị có thể tha thứ được.”

Không cần suy nghĩ, Gladys trả lời: “Phải tha thứ. Tha thứ đem lại sự chữa lành.”

Gladys thậm chí còn chưa nhận ra được sự thật cho đến khi những lời này thốt ra. Cô đã tha thứ cho những người giết chồng và con cô kể từ lúc cô nghe tin tức kinh khiếp này. Nhưng tha thứ thật sự là chất xúc tác cho sự chữa lành, và ngay khoảnh khắc đó, cô đã quyết định sứ điệp kế tiếp của mình sẽ là gì.

Những lời mời cô làm diễn giả cứ đến dồn dập, và khi Gladys có thể thì cô nhận lời, luôn luôn nói về sự tha thứ. Mỗi lần phát biểu, cô đều nói: “Tình yêu thương phải cho thành thật. Chúng ta phải kính trọng nhau như Rôma 12 đã truyền dạy: ‘Hãy chúc phước cho kẻ bắt bớ anh em; hãy chúc phước, chớ nguyên rủa. Hãy vui với kẻ vui, khóc với kẻ khóc. Trong vòng anh em phải ở cho hiệp ý nhau; đừng ước ao sự cao sang, nhưng phải ưa thích sự khiêm nhường. Chớ cho mình là khôn ngoan. Chớ lấy ác trả ác cho ai; phải chăm tìm điều thiện trước mặt mọi người. Nếu có thể được, thì hãy hết sức mình mà hòa thuận với mọi người.’”⁴

Kể từ lần phát biểu trước công chúng đầu tiên của cô trong buổi lễ trao giải, Gladys được mời đến vô số trường học, nhà thờ và các dịp trọng thể trước công chúng, nhiều lúc đã thuyết trình đến sáu buổi gặp mặt trong khoảng thời gian ba mươi sáu giờ. Ngày nay, sứ điệp xác quyết mạnh mẽ của cô trở thành lời nhắc nhở không ngừng cho một đất nước mà những cuộc tấn công tàn bạo vào Cơ Đốc nhân ngày càng gia tăng – và có lẽ không ai đủ tư cách hơn Gladys Staines để rao giảng sứ điệp đó.

ĐOẠN KẾT

Gladys vẫn sống tại Bệnh Viện Phung Mayurbhanj, nhưng cô đi khắp địa cầu để nói về những bắt bớ tại Ấn Độ và chia sẻ sứ điệp của mình về sự tha thứ. Đất nước Ấn Độ sửng sốt trước lời chứng và sứ điệp về tình yêu của Đấng Christ xuất phát từ người không có khả năng nhất này trong các sứ giả: một người ngoại quốc... một góa phụ... một phụ nữ bình dị và mục tiêu duy nhất của cô là phục vụ người nghèo và người thiếu thốn cơ cực.

Điều đáng buồn là phải cần đến một vụ sát nhân tàn bạo giết chết một người Tây phương và hai cậu con trai quý báu của anh mới khiến được một quốc gia chú ý. Nhưng Gladys vẫn trung tín làm phát ngôn

nhân của Đức Chúa Trời, chứng minh rằng Ngài khiến “mọi sự hiệp lại làm ích cho kẻ yêu mến Đức Chúa Trời.”⁵ Đáp lại những sứ điệp của cô, Gladys nhận được hàng ngàn bức thư từ dân chúng trên khắp Ấn Độ, kể cả người Hindu, xin lỗi về những tội phạm đáng ghét đã giáng trên gia đình cô.

Cô đã học biết trực tiếp quyền năng của sự tha thứ, và cô biết đây vẫn là sứ điệp hết sức quan trọng, ngay cả cho những người ở trong Hội Thánh. Tại một cuộc bồi linh của phụ nữ nơi Gladys làm diễn giả, cô nghe kể về một ông cụ chín mươi tuổi đang chờ ở bên ngoài, khăn khăn đòi gặp người nữ đã có thể tha thứ cho những kẻ giết gia đình mình. Cuối cùng khi được nói chuyện với Gladys, ông cụ kể cho cô nghe con gái ông đã chết nhiều năm trước có lẽ do bất cẩn trong y tế, và ông không bao giờ tha thứ được cho vị bác sĩ kia. Gladys cậy ơn Chúa khuyên ông một hồi, cuối cùng hướng dẫn ông cầu nguyện tha thứ.

Một năm sau vụ tấn công, Dara Singh và mười bốn người khác bị bắt và bị buộc tội đã sát hại Graham, Phillip và Timothy Staines. Tháng Sáu năm 2002. Gladys được mời đến làm chứng trong phiên tòa xét xử và đã chịu đựng thách thức gay go nhất cô từng biết xưa nay kể từ khi biết tin vụ giết chết chồng và các con trai của mình: đối mặt với người chịu trách nhiệm. Đây chính là bài thi của riêng cô về sự tha thứ tiếp.

Luật sư của Singh, tuyên bố sự vô tội của thân chủ mình, cố hạ uy tín của Graham và tuyên bố anh đã bất cẩn tự tay đốt cháy chiếc xe Jeep bằng chiếc lò nấu. Khi luật sư tiếp tục nói, Gladys nhìn vào Dara Singh rồi nhìn vào chính tấm lòng mình. Cô cầu xin Chúa giúp cô bày tỏ tình yêu và lòng thương xót để đừng bao giờ nhìn anh ta với thái độ thù ghét. Vào lúc quyển sách này sắp được in ra, phiên tòa kia vẫn tiếp tục.

Chúng tôi đã gặp Gladys và Esther tại Calcutta, và trước khi chia tay, Gladys chia sẻ thêm một bài thơ nữa mà đã thành nguồn khích lệ lớn cho cô kể từ khi chồng và các con trai qua đời. Bài thơ do Cố Edgar Guest sáng tác, nhan đề “Về Quê Hương An Toàn.”

Hỡi những người yêu dấu, tôi đã ở quê hương trên Thiên đàng;
 Ôi sung sướng biết bao, sáng láng biết bao!
 Trong ánh sáng đời đời ấy
 Có niềm vui và vẻ đẹp hoàn hảo.

Mọi đau đớn sâu khổ đã xa,
Mọi phong ba dỗi đập đã qua;
Tôi giờ đây bình an đời đời,
Cuối cùng an toàn tại quê hương trên trời.
Em có ngạc nhiên vì sao tôi rất bình tĩnh
Đi qua trùng bóng tối?
Ồ! Tình yêu của Chúa Jêsus soi sáng
Mọi khoảng rừng tăm tối sợ hãi.
Đích thân Ngài đến gặp tôi
Trên con đường rất khó đi ấy;
Được dựa vào cánh tay Chúa Jêsus,
Tôi còn nghi ngờ sợ hãi sao?
Vì vậy em không được quá đau buồn,
Vì anh vẫn rất yêu em:
Hãy cố nhìn xuyên bóng tối trần gian,
Hãy cầu nguyện để tin cậy Ý Cha chúng ta.
Vẫn còn việc đang chờ em.
Vì vậy em không được đứng không
Hãy làm ngay khi đang còn sống
Em sẽ yên nghỉ trong xứ của Chúa Jêsus.
Khi công việc kia xong hết,
Ngài sẽ dịu dàng gọi em về Quê Hương;
Ồi, hân hoan thay lúc gặp nhau,
Ồ, vui mừng thay thấy em đến!

MAI:

Về Lại Việt Nam... Nơi Giang Tin Lành

Việt Nam

Tháng Mười Một 1989

Họ ngửi được mùi đại dương trước khi thấy. Mai bước theo anh Hồng của cô, hầu như theo đúng bước chân anh dọc theo đoàn người đi hàng một. Phải leo lên một ngọn đồi nữa. Không khí mặn lùa qua tóc và làm họ lên tinh thần. Mai cảm thấy niềm phấn khởi đang dâng cao. Mỗi bước đi đưa họ đến gần tự do hơn!

Cuối cùng họ cùng lên đến đỉnh đồi, và Mai nhìn thấy con thuyền, một cái bục bằng gỗ chặt sơ sài, trét nhựa, có một chái tre nhỏ xíu để làm “nơi lái tàu.” Chiếc thuyền như thế chắc sẽ vỡ thành những mảnh vụn nếu cho nó một cú đá. Cô ngừng lại nắm tay anh Hồng ngăn không cho anh đi xa thêm nữa.

“Em không thể bước lên trên đó!” Cô vừa nói với anh, rồi kéo tay anh cho đến khi anh quay mặt lại. “Đưa nó ra ngoài cảng còn không nổi, nói gì tới chuyện đi Hong Kong!”

“Em phải đi, Mai à,” Hồng bảo em, quay lại hướng bờ biển và kéo em cùng đi theo. Mai nhìn con thuyền lần nữa, nỗi sợ hãi dâng cao trong lòng. Khác với chiếc chái tre, con thuyền đẹp lép tống trơn. Những người Việt Nam tị nạn còn lại đang leo lên boong, vài người thận trọng nhìn lại đằng sau, xem công an Trung Quốc có chọn ngay lúc này đến cướp phá và giao trả họ về Việt Nam không.

“Em... em không thể, anh Hồng à,” cô lắp bắp. “Em... em chưa sẵn sàng cho chuyến đi này.”

“Em cũng chưa sẵn sàng để lên qua biên giới đến Trung Hoa nữa, vậy mà chúng ta đã làm xong rồi. Bây giờ đi tiếp đi. Chúng ta phải đi. Em không biết ba phải bỏ ra bao nhiêu tiền cho chuyến đi này sao?”

Hồng thọc tay sâu vào túi lôi ra chiếc khăn tay rách tả tơi. Cẩn thận mở ra và ngoái lại kiểm tra, anh cho cô thấy lần nữa hai đồng vàng. Mỗi đồng nặng gần nửa lượng, và mỗi đồng sẽ mua một vé đi thuyền đến Hong Kong, chiếc vé đưa họ đến tự do.

Anh Hồng nói tiếp: “Em không biết ba phải mất bao lâu để dành dụm chừng này sao? Ba vẫn đợi và định ngày này suốt bao nhiêu năm. Ba chưa bao giờ nếm lấy mùi tự do, nhưng đã trả tiền cho em đi. Bây giờ lên thuyền ngay!”

“Ba không mua vé cho em. Đó là vé của Trung,” Mai giận dỗi trả lời. Một người anh khác nữa của Mai được định để đi chung với anh Hồng. Ba của Mai định cho hai con trai đi tìm tự do, hy vọng chúng sẽ làm ăn khấm khá rồi giúp đưa thêm anh chị em ra khỏi Việt Nam.

“Đúng là vé của Trung, phải rồi. Nhưng em biết vợ anh mới sinh con. Anh không khỏe để đi bây giờ, vì vậy em là người may mắn. Em sẽ được tự do ở Mỹ hoặc ở Úc. Em sẽ được học tốt hơn. Một ngày kia em sẽ giàu có!”

Anh vẫn đang giữ chặt tay Mai, nửa kéo nửa lôi em lên thuyền.

“Phòng tắm ở đâu?” Cô rên rỉ. “Trên đó chẳng có phòng vệ sinh.”

“Phòng vệ sinh khắp quanh mình,” Hồng vừa nói vừa cười chế giễu. Cuối cùng, anh ngừng bước quay sang em. “Đây là cơ hội của chúng ta đó Mai. Đây chính là điều ba muốn cho mình, muốn mình ra khỏi Việt Nam. Muốn mình tự do. Muốn mình học cao. Muốn mình làm ăn sinh lợi. Ba phát bệnh vì nghĩ tất cả mấy đứa con của ba phải sống trong nghèo khổ. Và chắc ba cũng phát bệnh khi thấy em cứ ngần ngừ. Nào, đi mau!”

Giờ đây họ đã đến cầu tàu, một người đàn ông cau có nhìn cả hai người, chìa tay ra. Hồng biết ông muốn gì – những mảnh vàng. Đặt chiếc khăn tay vào bàn tay của ông kia, Hồng rút một góc chiếc khăn cho đến khi hai đồng vàng lăn ra. Thuyền trưởng nhìn kỹ hai đồng vàng, đưa một đồng lên miệng cắn để thử có phải vàng thật không.

Ông ta gầm gừ: “Lên đi.”

Họ làm đúng như ông bảo. Mai ước gì mình có thể ôm chặt mẹ lần nữa trước khi ra đi! Hay nói chuyện với cha ít lâu nữa. Cô không biết liệu chiếc thuyền – cuối cùng cô cũng chịu gọi nó như thế – có thật sự đưa họ đến nơi muốn đi không, và cô cầu nguyện với thần linh của ông nội và ông cố, cầu họ cho mình lên đường an toàn.

Họ chọn chỗ gần phía trước mũi, xa tiếng ồn của máy. Tàu chưa ra khỏi bến thì Mai đã nôn mửa vì lo sợ và sóng dôi rồi. Cô khóc khi nhìn thấy bờ biển dần biến mất nơi chân trời.

Những ngày sống trên tàu trở thành những bài tập bất tận trong tẻ nhạt, Mai với Hồng nhanh chóng thấy họ đem không đủ thức ăn cho chuyến đi dài này. Khi hết thức ăn, họ phải xin ăn từ bốn mươi ba hành khách kia. Ngày tháng cứ kéo lê mãi, những hạt cát thời gian dường như mỗi lần rơi có một hạt.

TRẬN BÃO

Mai ngồi dậy lần nữa, góc đầu khỏi mặt nước phun ra nước biển mặn đắng và hơi lấy không khí.

“Cứu tôi với!” Cô kêu khóc, tuyệt vọng dò tìm trong bóng tối chiếc tàu hay anh Hồng hay bất cứ vật gì hay người nào khác. Một đợt sóng ập đến nữa, cô ráng sức hít một hơi không khí trước khi đầu lại chìm trong đám bọt nước.

Khi ngoi lên để hít lấy không khí lần nữa, cô cảm thấy có cánh tay quàng qua mình. “Bơi về phía bờ,” tiếng một người đàn ông hét vào tai cô. Mai nhận ra đây là một người tị nạn cùng thuyền với mình trốn chạy khỏi tổ quốc trên con thuyền ọp ẹp kia. Họ cùng nhau bơi. Cô nhìn lại đằng sau về phía con sóng sắp đến, la lên báo mỗi lần một đợt sóng sắp ập xuống họ. Anh ta dõi mắt nhìn vào bờ.

Cuối cùng, họ đứng được; họ bước thêm vài bước rồi ngã ụp xuống cát, kiệt sức. Những người khác từ con thuyền đến cũng đang tập trung trên bờ, run rẩy trước làn gió mạnh từ biển quật lên. Cát phủ đầy áo quần ướt của họ. Mai kêu lên nhẹ nhõm khi thấy Hồng, hai anh em ôm chầm lấy nhau. Giữa cơn bão thế này, không có cách nào đốt lên ngọn lửa, vì vậy họ ôm lấy nhau, cố gắng giữ ấm cho nhau cách vô hiệu, hết sức mong đợi mặt trời ló dạng.

Mai kinh ngạc trước những bước ngoặt đến sững sốt trong đời cô. Vài ngày trước, cô còn là một nữ sinh trung học mười bảy tuổi tại Miền Bắc Việt Nam, sống hạnh phúc với ba mẹ trong căn nhà mái ngói đỏ gần biên giới Trung Hoa. Giờ đây cô túm tụm trên một bờ biển lộng gió của Trung Hoa, không biết liệu mình có đi đến được Hong Kong và được tự do không.

Ba của Mai luôn luôn muốn bảy chị em của cô sống cuộc đời tốt hơn đời ông. Mai đã nghe lời nói giáo huấn của ba rất nhiều lần đến nỗi có

thể đọc thuộc lòng. Nhưng bài diễn văn ấy không hề có chuyện đắm tàu...

Mai nghĩ đến mẹ, hay cười nhạo những tham vọng của ba dành cho các con; bà nghĩ đi học chỉ tổ tốn thời gian và tốn tiền. Bà kiểm soát tài chánh trong gia đình và không chịu cho bảy đứa con tiền mua sách hay những vật dụng cần thiết trong nhà trường. Thường ba của Mai sẽ bán một con gà hay một con thú khác rồi dúm vài tờ bạc cho con mua đồ dùng học tập trong tuần tới. Mỗi lần vợ phát hiện ra, hai người lại cãi nhau nảy lửa, quát tháo những lời lăng mạ nguyên rửa nhau. Mấy đứa con cố tránh xa cuộc cãi vã này. Quan trọng hơn hết, chúng vẫn tiếp tục được đi học.

Một trong các anh trai của Mai đã rời Việt Nam làm công nhân ít lâu tại Bungari. Anh đã chứng kiến thế giới bên ngoài, và những câu chuyện của anh càng làm ba thêm khao khát cho con trốn thoát.

Giờ đây Mai đã ra khỏi Việt Nam, nhưng không phải ở chỗ ba cô đã hình dung. Cô xúm xít trên bờ, chiếc mền mát đầu đó ngoài biển sủi bọt kia. Cơn bão bắt mọi người phải bơi vào bờ. Thuyền trưởng vẫn ở lại trên thuyền, hướng mũi vào những cơn sóng cố lái thuyền thoát khỏi cơn bão. Sau khoảng thời gian dài dằng dặc, gió lặng, cuối cùng mặt trời cũng lộ dạng lên khỏi mặt nước. Mai chưa bao giờ biết ơn nhiều đến như vậy khi thấy cảnh bình minh của một ngày mới.

Đám người tị nạn tùm tùm trên bờ đến khi thuyền trưởng vẫy họ về lại thuyền. Họ bơi vượt qua những ngọn sóng để leo lại lên con tàu đưa đoàn người trôi nổi tìm tự do. Boong tàu đã bị bão quét sạch. Những quần áo dự trữ, mền, thức ăn, ấm và chảo của họ – mọi thứ đều bị quét sạch. Mai và Hồng ngồi xồm xuống, hy vọng không còn trận bão nào nữa từ đây đến Hong Kong. Họ không biết con tàu liệu còn chở nổi hết số hành khách này trên boong không.

Bốn mươi hai ngày dài vô tận sau khi lên lại thuyền, họ đến được Hong Kong. Nhưng họ không được chào đón tại đó; cảnh sát không cho người tị nạn xuống tàu. Thay vào đó, họ bị giải đến Đảo Bò, một dải đất không chút hấp dẫn, nơi các nông dân nuôi bò. Cuối cùng, Mai, Hồng và những người khác được xuống thuyền, nhưng những điều chờ đợi họ hầu như vẫn khó chịu y như điều họ đang lìa bỏ. Gần hàng trăm chiếc thuyền giống như của họ mỗi ngày đều đặn đổ người xuống Đảo Bò.

Các nhóm cứu trợ nhân đạo phát những đồ ăn, nhưng Mai vẫn không quen thứ thức ăn ấy, và cứ mỗi bữa ăn xong là cô lại nôn ra.

ĐỜI SỐNG TẠI CÁC TRẠI TỊ NẠN

Một tuần sau khi lên Đảo Bò, Mai và Hồng được chuyển đến trại tị nạn đầu tiên. Một tháng sau, họ lại được chuyển đi nữa, lần này đến Trại Chín. Khoảng một năm sau, họ được đưa đến Trại Ba.

Cứ mỗi lần đến trại mới, họ phải tìm chỗ ngủ và chỗ sống. Rất nhiều người sống trong trại là những người canh giữ lãnh thổ hung bạo, Mai và Hồng phải liên tục canh cho nhau và đề phòng những người sẽ đến tấn công họ. Trại Ba đặc biệt hung bạo, hầu như bãi chiến trường. Người tị nạn ở cùng địa phương tại Việt Nam sẽ kết băng với nhau rồi đánh lại người đến từ những vùng khác. Mọi thứ trong trại – gạch, bóng đèn, dây điện, các bộ phận của giường ngủ, những thanh sắt bén nhọn – đều trở thành vũ khí. Đôi khi những trận đánh kéo dài mấy ngày, và có nhiều nhóm khác nhau cố kiểm soát trại. Cảnh sát Hong Kong không kiểm soát nổi các trại, vì vậy đời sống bên trong hàng rào bị cai trị bởi chủ nghĩa vô chính phủ kiểu Darwin.

Trong lúc đánh nhau, phụ nữ và trẻ em chạy trốn, cố tránh xa hiện trường đang khi bọn đàn ông lo đánh lẫn nhau. Giống như bao người khác, Mai nằm co ro trên giường mình trong một nhà chái – thực ra chỉ là một miếng gỗ gác ngang trên vài hòn đá – hy vọng trận ẩu đả sớm kết thúc. Cũng như những người khác, cô mong được ra khỏi những trại này và được thật sự tự do.

“ĐỨC CHÚA TRỜI YÊU THƯƠNG THẾ GIAN”

Sau một trận đánh lộn kinh khiếp nọ, Hồng và Mai được chuyển đến một trại khác nữa, trại Lang Gin. Đây là trại rừng giới, nhằm cách ly “những kẻ gây rối,” và Mai không biết vì sao họ đẩy mình đến đó. Tuy nhiên trong cảnh “trừng phạt” này vẫn có cái may, vì trại này có một tòa nhà được dùng làm nhà thờ – không phải thứ mà Mai biết là một nhà thờ. Nhưng một ngày nọ, cô tình cờ đi ngang tòa nhà rồi nhìn vào một trong những phòng của nó. Một biểu ngữ trắng lớn treo trên tường, ở giữa biểu ngữ có cây thập tự màu đỏ. Bên dưới cây thập tự cô thấy

viết mấy chữ tiếng Việt. Cô ghé mắt nhìn qua cửa thì đọc được: “Đức Chúa Trời yêu thương thế gian.”

Tò mò, cô bước vào trong. Những người trong phòng đang hát một âm điệu cô chưa từng nghe. Rồi một ông đứng lên nói tiếng Việt, và Mai lắng nghe kỹ càng. Cô thích điều ông nói vì ông mô tả một Đức Chúa Trời biết chăm sóc, quan tâm, một Đấng thật sự yêu thương con người thay vì làm cho người hoảng sợ hay thống trị con người. Cô muốn biết thêm về nhóm người này và những giáo lý lạ lùng của họ, nhưng không có ý định bỏ đạo mình đã học được từ ba mẹ. Cô xem Đức Chúa Trời là Đấng yêu thương thế gian kia như một thứ nữa để cô có thể thờ lạy, thêm vào số những tổ tiên và thần tượng của chính cô.

Sau hai năm nữa tại các trại tị nạn Hong Kong, một người bạn của Mai rủ cô đi xem thầy bói. Cô ngồi đối diện bà thầy bói, hy vọng bà có thể nói cho cô biết cô và anh trai bao lâu nữa sẽ ra khỏi trại để đến một quốc gia tự do. Bà cụ nhìn chằm chằm sâu vào mắt Mai rồi cầm cả hai tay cô.

“À, được rồi. Ta đã thấy rồi đây. Cô có một bạn trai.”

Mai lúng túng. “Không, đâu có. Tôi đâu có bạn trai nào.”

Bà thầy bói trông có vẻ hơi lo. “À,” bà bảo, vội gạt đầu, “Đây chắc hẳn là bạn trai từ kiếp trước mà giờ đây đang đi theo cô vào kiếp này.”

“Đi theo tôi sao?” Mai hỏi, nghi ngờ nhìn từ bà thầy bói sang bạn của mình. Cô nghĩ bà ta đang bảo cô rằng có một con quỷ đang theo mình. “Anh ta muốn gì? Tôi làm sao khiến anh ta để cho tôi yên?”

“Cô phải về nhà và thờ anh ta. Hãy cầu nguyện và cầu xin anh ta để cho cô yên.”

Đây không phải lần đầu Mai bị lên án là có một con quỷ. Hồi mới bảy tuổi, Mai bệnh rất nặng. Một cơn sốt rất cao hành hạ thân thể cô, ăn uống thứ gì vô cũng không giữ được. Mẹ cô mời chú của cô đến, là một thầy phù thủy, để cử hành những lễ nghi đuổi thứ tà linh đang khiến cho cô bị bệnh. Người chú lấy roi đánh cô, nói rằng ông sẽ *dọa để xua đuổi* tà linh và căn bệnh ra khỏi cô. Mai kêu cứu, nhưng gia đình ghìm cô xuống trong khi cô bị đánh. Rồi ông chú nắm tóc cô, đập đầu cô vào khung sắt cố *lắc* cho văng quỷ ra khỏi cô. Nhiều lúc những trận đòn kéo dài suốt đêm. Mai đau quá hét lên, nhưng những tiếng khóc thống khổ của cô chỉ làm chú càng nỗ lực hơn nữa vì chú sẽ hãnh diện

tuyên bố: “Giờ đây con quý sắp ra khỏi nó rồi.” Chú cũng có một con ngựa kim loại nhỏ mà chú sẽ đâm vào da cô để *nhử* quý ra khỏi cô.

Mọi nỗ lực của chú chẳng có ích gì; Mai vẫn tiếp tục bệnh. Cuối cùng ba phải đưa cô đến bệnh viện. Sau vài ngày uống thuốc mà bác sĩ đưa, cơn bệnh của Mai được chữa lành. Về sau Mai tự hỏi vì sao thuốc còn mạnh hơn cả thầy phù thủy. Giờ đây cô không biết bà thầy bói này có đang nói thật với mình không. Liệu *tôn kính* “bạn trai” này có thật sự thuyết phục con quý để yên cho cô không?

Mai đến ngôi chùa lớn ở trong trại và dâng đồ cúng như đã thấy ba mẹ làm. Cô không hoàn toàn tin phương cách chữa trị của bà thầy bói, nhưng cô thấy cầu may thì cũng chẳng hại gì, nhất là nếu “bạn trai” này có thể giúp cô xin được giấy phép nhập cảnh để đi đến với tự do. Cô thắp hương và tử tế cầu xin linh này lìa khỏi cô và để cho cô yên.

Nhưng càng cầu nguyện bên bàn thờ, cô cảm thấy càng bất bình an. Sâu thẳm trong lòng, cô biết những cảm giác khó chịu của mình không liên quan gì đến thế giới thần linh. Mai cảm thấy bị mắc kẹt trong trại tị nạn, nôn nóng được thoát ra. Cuộc đấu tranh không ngừng chỉ cốt để được sống còn và được ăn đã xói mòn cô, và tính thân thiện tự nhiên của cô đã biến mất, chỉ còn lại lo lắng và bực bội. Cô không hiểu nổi nỗi buồn mà dường như đã đâm rễ sâu trong lòng cô. Cô khao khát một điều gì đó khác hẳn và tự hỏi liệu đến được một quốc gia tự do có lấp đầy khoảng trống cô đang cảm nhận được trong đời mình không.

Ngày hôm sau, cô thấy mình lại đi ngang nhà thờ. Nhìn thấy bảng hiệu nói về tình yêu của Thượng Đế, cô lại tự hỏi Thượng Đế này thật sự là ai và vì sao Ngài lại “yêu thương thế gian.” Ngài có “yêu” *chính* cô không?

Bước vào trong, cô dò tìm trên kệ sách, lôi ra quyển lớn nhất mình thấy trên đó, hy vọng nó cho cô biết đôi điều về Đức Chúa Trời của tình yêu này. Mở ra, cô đọc được: “Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời đất...”

Đây là sách lịch sử, cô nghĩ vậy sau khi đọc thêm vài hàng nữa. Hồi ở trường, cô ghét nhất lịch sử, cùng với mọi ngày tháng, nhân vật, địa danh phải học thuộc lòng. Cô liền xếp sách lại trả lên kệ. Lấy ngón tay dò thêm trên kệ, cô chọn quyển mỏng nhất kế tiếp, một quyển đơn giản bìa da rất đẹp. Cô mở ra và đọc hàng đầu – danh sách rất dài của

tên những nhân vật – lúc đó cô bắt đầu đọc kỹ hơn. Đây là câu chuyện về một cặp vợ chồng sắp sinh con. Nhưng đứa bé này rõ ràng là đặc biệt, vì có một ngôi sao để báo hiệu sự kiện này, và những nhà tư tưởng vĩ đại đã đến để chào đón Ngài vào đời.

Em bé này là ai? cô tự hỏi. Jêsus là ai?

CHẠY ĐẾN VỚI ĐỨC CHÚA TRỜI ĐẮNG ĐÃ YÊU THƯƠNG CÔ

Chúa Nhật hôm ấy, Mai quay lại phòng nhóm, nơi đó một người đang giảng về quyền năng của Đức Chúa Trời. Vị mục sư nói: “Ma quỷ không sợ bất kỳ ai hay bất cứ thứ gì. Ngoại trừ một Đấng. Ma quỷ sợ Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời ở đâu, nơi đó không còn ma quỷ nữa.”

Mai tròn xoe mắt. Cô không biết làm sao diễn giả này biết về một con quỷ được xem như bạn trai từ kiếp trước cô mà ngày nay nghe nói anh ta đang đi theo cô. Mai muốn tin Đức Chúa Trời này ngay khi nghe thông điệp ấy. Cô không muốn bất cứ phần thế giới thần linh nào khiến cô phải sợ và đau đớn nhiều đến thế kể từ thời thơ ấu. Cô chỉ muốn bình an.

Khi mục sư mời gọi lên ăn năn vào cuối sứ điệp, Mai chạy lên. Cô không biết chắc những chi tiết, nhưng biết mình muốn thờ phượng chính Đức Chúa Trời là Đấng mà cả ma quỷ cũng phải chạy trốn khỏi mặt Ngài, Đức Chúa Trời Đấng yêu thương cô và sẽ giải phóng cô.

Từ khoảnh khắc đó trở đi, mỗi khi Mai cảm thấy sợ – thường khi cô nằm trên giường, nghe những trận đánh nhau quanh mình – cô sẽ đọc Tân Ước và cầu nguyện với Đức Chúa Trời. Mục sư đã bảo với cô ma quỷ sợ việc cô đọc Lời Đức Chúa Trời, vì vậy cô cứ tiếp tục đọc trung tín mỗi ngày!

Hầu hết người trong trại đều đến lễ tại những ngôi chùa Phật giáo, và Mai đã đi với họ, thậm chí sau khi cô đã tiến lên phía trước nhà thờ và cầu nguyện. Cô nghĩ, có lẽ các quỷ sợ cô khi cô đọc Kinh Thánh, nhưng cũng nên khôn ngoan dâng một vài của lễ cho chúng, nhờ có khi cần. Cô vẫn có các thần tượng ở trong lều, và mỗi ngày cô cầu nguyện với Đức Chúa Trời của Cơ Đốc nhân, cũng cầu với các thần của chính cô nữa. Cô nghĩ, nếu một đạo đã tốt, thì chắc chắn hai đạo càng tốt hơn. Nhiều người khác trong trại cũng làm y như vậy, cứ lấy và chọn

những phần nào mà họ thích từ nhiều đạo khác nhau được rao giảng ở trong trại tị nạn này.

Rồi đến Chúa Nhật nọ, một vị mục sư Cơ Đốc dạy rằng không theo các thần khác hoặc không theo các đạo khác. Ông nói Cơ Đốc nhân phải theo chỉ một đạo duy nhất và chỉ bám víu vào một Đức Chúa Trời chân thần duy nhất. Sau buổi nhóm, Mai trở về trại ném hết mọi thần tượng của mình. Một vài Phật tử cố gắng ngăn cô, nhưng Mai đã quyết. Nếu Đức Chúa Trời muốn cô đi theo một mình Ngài thôi, thì cô phải gạt bỏ mọi dấu hiệu của tôn giáo ngày trước của cô.

“XIN CỨ SỬ DỤNG CON”

Một sáng Chúa Nhật khác nữa, ít lâu sau khi cô quăng hết mọi hình tượng của mình, bài giảng hôm ấy nói về sự chết của Chúa Jêsus trên thập tự giá, giá Ngài phải để đền tội cho chúng ta. Mai lại tiến lên phía trước lần nữa, lần đầu tiên trong đời, cô hiểu được mức độ kinh khiếp của tội lỗi mình và ăn năn tội. Cô cầu nguyện: “Lạy Đức Chúa Trời, xin tha tội cho con. Xin hãy dùng con. Dùng theo bất cứ cách nào Ngài muốn, bất cứ nơi nào Ngài muốn. Miễn là được Ngài dùng con.”

Dầu biết rất ít về Kinh Thánh hay về giáo lý Cơ Đốc, cô vẫn bắt đầu nói chuyện về Kinh Thánh và giáo lý với mọi người trong trại. Cô tiếp tục ngẫu nhiên đọc Kinh Thánh, và Thánh Linh giúp cô ngày càng hiểu nhiều hơn. Càng học, cô càng làm chứng nhiều về Đấng Christ.

Vì muốn biết em gái mình sa vào chuyện gì, Hồng cũng đến dự một số buổi nhóm tại nhà thờ trong trại nữa. Cuối cùng, anh cũng tiếp nhận Đấng Christ, nhưng lòng tận hiến của anh không sâu nhiệm như của Mai. Mục tiêu của anh vẫn nhắm vào sự tự do, được ra trại đi đến một quốc gia mà anh sẽ được tự do tại đó. Trong đầu anh có nhiều kế hoạch để làm việc và bắt đầu câu chuyện làm ăn rồi trở nên giàu có thịnh vượng. Anh không biết làm Cơ Đốc nhân có giúp anh kiếm được giấy nhập cảnh vào Phương Tây nhanh hơn hay không.

Tại nhà thờ, Mai gặp một anh lớn hơn cô mười tuổi, và hai người bắt đầu hẹn hò với nhau. Anh cũng đang chờ giấy phép đến thế giới Phương Tây, hy vọng lập nghiệp và kiếm tiền nhanh chóng. Khi quan hệ của họ phát triển, Mai cảm thấy mình đã tiếp nhận những điều ưu tiên của anh. Khao khát Kinh Thánh của cô đã phai mờ, đời sống cầu

nguyện của cô khô cạn. Cô ngày càng nghĩ nhiều hơn đến cách sẽ tiêu tiền mình có khi được tự do, và cô cầu nguyện chỉ đủ để cảm thấy Chúa Jêsus chấp nhận cô và cho cô vào Thiên đàng khi Ngài tái lâm.

Những lời cầu nguyện sâu nhiệm từ tận đáy lòng đã từng có thời sôi trào trong tâm hồn cô giờ đây đã bốc hơi hết rồi. Giờ đây cô cầu nguyện phần lớn để xin Chúa đưa cô ra khỏi trại và dẫn cô đến tự do. Cô và người bạn trai bàn chuyện hôn nhân, và Mai thật sự muốn lập gia đình với người đàn ông này. Nhưng cô nghĩ hai mươi tuổi thì còn trẻ quá.

Một tối nọ, khi nằm trên giường, Mai nghe một tiếng nói. *Ta không bỏ con lại đằng sau*, tiếng nói ấy phán với cô. *Khi ta đến, ta sẽ đưa con đi với ta.*

Mai thức dậy, rồi nghe một tiếng khác: tiếng kêu lớn, gay gắt, đau đớn.

Con có nghe tiếng kêu khóc ấy không? Thánh Linh dường như đang phán trực tiếp với lòng cô.

“Dạ có,” Mai trả lời. “Tiếng kêu gì vậy?”

Đó là tiếng kêu khóc của những người đã bị bỏ lại. Đó là tiếng kêu đau đớn xót xa.

“CHÚNG TA HÃY... RA NGOÀI TRẠI QUÂN”

Sáng hôm sau, Mai gạt bỏ thói lười biếng thuộc linh của mình. Những lời cầu nguyện của cô lại sốt sắng như trước, và những lời ấy vượt trội hơn những lời cầu xin được thịnh vượng và chiếc vé đến Phương Tây. Cô bắt đầu cầu nguyện cho gia đình của mình ở Việt Nam và cho những Cơ Đốc nhân tại quê hương và những người đang chịu khổ vì Đấng Christ.

Một ngày kia khi đọc Kinh Thánh, cô đọc đến Hêbơrơ 13:12-15:

Ấy vì đó mà chính mình Đức Chúa Jêsus đã chịu khổ tại ngoài cửa thành để lấy huyết mình làm cho dân nên thánh. Vậy nên chúng ta hãy ra ngoài trại quân, đặt đi tới cùng Ngài, đồng chịu điều sỉ nhục. Vì dưới đời này, chúng ta không có thành còn luôn mãi, nhưng chúng ta tìm thành hầu đến. Vậy, hãy cậy Đức Chúa Jêsus mà hằng dâng tế lễ bằng lời ngợi khen cho Đức Chúa Trời, nghĩa là bông trái của môi miếng xưng danh Ngài ra.

“Chúng ta *hãy ra ngoài trại quân*, đừng đi tới cùng Ngài.” Những chữ này dường như nhảy ra khỏi trang giấy đốt cháy thủng một lỗ trong tâm linh Mai. Cô sửng sốt trước sự kêu gọi mà Chúa đặt trong lòng: *Hãy trở về Việt Nam. Hãy chia sẻ Lời Ta tại đó. Hãy bảo những người hiện bị bỏ lại hãy kêu cầu ta.*

Mai biết việc phục vụ Đấng Christ tại Việt Nam cũng đồng nghĩa sẽ phải trả một giá rất lớn. Cô biết mình sẽ chịu khổ nếu đáp lại tiếng gọi của Chúa. Nhưng cô muốn đi. Cô đã nói với Chúa rằng sẽ làm bất kỳ việc gì Ngài muốn cô làm. Nếu đang gọi cô trở về Việt Nam, thì cô sẵn sàng ra đi.

Cô cũng biết sự tối tăm ở Việt Nam; cô nhìn thấy trong chính gia đình mình. Từ nhỏ đến lớn, gia đình cô vẫn giữ trong nhà một bàn thờ đồ đậm với ba lư hương để đốt nhang cho các bậc tổ tiên mà họ thờ lạy: ông nội, ông cố, và ông cố tổ. Khi ba cô chết, gia đình sẽ thay bình hương cổ nhất bằng bình hương dành cho ba.

Người Việt Nam được dạy rằng thần linh ở khắp mọi nơi, và giống như hầu hết Phật tử ở đây, gia đình Mai siêng năng cố gắng làm các thần linh nguôi giận. Họ sẽ giết gà giết heo để dâng làm sinh tế rồi cúng thức ăn trên bàn thờ. Với những câu niệm chú, họ sẽ mời ông bà tổ tiên về ăn cỗ, hy vọng kiếm được ơn của tổ tiên. Mai khao khát chia sẻ lẽ thật của Lời Chúa cho gia đình mình và những người đang sống trong bóng tối tăm kinh khiếp tại Việt Nam.

Lần tiếp theo khi những Cơ Đốc nhân nhóm lại, Mai nói mình có chuyện muốn tuyên bố. Cô đứng dậy, mỉm cười. Cô nói: “Tôi đã nghe tiếng Chúa phán. Ngài đang phán với tôi.”

Cô nhìn quanh phòng, nhìn về những người đã trở thành bạn của mình, gần như là gia đình thứ hai vậy.

“Chúa đã kêu gọi tôi trở về Việt Nam. Ngài muốn tôi chia sẻ tình yêu của Ngài với những người tại đó, nói cho họ biết chân lý.”

Rất nhiều tín hữu tại đó phản ứng rất mau lẹ – nhưng không phải phản ứng mà Mai chờ đợi.

“Đây là tiếng của *ma quỷ!*” một ông la lớn lên.

“Điều có không thể đến từ Chúa,” một bà lớn tuổi nói, đóng sập Kinh Thánh của bà lại. “Chúa đem con đến Hong Kong, và Ngài sẽ đem

con an toàn đến nơi tự do. Chúa sẽ giúp con thịnh vượng để con có thể giúp gia đình con. Chúa sẽ không muốn con trở về Việt Nam đâu.”

Một ông khác nói: “Nếu trở về, cô sẽ chịu khổ. Tôi biết mà. Tôi đã chứng kiến. Cảnh chịu khổ đó chắc còn khiến cô bỏ Chúa nữa kia. Chắc Ngài *không hề* bảo cô trở về đó.”

Mai nhìn bạn trai của mình, hy vọng thấy nụ cười ủng hộ trên khuôn mặt anh. Nhưng không hề có nụ cười, không có sự ủng hộ. Ngoảnh mặt khỏi cô, anh hùng hổ ra khỏi phòng.

Trong khi rất nhiều người tại Hội Thánh cố nói Mai đừng đi về, anh trai cô không thỏa lòng với việc chỉ nói đến đề nghị của cô. Khi Mai đề cập vấn đề, Hồng tát vào mặt cô. Anh hỏi: “Làm sao em dám phỉ nhổ ước mơ của ba chúng mình? Ba dành dụm bao năm trời để đưa em đến đây, để đưa em đến bờ tự do. Giờ đây em vứt bỏ hết sao? Em sẽ giẫm lên trái tim của ba mẹ mình sao? Đừng nói đến chuyện về nữa! Đừng nói thêm lời nào nữa!”

Mai không biết làm sao anh lại đối đãi với cô như thế, và làm sao một bạn đồng đức tin trong Đấng Christ lại có thể chỉ trích khao khát chia sẻ Tin Lành của cô như vậy. Cô cầu xin Chúa ban khôn ngoan và sức chịu đựng để yêu anh mình bất kể sự phản đối của anh. Cô tin quyết nơi tiếng gọi của Chúa cho mình nhưng cầu nguyện để người khác cũng hiểu được sự kêu gọi của cô nữa.

Dù vậy, những cú đấm của Hồng vào mặt không phải là chương ngại đau đớn nhất mà cô gặp. Những đòn đau đớn nhất là đòn tình cảm, và bởi chính người bạn trai của cô.

Anh bảo cô: “Chúa đã đem ra khỏi Việt Nam. Vậy tại sao Ngài muốn đưa em trở về đó? Em không được đi.” Khi anh không thay đổi được ý cô, anh cắt đứt mối quan hệ.

Anh bảo cô: “Anh không thể cưới một cô gái sẽ từ bỏ những ước mơ. Chúa đã đưa em đến tận đây, em mà quay trở về thì đó là sỉ nhục Ngài và sỉ nhục cả gia đình em nữa.”

“Em có những ước mơ,” Mai nài nỉ anh, nước mắt lưng tròng. “Giờ đây Chúa ban cho em những ước mơ mới. Em mơ ước nói cho đồng bào mình biết về tình yêu của Đấng Christ. Em muốn nói cho họ biết họ không phải giết thêm súc vật nữa, và cho họ biết đã có một sinh tế được dâng lên cho họ rồi!”

Anh nói với giọng lạnh như băng: “Như vậy chúng ta có những ước mơ khác nhau. Chuyện chúng ta thế là chấm dứt.”

Mai đứng nhìn anh bỏ đi, nước mắt tràn trên khuôn mặt cô.

Do thiếu chất bổ và những tình trạng tồi tệ trong trại, sức khỏe Mai đang sút giảm. Nhưng sức khỏe tâm linh cô chưa bao giờ tốt như bây giờ. Dầu bị bạn trai ruồng bỏ và Hội Thánh nghi ngờ, cô không hề lưỡng lự về việc mình phải làm. Chúa đang kêu gọi cô trở về Việt Nam.

TÊN DUY NHẤT TRÊN DANH SÁCH

Mai thu xếp cuộc gặp tại văn phòng trại tị nạn, nơi đó cô sẽ nộp đơn xin trở về Việt Nam. Đêm trước khi đến văn phòng, cô nằm thao thức suốt hàng giờ, nghĩ về quyết định của mình. Cô không biết vì sao rất ít người trong trại tỏ vẻ ủng hộ mình. Cô cầu nguyện, một lần nữa cam kết với Chúa cô sẽ đi bất cứ nơi đâu Ngài muốn, cô sẽ làm mọi việc Ngài bảo. Cô cảm thấy hoàn toàn bình an và thậm chí còn phấn khởi khi nghĩ đến việc nói cho người tại Việt Nam biết tình yêu của Chúa Jêsus.

Cuối cùng cô cũng thiếp đi, và trong những giấc mơ, cô thấy mình quay về Việt Nam, nhưng không đi một mình. Có một cô cùng đi với mình, và có thêm một ông trong đoàn nữa. Mai cảm thấy rõ ràng đây là lời bảo đảm của Chúa cho cô biết cô không trở về một mình.

Sáng hôm sau khi đến gần văn phòng trại, cô thấy rõ mình đã quyết định đúng. Cô mở cửa và bước thẳng tới bàn.

“Tôi muốn trở về Việt Nam.”

Người đàn ông ngồi tại bàn giấy ngẩng lên nhìn người khách trẻ tuổi của mình, nét mặt pha lẫn thông cảm và bối rối. “Em muốn *trở về* à?”

“Dạ.”

“Em ở Hong Kong bao lâu rồi?”

“Gần năm năm.”

“Em sắp hết thời hạn phải ở đây. Chắc em sẽ có giấy phép nhập cảnh để ra khỏi đây trong vài tháng nữa thôi. Lúc đó em có thể đến Mỹ hoặc Úc. Đừng bỏ cuộc trong lúc này.”

Mai trả lời cương quyết: “Không phải em bỏ cuộc đâu. Em không còn muốn sang Phương Tây nữa. Em muốn trở về tổ quốc của mình.”

“Chúng tôi không để nhiều người muốn làm chuyện đó lắm đâu. Thực ra, người ta vừa mới hạ thấp lệ phí làm tờ đơn đó, vì chẳng ai điền đơn ấy cả. Em biết điều ấy có nghĩa gì không?”

“Em biết.” Mai nói quả quyết. “Nhưng Đức Chúa Trời đã kêu em trở về.” “*Đức Chúa Trời* đã kêu gọi em?” ông ta hỏi với vẻ chế giễu. “Tôi hiểu rồi. Tốt thôi, như vậy những đơn xin giấy thị thực nhập cảnh của em sẽ bị hủy, hồ sơ của em sẽ xếp lại. Cứ như em sẽ chưa từng có mặt ở đây... cứ như năm năm vừa rồi là không có vậy.”

“Em biết. Em sẽ không sang Phương Tây.”

Ông ta bảo: “Và em có biết chính quyền Việt Nam không phải lúc nào cũng hoan nghênh những người quay về, đặc biệt những người đã lên ra đi.”

“Em biết chuyện đó.”

Người đàn ông ngó cô một hồi, nhìn chăm chăm vào khuôn mặt ốm gầy của cô. Rồi anh ta kéo học bàn, rút ra tờ đơn. “Tôi cần giấy tờ tùy thân tại trại tị nạn của cô.”

Mai đưa thẻ của mình rồi cầm lấy cây viết từ tay ông ta, điền vào tờ đơn. Cảm giác kỳ lạ của sự thỏa mãn, thậm chí còn là vui sướng, ngập tràn lòng cô, mà cô không dừng lại chút nào khi ký tên vào đơn, từ bỏ cơ hội để được tự do tại Phương Tây.

Người đàn ông rút ra bìa kẹp hồ sơ. Trên đầu tờ giấy có dòng chữ Trở Về Việt Nam. Care thận ghi tên Mai lên hàng đầu. Trên danh sách chẳng còn tên nào khác nữa.

Khi Hồng biết ra Mai đã ký những đơn hồi hương, anh lại đánh cô lần nữa.

Một người bạn Cơ Đốc, là cô Xuyên, nói Mai đã điên. Nhưng hôm sau khi gặp lại Mai, câu chuyện của cô Xuyên đã thay đổi. Cô trấn an Mai: “Em không điên. Chị xin lỗi đã nói như thế.”

Mai hỏi bạn mình: “Có chuyện gì xảy ra vậy? Hôm qua chị bảo em điên khi quay về Việt Nam, còn hôm nay lại nói đấy là quyết định hoàn toàn hợp lý?”

Cô Xuyên bảo Mai: “Tối qua, Chúa đã phán với chị. Và Chúa cũng bảo chị cần quay về Việt Nam nữa, để chia sẻ sứ điệp của Ngài cho người tại đó.”

Tim Mai rộn ràng vui sướng, biết rằng cô sẽ không về một mình. Cô nhớ lại giấc mơ, trong đó có một phụ nữ khác cùng về với mình. Trong giấc mơ, còn có một người đàn ông nữa, và cô bắt đầu thắc mắc xem Chúa đang làm việc trong lòng ông nào để đưa ông ta về chung với họ.

Cô Xuyên đến văn phòng trại tị nạn và điền vào những tờ đơn giống như Mai đã làm. Tên của cô Xuyên trở thành tên thứ nhì trên danh sách.

Vài ngày sau, một tín hữu khác nữa trong Hội Thánh nhỏ của họ, là ông Trương, đến gặp Mai và nói ông cũng cảm thấy Chúa gọi ông trở về Việt Nam. Ông bảo: “Nhưng chỉ sống ở Việt Nam thôi đã khó rồi. Tôi làm sao sống sót được ở đó và cũng phục vụ Chúa được?”

Mai bảo ông: “Đừng lo. Chúa sẽ lo mọi chuyện đó.”

Khi Mai chuẩn bị quay về, cô thấy Chúa mở nhiều cánh cửa khác và lo liệu những chi tiết cho chuyến đi. Lúc đó là năm 1994, cô đã ở Hong Kong khoảng gần năm năm. Khi các tín hữu nhóm lại để tiễn ba tín hữu lên đường, rất nhiều người đã khóc, cố gắng lần chót để thuyết phục họ ở lại.

Hồng đi bên Mai và nhiều người khác nữa đến cánh cổng kim loại xám xịt của trại tị nạn.

Anh lại hỏi Mai: “Làm sao em làm như vậy được? Anh đã viết thư cho ba và kể chuyện điên rồ của em. Ba không muốn em về. Ba muốn em được tự do. Em biết em sẽ gặp bao nhiêu rắc rối tại Việt Nam không? Ở đó họ không chấp nhận Cơ Đốc nhân. Cơ Đốc nhân bị bắt bớ, bị bắt, bị đánh đập. Mai ơi, em đổi ý thì cũng vẫn chưa muộn.”

Cô nói với anh: “Ý em đã quyết rồi.”

Anh tức giận bảo: “Anh không tin nổi mình đã đưa em đến đây nữa. Ai chăm sóc lo liệu cho em suốt năm năm qua? Ai bảo vệ em giữa những trận đánh nhau trong trại? Ai đã bảo đảm để lo cho em có được khẩu phần cơm trong khi những người khác muốn lấy đi? Ước gì Trung đi với anh thay vì em. Trung sẽ không sỉ nhục anh và ba như cách em làm đâu. Anh Trung biết tự trọng. Làm sao em *làm* như vậy được chứ?”

Mai buồn bã nhìn anh trai. Cô bảo: “Em làm được việc này vì Chúa kêu gọi em. Anh muốn được tự do, muốn đến một đất nước tự do. Nhưng anh không thấy còn nhiều điều khác quan trọng hơn quyền tự do chính trị hay chuyện kiếm tiền sao? Ai sẽ nói cho gia đình mình biết

về Chúa Jêsus? Ai sẽ nói cho họ biết cách để được tự do, cách để đi Thiên đàng? Chúa đã bảo em làm việc đó, và em sẽ làm. Có lẽ em sẽ không bao giờ giàu như anh, nhưng em đang làm việc Chúa bảo em làm. Anh Hồng ơi, một ngày kia, em hy vọng anh sẽ hiểu em.”

Anh cô rầu rĩ nhìn theo khi ba người bước lên một chiếc xe tải màu trắng đưa họ đến phi trường. Anh không vẫy tay chào. Nhiều Cơ Đốc nhân khác cũng ghé mắt nhìn vào cổng, nước mắt tuôn dài trên má. Mai nhìn lại khi chiếc xe chạy đi, gắng hết sức ghi nhớ từng khuôn mặt, không biết bao giờ mình mới thấy lại họ.

CÔNG VIỆC BÍ MẬT

Sau khi phi cơ đáp xuống Việt Nam, Mai phải tìm đường từ phi trường về nhà. Cô hy vọng được đón tiếp vồn vã; trái lại, cô chẳng thấy ai đón mình cả. Cha cô, người đã làm việc rất mệt nhọc để bảo đảm tương lai tốt hơn cho cô, hoàn toàn phớt lờ cô. Ông không nói cũng không công nhận sự có mặt của cô. Mẹ đã coi như có cô, được thôi. Mẹ mắng Mai gay gắt, hỏi vì sao lại chọc giận các thần linh của gia đình bằng cách không chịu thờ phượng tổ tiên.

Dẫu gặp phản ứng rất quyết liệt của gia đình, Mai vẫn cố gắng giữ thái độ tốt. Cô cầu nguyện thường xuyên và hát nhỏ những bài ca thờ phượng trong phòng mình. Qua lời làm chứng và tấm gương của mình, Mai nhanh chóng đưa được người đầu tiên tại Việt Nam trở về tin Chúa, khi chị cô bắt đầu hỏi nhiều câu về đức tin của Mai và cuối cùng tiếp nhận Đấng Christ làm Cứu Chúa. Hai chị em thường cầu nguyện chung với nhau, và Mai bắt đầu chia sẻ Kinh Thánh cho chị.

Nhưng cách đối đãi khắc nghiệt của ba mẹ vẫn tiếp tục, và Mai ngày càng bối rối và buồn phiền. Cô cầu nguyện: *Con nghĩ Ngài muốn con trở về Việt Nam đó chứ.* Đáp lại, cô cảm nhận được lời dạy của Chúa: *Hãy gom chiên của ta lại với nhau. Hãy đi đến tỉnh Van Dong.*

Mai chưa từng đến Van Dong, nhưng nghe nói ở đó cũng có những người đã gặp được Đấng Christ tại Hong Kong và quay về Việt Nam. Cô lên đường đến vùng này, liên tục cầu nguyện đang khi đi. Cô cố gắng nói càng ít càng tốt trong chuyến đi. Cô chẳng có giấy thông hành nào cả, và cô sợ nếu công an phát hiện cô là Cơ Đốc nhân, cô sẽ bị bắt.

Tại Van Dong, cô gặp những Cơ Đốc nhân khác. Họ bắt đầu nhóm lại, bí mật đi vào rừng để công an không biết những buổi nhóm của họ. Mai cảm nhận được Chúa gọi đi tìm những chiên bị lạc mất, và cô bắt đầu đi ra giảng Tin Lành nhiều hơn. Cô vẫn sống tại nhà với cha mẹ, nhưng đều đặn đi đến tỉnh này để tổ chức những buổi nhóm. Chẳng mấy chốc, một Hội Thánh nhỏ được thành lập tại Van Dong, nhưng Hội Thánh càng phát triển thì áp lực càng tăng trên tín hữu của Hội Thánh.

Ba Mai biết những chuyến đi của con vào rừng cùng với những Cơ Đốc nhân khác, nên bắt đầu bắt cô làm nhiều việc trong nhà hơn, giữ cho cô hết sức bận rộn để khỏi dự phần với Hội Thánh. Khi thấy con cái ngang bướng bám vào đạo mới, rốt cuộc ông nổi giận. Ông chịu cho cô đi đến những buổi nhóm thường kỳ tại nhà thờ, nhưng vẫn không cho con đi đến những buổi nhóm cầu nguyện hay bất kỳ buổi lễ đặc biệt nào, cũng không cho giao tiếp với các tín hữu khác. Khi Mai tiếp tục đến những buổi nhóm bị cấm và làm công việc Cơ Đốc của mình, cha tống cô ra khỏi nhà. Vài ngày sau ông cho cô về nhà, nhưng chẳng mấy chốc chu kỳ này cứ tái diễn hoài.

Công an bắt đầu theo dõi mọi cử động của Mai. Tin đồn về công việc cô làm cho Chúa lan ra, và công an bắt đầu ép cha Mai phải giúp họ thu thập bằng chứng chống cô. Họ liên tục hỏi: “Nó đi đâu? Nó gặp ai? Họ nói gì? Và vì sao ông cho con gái làm chuyện ấy?”

Vài tháng sau, áp lực càng tăng. Cuối cùng, nhà cầm quyền không thỏa mãn với chuyện đến gặp ba Mai tại nhà. Họ ra lệnh ông phải đến trình diện tại đồn công an.

“Nếu ông không kiểm soát được con gái ông,” họ bảo ông với vẻ đe dọa, “thì chúng tôi sẽ kiểm soát.”

Lo sợ cho sự an toàn của chính mình, và cho sự an toàn của Mai, ông nhiều lần bảo con phải ở nhà.

Cha cô cứ bảo: “Con không được đi. Con biết họ sẽ làm gì ba không? Và họ sẽ làm gì con biết không?”

Lúc đầu, Mai tuyên bố cô sẽ đi thăm các bạn hoặc đi làm vài món đồ thủ công. Rồi khi cô dạn dĩ hơn trong sự làm chứng, cô cũng trở nên dạn dĩ hơn với ba: “Con đang đi làm công việc Chúa,” cô chỉ nói với ba như thế.

Chính ba cũng chống lại cô, hầu như Mai không chịu nổi cảnh này nữa. Lời cầu nguyện của cô càng tha thiết hơn. Một tối nọ cô cầu nguyện: *Lạy Chúa, con sẽ làm bất cứ việc gì cho Ngài. Con sẵn sàng vào tù vì Ngài. Thậm chí con cũng sẵn sàng chết cho Ngài, nếu ý Ngài muốn vậy. Nhưng Chúa ơi, đừng để ba con bắt bớ con. Con không chịu nổi cảnh đó.*

Nhưng vẫn không hết bắt bớ. Nhiều năm sau, Mai hiểu Chúa đã dùng thời kỳ này để huấn luyện cô. Nếu cô chịu được áp lực từ người cha yêu dấu của mình, thì không còn bắt bớ nào ngăn được cô làm công việc Chúa đã kêu gọi mình.

LẠI KHƯỚC TỰ TỰ DO

Cuối cùng, Mai gặp một số nhân viên truyền giáo người Mỹ tại Việt Nam. Khi họ nhìn thấy lòng say mê và quyết tâm của cô, họ hào phóng đề nghị thu xếp cho cô đi học trường Kinh Thánh tại Hoa Kỳ. Thật là cơ hội tuyệt vời. Mai đã mất năm năm trong các trại tị nạn ở Hong Kong để chờ sang Phương Tây. Giờ đây, khi trở về Việt Nam, cô đang được mời đi đến Hoa Kỳ – mọi phí tổn đều được chu cấp hết!

Khi Mai kể cho cha mẹ nghe lời đề nghị, ba cô đáp ứng rất nhiệt tình. Ông bảo: “Đây là cơ hội tuyệt vời. ‘Những ba mẹ người Mỹ’ của con muốn thu xếp cho con sang Mỹ là nơi con có tự do và được học hành đàng hoàng. Đây là tin vui tuyệt vời! Con phải đi thôi.”

Nhưng khả tượng của Mai không thay đổi. Cô đọc lại Hêbơơ 13:12-15, là những câu Kinh Thánh Chúa đã dùng để kêu gọi cô trở về Việt Nam. Lòng sốt sắng “đi ra ngoài thành” tại quê hương cô vẫn không giảm sút.

Cô nói với ba mẹ: “Con muốn làm việc tại Việt Nam. Chúa đã gọi con làm việc với chính dân tộc của mình ở đây.”

Ba cô hỏi: “Đây không phải cách Chúa giúp con sao? Con mà không đi thì thật là điên khùng!”

Nhưng Mai đã chọn ở lại Việt Nam. Thay vì sang Hoa Kỳ, cô tham dự một khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn tại Sài Gòn. Cô không xem trọng mình được huấn luyện và được học hỏi về Tin Lành tại nơi đâu; khao khát duy nhất của cô là phục vụ Chúa và được nhìn thấy bà con của mình quay về với Ngài. Các giáo sĩ đề nghị trả giúp những chi phí

cho cô tại Sài Gòn, nhưng cô nhã nhặn từ chối. Cô biết Chúa sẽ lo liệu những chi phí của cô nếu khóa huấn luyện này là kế hoạch của Ngài.

Suốt sáu tháng, cô ở trong một ngôi nhà ở miền nam Việt Nam, chỉ ra khỏi nhà trong những chuyến truyền giáo để đến những vùng thôn quê. Giọng miền Bắc của cô sẽ bị để ý nếu cô đi ra trên đường phố Sài Gòn, và cô không dám liều để bị hỏi giấy thông hành vì cô không có giấy phép để được ở tại miền nam. Vì vậy cô ẩn mình suốt sáu tháng, đôi khi ngó ra khung cửa sổ nhìn dòng người tấp nập qua lại, muốn đi ra chỉ một chốc thôi để được hòa mình vào cuộc sống đang diễn tiến quanh cô. Nhưng cô vẫn cứ phải ở yên trong nhà.

Những ngày này sao dài ghê, khóa huấn luyện thật căng thẳng, và mọi việc phải làm trong bí mật. Mỗi ngày họ dành nhiều giờ để cầu nguyện và thờ phượng, nghiên cứu Kinh Thánh, và được huấn luyện về công tác của mục vụ.

NIỀM SAY MÊ TRUYỀN GIẢNG CHO CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

Trong giáo trình huấn luyện có thông tin về các dân tộc thiểu số của Việt Nam. Với nề nếp được dạy từ nhỏ, Mai thường nghĩ mọi dân tộc thiểu số tại Việt Nam là giống dân lạc hậu, độc ác, tuân giữ những lễ nghi của dân tộc thiểu số dưới ảnh hưởng của những thói mê tín bịp bợm. Dầu vậy, khi cô gặp những Cơ Đốc nhân đang hoạt động giữa dân tộc thiểu số, Chúa dấy lên trong lòng cô niềm đam mê muốn giúp đem họ trở về với Đấng Christ.

Việt Nam có hơn năm mươi nhóm dân tộc thiểu số, và họ bị bắt bớ nặng nề. Để làm thuần nhất nền văn hóa, chính quyền cấm in ấn bất kỳ văn phẩm nào sử dụng các ngôn ngữ của dân tộc thiểu số: Chỉ được phép ấn loát bằng Tiếng Việt. Dân tộc thiểu số bị chế giễu nhạo báng, và họ bị bắt bớ thậm chí còn trước cả lúc họ chọn bước đi theo Đấng Christ nữa.

Để đến với những dân tộc này, một nhóm ứng viên trong khóa huấn luyện mục sư được gởi đi – mười sáu người đi tám chiếc xe gắn máy – đi vào những vùng thôn quê của cao nguyên Trung bộ. Những chuyến đi hết sức gian khổ. Trong mùa khô, bụi dày đến nỗi không nhìn thấy đường phía trước tay lái hai thước. Đến mùa mưa, con đường trở nên như những mảnh gương đắm nước. Để tránh công an, nhóm này chủ

yếu đi ban đêm, và tai nạn là chuyện như cơm bữa. Có một lần, xe của Mai cán một con chó, cô và người được cô chở bị hất tung tới phía trước tay lái. Mai té sấp mặt xuống đất, và đến khi cô biết được chuyện gì xảy ra, thì máu đang tuôn xuống từ mặt, vai, đầu gối và đầu cô. Con chó vàng gãy giờ xương kia đã chết.

Những vết sẹo đã trở thành huy hiệu danh dự giữa vòng những lãnh đạo trẻ tuổi này, và trong nhóm thường đùa về “những giải thưởng” của họ. Họ sẽ sát muối vào vết thương để chống nhiễm trùng, buộc vết thương lại trong khả năng họ làm được, rồi tiếp tục chuyển đi.

“Rồi sẽ lành thôi mà,” một chị khác bảo Mai như vậy khi cô giúp rửa và băng bó vết thương sau một tai nạn. “Còn nhớ vị mục sư đã nói gì không? Nếu chưa bị sẹo, thì vẫn chưa sẵn sàng để làm con gặt của Đấng Christ tại Việt Nam. Được lắm, Mai ơi, giờ đây em ngày càng sẵn sàng hơn rồi đó!”

MỘT NGƯỜI ĐƯỢC DỰNG NÊN MỚI TRONG Đấng CHRIST

Sau sáu tháng huấn luyện, Mai trở về miền Bắc. Cô hoạt động để thành lập những Hội Thánh và huấn luyện lãnh đạo tại đó, còn ba mẹ tiếp tục tăng sức ép để bắt cô thôi công việc. Cuối cùng, quá bức tức, ba của Mai họp toàn gia đình, kể cả bà con xa.

“Chúng tôi phải giải quyết với Mai thế nào đây?” ông vừa hỏi, đôi mắt nài nỉ vừa nhìn từng khuôn mặt quanh phòng. “Nó cứ tiếp tục đi theo thói mê tín ngoại quốc này. Chúng tôi cố khuyên nó đừng theo nữa, thuyết phục nó quay lại với đường lối của gia đình mình. Nhưng nó không chịu. Chúng ta sẽ tiếp tục giải quyết kiểu gây rối của nó, hay nên đuổi nó ra khỏi họ hàng?”

Lòng Mai tan nát khi nghe ba nói và nhìn nét mặt của bà con, những người mà cô quen biết và yêu mến suốt cả đời mình. Cô đã cầu nguyện cho họ khi họ nói chuyện, cầu nguyện xin Chúa cho mình khôn ngoan trả lời những câu hỏi của gia đình.

Và rất nhiều câu hỏi.

Cô trả lời từng câu với thái độ yêu thương và kiên nhẫn cho đến khi không còn ai hỏi nữa. Không khí yên lặng nặng nề khắp phòng, và mọi người biết đã đến lúc phải quyết định. Mai bước vào đứng giữa gia đình

một lần nữa để nài nỉ lần cuối, nhìn thẳng vào mắt ba. Cô cầu nguyện vội một lần nữa xin Chúa ban cho mình những lời nói thích hợp.

Cô bắt đầu: “Ba ơi, con sẽ không chối Chúa Jêsus. Nhưng con cũng không bỏ *ba* nữa. Ba có thể chối bỏ Đức Chúa Trời của con, nhưng dù ba có chối bỏ, Ngài vẫn là Đức Chúa Trời. Ba có thể từ bỏ con nếu ba muốn, nhưng con vẫn là con gái của ba. Nếu ba không muốn nhìn mặt con nữa thì cũng được. Nhưng trong lòng ba, con vẫn là con gái của ba. Dù ba đuổi con đi và từ bỏ con, con sẽ vẫn nhận ba. Ba vẫn luôn là ba của con. Và con vẫn luôn luôn yêu thương ba.”

Khi biểu quyết, Mai vẫn được nhận ở trong gia đình – và vẫn tiếp tục phục vụ Chúa. Rồi ngay hôm đó, ba Mai kéo cô riêng ra. “Nếu con cần chỗ để ngủ,” ba vừa nói, vừa cố ghìm không lộ tình cảm ra trong giọng nói, “ở đây vẫn luôn chào đón con.”

Mai cảm ơn Chúa vì gia đình đã tiếp nhận mình, và cô tiếp tục tha thiết cầu nguyện để gia đình cũng có ngày đi theo Đấng Christ nữa.

Nhóm truyền giáo Mai đang cộng tác đã tiếp tục huấn luyện cô. Cô cứ vào ra Sài Gòn nhiều lần, được huấn luyện thêm tại trường Kinh Thánh bí mật này. Mỗi chuyến đi đồng nghĩa với chuyến đi tàu rất dài ngày, những chuyến đi xe gắn máy, và những lần đi bộ đường xa. Mai cầu nguyện trước mỗi chuyến đi, và mỗi lần cô đến gần chốt kiểm tra hay đồn công an. Cô không có giấy thông hành do chính quyền cấp và cũng không có lời giải thích hợp pháp nào cho những chuyến đi đến Sài Gòn. Những chuyến đi tàu dài ngày cho cô rất nhiều thời gian suy nghĩ và cầu nguyện, và những suy nghĩ của cô thường hướng về ba. Cô không biết làm gì hơn là cầu nguyện để ba được cứu, và cô cầu nguyện hết sức sốt sắng.

Trong một chuyến đi nọ, có tin nhắn Mai về nhà lập tức. Cô được tin nhắn: “Ba bệnh rất nặng. Ba đang ở trong bệnh viện.”

Lời chẩn đoán mang đến nỗi lo sợ và đau lòng trong mọi thứ ngôn ngữ: bệnh ung thư. Mai lập tức đến bên giường bệnh của ba, và trở thành người chăm sóc ba cả đêm ngày. Ba cần gì, cô đều lo chu cấp. Và suốt lúc đó, cô cầu nguyện cho ba và bắt đầu dụi dằm nói với ba về đức tin. Cô tận dụng những giờ dài lê thê này bằng cách đọc Kinh Thánh lớn tiếng cho người ba đang nằm liệt giường của mình nghe.

Mấy bạn cộng sự đến thăm ba Mai, và ba không thể không nhìn thấy sự quan tâm của họ. Ông ngày càng cảm thấy bất lo về đạo lạ của con gái, và ngày càng quan tâm nhiều hơn đến chính linh hồn mình. Khi vị mục sư đã giúp huấn luyện Mai đến thăm, ông mục sư ở trong phòng rất lâu, nói chuyện với ba của Mai đang khi các tín hữu khác nhóm lại ở ngoài phòng, cầu nguyện cho cuộc nói chuyện của họ. Khi mục sư ra khỏi phòng, ba Mai đã trở thành một người được dựng nên mới trong Đấng Christ. Ông lập tức gọi con gái mình đến, là Cơ Đốc nhân thật đầu tiên mà ông từng biết.

Hai người ôm nhau trong nước mắt khi ông kể cho cô biết mình đã quyết định đi theo Đấng Christ trọn lúc còn sống trên đất này. Ba bảo cô: “Giờ đây ba có thể thấy chính quyền đang bắt bớ Hội Thánh. Ngày trước, ba không thấy được. Thậm chí ba còn để họ lợi dụng mình mà bắt bớ con gái ba.” Giọng nói ba không tránh khỏi vẻ nuối tiếc. Mai ôm chặt ba, nói với ba rằng sự bắt bớ của ba là một phần trong kế hoạch của Chúa, là cách để thử nghiệm và làm vững mạnh đức tin của cô.

RẤT LIỀU ĐỂ CHĂM SÓC CHIÊN BỊ TẢN LẠC

Sau khi ba qua đời, Mai thương khóc cái chết của ba nhưng rất vui mừng vì sẽ gặp lại ba trên Thiên đàng. Rồi cô quay lại công tác của mình với sức mạnh tươi mới. Năm 1996, nhóm truyền giáo mà cô cộng tác tổ chức khóa huấn luyện ba ngày cho những lãnh đạo Cơ Đốc. Đang khi Mai cầu nguyện để chuẩn bị cho buổi nhóm, Chúa phán với cô qua giấc chiêm bao, cũng giống như lần Ngài gọi cô trở về Việt Nam.

Trong giấc mơ, Mai đứng giữa một cánh rừng dày đặc.

Cô hỏi: “Tôi đang ở đâu đây?”

“Đây là vùng của người sắc tộc. Ta có nhiều việc cho con làm ở đây.”

Cô hỏi lại: “Khi nào con sẽ đi? Và không ai đi với con để làm việc này sao?”

Chúa trả lời cô với một lời hứa: “Ta sẽ sai đến một người đàn ông, một chiến binh, để cùng đi với con.”

Rất nhiều khuôn mặt thoảng qua trong trí của cô, cuộc diễu hành của những người mặc những bộ đồ rực rỡ màu sắc. Mỗi người đại diện cho một chi phái khác nhau mà Mai sắp chăm sóc.

Sau giấc mơ và khóa huấn luyện đặc biệt tiếp sau đó, Mai bắt đầu hoạt động đều đặn với nhiều nhóm dân tộc khác nhau. Cô cưỡi xe máy đi khắp Việt Nam, giảng đạo và đem sứ điệp cứu rỗi đến mà không được phép của pháp luật. Tại nhiều vùng, công an lập nhiều chốt kiểm tra. Một thanh tre đơn sơ tạo thành cánh cổng trên đường đi, nơi đó công an sẽ chặn khách qua lại để hỏi giấy tờ. Nếu mọi thứ không ổn, họ bắt người ấy, hoặc ít nhất cũng bắt phải hối lộ trước khi cho đi tiếp.

Không có giấy thông hành, lại mang theo Kinh Thánh cách bất hợp pháp, Mai đi vòng tránh các chốt này, lạng lẽ tránh đường chính và kín đáo đi băng rừng già khi cần để tránh những chốt kiểm tra. Cô biết chính quyền đã biết những hoạt động của mình và tên cô nằm trên danh sách truy nã. Những nguy cơ rủi ro là rất lớn: ai lén tránh các chốt kiểm tra khi phát hiện có thể bị bắn ngay. Thỉnh thoảng Mai bị bắt và bị giữ lại qua đêm. Thỉnh thoảng họ tịch thu số Kinh Thánh cô mang theo. Nhiều lần khác, Chúa đã dùng phép lạ giấu Kinh Thánh khỏi mắt họ. Mai thậm chí hơn hở mỗi lần họ giao lại chiếc giỏ vẫn còn nguyên gói hàng quý báu trong đó.

Nhà truyền giảng trẻ tuổi này chứng kiến một Hội Thánh phát triển nhanh chóng giữa các dân tộc thiểu số, và cô được phước bởi lòng can đảm của họ khi đối diện với bắt bớ kinh khiếp. Cô nghĩ: *Các dân tộc thiểu số giống như chiên lạc. Không ai bình vực họ ngoài chính Chúa mà thôi.*

Mai lắng nghe câu chuyện của những người dân tộc thiểu số kể về cuộc bắt bớ và cố gắng khích lệ họ. Một cụ già bị treo lơ lửng giữa trời và bị đánh cho đến khi dây bị đứt. Ông rơi xuống đất trong vũng máu. Công an bắt những Cơ Đốc nhân người H' Mong phải đi từ miền này đến miền khác, cố tìm cách tách rời họ khỏi chính dân tộc của họ. Cơ Đốc nhân cố gắng tránh công an thì đôi khi phải bỏ hết mọi sự mình có lại đằng sau để chạy trốn vào rừng.

Tại một làng nọ, Mai và các Cơ Đốc nhân khác được mời đến nhà một người dân tộc thiểu số đang bị nhiễm trùng kinh khiếp, và khi vào lều, cô phải ráng nén cơn nôn mửa, mùi kinh khiếp thật. Gia đình này hỏi cô có phải là bác sĩ mang theo thuốc không. Mai bảo họ: “Chúng tôi không phải bác sĩ, và cũng không có thuốc. Nhưng chúng tôi có Vị Bác Sĩ tài giỏi nhất trên thế giới, Đấng có thể chữa lành cho nhà ta.”

Họ cầu nguyện chữa bệnh cho người đàn ông đang bệnh. Một tháng sau, khi cô quay lại làng này, ông đã hầu như được chữa lành. Tháng sau nữa, ông khỏe hoàn toàn. Ông háo hức nói chuyện với Mai. Ông bảo: “Tôi muốn cô đi với tôi. Tôi sẽ đưa cô đến với dân của tôi. Nhưng xa đây lắm, sâu trong rừng lặn. Sẽ không dễ đi đâu, và cũng chẳng nhanh đâu. Cô phải đi với tôi trong ba mươi ngày.”

Mai cầu nguyện với Chúa về lời đề nghị của ông này và cảm thấy Chúa chấp thuận. Cô đồng ý đi với ông đến làng của ông nơi góc xa nhất của Bắc Việt Nam. Dân làng ở đó rất nghèo và mỗi người chỉ có một bộ đồ, và họ mặc suốt cả năm. Một số nhân sự Cơ Đốc hết sức đau lòng trước những điều kiện sống sơ khai như thế và mùi hôi thối của các ngôi làng. Nhiều người không được phép vào vì cơ nền văn hóa của bộ lạc, vốn không tin những người ngoài, thế nhưng nhờ người đàn ông đã lớn lên trong chính ngôi làng đó giới thiệu, nên dân làng tiếp đón Mai. Chẳng mấy chốc, một Hội Thánh mới được thiết lập và bắt đầu tăng trưởng. Ông liên tục cảm ơn Mai đã đem Chúa Jêsus đến cho làng của ông.

Về sau cô giải thích: “Khi họ thấy Đấng Christ trong chúng ta, họ sẽ dễ dàng tiếp nhận Chúa.”

Mai cảm nhận được tình yêu đặc biệt dành cho bộ lạc H' Mong, và cô bắt đầu lên kế hoạch thêm nhiều chuyến truyền giáo dài cả tháng giữa vòng họ. Những chuyến đi này rất dễ làm nản lòng, bắt đầu từ chuyến đi xe lửa dài suốt đêm rồi tiếp đó trọn một ngày trên xe hơi chật ních người, bốc mùi thật khó chịu. Rồi hôm sau thêm nửa ngày đi xe, và cả ngày còn lại đi bộ. Đường trên núi rất dốc, và trong mùa mưa những lối đi ấy rất nguy hiểm. Chỉ cần sai một bước, thì Mai có thể thấy mình rơi xuống sông tuốt dưới sâu kia. Nhiều lúc, cô buộc phải bò lên núi trên đôi tay và đầu gối, ráng hết sức bám tay và từng ngón chân vào để leo lên.

Công an bỏ cuộc, không còn cố ngăn những buổi nhóm của Cơ Đốc nhân tại những làng xa xôi này; đường đi quá hiểm trở. Tại một làng họ mà họ *đến được*, họ đánh đập tàn bạo năm mươi gia đình Cơ Đốc nhân rồi bắt phải dời đến một vùng khác.

Khi Mai chia sẻ Tin Lành cho người H' Mong, cô liên tiếp thấy quyền năng biến đổi của Lời Đức Chúa Trời. Rất nhiều người nghiệm

rượu trước khi tiếp nhận Đấng Christ, còn nhiều người khác cử hành các nghi lễ phù thủy kỳ lạ gồm có cả uống máu súc vật. Dầu vậy, sau khi tiếp nhận Đấng Christ, họ bỏ các lễ nghi đó và sẵn sàng chịu bắt bớ vì niềm tin. Họ đã tin Đấng Christ sắp trở lại, và họ muốn chờ sẵn sàng.

Mai cảm nhận được lòng khao khát của họ, và cô bắt đầu huấn luyện các Cơ Đốc nhân người H' Mong để làm những lãnh đạo. Nhiều người chịu đi bộ suốt hai ngày đến địa điểm huấn luyện. Tại một vài làng không có quyển Kinh Thánh nào; ở những làng khác, Cơ Đốc nhân cảm thấy được phước lớn lao khi dùng chung một quyển Kinh Thánh giữa vòng bốn mươi đến năm mươi gia đình. Một số gia đình bán mọi thứ họ có để đến Hà Nội tìm một quyển Kinh Thánh. Nhưng ngay cả tại đó, họ cũng không tìm được Kinh Thánh tiếng H'Mông. Cứ mỗi lần đi, Mai mang thêm Kinh Thánh H'Mông được in bởi những mối liên lạc truyền giáo của cô. Cô sướng rơn mỗi lần nhìn thấy những giọt nước mắt vui mừng biết ơn trong mắt những Cơ Đốc nhân người H'Mông khi họ cầm Lời Chúa trong tay lần đầu tiên trong đời.

Những chuyến đi dài ngày vắt kiệt sức của Mai. Cô vẫn cứ bị say sóng, y như khi đi thuyền đến Hong Kong. Đôi khi đang lúc cưỡng lại cơn buồn nôn, cô tự hỏi vì sao Chúa kêu gọi cô vào chức vụ phải đi đây đó rất nhiều nhưng không chữa lành chứng bệnh khốn khổ này, cho cô. Cô cố gắng ngồi gần phòng tắm trên tàu lửa, vì biết mình sẽ nôn. Biết bao nhiêu giờ ráng giữ cân bằng cho những bao Kinh Thánh trên xe gắn máy đang khi chạy xe qua những con đường bùn lầy. Và cô đi bộ rất nhiều dặm, luôn mang theo Kinh Thánh. Cô thêu tên những mối liên lạc Cơ Đốc của mình vào gấu áo quần để lỡ bị bắt thì công an không tìm ra.

MỘT KIỂU TỰ DO KHÁC

Phần lớn những chuyến đi của cô không gặp rắc rối gì, nhưng Mai không lạ gì công an. Cô bị bắt mười lần và thường phải ở mấy tiếng đồng hồ đến mười lăm ngày trong nhà giam của công an. Mỗi lần, số Kinh Thánh cô mang theo đều bị tịch thu, khiến càng nhiều Cơ Đốc nhân hơn nữa không có Lời Chúa. Cô thường nghĩ lại điều anh mình đã nói khi cô ra khỏi trại tị nạn ở Hong Kong. Dầu anh không biết những

lời anh nói sẽ trở thành sự thật đến mức nào, nhưng cô thật sự đối diện biết bao nhiêu rắc rối khi quay lại Việt Nam.

Công an bảo cô: “Cô đang giảng đạo trái luật pháp! Hiến pháp Việt Nam hứa có tự do tín ngưỡng, nhưng chỉ trong những địa điểm thờ phượng được nhà nước chấp thuận và vào những thời điểm do nhà nước chấp thuận.” Một lần nọ, công an đưa cho cô một tờ kiểm điểm, bảo cô phải ký, trong đó nói cô thật sự đang giảng đạo trái pháp luật.

“Bản báo cáo này vô hiệu,” Mai viết ngang cuối trang giấy như vậy, không nói lấy một lời.

Viên công an chỉ huy tiến tới phía trước, nghĩ mình đã khuất phục được Cơ Đốc nhân này và cô ta đã ký tên rồi. Khi đọc dòng chữ, ông xé vụn tờ đơn, ông gào vào mặt Mai: “Cô nghĩ bọn này là đồ ngu à?”

Sau một lần bị bắt khác nữa, công an cố ép cô phải ký tờ tự khai đang in trái phép Kinh Thánh và các văn phẩm “ngoài vòng pháp luật.”

Mai bảo họ: “Đức Chúa Trời trao quyền hạn này cho tôi. Các ông không thể cho. Tại Việt Nam, chúng tôi có quyền tự do tín ngưỡng, vì vậy tôi có thể tin điều mình tin, bất kể là đạo nào. Khi tôi bước đi theo đúng Kinh Thánh của mình, đó là niềm tin của tôi. Khi tôi nói với những người này [những lãnh đạo Cơ Đốc trong các khóa huấn luyện], họ cũng là tín hữu rồi, vì vậy đây không phải là giảng đạo. Chỉ đơn giản là chúng tôi chia sẻ đức tin của mình cho nhau mà thôi.”

Công an bảo cô: “Có tự do, nhưng tại Việt Nam, chúng tôi giữ tự do trong rương. Chúng tôi quyết định ai được tự do và ai không được.”

Công an bảo Mai phải viết bản tường trình công việc của cô rồi ký lời cam kết không giảng đạo nữa. Mai đồng ý viết tường trình, và cô bắt đầu viết lời làm chứng của mình. Cô viết rằng mình đã lớn lên trong cảnh thờ lạy ông bà tổ tiên, cô đã gặp Đức Chúa Trời thể nào tại trại tị nạn Hong Kong, và đã quay về Việt Nam thể nào, Ngài đã thay đổi đời sống cô ra sao. Cô viết toàn bộ lời làm chứng của mình.

Đến lúc phải viết lời cam đoan không giảng đạo nữa, cô viết một thông điệp khác thay vào đó: “Kinh Thánh là Quyển Sách mà chính quyền cho phép in (với số lượng hạn chế) và cho phép phân phát. Trong Kinh Thánh bảo chúng tôi phải thờ phượng Đức Chúa Trời, chúng tôi phải đọc tại nhà, chúng tôi phải chia sẻ Tin Lành. Chúng tôi làm bất cứ điều gì Kinh Thánh bảo.”

Viên công an này đọc “lời thú tội” của cô rồi kỳ lạ thay, ông quyết định thả cô ra.

Mỗi lần Mai đi đây đó để hầu việc Chúa, cô dành rất nhiều giờ cầu nguyện chuẩn bị cho chuyến đi. Một sáng sớm nọ, khi đang cầu nguyện cho chuyến đi sắp đến, cô cảm thấy sắp có nhiều rắc rối. Cô nói với bạn đồng công về những cảm giác của mình. Nhưng bảo đảm với họ rằng cô đang đi theo ý muốn Chúa cho dù mình phải vào tù hay ở ngoài tù. Người bạn sẽ cùng đi trong chuyến đó với cô đã khóc khi Mai tả cảm giác của mình. Mai khích lệ chị: “Chúa biết về điều này. Ngài cho phép điều này xảy đến để chị có thể đi với em lần này và chúng ta sẽ khích lệ nhau. Đừng lo. Em là người tổ chức buổi nhóm. Chị không phải trả lời bất cứ điều gì. Em sẽ chịu trách nhiệm.”

Họ lên xe đi, hai phụ nữ và một nam giáo sĩ, cả anh tài xế nữa. Đúng như Chúa đã cho Mai thấy, đoàn gặp rắc rối. Công an bắt giữ họ; tại đồn, công an bắt hai người nam vào một phòng, rồi hai người nữ vào phòng khác. Ở cuối phòng nữ là một phòng vệ sinh dơ dáy, chỉ có cái lỗ ở trên mặt đất thôi; hàng đàn ruồi bu đầy khắp phòng. Toàn bộ số Kinh Thánh và những văn phẩm Cơ Đốc đều bị tịch thu.

Cuối tuần, Mai bị đưa đến lán Mười Bốn, là một trại giam. Khi vào xà lim, cô thấy rất nhiều phụ nữ Trung Hoa đã ở đó rồi. Họ đã trốn khỏi Trung Hoa và đang cố tìm đường đến Malaysia thì bị công an Việt Nam bắt. Những chị này muốn tập nói tiếng Anh, nên Mai trò chuyện với họ bằng vốn tiếng Anh ít ỏi mà cô biết. Đến giờ ăn, nhóm người này ăn chung một nồi cơm, mỗi người lấy muỗng múc thẳng trong nồi. Mai và cô bạn tín đồ của cô dành phần lớn thì giờ trong xà lim để cầu nguyện, thậm chí cầu nguyện cho những người đang bị tù chung với họ nữa.

Mỗi sáng vào lúc tám giờ, một cai ngục kêu Mai đi hỏi cung. Cô bị hỏi cung suốt ba tiếng đồng hồ. Cô được gọi “tù chính trị,” và cuộc hỏi cung rất căng thẳng.

Một sĩ quan hỏi: “Vì sao cô ghét chính quyền?”

“Tôi không ghét chính quyền của chúng ta,” Mai trả lời, luôn luôn cố giữ bình tĩnh và giữ cho giọng nói của mình bình tĩnh không đổi. “Tôi là môn đồ của Chúa Jêsus, và Ngài bảo chúng tôi phải tôn trọng những nhà cầm quyền. Tôi cầu nguyện cho họ.”

“Cô cầu nguyện cho họ hả?” viên sĩ quan vừa nói vừa cười giễu. “Thế những Kinh Thánh này ra từ đâu? Cô đang gặp những điệp viên ngoại quốc, đúng không? Nói thật đi!”

Cô trả lời: “Tôi nhận Kinh Thánh tại Hà Nội và tại thành phố Hồ Chí Minh [Sài Gòn]. Và tôi không biết điệp viên ngoại quốc nào cả.”

“Cô không những *biết* họ,” viên sĩ quan cao giọng, “mà còn *làm việc cho* họ nữa! Cô làm việc cho người ngoại quốc để chống lại tổ quốc mình!”

Mai quả quyết: “Tôi yêu tổ quốc. Vì cơ đó mà tôi quay về Việt Nam, bởi vì tôi yêu dân chúng ở đây.”

“Cô phải trả lời với ai? Ai là những Cơ Đốc nhân đang cộng tác với cô, ai là những lãnh đạo?”

Mai không chịu nói tên các tín hữu khác. Cô trả lời: “Nếu ông muốn biết về họ, ông nên đi hỏi họ.” Cô thầm cảm ơn Chúa vì họ không phát hiện được những cái tên đã được thêu vào gấu áo quần cô.

Những cuộc hỏi cung cứ tiếp như thế cho đến khi Mai được trả về xà lim để tạm nghỉ. Buổi chiều, cô lại trở về phòng hỏi cung để bị chất vấn suốt ba tiếng đồng hồ. Kiểu này cứ tiếp tục suốt mười ngày, mỗi ngày sẽ có một viên công an mới sẽ đến hỏi cung. Có người cố dùng những chiến thuật rất khắc nghiệt, quát tháo cô và đập bàn. Người thì nói rất nhỏ nhẹ, bảo với cô rằng họ biết hết mọi buổi nhóm của Cơ Đốc nhân rồi, vì vậy cô chỉ nên nói sự thật thôi.

Đến ngày thứ mười, họ bảo cô thu gom đồ đạc để đến xà lim mới. Thay vào đó, họ lại đưa cô vào phòng để cô sẽ ký vào giấy phóng thích. Cô nhớ lần trước mình đã ký những giấy tờ để ra đi. Dường như đã rất lâu kể từ khi cô rời Hong Kong. Khi những lính gác chụp hình cô để làm giấy tờ phóng thích, cô mỉm cười thật tươi. Cô đâu có phạm tội gì, và thời gian trong tù chỉ càng khẳng định đức thành tín của Chúa đối với cô và chức vụ đi đến với những người “ở ngoài cổng thành.”

Tôi được tự do, cô tự nhủ khi ra khỏi nhà tù, thật sự tự do. Cô nghĩ đến ba và rất nhiều lần ba nói về việc đi đến Phương Tây và được tự do. Nhưng mình tìm được loại tự do khác. Không phải thứ tự do mà ba đã nghĩ mình phải tìm, nhưng sự tự do còn vĩ đại hơn nhiều!

ĐOẠN KẾT

Dẫu có chức vụ rất phát triển, Mai vẫn mong có bạn đồng hành. Cô nhắc Chúa rằng Ngài đã hứa cho cô một chiến binh sẽ đi bên cạnh cô trong những chiến trận của cuộc đời. Các tín hữu khác đã cầu nguyện với cô để Chúa sẽ bày tỏ “chiến binh” này cho cô – và Ngài đã bày tỏ.

Nam là một bạn đồng công phục vụ Đấng Christ và là một cựu công an Cộng Sản. Chúa đã cảm động lòng anh yêu Mai, nhưng anh không nói cho Mai biết suốt nhiều tháng trường. Thay vào đó, anh chỉ cầu nguyện để Chúa bày tỏ những cảm tình của anh cho Mai khi đến đúng thời điểm. Và chẳng bao lâu Chúa đã bày tỏ hiển nhiên cho Mai và những lãnh đạo trong Hội Thánh thấy hai người này đã được Chúa định cho nhau. Họ kết hôn và tiếp tục chức vụ, đi chung với nhau vào những vùng thôn quê để giảng đạo và huấn luyện các lãnh đạo Cơ Đốc.

Ba của Nam là thành viên cao cấp của chính quyền Cộng Sản, và khó khăn nói, ông rất bức bối với cách chọn vợ của con trai. Lúc đầu, ông không chịu trò chuyện với Mai, thậm chí không chịu có mặt chung một phòng với cô. Khi Mai và chồng mời những Cơ Đốc nhân đến nhà nhóm, ba chồng của cô sẽ đứng trước nhà và rượt đuổi mọi người khách nào đến nhà. Rốt cuộc Nam và Mai phải xây một vách tường quanh nhà để ba không thể nhìn thấy khi nào họ đang nhóm với các tín hữu khác.

Mai bị sẩy thai đưa con đầu tiên trong một chuyến đi hầu việc Chúa trong rừng sâu. Các bác sĩ báo trước sau vụ đó cô sẽ không bao giờ sinh con được mẹ tròn con vuông, nhưng cặp vợ chồng mới cưới đầy cương quyết này đã nài xin Chúa ban cho họ một gia đình. Mai thọ thai nữa, nhưng thời kỳ mang thai rất khó khăn. Các bác sĩ khuyên cô bỏ thai nhi, nhưng Mai không chịu. Đến lúc sinh con, Mai trở dạ đau ghê gớm nhưng chẳng tiến triển gì. Bác sĩ bảo Nam phải chọn muốn vợ sống hay con sống; họ không nghĩ cả hai đều sống được. Hai vợ chồng cầu nguyện, xin Chúa cứu mạng đứa trẻ.

Chúa đã cứu mạng cả hai. Mai sinh một bé gái khỏe mạnh và chẳng bao lâu cô bình phục.

Khi sinh con, chức vụ Mai đã thay đổi tiêu điểm vì giờ đây cô ít có thể đi vào những vùng xa xôi của Việt Nam. Thay vào đó, cô đang tích cực cộng tác với các Hội Thánh địa phương gần nhà và huấn luyện

những lãnh đạo Cơ Đốc ở vùng thôn quê, và những người đi vào thành phố để được đào tạo làm môn đồ. Mai tiếp tục công tác tại vùng thôn quê của vợ chồng mình, đi vào những ngôi làng trong rừng sâu mỗi tháng ít nhất một lần.

Chúa đã đặt trong Mai lòng khao khát tìm đến với những trẻ mồ côi và trẻ vô gia cư. Cô đang lập nền cho công tác này và hình dung một ngày kia cô con gái sẽ cộng tác bên cạnh cô để nói cho những đứa trẻ “bên ngoài thành” này biết về Đức Chúa Trời là Đấng yêu thương thế gian, Đấng đã đuổi ma quỷ đi, và là Đức Chúa Trời duy nhất... Đấng có thể giải phóng chúng ta tự do.

Chùa Thích

ADEL: Ở GIỮA KINH HOÀNG... HY VỌNG

¹ Philip 4:13.

² *Jihad* là tiếng Ả-rập chỉ về “cuộc thánh chiến”

³ “Thượng Đế Vĩ Đại! Thượng Đế Vĩ Đại”

PURNIMA: MỘT THIẾU NHI BỊ TÙ, MỘT LINH HỒN ĐƯỢC TỰ DO

¹ Mathiơ 10:28.

² Xem Mathiơ 5:10.

AIDA: TIẾNG NÓI CHO NGƯỜI KHÔNG LÊN TIẾNG ĐƯỢC

¹ Những tạp chí Cơ Đốc bất hợp pháp này được các Hội Thánh Báp-tít thăm lạng tại Liên Xô xuất bản. Người cộng sản chỉ cho phép xuất bản một tạp chí Cơ Đốc “được chấp thuận – duy nhất; tạp chí này có những bài viết đồng tình với chính quyền Sô Viết. Các Cơ Đốc nhân thăm lạng muốn kể câu chuyện thực về Hội Thánh thì đã liều chịu nguy cơ bị cầm tù để in và phân phát các ấn phẩm của chính họ.

² Xem Philip 3:10.

³ Để biết thêm thông tin về Aida và phiên tòa xử cô, xem Micheal Bourdeaux, *The Evidence Convicted Aida Skripnikova* (England: Centre for the Study of Religion and Communism, 1972); (Ấn bản tại Mỹ: Elgin, Ill.: David C. Cook Publishing Company, 1973).

SABINA: NHÂN CHỨNG VỀ TÌNH YÊU CỦA ĐẢNG CHRIST

¹ “Mục sư nổi tiếng này! Mục sư nổi tiếng này!”

² Sáng Thế Ký 19:17.

³ Mathiơ 16:25.

LING: TRONG TRƯỜNG CHỊU KHỔ

¹ Luca 10:2- 3.

² Xem Mathiơ 25:1- 13.

GLADYS: DÂY CỨU SINH CỦA SỰ THA THỨ

¹ Thithiên 37:4.

² Xem Luca 23:34 và Rôma 8:28.

³ Xem Hêbơơ 13:5.

⁴ Rôma 12:14- 18.

⁵ Rôma 8:28.